TỰ HỌC ĐÀN GUITAR THEO PHƯƠNG PHÁP

F. CARULLI

http://www.GuitarLeVinhQuang.com

TỰ HỌC ĐÀN GUITARE
THEO PHƯƠNG PHÁP

F. CARULLI

FERDINANDO CARULLI
9.1770 - 2.1841

---

*Nội dung Ebook được biên tập theo sách "***Tự học guitar theo phương pháp F. CARULLI"** *của tác giả* **NGUYỄN HẠNH,** *do nhà xuất bản* **PHƯƠNG ĐÔNG** *ấn hành.*

Ebook này nhằm hỗ trợ các học viên của trang web http://www.guitarlevinhquang.com trong việc học guitar.

F. CARULLI

MÉTHOD DE GUITARE

(PHƯƠNG PHÁP ĐÀN GUITARE)

TÀI LIỆU DÙNG ĐỂ TỰ HỌC VỚI:

- Phần hướng dẫn đọc nốt và đánh nốt trên phím đàn, hướng dẫn tư thế đàn và thao tác ngón.
- 44 bài tập với phương pháp sư phạm tuyệt vời của tác giả F. CARULLI.
- 6 bài tập để tập các ngón đàn được điêu luyện của tác giả F. CARULLI.

Tôi rất mong quyển sách PHƯƠNG PHÁP ĐÀN GUITARE này sẽ giúp nhiều cho bạn đọc trong việc tự học đàn Guitare.

NGUYỄN HẠNH

CÁC DẤU CĂN BẢN CỦA ÂM NHẠC

Các âm hiệu cho biết có 7 giá trị của nốt là:

TRÒN _____ 𝅝 bằng một nhịp có 4 phách (nốt đen)

TRẮNG____ 𝅗𝅥 bằng phân nửa dấu TRÒN

ĐEN_____ ♩ bằng phân nửa dấu TRẮNG

MÓC _____ ♪ bằng phân nửa dấu ĐEN

MÓC ĐÔI___ 𝅘𝅥𝅮 bằng phân nửa dấu MÓC

MÓC BA ___ 𝅘𝅥𝅯 bằng phân nửa dấu MÓC ĐÔI

MÓC BỐN__ 𝅘𝅥𝅰 bằng phân nửa dấu MÓC BA

Cũng có 7 dấu hiệu để nghỉ hay dấu lặng được biết là:

Dấu lặng tròn _____𝄻 nghỉ lâu bằng giá trị một dấu tròn.

Dấu lặng trắng _____ 𝄼 nghỉ lâu bằng giá trị một dấu trắng.

Dấu lặng đen _____ 𝄽 nghỉ lâu bằng giá trị một dấu đen.

Dấu lặng móc _____ 𝄾 nghỉ lâu bằng giá trị một dấu móc.

Dấu lặng móc đôi ___ 𝄿 nghỉ lâu bằng giá trị một dấu móc đôi.

Dấu lặng móc ba ____ 𝅀 nghỉ lâu bằng giá trị một dấu móc ba.

Dấu lặng móc bốn ___ 𝅁 nghỉ lâu bằng giá trị một dấu móc bốn.

Cũng còn có ô đứng nghỉ 2 dấu lặng tròn và ô đứng nghỉ 4 dấu lặng tròn.

Dấu chấm đặt sau nốt nào thì nó có nửa giá trị của nốt đó; chẳng hạn hạn như dấu tròn chấm. bằng ba dấu trắng; dấu trắng chấm bằng ba dấu đen; dấu đen chấm bằng ba dấu móc; và các dấu chấm khác cũng tương tự.

Có những nhóm ba và sáu nốt, biểu thị bởi 3 và 6, người ta gọi là liên ba và liên sáu. Liên ba có giá trị bằng 2 nốt và liên sáu có giá trị bằng 4 nốt.

Nốt nhạc có 7 tên là: ***DO*** (ngày xưa nốt ***DO*** gọi là UT), ***RE, MI, FA, SOL, LA, SI.*** Những nốt này không cùng cao độ, từ ***DO*** đến ***RE*** là một cung, ***RE*** đến ***MI*** là một cung, ***MI*** đến ***FA*** là nửa cung, ***FA*** đến ***SOL*** là một cung, ***SOL*** đến ***LA*** là một cung, ***LA*** đến ***SI*** là một cung, ***SI*** đến ***DO*** là nửa cung.

Có 3 loại khoá: khoá SOL 𝄞, khoá DO 𝄡 và khoá FA 𝄢.

Người ta đặt khoá nhạc trên các dòng kẻ nhạc khác nhau để xác định tên của nốt trên các dòng kẻ nhạc tương ứng.

Đàn Guitare đánh ở khoá SOL trên dòng kẻ thứ hai.

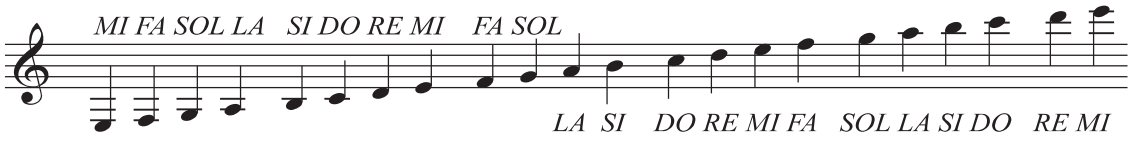

Có 3 dấu hoá: dấu thăng ♯, dấu giáng ♭ ; dấu hoàn ♮ .

Dấu thăng nâng nốt nhạc lên nửa cung. Dấu giáng hạ nốt nhạc xuống nửa cung; dấu hoàn đem nốt nhạc trở về trạng thái tự nhiên trước khi thăng hoặc giáng.

Khi các dấu hoá này đặt ở sau khoá nhạc, các nốt trên dòng hoặc khe nhạc có dấu hoá đều biến đổi, người ta gọi đó là dấu hoá tự nhiên; ngoài ra, còn có dấu hoá bất thường trước nốt nhạc, nó có giá trị biến đổi từ nốt đó cho đến hết ô nhịp.

Dấu thăng kép × nâng nốt nhạc lên nửa cung của nốt nhạc có dấu thăng, và dấu giáng kép 𝄫 để giảm nốt nhạc có dấu giáng xuống nửa cung.

Chúng ta có thể đặt đến 7 dấu thăng hoặc 7 dấu giáng ở đầu khoá nhạc.

Dấu thăng đầu tiên trên Fa, dấu thứ hai trên nốt Do, dấu thứ ba trên nốt Sol, dấu thứ tư trên nốt Re, dấu thứ năm trên nốt La, dấu thứ sáu trên nốt Mi, dấu thứ bảy trên nốt Si.

Dấu giáng đầu tiên đặt trên nốt Si, dấu thứ hai trên nốt Mi, dấu thứ ba trên nốt La, dấu thứ tư trên nốt Re, dấu thứ năm trên nốt Sol, dấu thứ sáu trên nốt Do, dấu thứ bảy trên nốt Fa.

Người ta gọi Cung, là dây cơ bản, dựa vào đó người ta thiết lập một bài hát, và tính chất của cung người ta gọi là Thức.

Có hai dạng Thức: trưởng và thứ.

Cung cơ bản là dạng trưởng, cung tương quan với nó ở quãng 3 xuống là dạng thứ, và cả hai chịu chung ảnh hưởng của dấu hoá ở đầu khoá nhạc.

Người ta nhận biết cung qua các dấu hoá ở đầu khoá nhạc. Nếu không có dấu gì ở đầu khoá nhạc, thì đó là cung Do trưởng hoặc cung La thứ. Nếu khi có một dấu thăng ở đầu khoá thì đó là cung Sol trưởng hoặc Mi thứ.

Hai dấu thăng là cung Re trưởng hoặc Si thứ; ba dấu thăng là cung La trưởng hoặc Fa♯ thứ; bốn dấu thăng là cung Mi trưởng hoặc Do♯ thứ; năm dấu thăng là cung Si trưởng hoặc Sol♯ thứ; sáu dấu thăng là cung Fa♯ trưởng hoặc Rẹ thứ; bảy dấu thăng là cung Do♯ trưởng hoặc La♯ thứ.

Khi có một dấu giáng ở đầu khoá, người ta gọi đó là cung Fa trưởng hoặc cung Re thứ; hai dấu giáng, là cung Si trưởng hoặc cung Sol thứ; ba dấu giáng, là cung Mi♭ trưởng hoặc cung Do thứ; bốn dấu giáng, là cung La♭ trưởng hoặc cung Fa thứ; năm dấu giáng, là cung Re♭ trưởng hoặc cung Si♭ thứ; sáu dấu giáng, là cung Sol♭ trưởng hoặc cung Mi♭ thứ; bảy dấu giáng, là cung Do♭ trưởng hoặc cung La♭ thứ.

Để biết được bài nhạc ở dạng trưởng hay dạng thứ, chúng ta nhìn vào âm bậc thứ 7 của âm giai xem là dấu thăng ♯ hay dấu hoàn ♮ .Ví dụ: trong âm giai La, âm bậc thứ 7 là nốt Sol.

Nếu âm bậc thứ 7 có biến đổi thì đó là cung thứ, nếu không biến đổi, đó là cung trưởng.

Người ta gọi ô nhịp là sự phân chia các thì (phách). Ô nhịp được giới hạn trong 2 đường vạch nhịp.

Có loại ô nhịp 4 thì 𝄴, có loại ô nhịp 3 thì ¾ , và loại ô nhịp 2 thì 𝄵.

Trong ô nhịp của nhịp 4 thì, mỗi thì có giá trị bằng một nốt đen. Cả ô nhịp có giá trị bằng 4 nốt đen, hoặc một nốt tròn, hoặc hai nốt trắng, hoặc tám nốt móc…

Trong ô nhịp 3 thì, mỗi thì có giá trị bằng một nốt đen; và ô nhịp 2 thì, mỗi thì có giá trị bằng một nốt trắng.

Có hai loại nhịp đơn, đó là: nhịp 2/4 là nhịp có 2 thì, mỗi thì có giá trị bằng nốt đen; nhịp 3/8 là nhịp 3 thì, mỗi thì có giá trị bằng một nốt móc.

Có 3 nhịp kép, đó là: nhịp 12/8, gốc là nhịp 4 thì, và mỗi thì có giá trị bằng một nốt đen chấm, hoặc ô nhịp có giá trị bằng 4 nốt đen chấm.

Nhịp 9/8, gốc là nhịp 3 thì, và mỗi thì có giá trị bằng một nốt đen chấm.

Nhịp 6/8, gốc là nhịp 2 thì, và mỗi thì có giá trị bằng một nốt đen chấm.

Khi chúng ta đánh nhịp bằng tay hoặc bằng chân cần biết:

Với nhịp 4 thì, người ta đánh nhịp đầu xuống đất, nhịp thứ hai qua phải, nhịp thứ 3 qua trái, và nhịp thứ 4 lên trên.

Với nhịp 3 thì, người ta đánh nhịp đầu xuống đất, nhịp thứ hai qua phải, nhịp thứ 3 lên trên.

Với nhịp 2 thì, người ta đánh nhịp đầu xuống đất, nhịp thứ hai lên trên.

Âm bậc chậm hay nhanh mà người ta đặt ở các ô nhịp gọi là *Nhịp độ* và được biểu thị bằng các chữ tiếng Ý như sau:

Grave	
Largo assai	Rất chậm
Largo.....	
Adagio.....	Chậm
Larghetto.....	
Andante sostenuto.....	Chậm vừa
Moderato.....	
Maestoso.....	Chậm vừa
Andante.....	
Allegertto.....	Hơi nhanh
Allegro.....	Thật nhanh
Vivace.....	Linh hoạt
Presto.....	Thật nhanh

Luyến hay dấu nối.

Đường cong nằm trên các nốt được diễn cùng một giọng rung.

Người ta gọi đảo phách là một dạng ngoại lệ của việc phân chia thứ tự giữa phách mạnh và phách yếu.

Dấu chấm lưu 𝄐 đặt trên nốt hoặc dấu lặng để diễn lâu tuỳ ý.

Dấu tái đoạn 𝄇 𝄇, lặp lại đoạn nhạc giữa hai dấu tái đoạn (hai vạch đứng có dấu hai chấm).

Nốt nhỏ ♪ là dấu láy ngắn, không có giá trị trường độ, nhưng nó lấy bớt trường độ của nốt đứng sau và liên kết với nốt đó.

Người ta dùng nhiều ký hiệu để thay đổi cường độ của bài nhạc:

p	*Piano*	*tiếng Ý được dịch là*	*Nhẹ*
ppp	*Pianisimo*		*Rất nhẹ*
mf	*Mezzo forte*		*Mạnh vừa*
f	*Forte*		*Mạnh*
ff	*Fortisimo*		*Rất mạnh*
sfz	*Sforzato*		*Cương nghị*
Cresc.	*Crescendo*		
Rinf.	*Rinforzando*		*Làm cho mạnh*
Smorz.	*Smorzando*		
Dimin.	*Diminuendo*		*Bớt lần*

PHẦN THỨ NHẤT

Đàn Guitare của Pháp hay Ý có 6 dây; dây thứ nhất là ***Mi***, thứ hai là ***Si,*** thứ ba là ***Sol***, thứ tư là ***Re***, thứ năm là ***La***, và thứ sáu là ***Mi***.

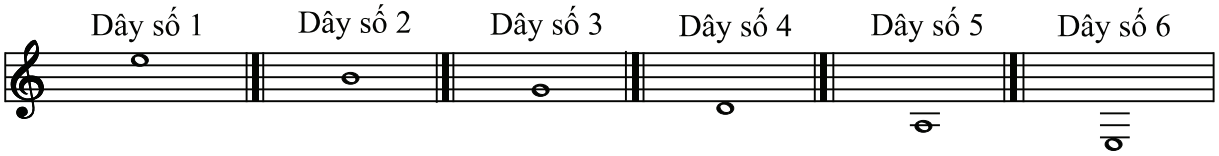

CÁCH CẦM ĐÀN VÀ CÁCH ĐẶT TAY

Không nên ngồi cao quá cũng như thấp quá, không để cao trên ngực hoặc để hờ trên đầu gối.

Người ta thường tựa đàn trên đùi trái, hơi dựa cần đàn lên trên. Đặt chân trái lên một cái ghế nhỏ có chiều cao khoảng 14 – 18cm.

Cách cầm đàn của đàn ông

Cách cầm đàn của nữ

Bàn tay trái tựa vào cần đàn chỗ phím đầu tiên bằng 2 ngón cái và ngón trỏ. Ngón cái cầm đàn không phải cố định ở một chỗ nhưng nó phải lướt được trên cần đàn. Ở vài phương pháp, các tác giả cấm tuyệt đối học viên dùng ngón cái của tay trái bấm cạnh đàn đối diện với các ngón khác, trên dây số 6 và đôi khi trên dây số 5. Âm nhạc rất thú vị, nó giàu chất hoà âm, và bốn ngón không đủ thời gian để diễn lời nhạc và các nốt trầm ở cung bậc khác nhau, chính vì vậy, dùng ngón cái là cần thiết.

Vị trí cầm đàn của tay trái

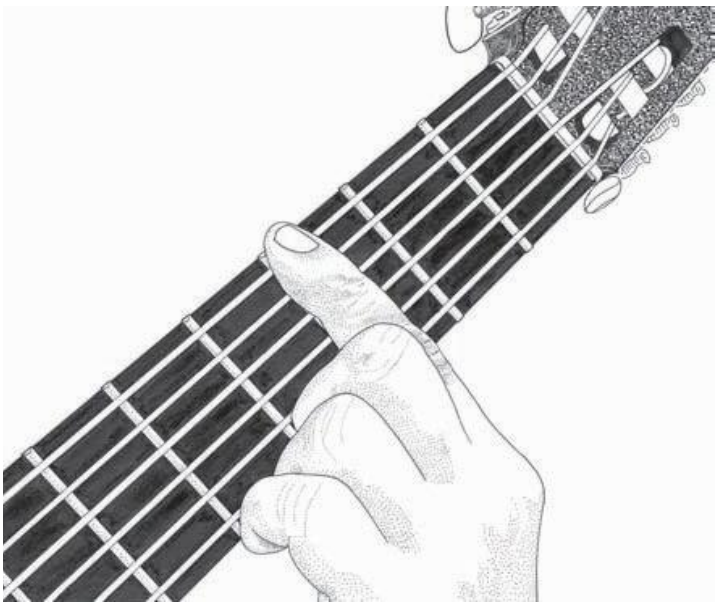

Cách chặn cả phím đàn

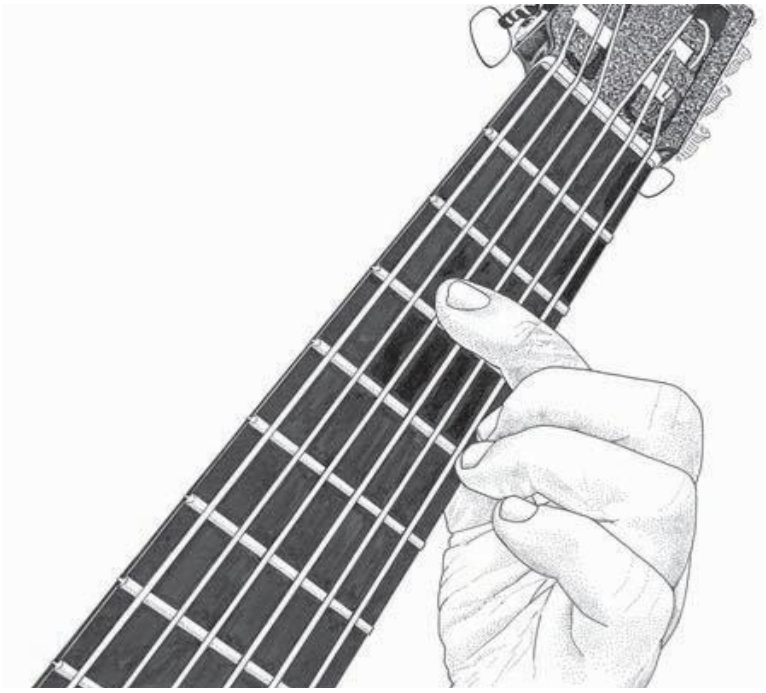

Cách chận nửa phím đàn

Cánh tay phải tựa trên cạnh của thùng đàn hướng bàn tay thẳng đứng mặt thùng đàn guitare, thẳng đứng với đường thẳng chỗ con ngựa của đàn; bàn tay tựa nhẹ trên ngón út, nằm ở cạnh dây Mi (dây số 1).

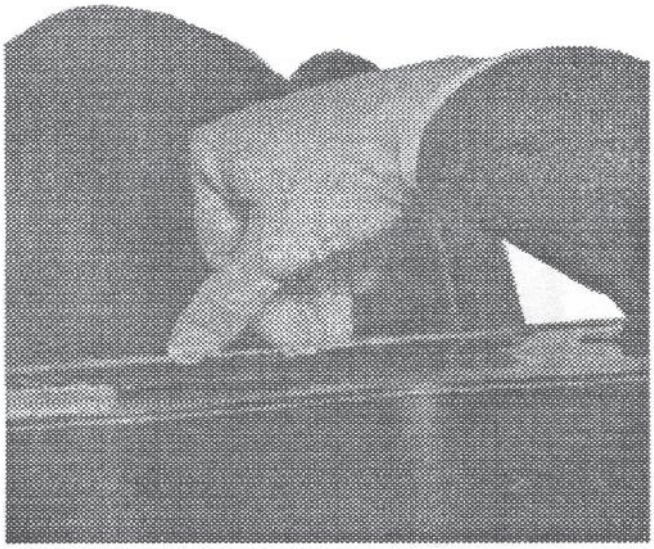

Cánh tay phải tựa trên cạnh của thùng đàn

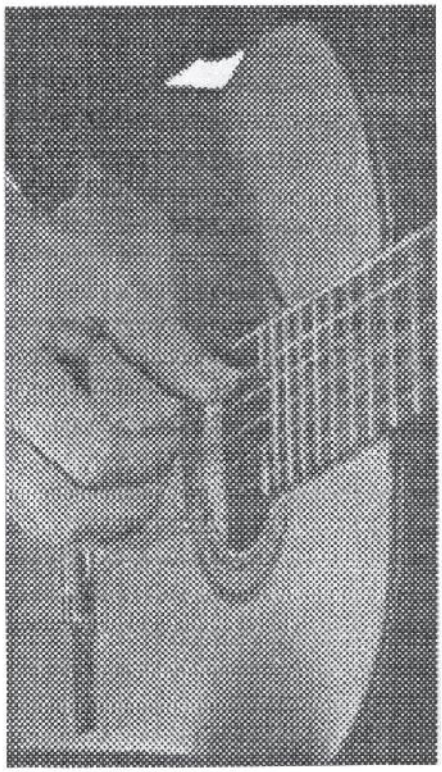

Thực hiện hợp âm rải với một ngón

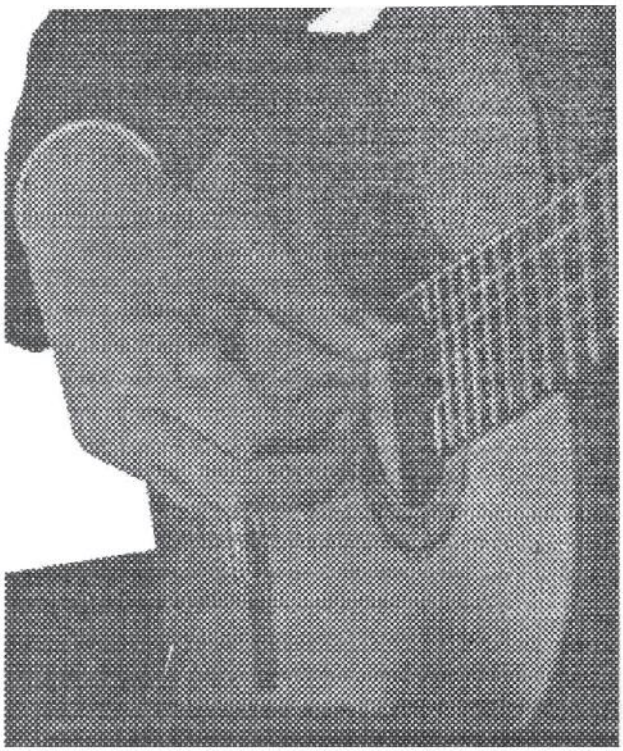

Thực hiện hợp âm rải với hai ngón

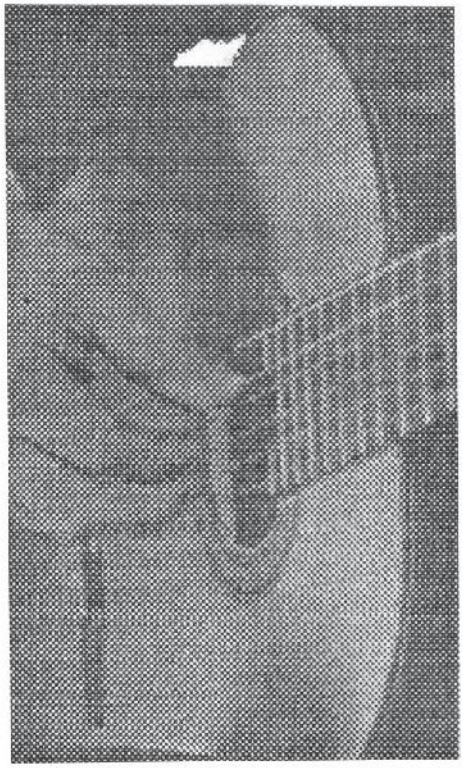

Thực hiện hợp âm rải với ba ngón

Thực hiện hợp âm rải với bốn ngón

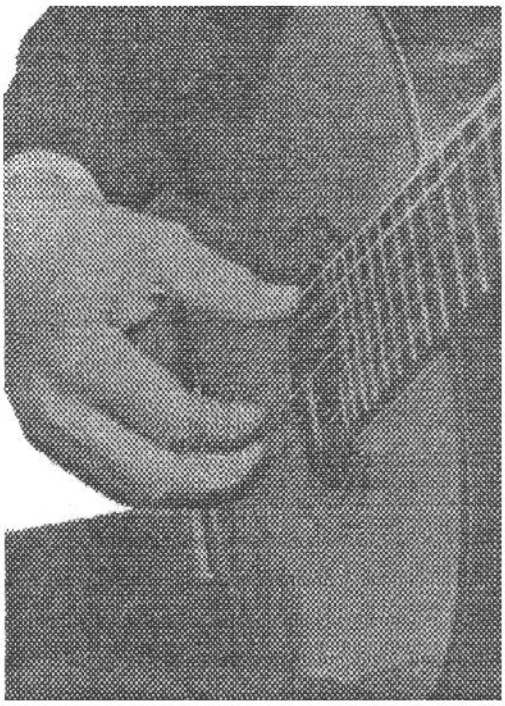

Chuẩn bị đánh hợp âm

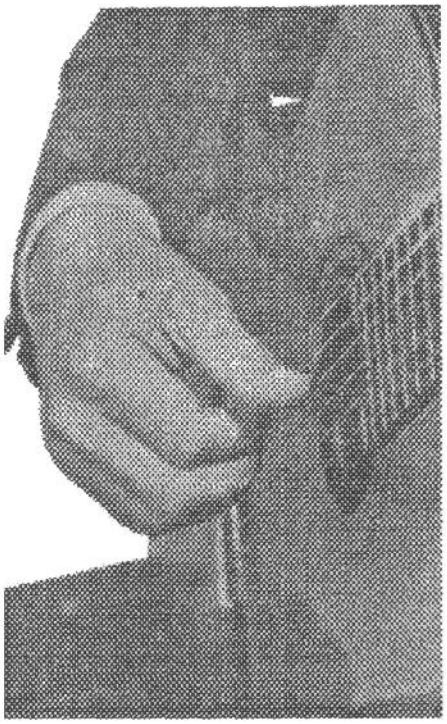

Kết thúc việc đánh hợp âm

Khi cần đánh kiểu hoà âm, người ta dùng ngón tay bàn tay trái nhấn rất nhẹ trên dây, tay phải đánh dây đàn, và buông ngón tay ở bàn tay trái ra ngay lập tức. Âm thanh lúc này như tiếng chuông ngân nho nhỏ.

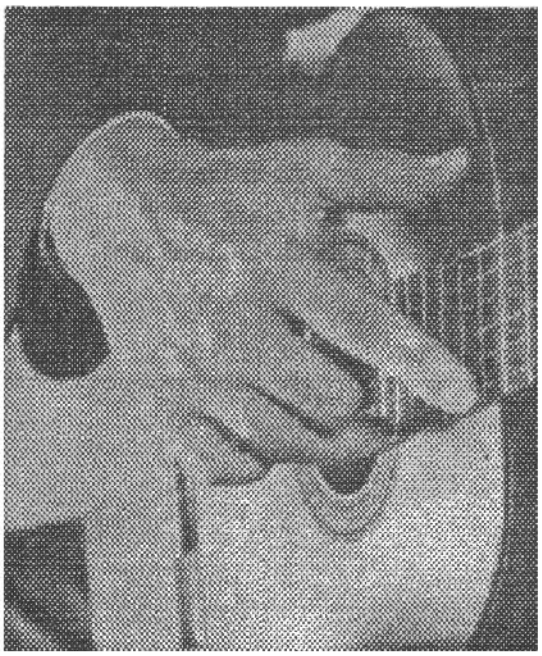

Chuẩn bị đánh kiểu hoà âm

Ngón tay cái của bàn tay phải dùng để đánh các dây số 6, 5 và 4; ba dây còn lại thay đổi tương ứng với các ngón khác.

Ngón áp út không dùng để đánh hợp âm. Để đánh hợp âm đến quãng 6, quãng 8, người ta dùng ngón trỏ và giữa cho dây số 5 và số 4; ngón cái cho dây số 3 và số 2.

Ví dụ:

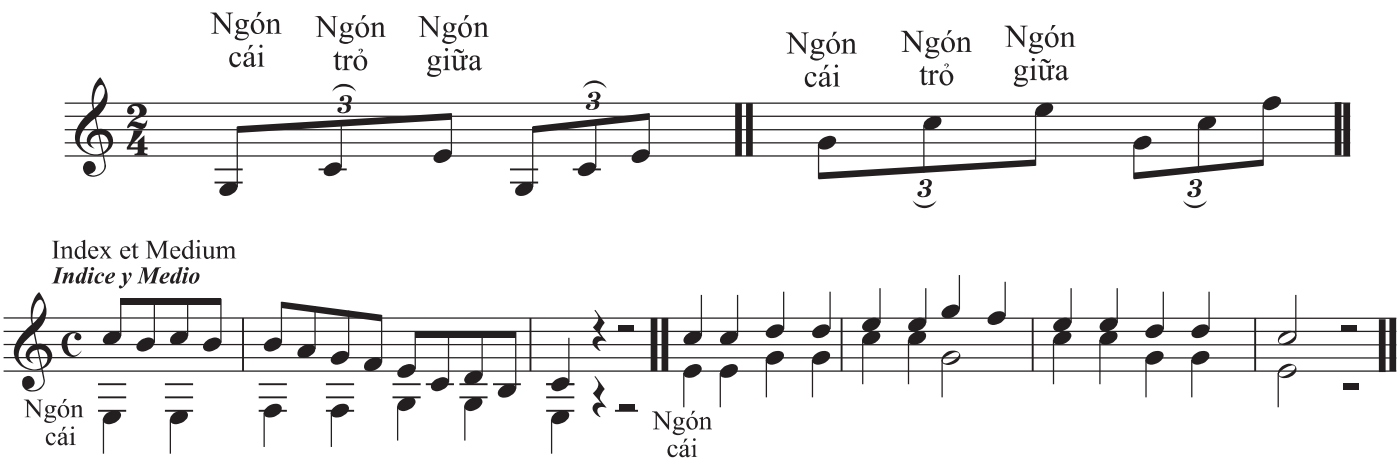

Cần lưu ý khi đánh đàn, ngón cái của bàn tay phải đưa lên trước so với các ngón khác, và bàn tay đừng đưa cao hay hạ thấp ra phía sau.

CÁCH LÊN DÂY ĐÀN

Lên dây đàn dựa vào thính giác là chính. Người ta lên dây thứ 5 là dây La theo cái La mẫu; đó là một dụng cụ bằng thép, có độ rung trùng tần số của nốt La. Ngoài ra, chúng ta có thể lấy theo một dụng cụ khác có tần số trùng với nốt La cũng được. Bấm vào phím 5 của dây 5, chúng ta được nốt Re; dùng âm Re này để canh lại dây đàn số 4 (dây Re). Bấm vào phím 5 của dây 4, chúng ta đánh được nốt Sol; dùng âm Sol này để canh lại dây đàn số 3 (dây Sol). Bấm vào phím 4 của dây 3, chúng ta đánh được nốt Si; dùng âm Si này để canh lại dây số 2 (dây Si). Bấm vào phím 5 của dây 2, chúng ta đánh được nốt Mi; dùng âm Mi này để canh lại dây đàn số 1 (dây Mi). Dây số 6 cũng là dây Mi nhưng thấp hơn một bát độ, chúng ta có thể dùng dây Mi số 1 để canh dây 6.

Nhạc viết cho guitare dùng bộ khoá chuẩn, thường viết ở khoá Sol. Chẳng hạn, các dây buông của đàn guitare tương ứng với các nốt:

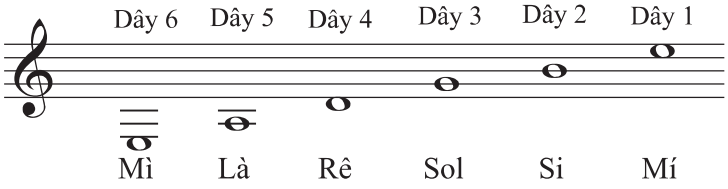

Những dây buông, nghĩa là các ngón tay trái không cần bấm, được ký hiệu bằng một dấu 0 nhỏ bên cạnh nốt. Ví dụ:

Số 0 nhỏ phía trên nốt Mi, cho biết đó là dây buông.

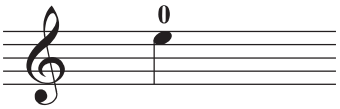

Số 0 nhỏ phía trên nốt Si, cho biết đó là dây buông.

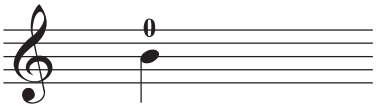

Số 0 nhỏ phía trên nốt Sol, cho biết đó là dây buông.

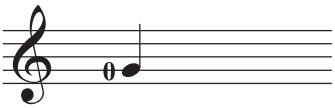

Số 0 nhỏ phía trên nốt Re, cho biết đó là dây buông.

Số 0 nhỏ phía trên nốt La, cho biết đó là dây buông.

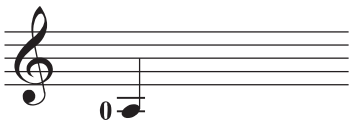

Số 0 nhỏ phía trên nốt Mi, cho biết đó là dây buông.

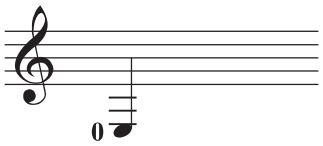

CÁC NỐT CƠ BẢN

Các nốt trên đàn guitare được thực hiện bởi dây buông và các phím đàn. Vị trí các nốt được thể hiện qua 4 phím đàn đầu tiên gọi là vị trí phím thấp.

Các nốt cơ bản ở 4 phím đàn đầu tiên là:

-Dây thứ sáu:

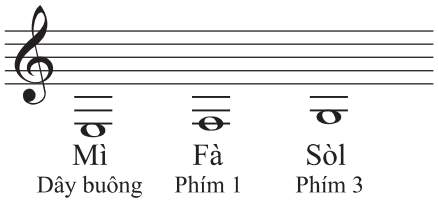

-Dây thứ năm:

Sau nốt Sol ở phím thứ ba của dây thứ sáu, tiếp theo là nốt La (dây buông) ở dây thứ 5

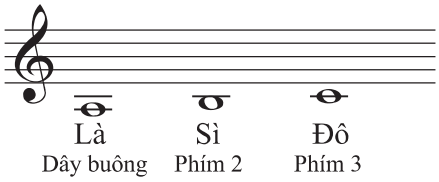

-Dây thứ tư:

Sau nốt Do ở phím thứ ba của dây thứ năm, tiếp theo là nốt Re (dây buông) ở dây thứ 4.

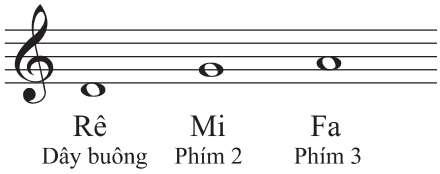

- Dây thứ ba:

Sau nốt Fa ở phím thứ ba của dây thứ tư, tiếp theo là nốt Sol (dây buông) ở dây thứ 3.

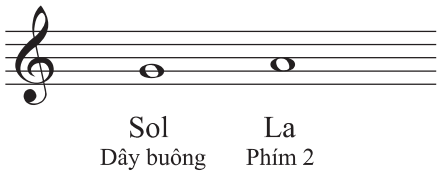

-Dây thứ hai:

Sau nốt La ở phím thứ hai của dây thứ ba, tiếp theo là nốt Si (dây buông) ở dây thứ 2.

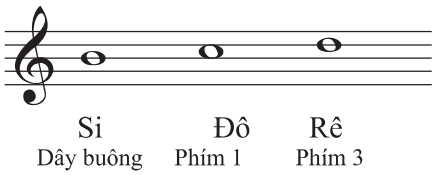

-Dây thứ nhất:

Sau nốt Re ở phím thứ ba của dây thứ hai, tiếp theo là nốt Mi (dây buông) ở dây thứ 1.

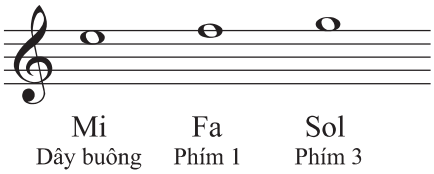

Trên cây đàn guitare, hai phím liên tiếp nhau, cách nhau nửa cung. Hình vẽ sau, cho chúng ta thấy đầy đủ vị trí các nốt ở phím 1 đến phím 4 trên cây đàn guitare.

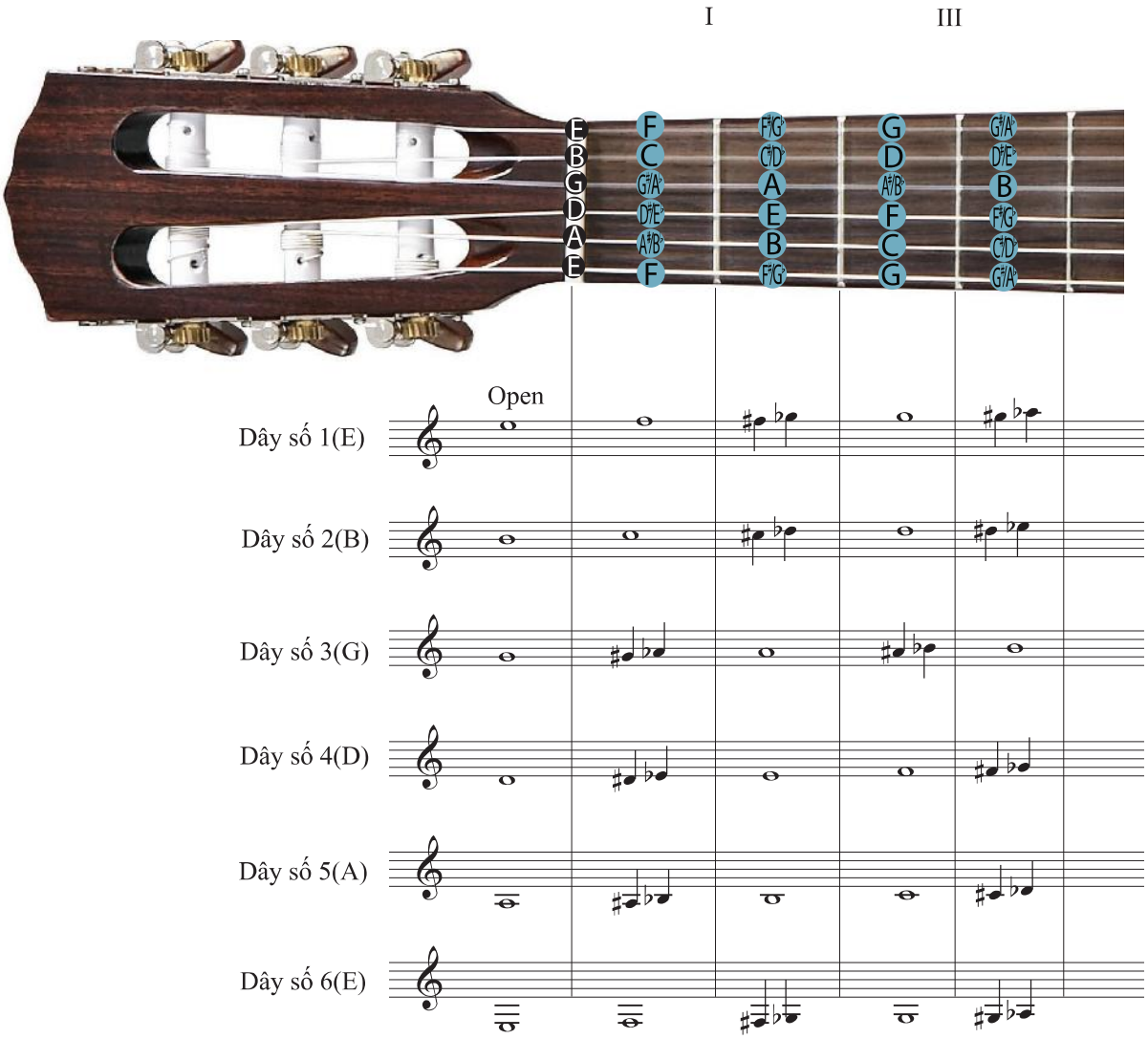

Ô nhịp đầu tiên dành cho các nốt trên dây buông, ô nhịp 1 dành cho các nốt trên phím 1, ô nhịp 2 dành cho các nốt trên phím 2, ô nhịp 3 dành cho các nốt trên phím 3, ô nhịp 4 dành cho các nốt trên phím 4.

CÁC NỐT MỞ RỘNG

Ngoài thế bấm cơ bản từ phím 1 đến phím 4, các phím đàn guitare còn tiếp tục đến phím 12. Ở mỗi dây có thể diễn tả được ít nhất là 13 nốt (một nốt dây buông và 12 nốt trên phím đàn). Như vậy, với 6 dây đàn, chúng ta có thể diễn tả được ít nhất là 78 kiểu nốt (các nốt có thể trùng cao độ). Từ nốt thấp nhất là nốt Mì (dây buông thứ 6) đến nốt cao nhất là Mí (cách 3 bát độ) cho phép diễn một thang âm rộng và phong phú.

Vị trí các nốt ở phím đàn guitare:

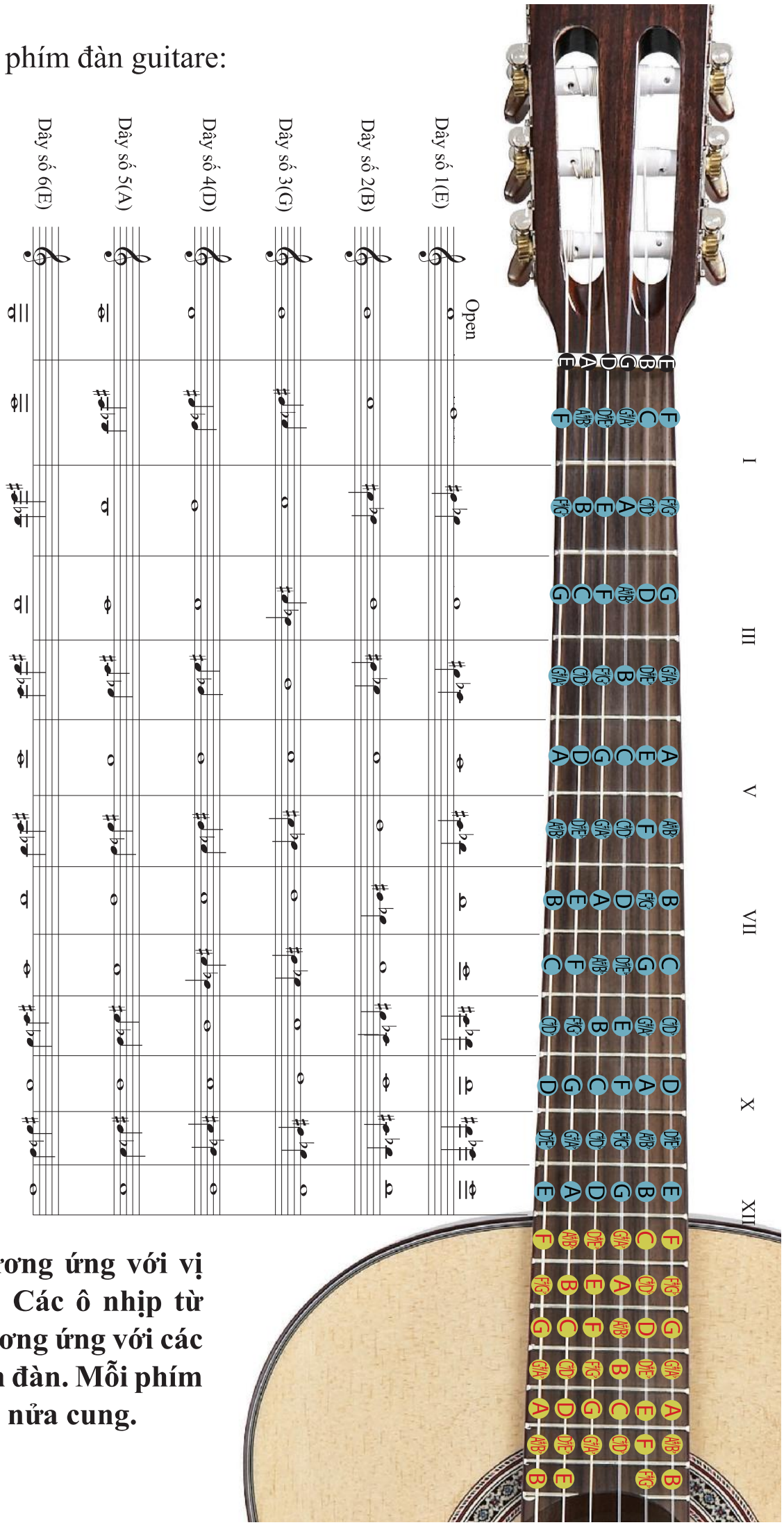

Ô nhịp đầu tương ứng với vị trí dây buông. Các ô nhịp từ thứ 2 trở đi, tương ứng với các vị trí trên phím đàn. Mỗi phím đàn cách nhau nửa cung.

ÂM GIAI CỦA THẾ THỨ NHẤT

Những con số để chỉ ngón tay của bàn tay trái, và vị trí các phím đàn.

Những nốt trống (dây buông) được ghi bằng số 0, ngón trỏ số 1, ngón giữa số 2, ngón áp út số 3, và ngón út số 4.

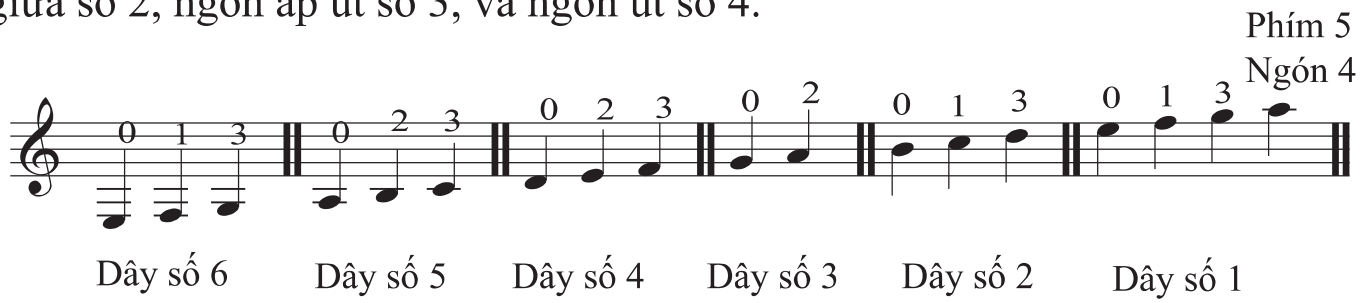

BÀI TẬP

DÀNH ĐỂ HỌC VÀ ĐỌC TỐT CÁC NỐT

Ở THẾ THỨ NHẤT

ÂM GIAI

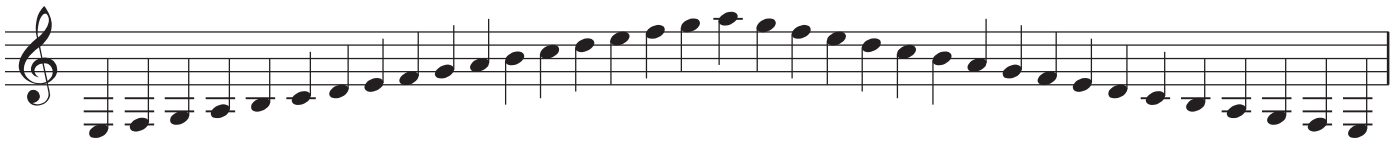

Lời dặn: các con số để biểu thị cho các ngón tay của bàn tay trái, và các ngón tay của bàn tay phải được biểu thị bằng các ký tự sau: p = ngón cái (viết tắt từ chữ *pouce*); i = ngón trỏ (viết tắt từ chữ *index*); m = ngón giữa (viết tắt từ chữ *médius*); a = ngón áp út (viết tắt từ chữ *annulaire*).

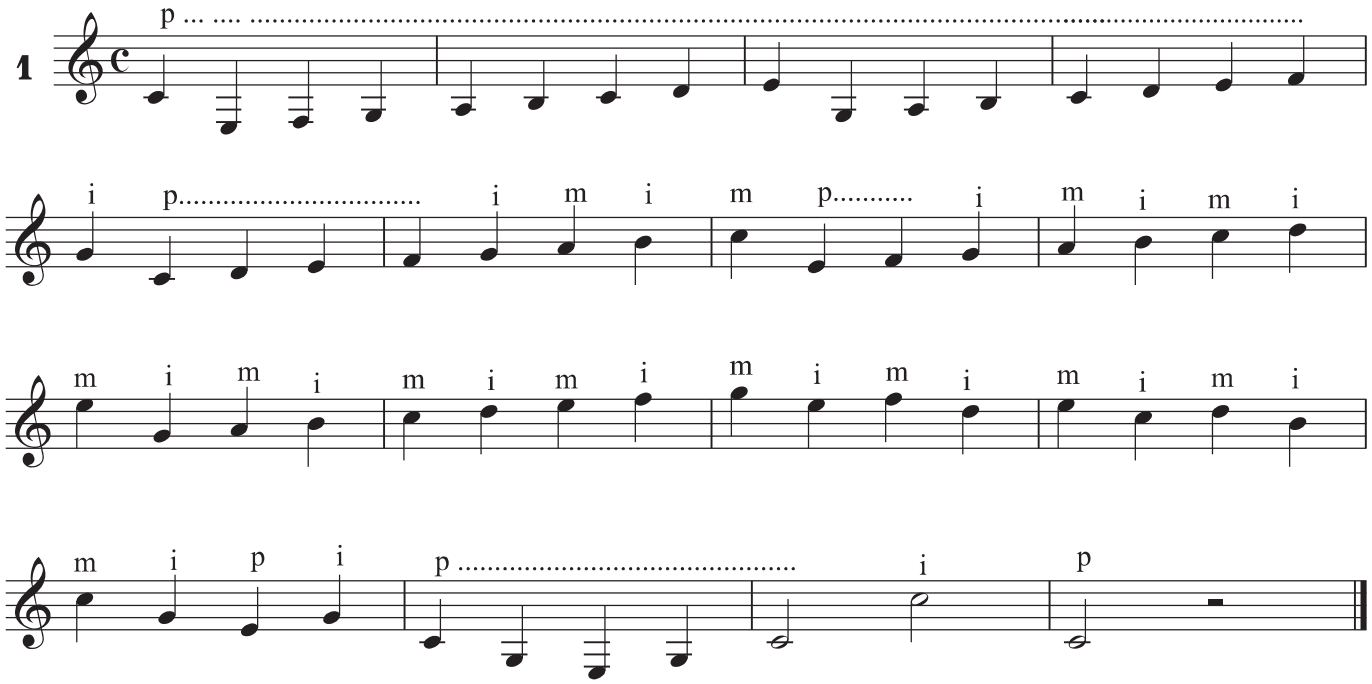

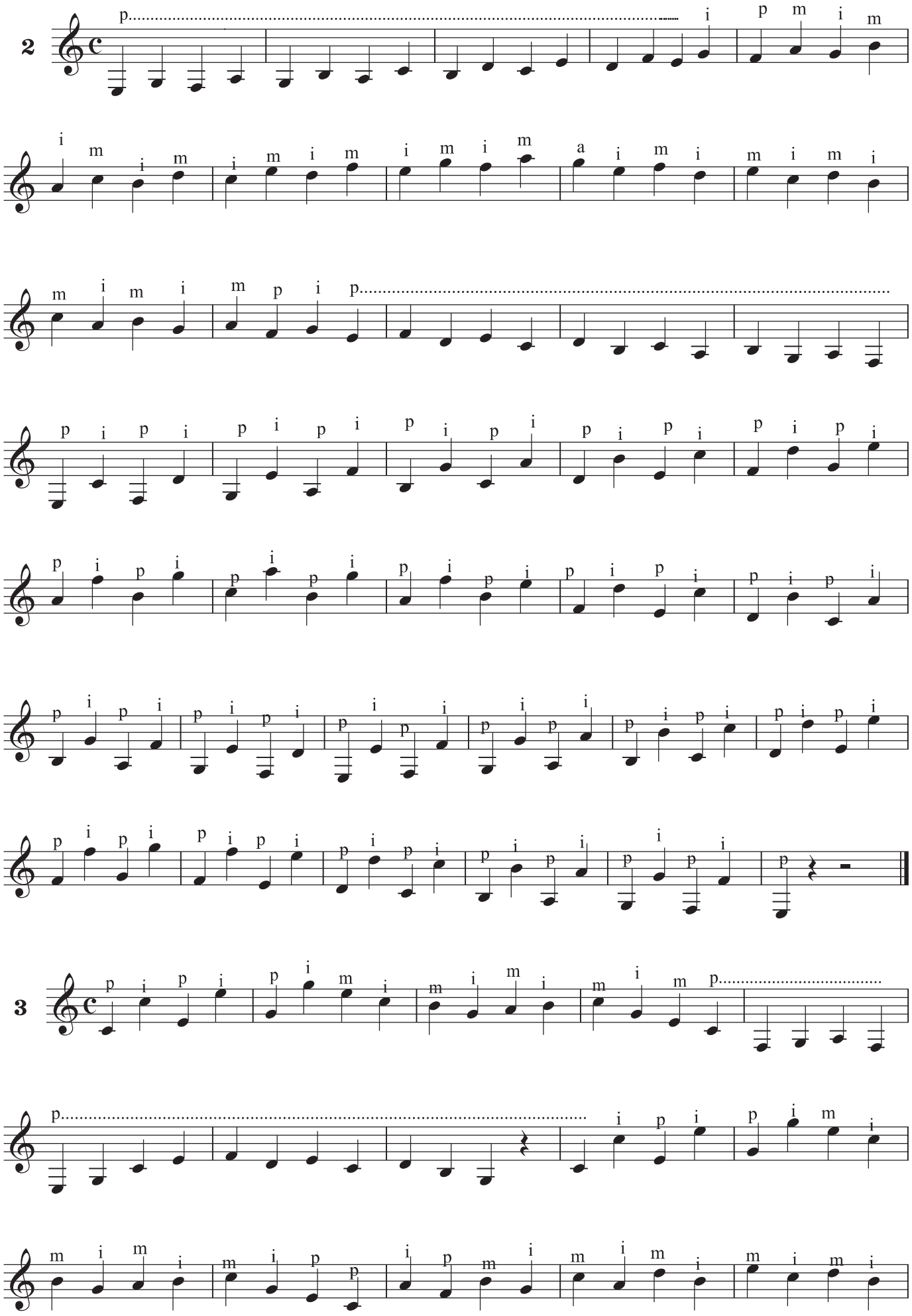
2
3

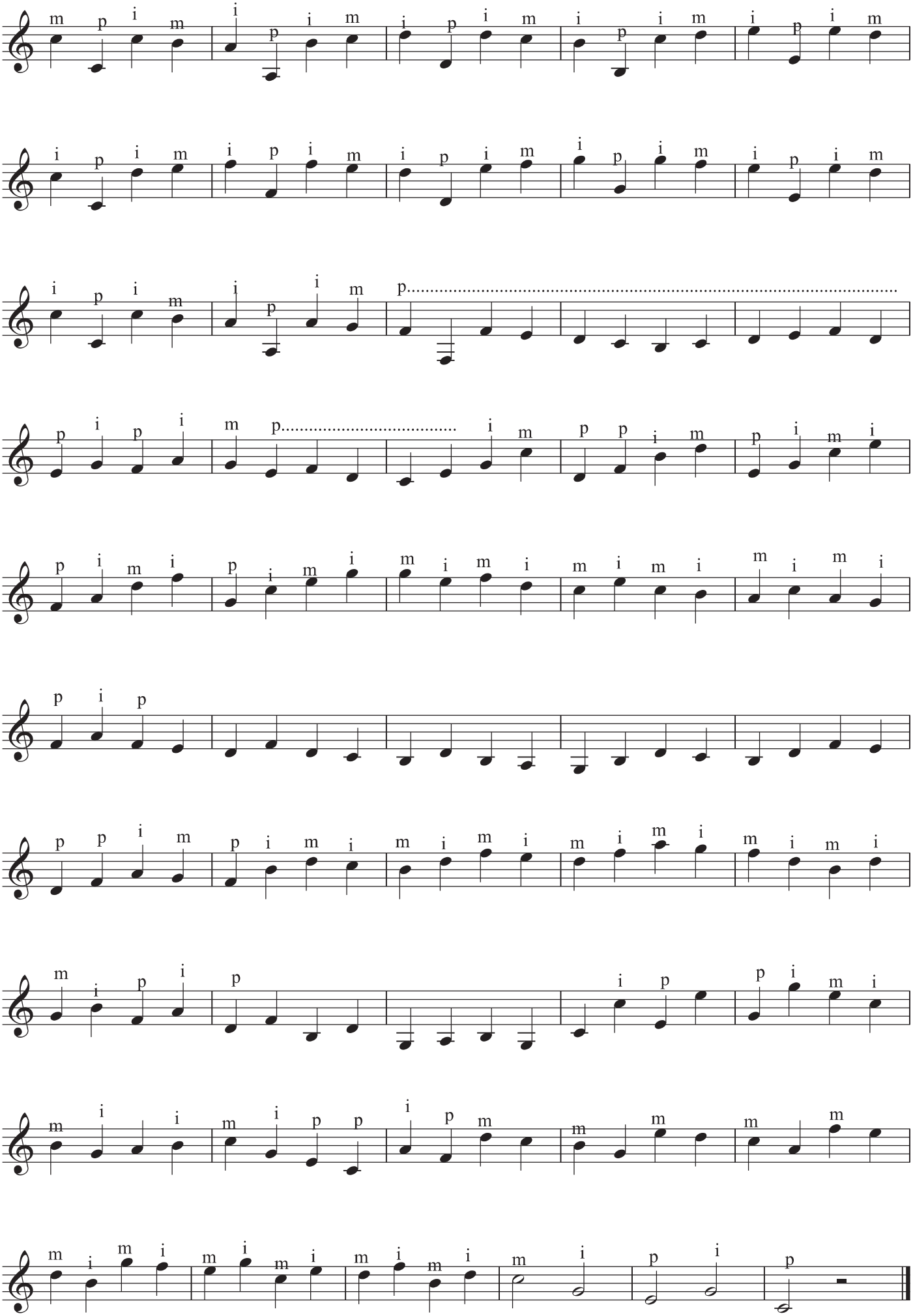

ÂM GIAI LÊN VÀ XUỐNG VỚI CÁC DẤU THĂNG

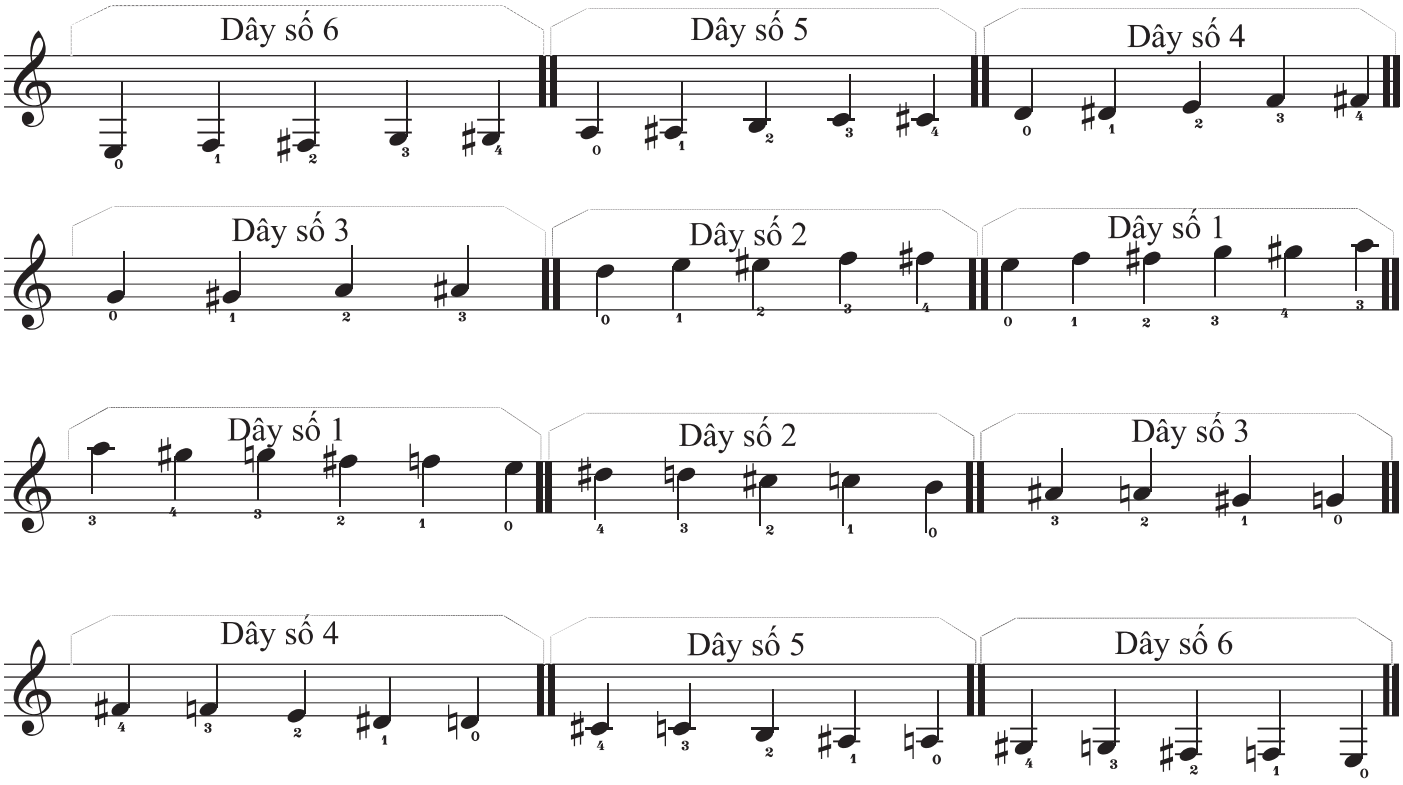

ÂM GIAI LÊN VÀ XUỐNG VỚI CÁC DẤU GIÁNG

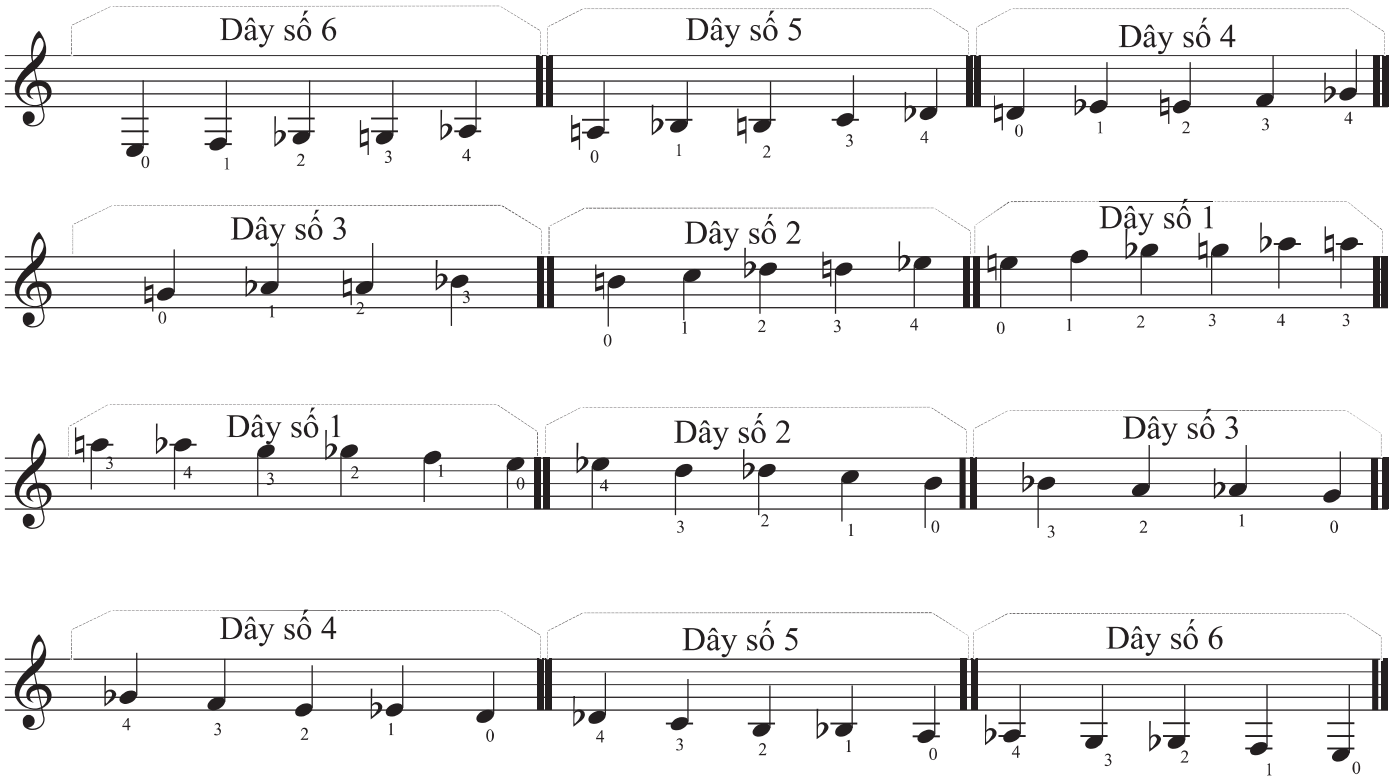

BÀI TẬP

DÀNH ĐỂ HỌC VÀ ĐỌC CÁC NỐT VỚI DẤU THĂNG & GIÁNG

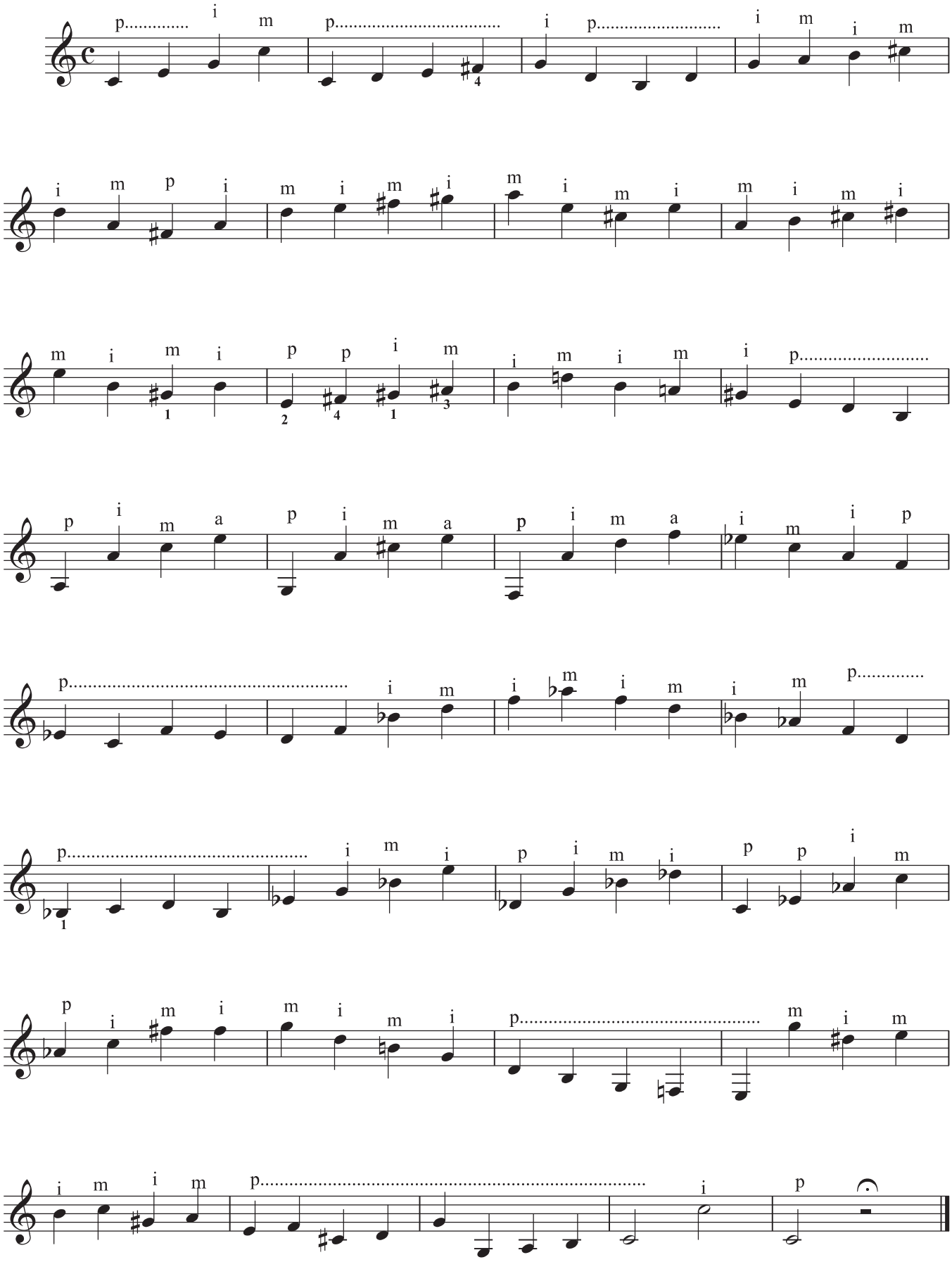

CÁCH ĐÁNH CÁC HỢP ÂM

Có những hợp âm 4, 5 và 6 nốt. Hợp âm 4 nốt thì đánh với 4 ngón tay.

Ví dụ:

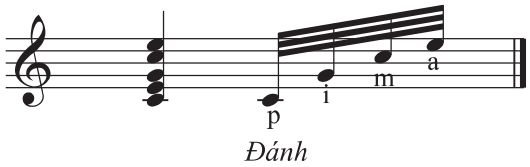

Hợp âm 5 nốt, đánh với 4 ngón tay; nhưng lướt ngón cái trên 2 dây đầu, và các nốt khác của 3 ngón còn lại.

Ví dụ:

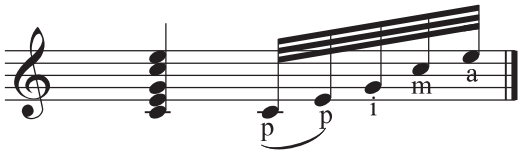

Hợp âm 6 nốt, đánh lướt ngón cái trên 3 dây đầu, và các nốt khác của 3 ngón còn lại.

Ví dụ:

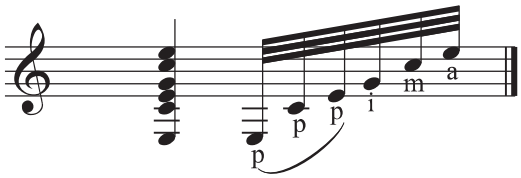

Có cách đánh hợp âm nhanh hơn, các nốt có thể được đánh chung cùng một lúc.

CHẬN HỢP ÂM

Người ta gọi chận hợp âm là dùng một ngón tay của bàn tay trái để chận lên hai hoặc nhiều nốt

Ví dụ:

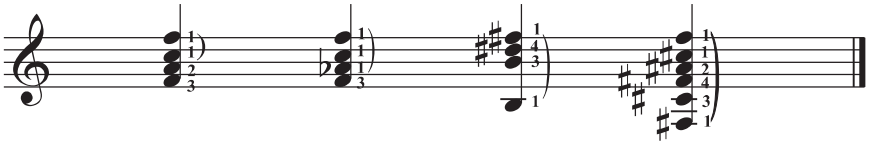

CÁCH ĐÁNH HỢP ÂM RỜI

Trên đàn Guitare, có những lối đánh hợp âm rời 3 nốt, 4, 6, 8, 9, 12 và 16 nốt; với 3 hay 4 ngón.

Với mỗi loại hợp âm tương ứng, có một bài tập nhỏ để luyện ngón cho tay trái và tay phải quen với hợp âm rời.

Trong khi chơi nhạc trên đàn Guitare, nếu chúng ta gặp nốt trầm nhưng không ở dây buông, bấm ngón tay trên dây cho hết rồi mới buông để tránh câm tiếng, đó là điều cần để giữ được âm thanh của nốt nhạc và tránh tiếng rung dây buông.

HỢP ÂM RỜI 3 NỐT

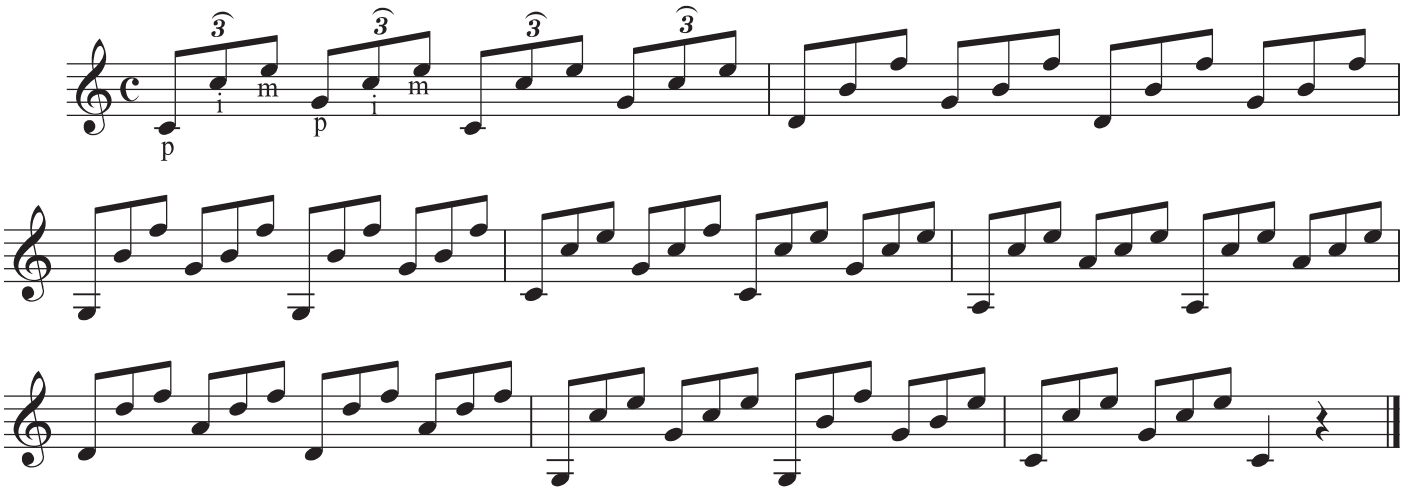

HỢP ÂM RỜI 4 NỐT

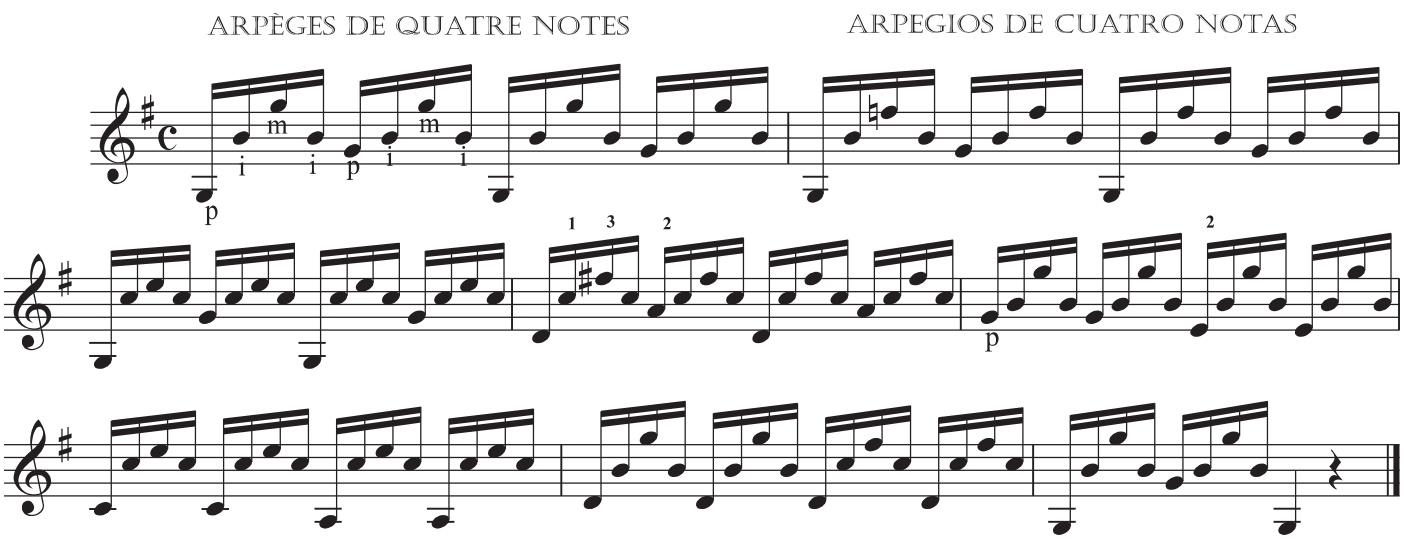

HỢP ÂM RỜI 6 NỐT

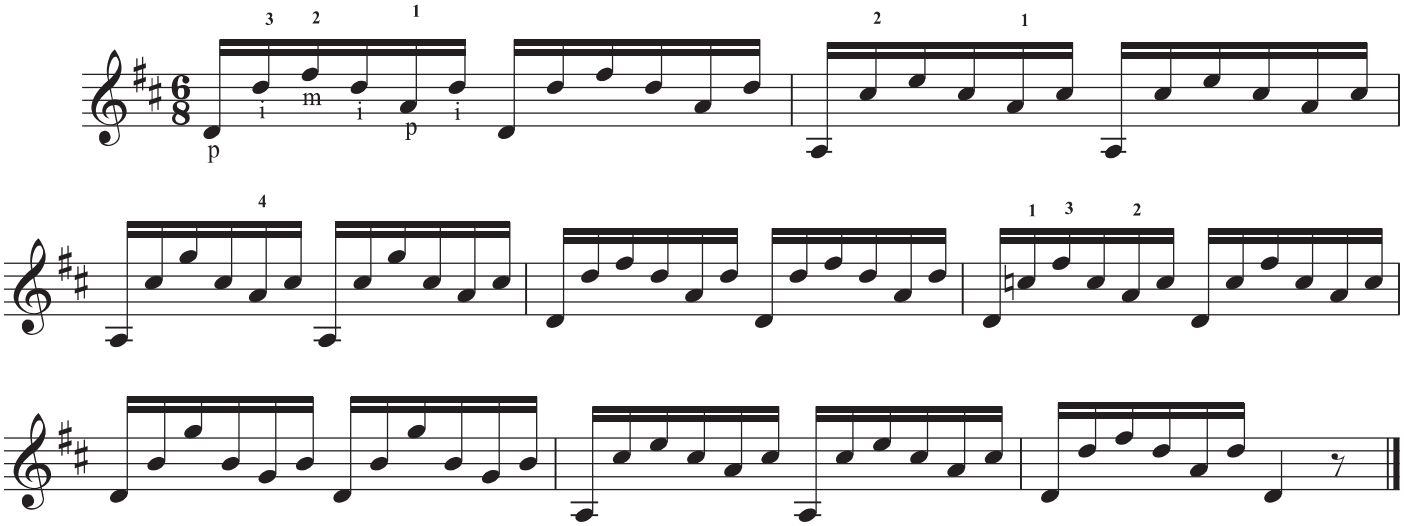

HỢP ÂM RỜI 8 NỐT

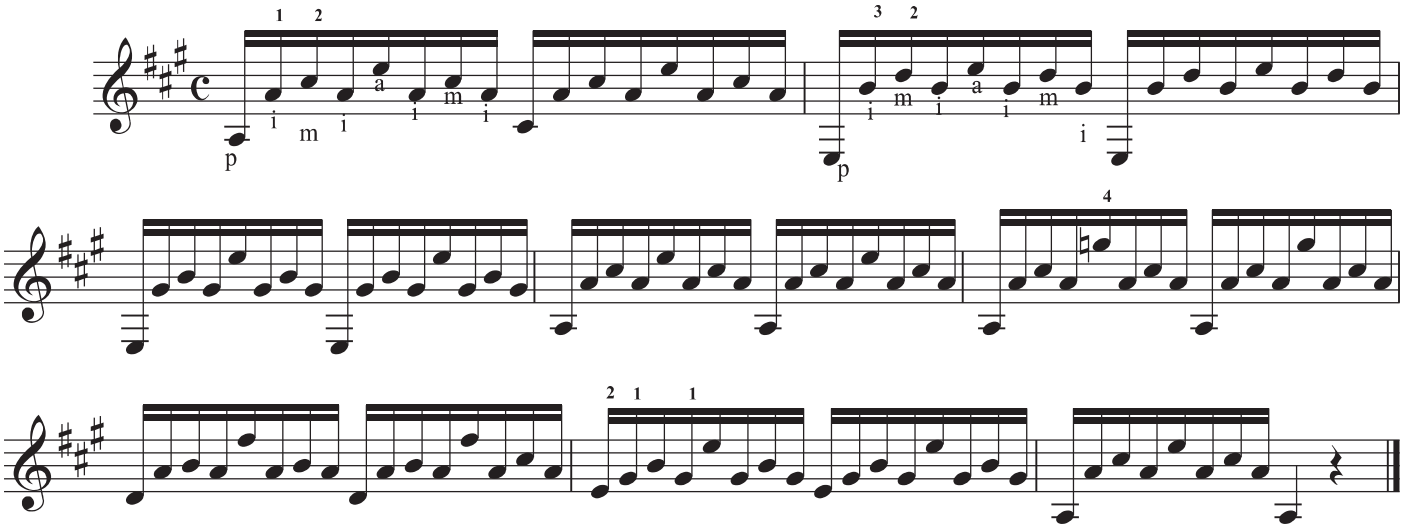

HỢP ÂM RỜI 4 NỐT

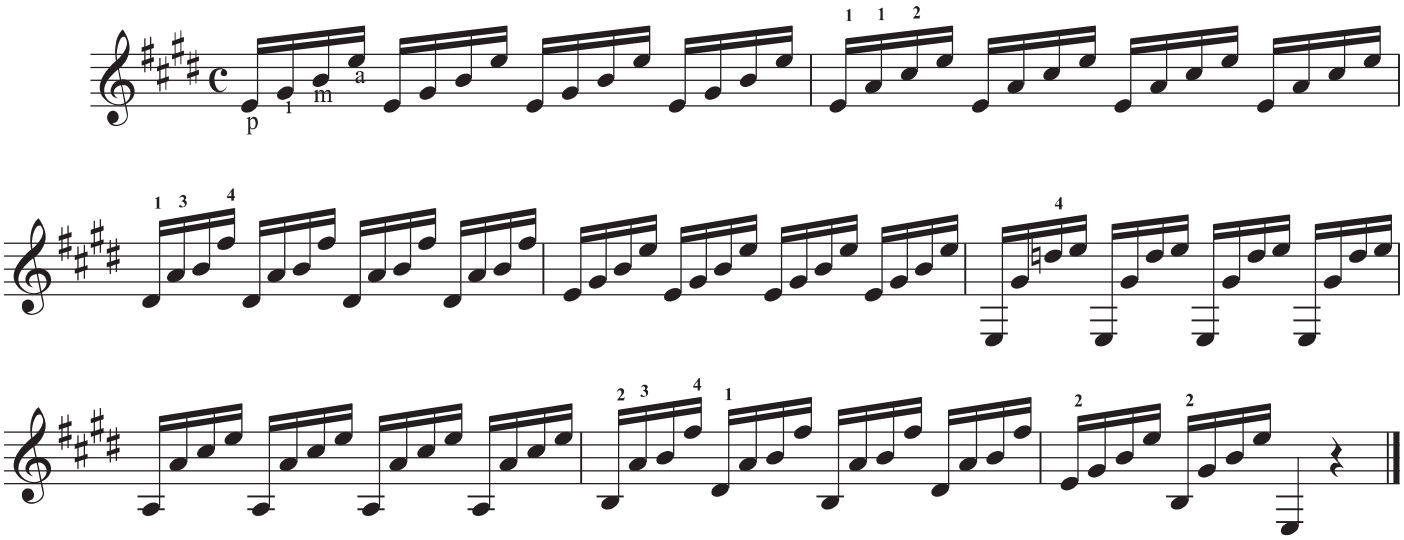

HỢP ÂM RỜI 6 NỐT

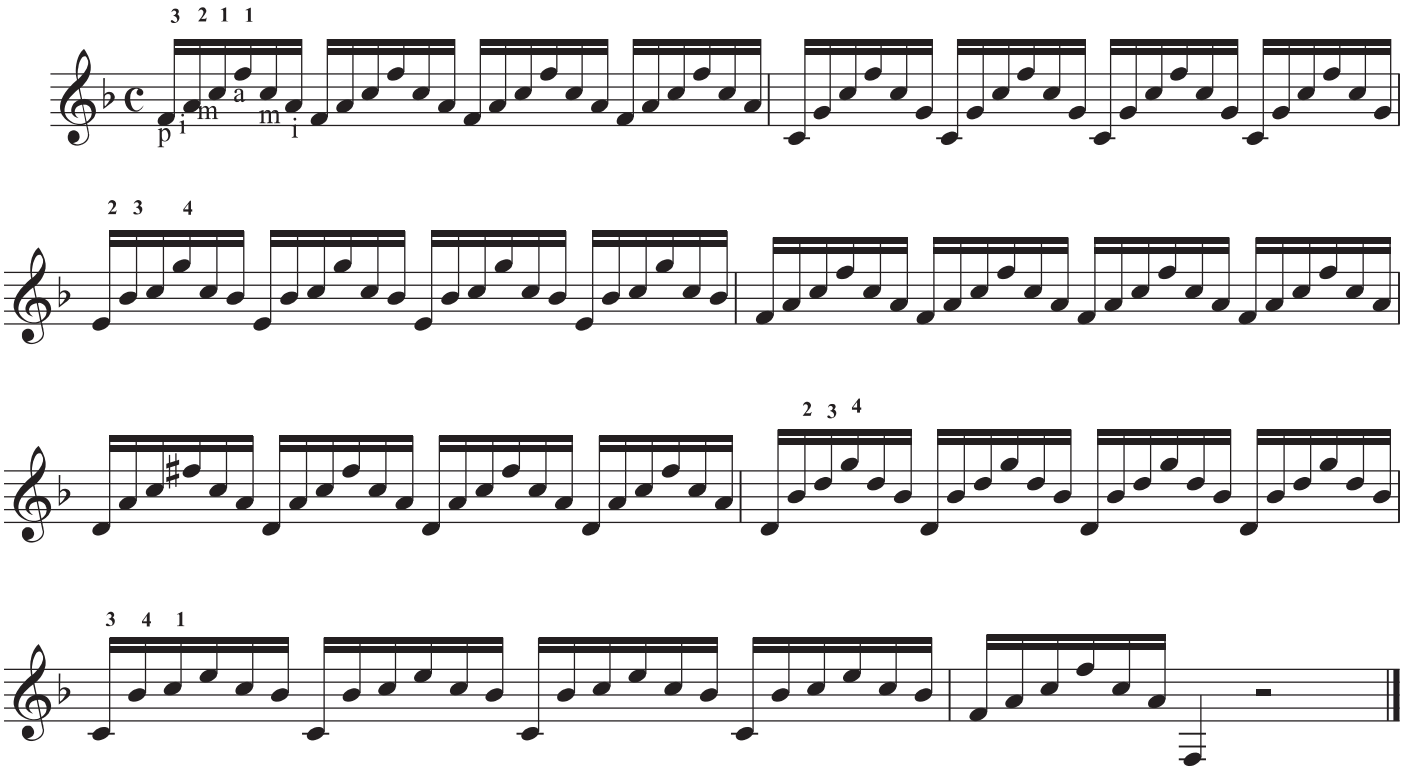

HỢP ÂM RỜI CÓ NỐT ĐÔI

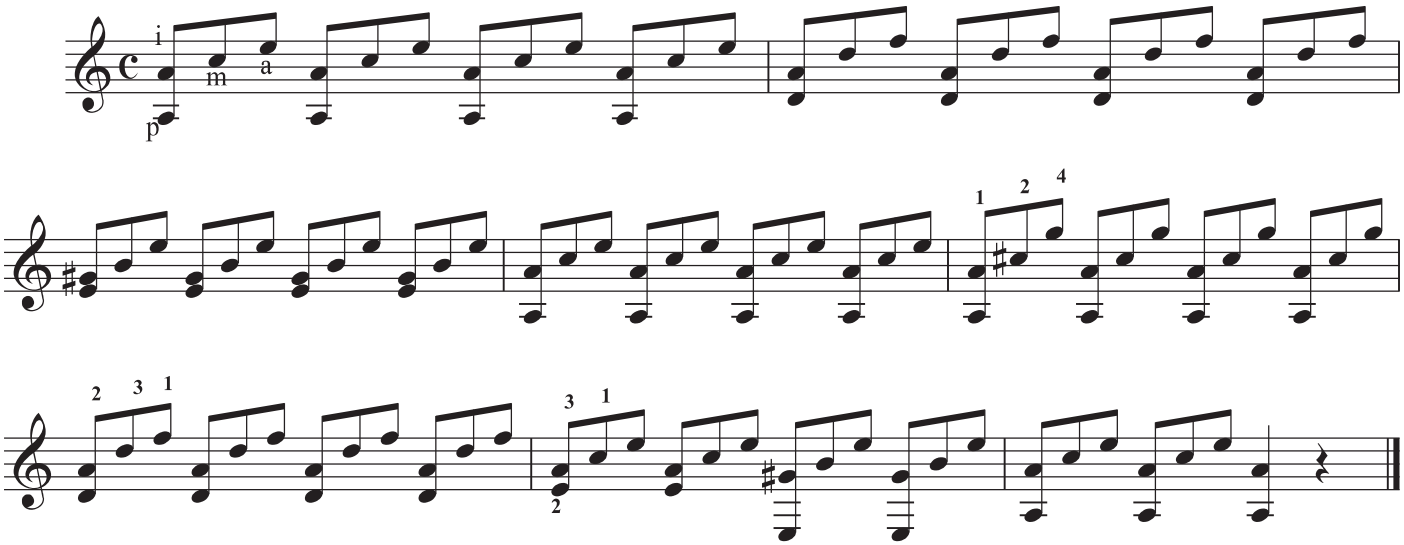

HỢP ÂM RỜI CÓ NỐT ĐÔI

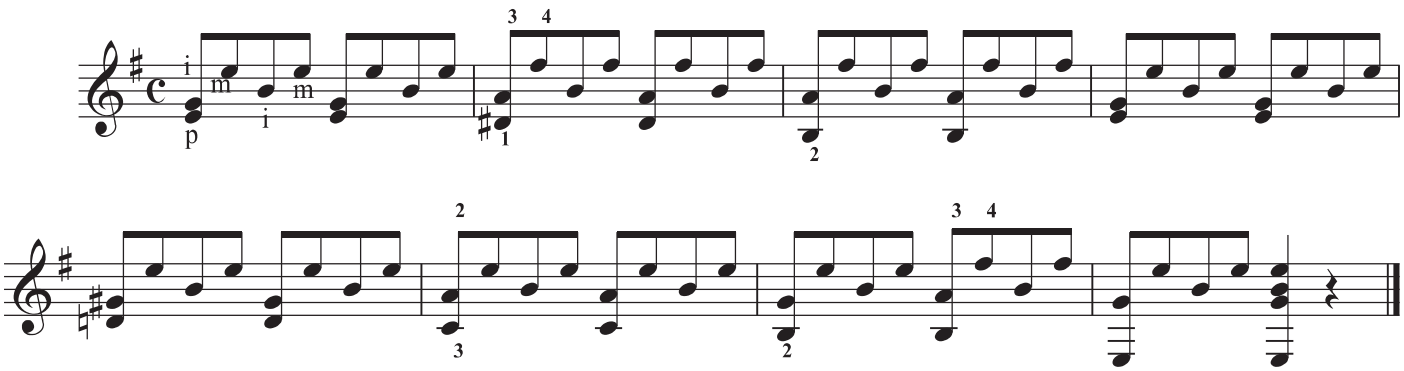

HỢP ÂM RỜI 8 NỐT

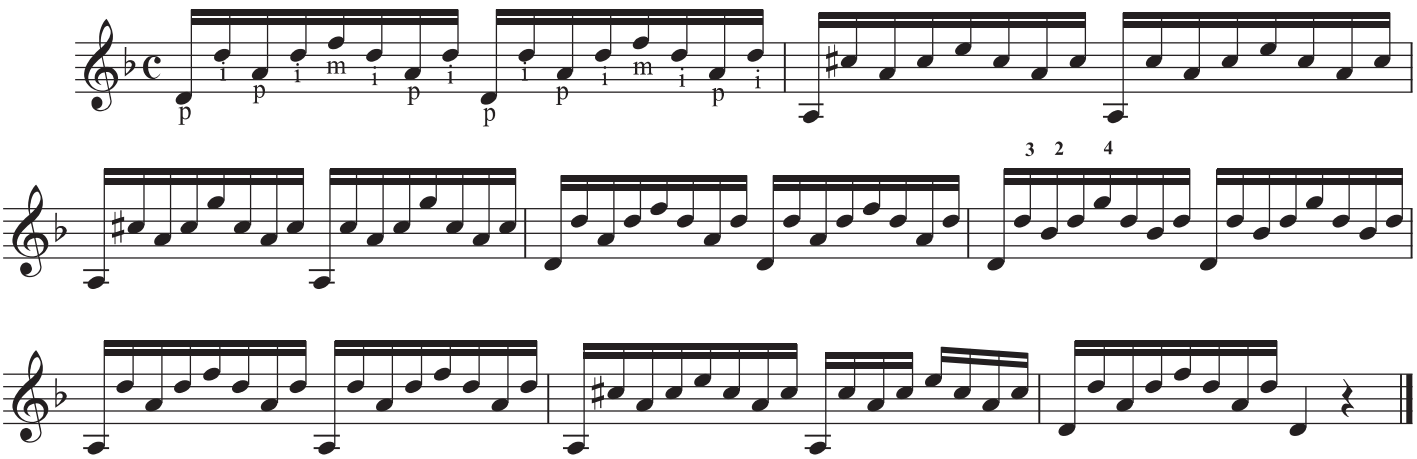

CÁC HỢP ÂM RỜI
để tập luyện với các bài trước

HỢP ÂM RỜI 3 NỐT

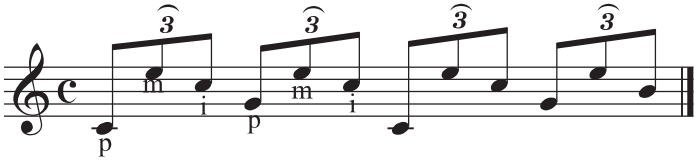

HỢP ÂM RỜI 4 NỐT

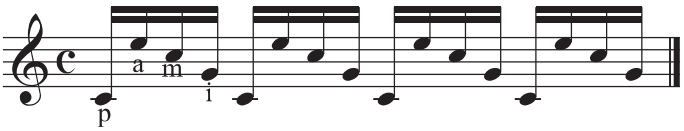

HỢP ÂM RỜI 6 NỐT

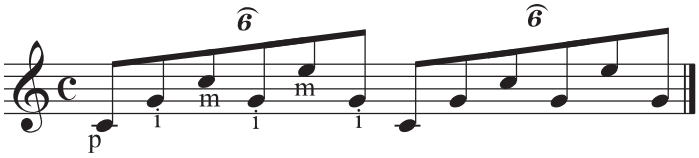

HỢP ÂM RỜI 8 NỐT

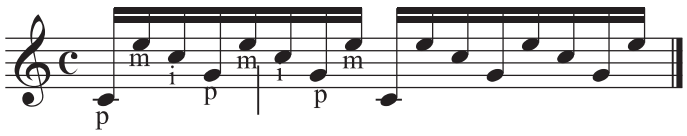

HỢP ÂM RỜI 8 NỐT

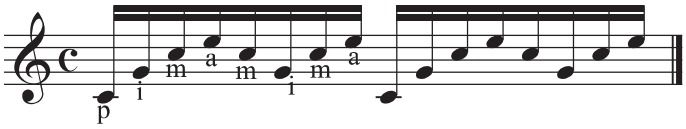

HỢP ÂM RỜI CÓ NỐT CẶP

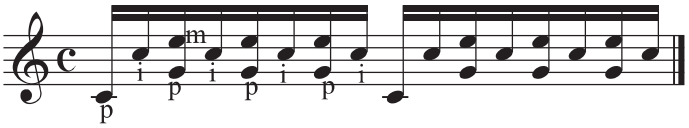

Mỗi nhạc cụ có một giọng khác nhau: trên Guitare có thể chơi nhiều giọng, nhưng tốt nhất là ở thể trưởng và thứ, Re trưởng và thứ, Mi trưởng và thứ, Do, Sol, Fa. Những giọng khác khó hơn, bây giờ chúng ta thực hiện các âm giai, hợp âm qua các bài tập ngắn với những giọng thường dùng.

ÂM GIAI, HỢP ÂM, BÀI TẬP VÀ NHỮNG ĐOẠN KHÁC GIỌNG RẤT THÔNG DỤNG Ở THẾ BẤM THỨ NHẤT

Lưu ý: Khi gặp chữ p (pouce) ở trên hay dưới một nốt, thì dùng ngón tay cái của bàn tay trái để bấm (đối diện các ngón khác, phía sau cần đàn).

Các nốt trầm có vạch nốt quay xuống đều phải đánh bằng ngón tay cái của bàn tay phải.

Âm giai DO

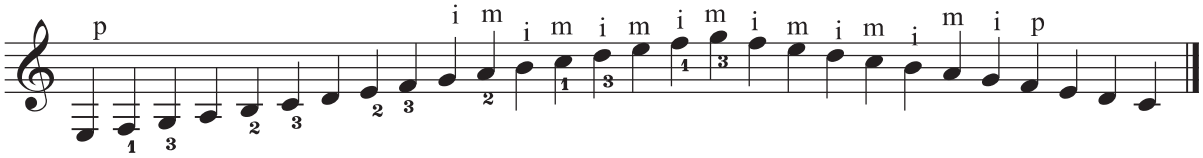

Hợp âm và Bài tập của DO

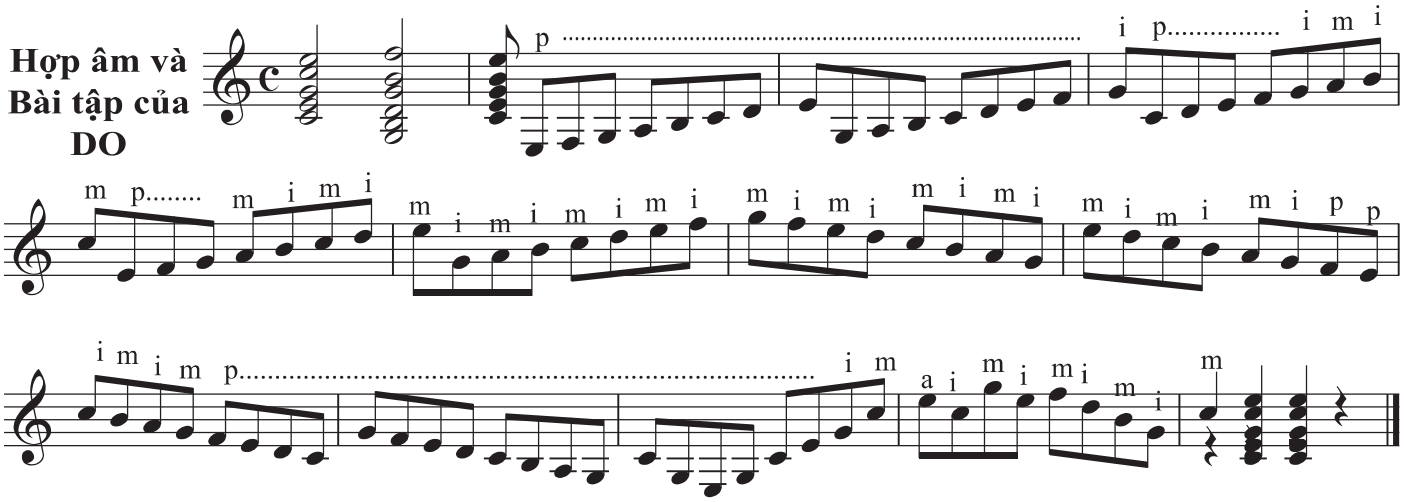

Valse

Vals

1

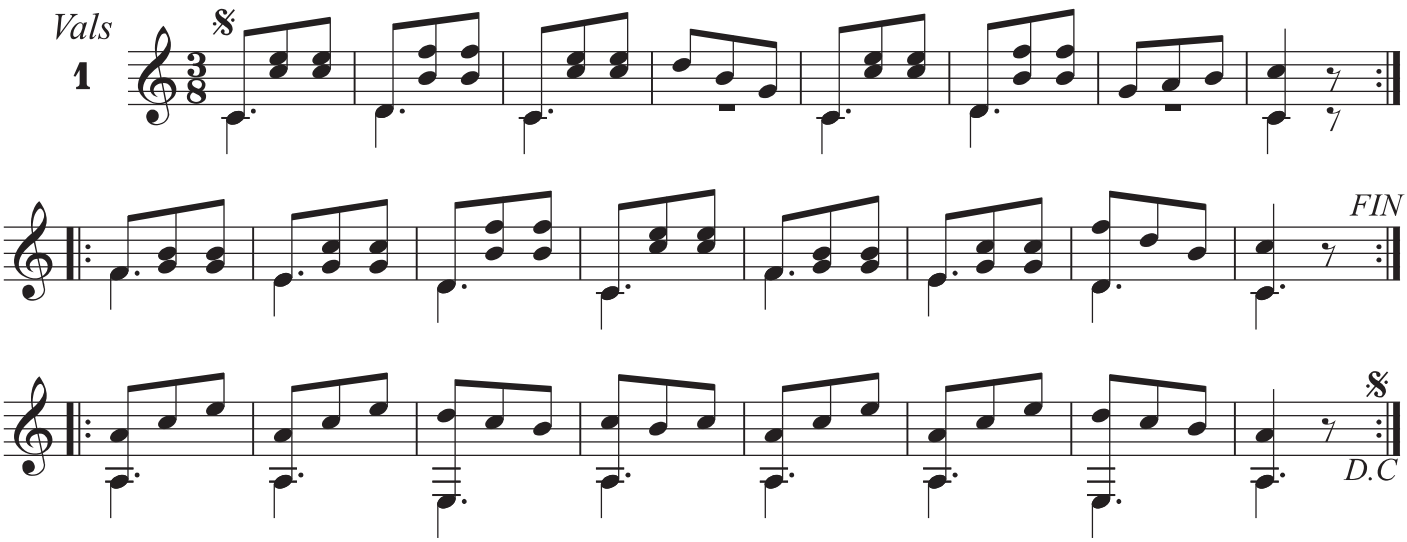

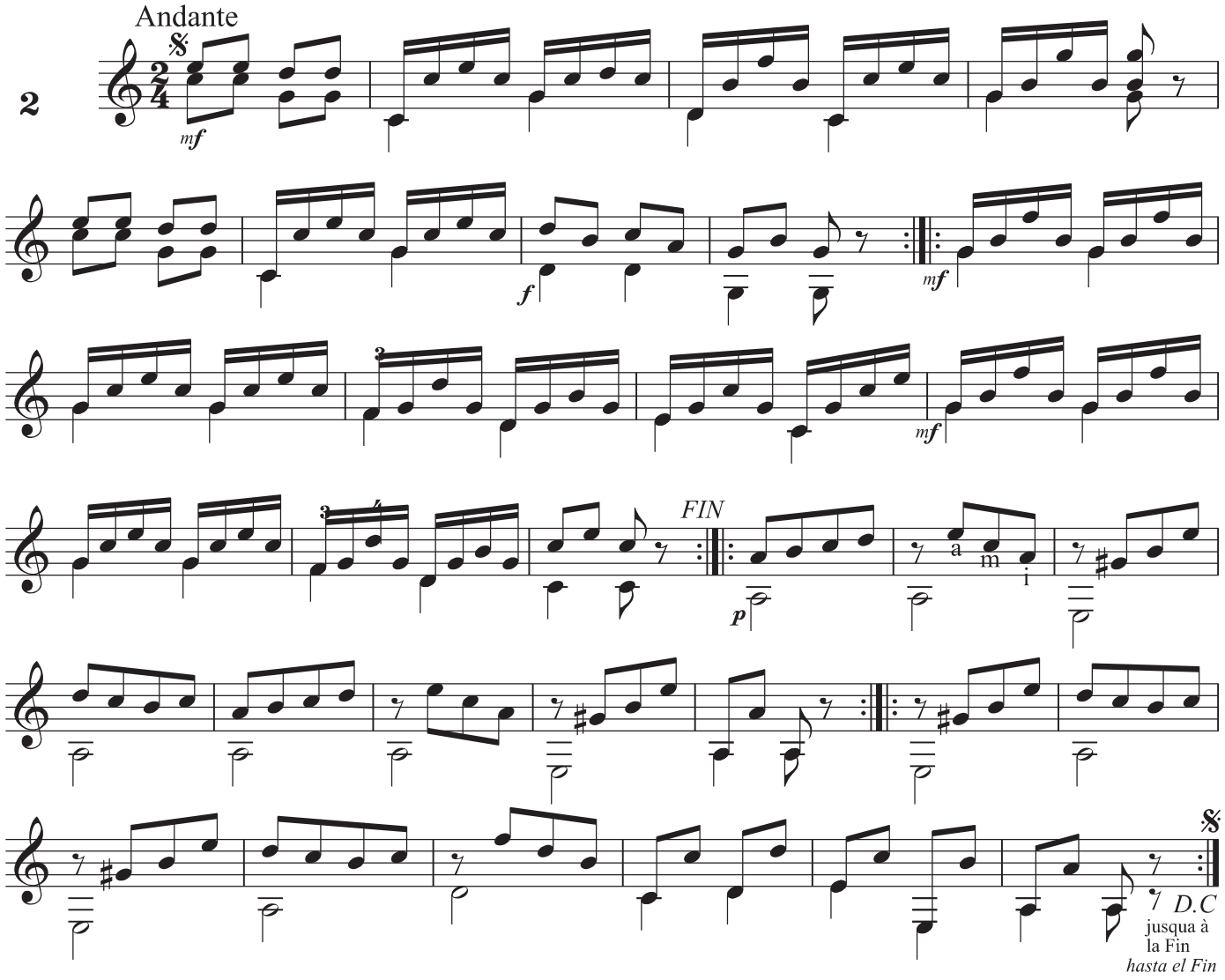
2
Andante
mf
f
mf
mf
FIN
p
a
m
i
D.C
jusqua à
la Fin
hasta el Fin

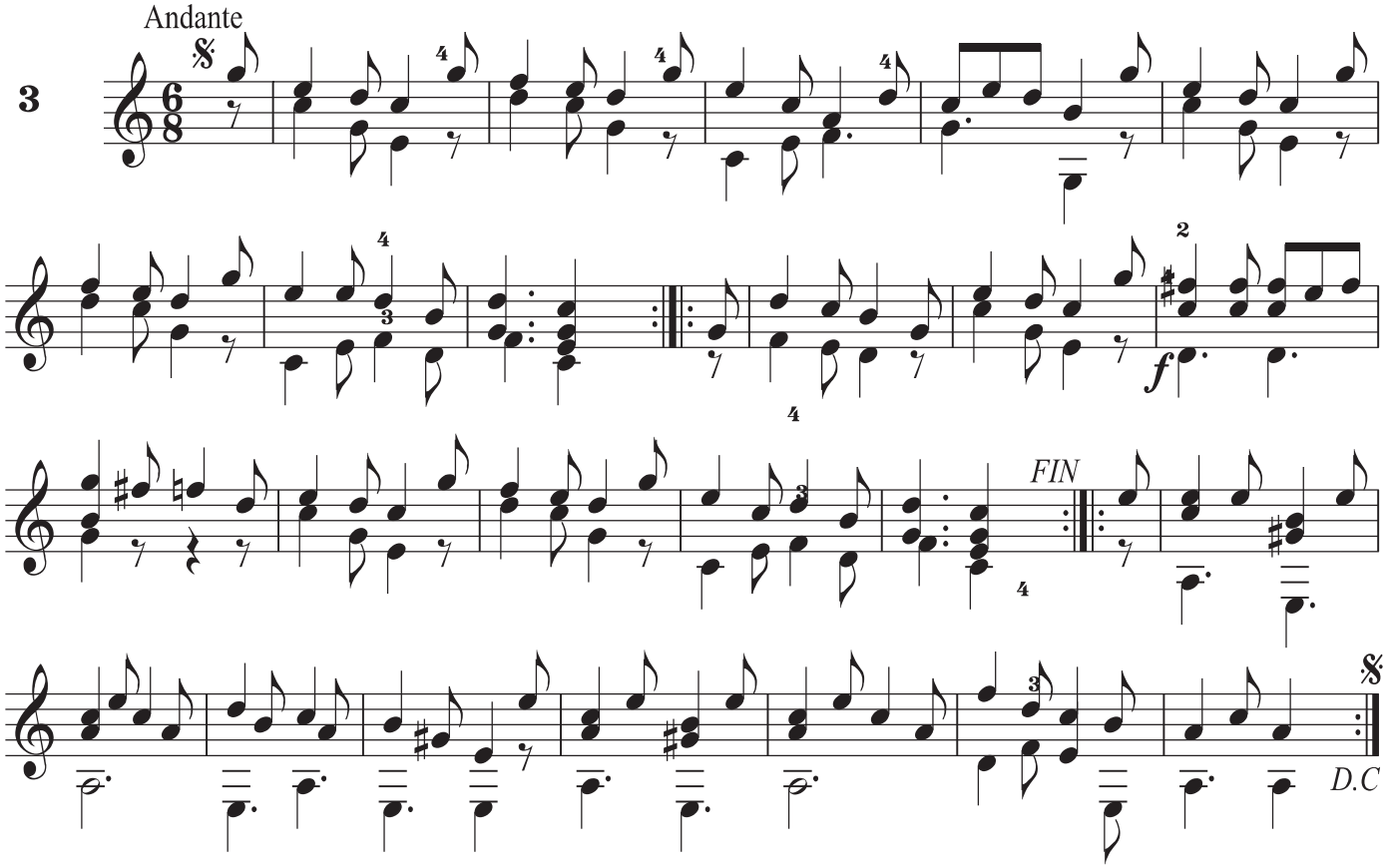
3
Andante
f
FIN
D.C

Âm giai SOL

Hợp âm và Bài tập của SOL

Valse

Vals

4

FIN

D.C

5

Andantino

mf

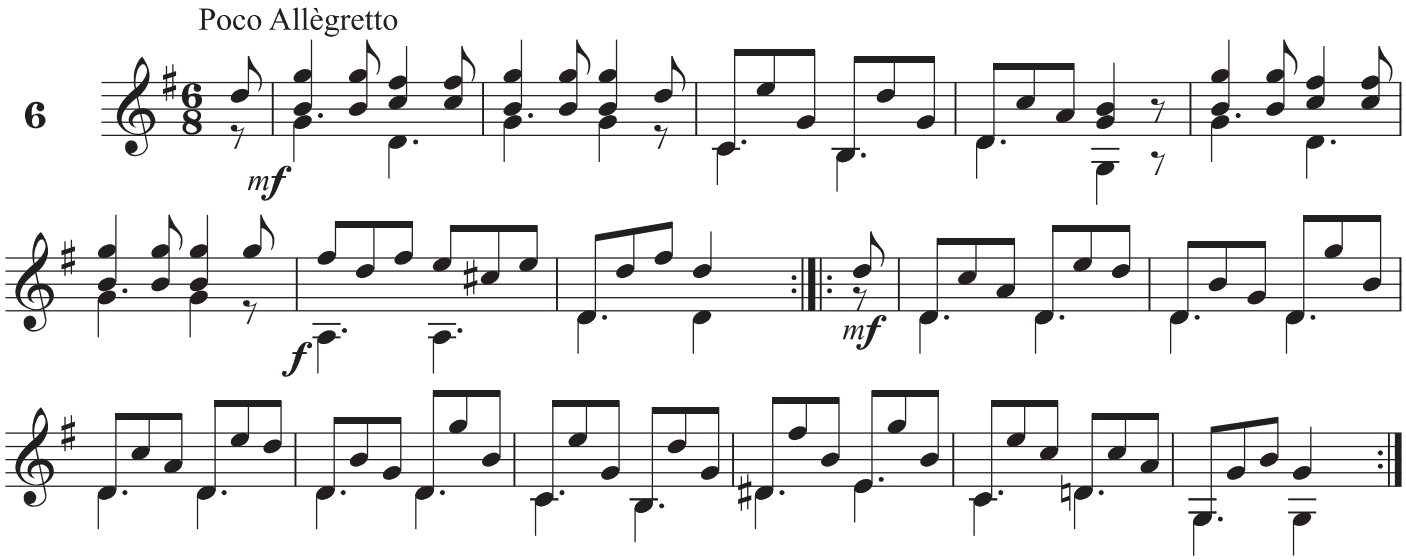

Âm giai RÉ trưởng

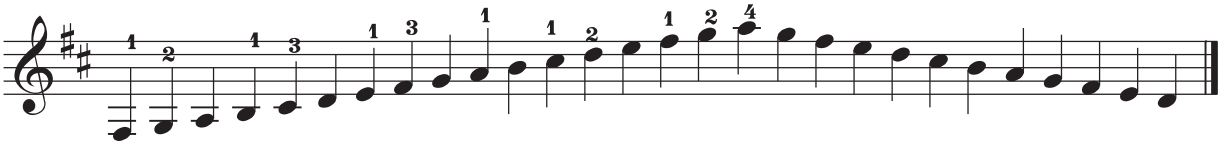

Trong hợp âm của âm giai Ré trưởng sau, dùng ngón trỏ của tay trái để bấm chặn phím

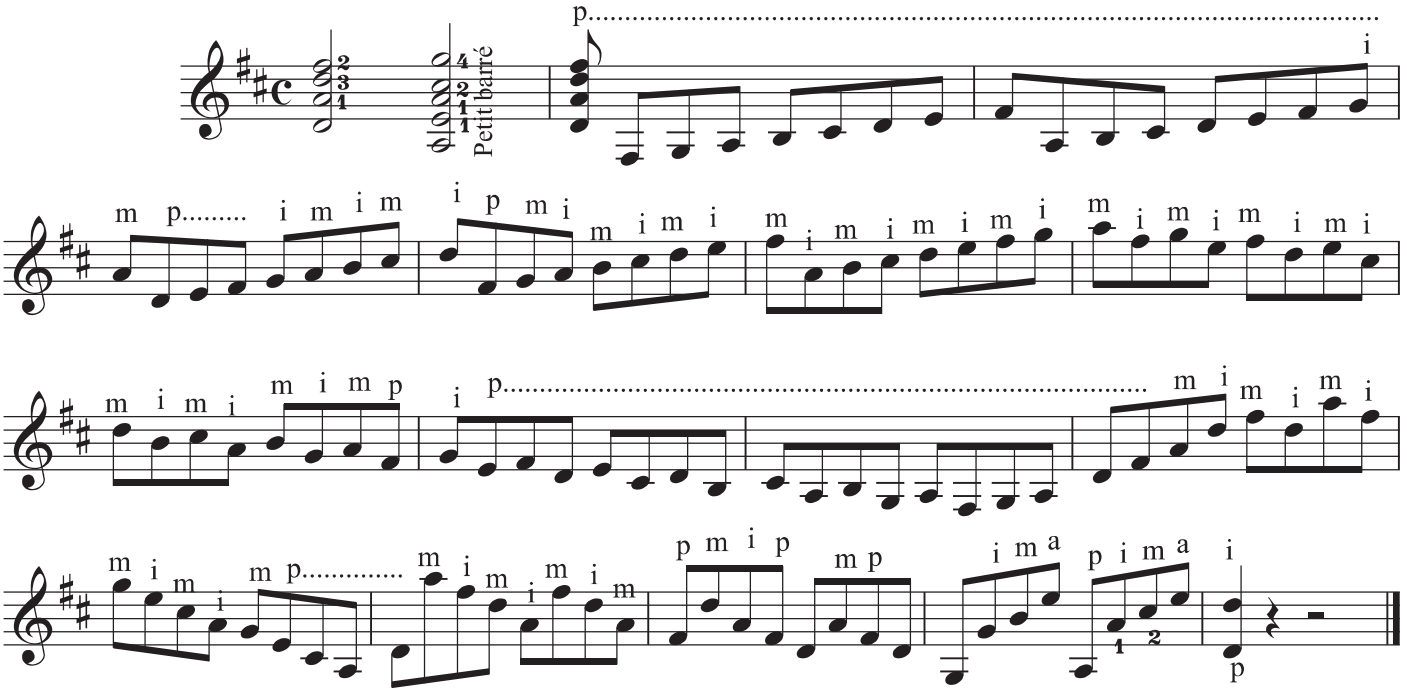

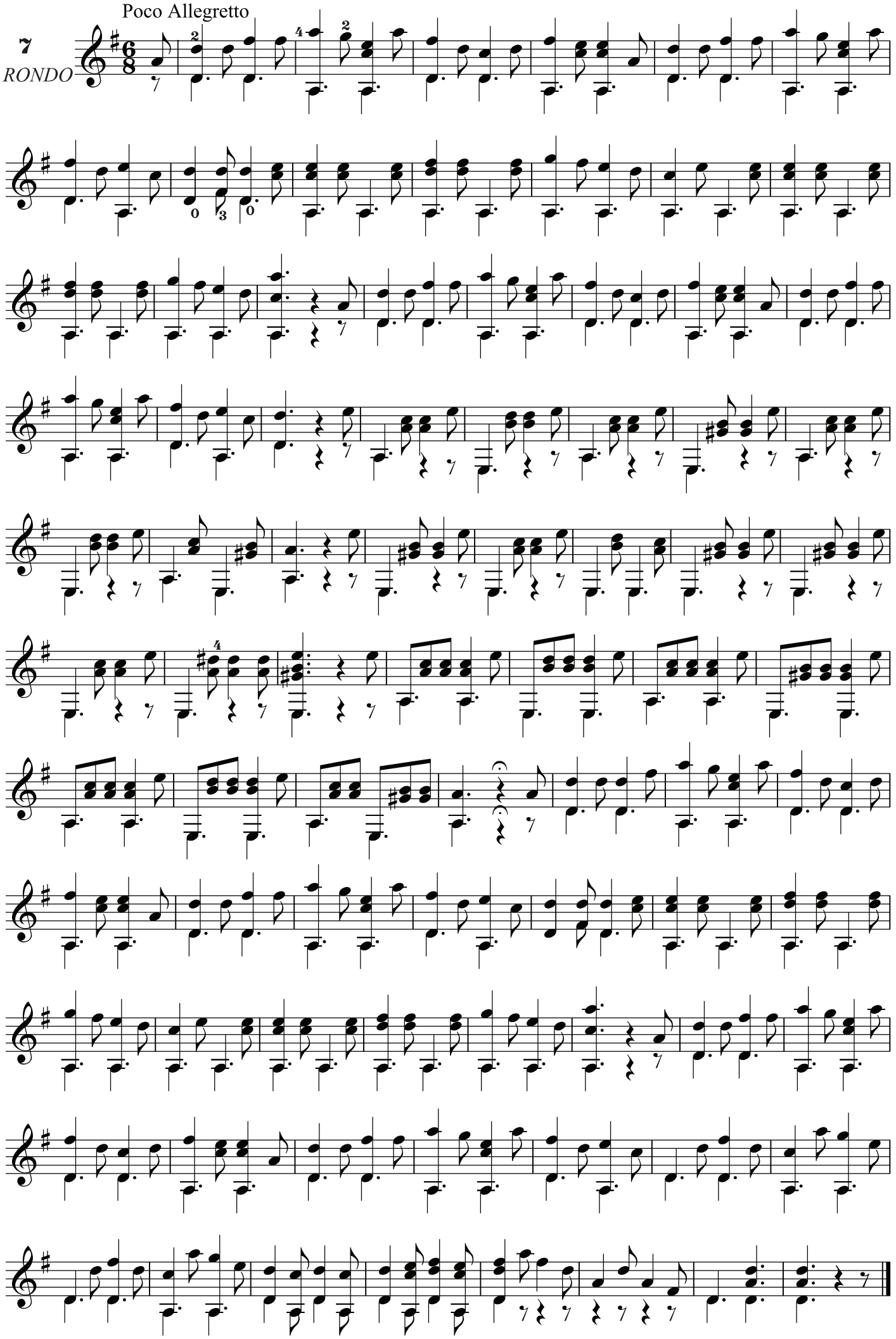
Poco Allegretto
7
RONDO

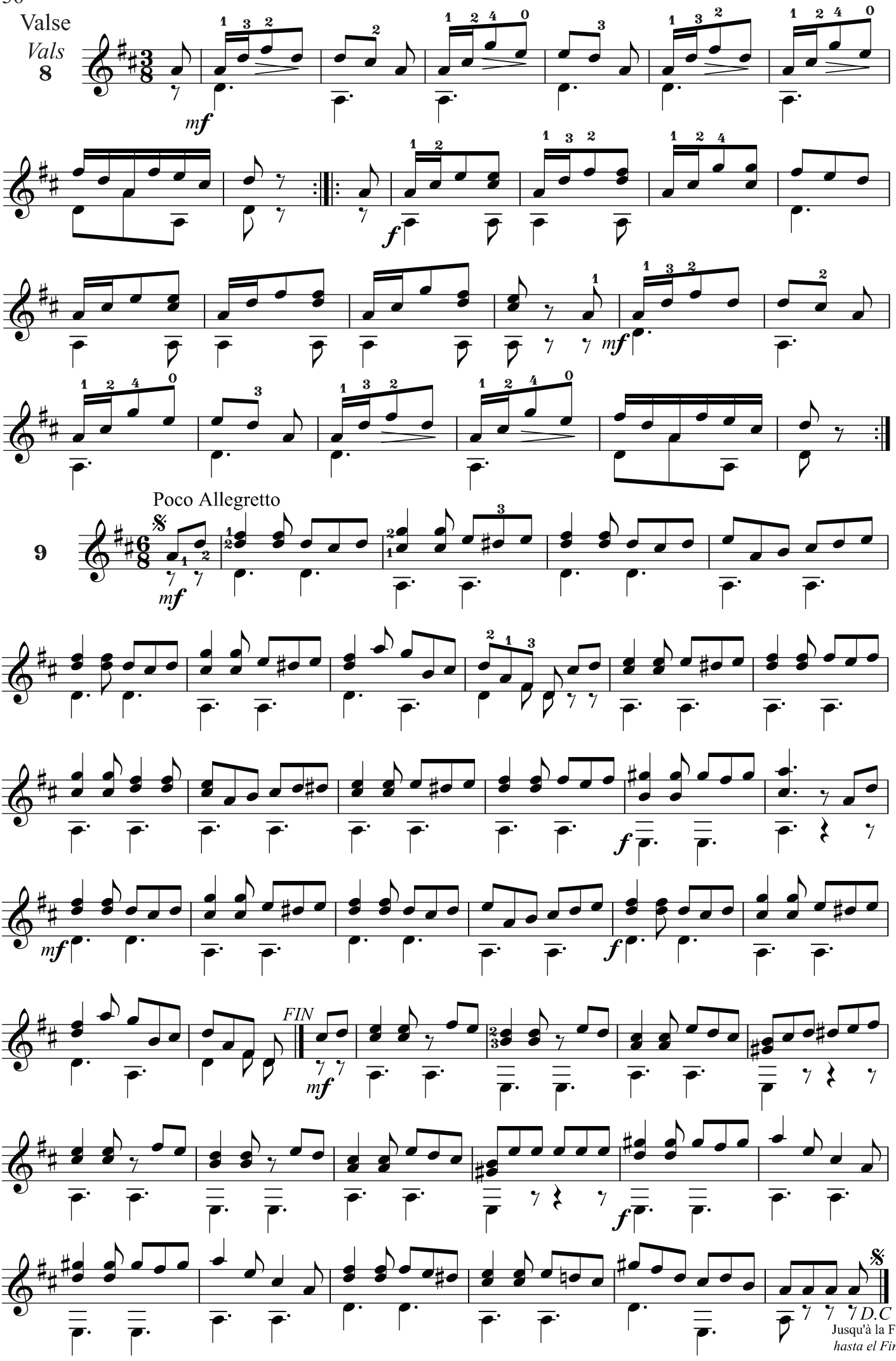
Valse
Vals
8
mf
f
mf
9
Poco Allegretto
mf
f
mf
f
FIN
mf
f
D.C
Jusqu'à la Fin.
hasta el Fin.

Andante grazioso

10

mf

f

p

Gamme en *LA*
Escala de *LA*

Hợp âm và
Bài tập của LA

Petit barré

Valse

Vals

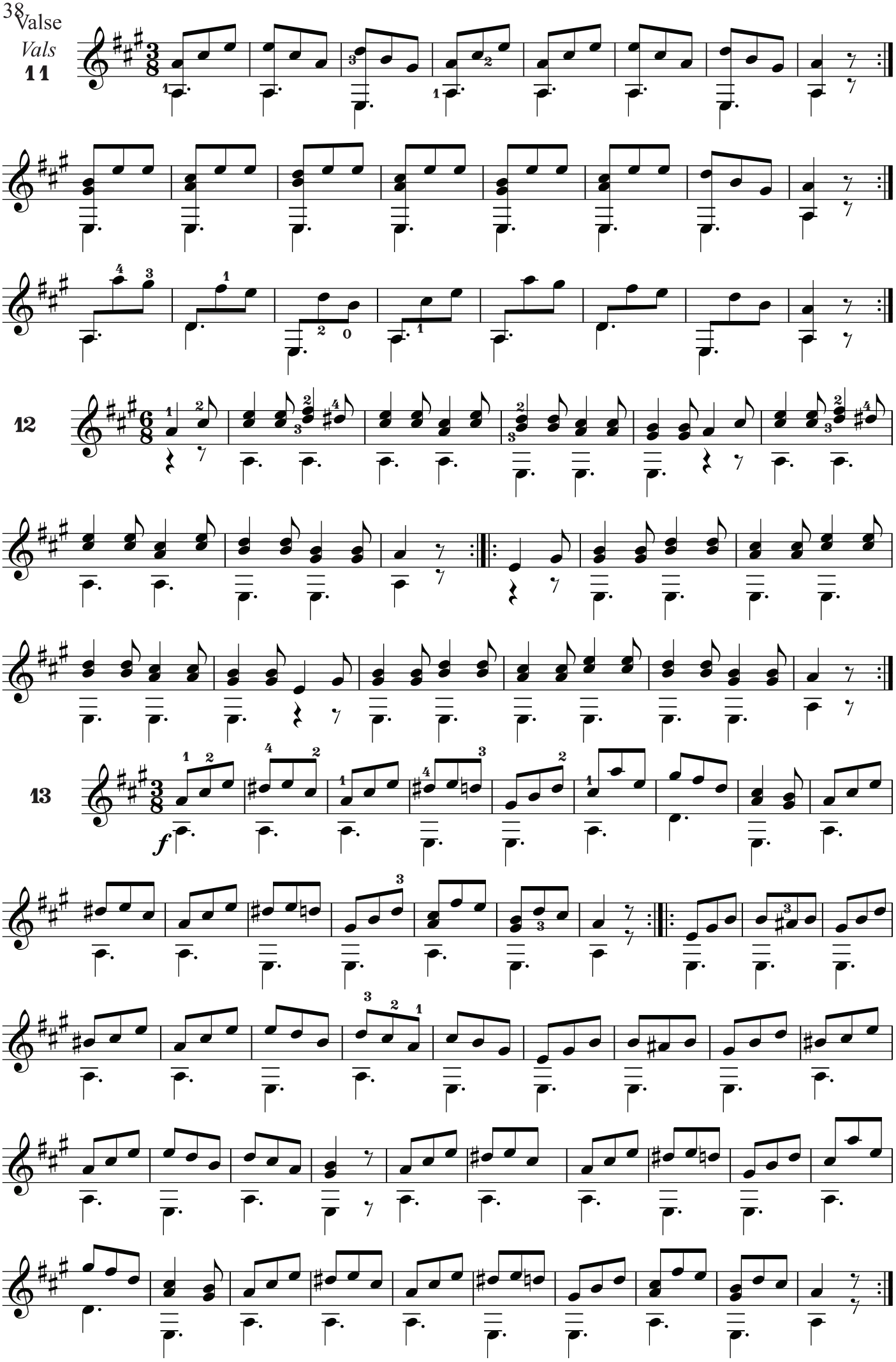

Gamme en *MI*
Escala de *MI*

Hợp âm và
Bài tập của MI

14 Allegretto

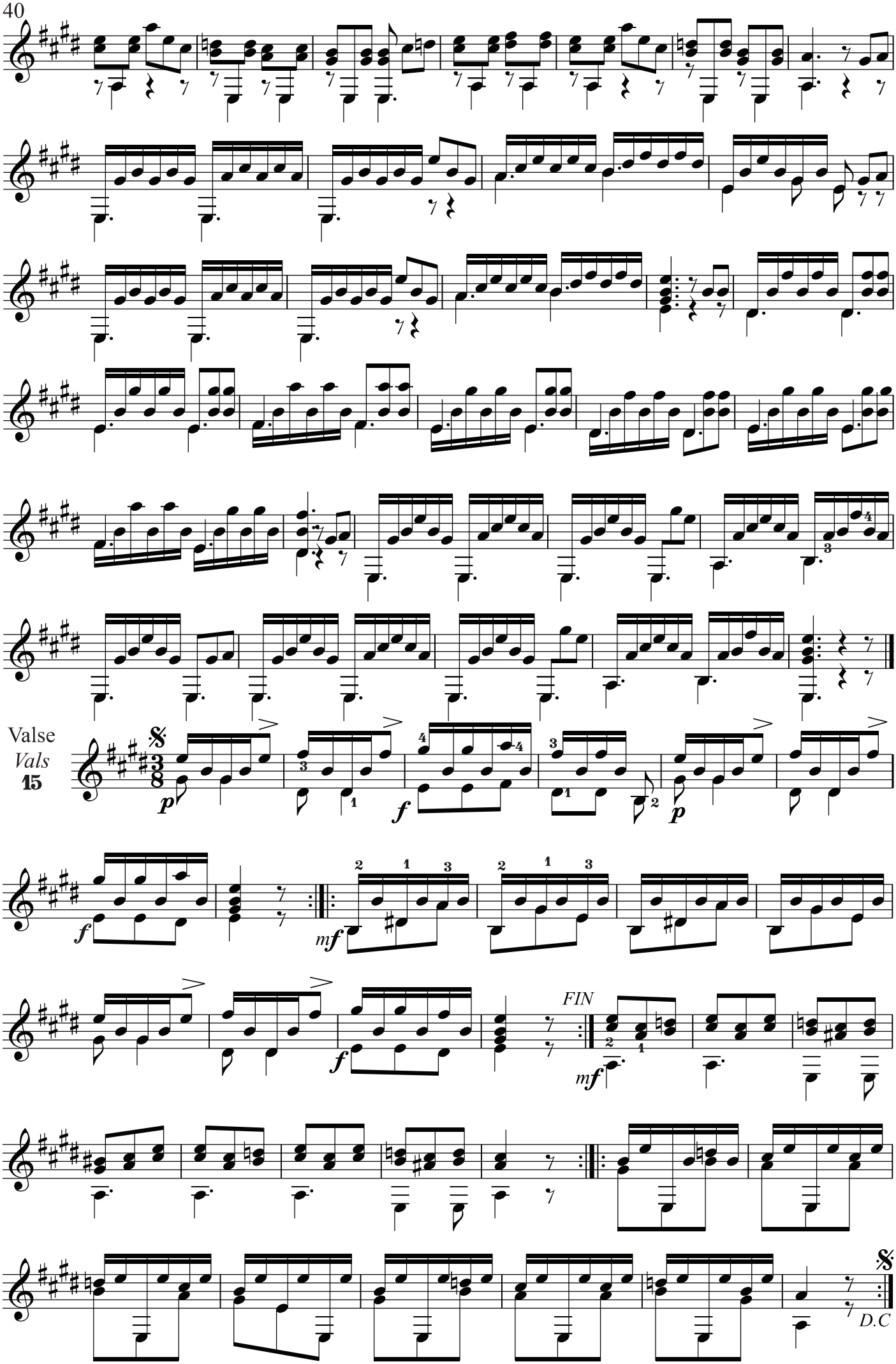
Valse
Vals
15
p
f
mf
FIN
D.C

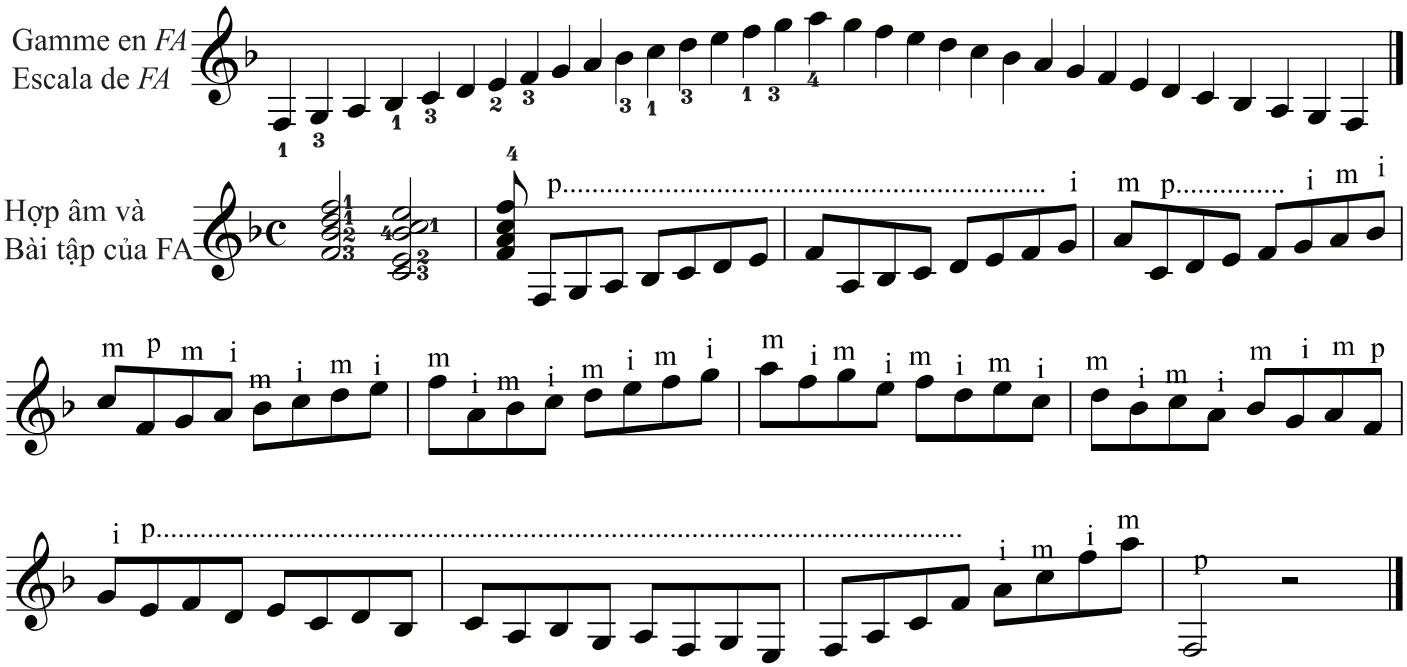
Gamme en *FA*
Escala de *FA*
Hợp âm và
Bài tập của FA

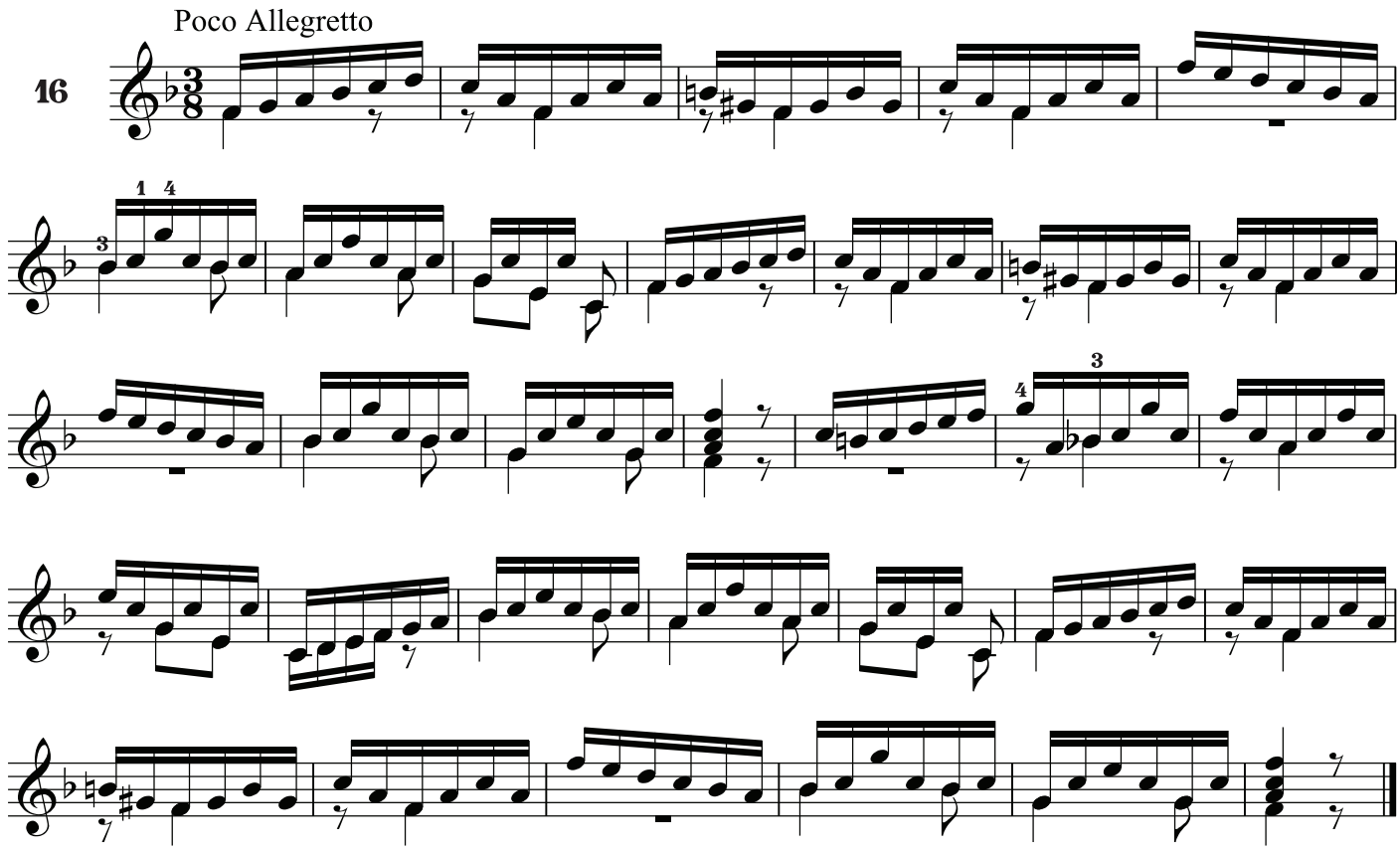
Poco Allegretto
16

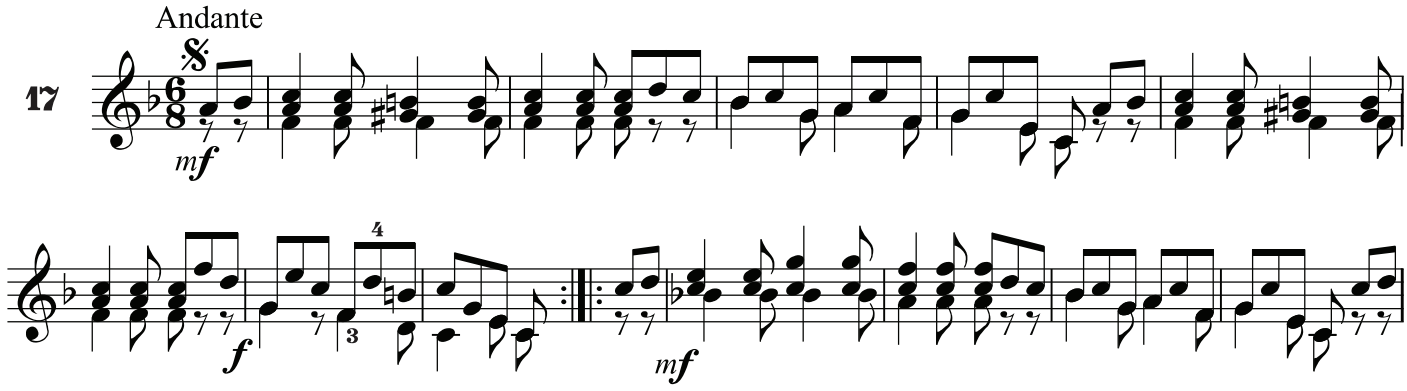
Andante
17

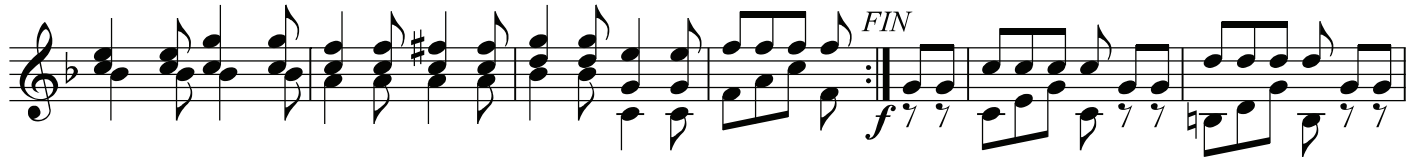

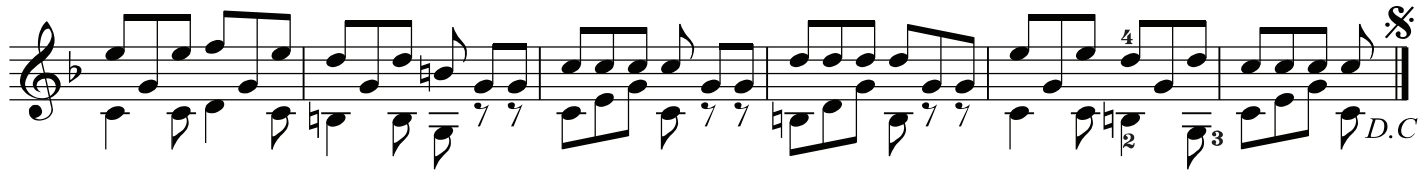

Gamme en
LA mineur

Escala de
LA menor

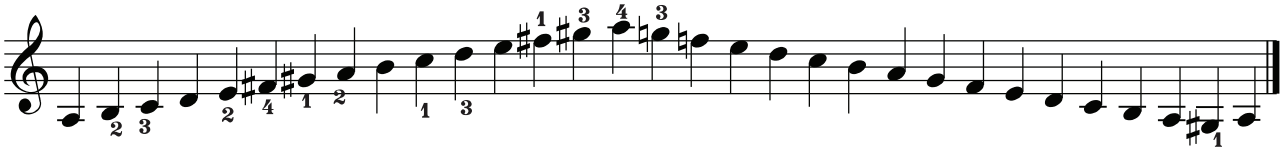

Hợp âm và
Bài tập của
La thứ

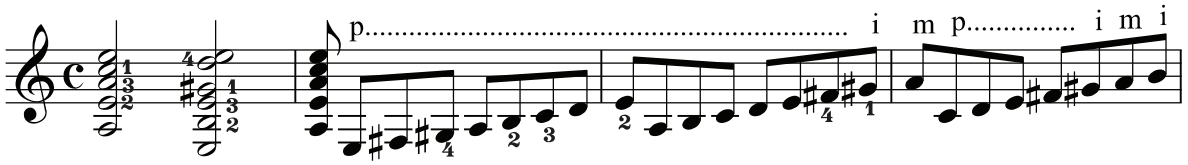

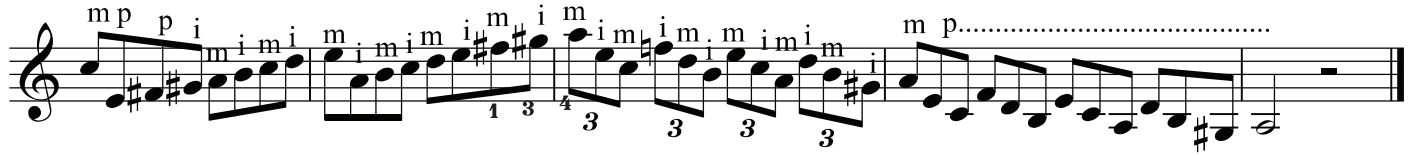

Andante

18

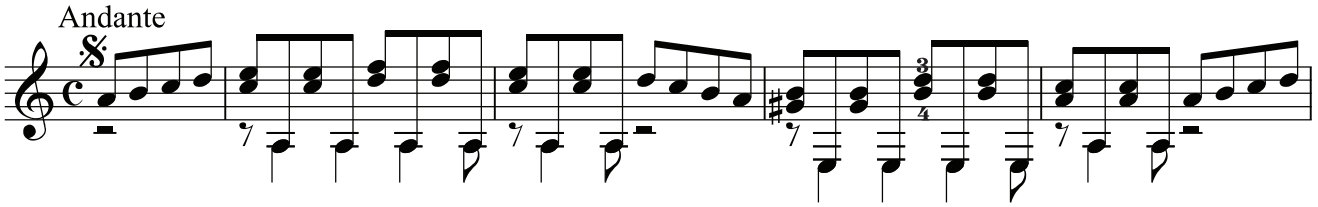

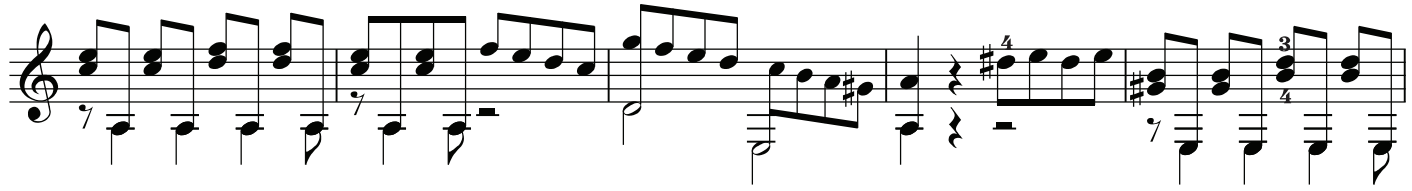

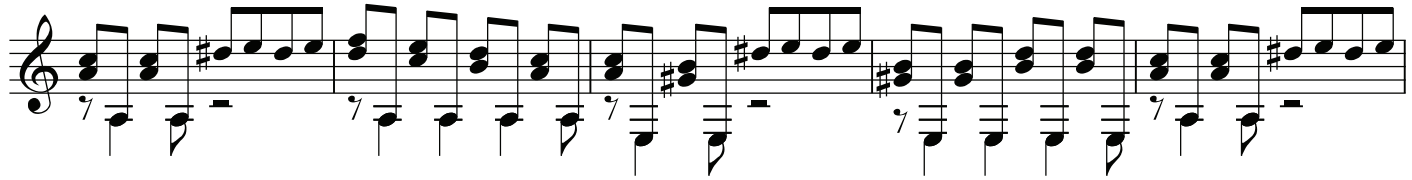

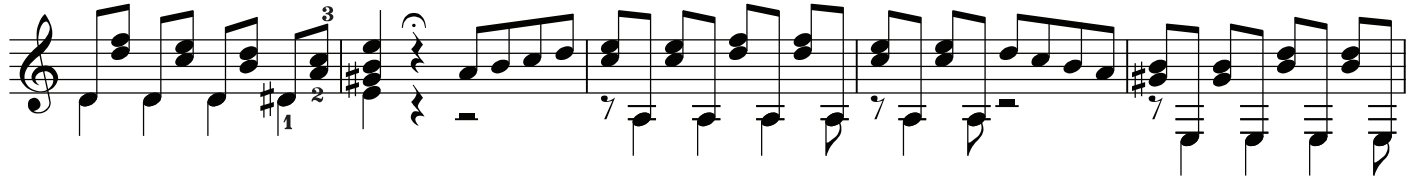

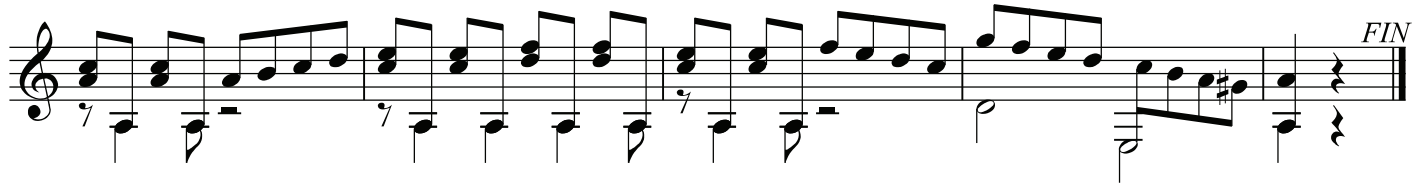

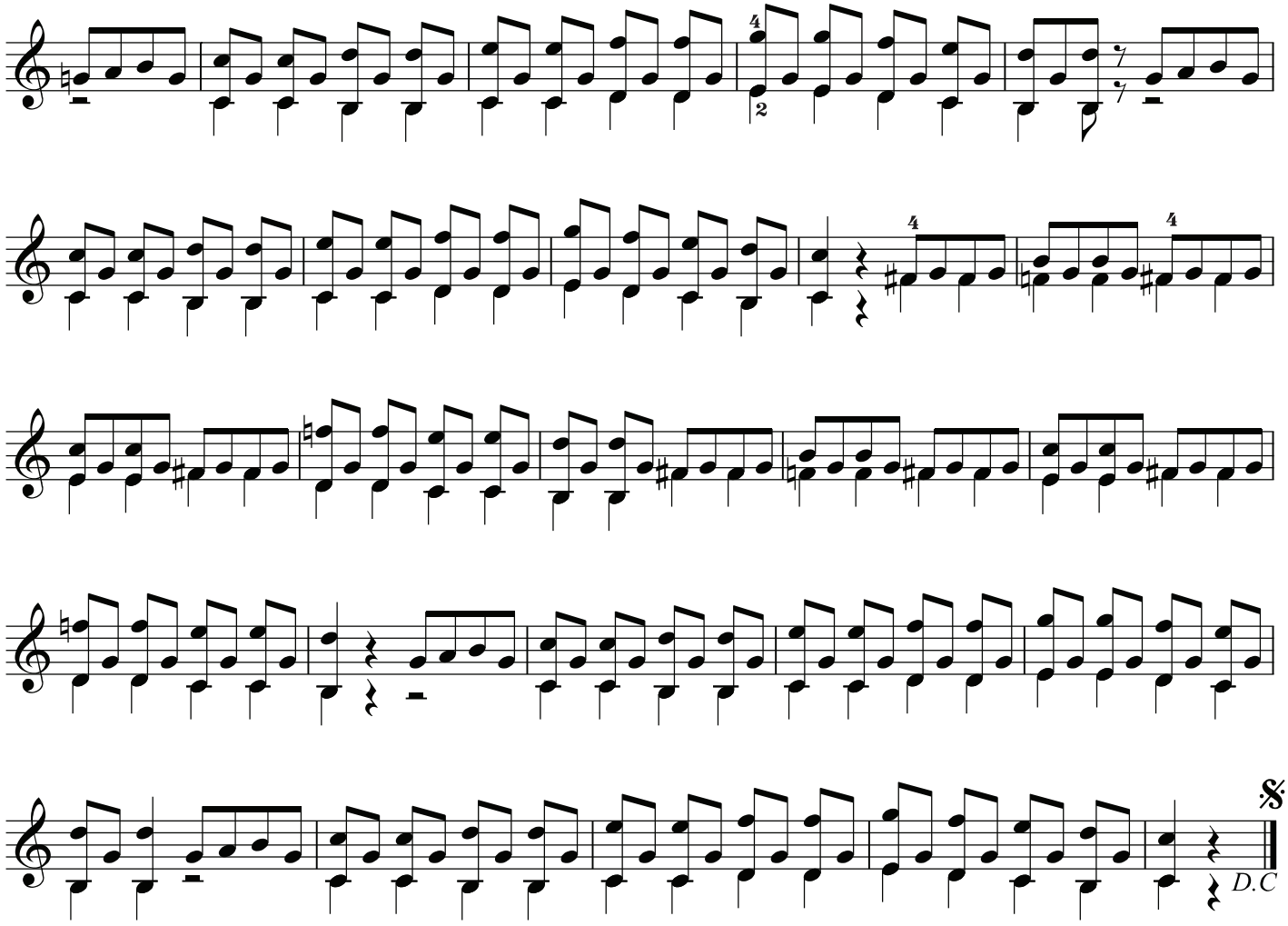

19 Andantino

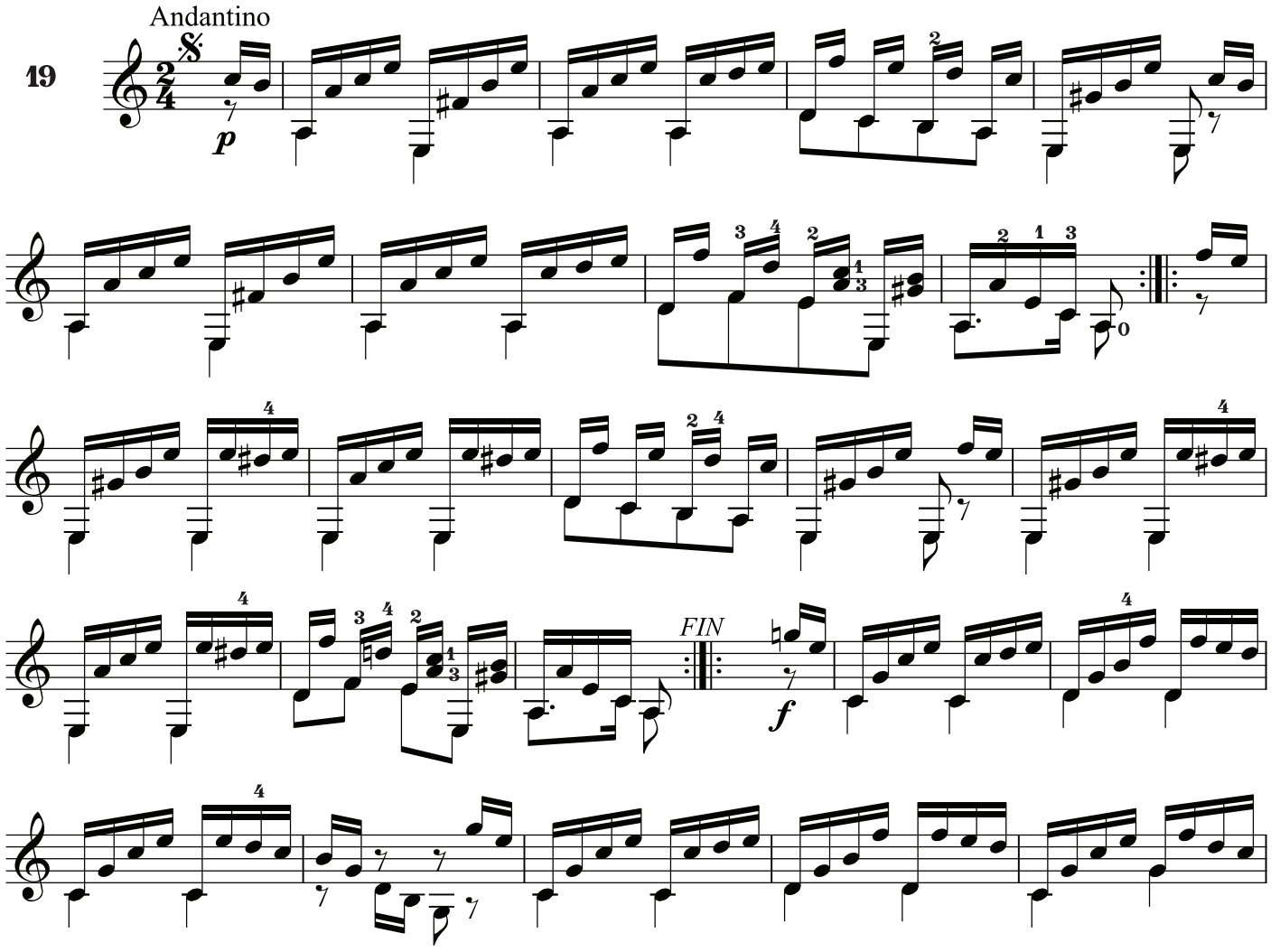

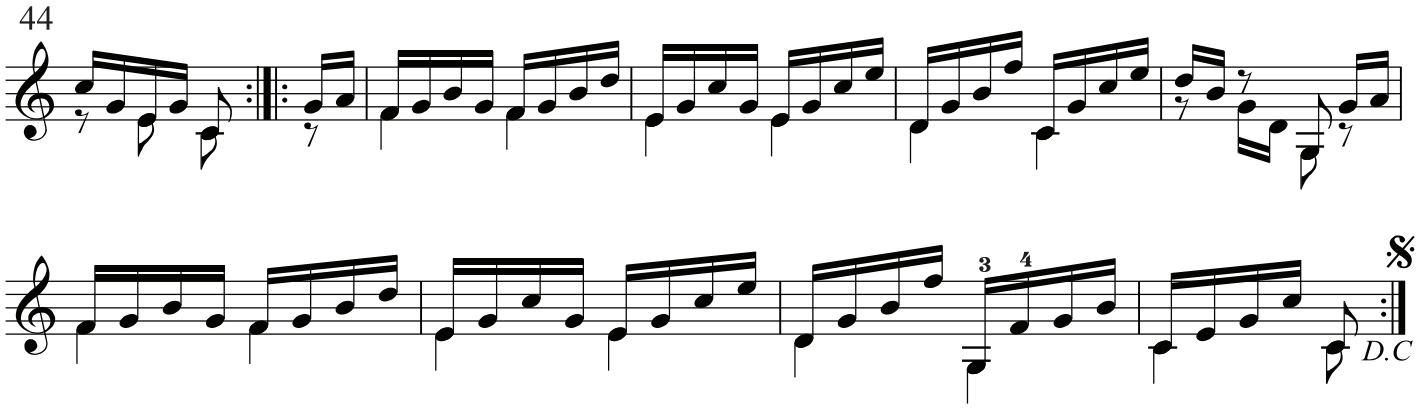

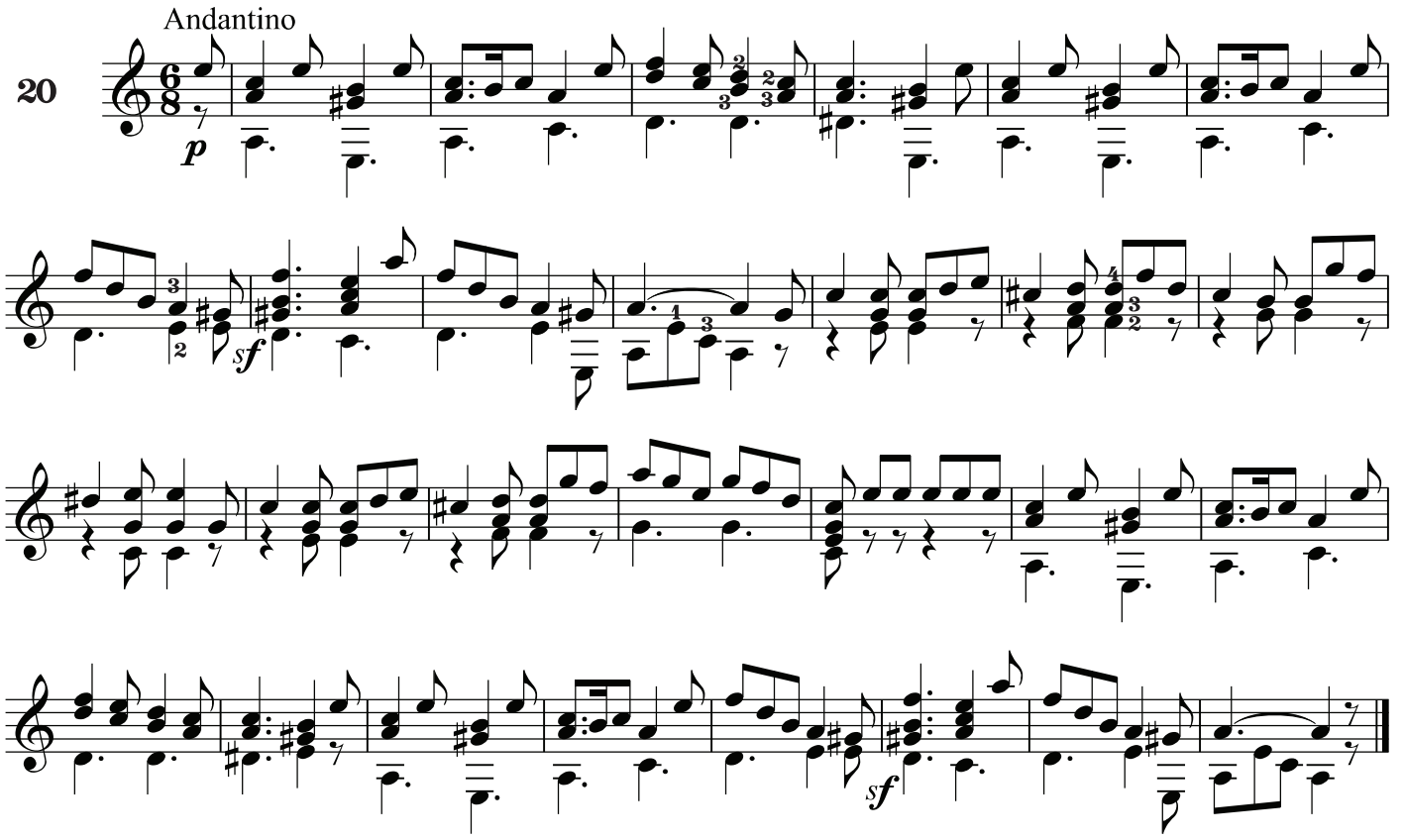

Gamme en *MI* mineur

Escala de *MI* menor

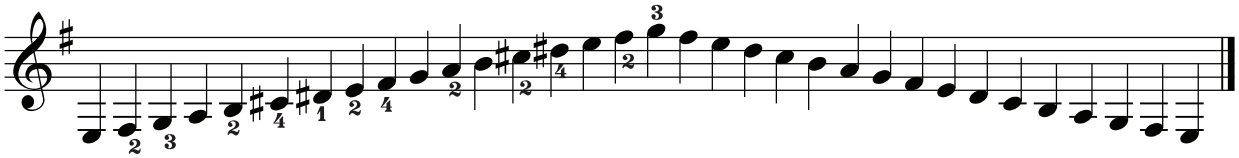

Hợp âm và Bài tập của MI thứ

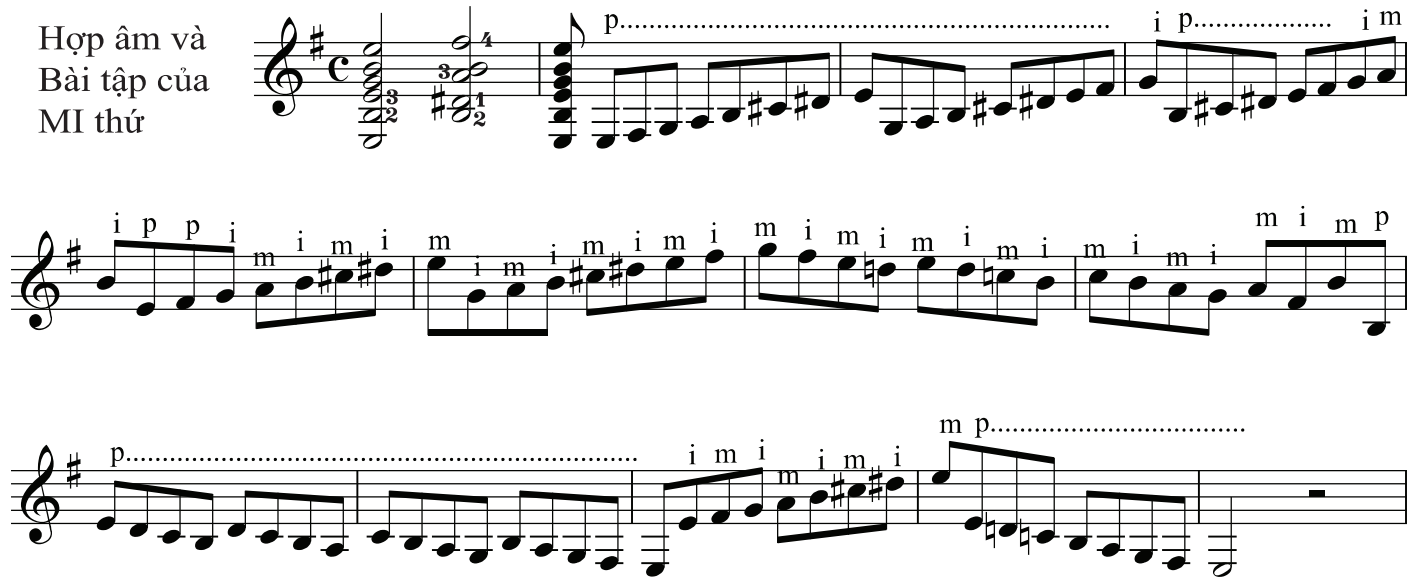

Valse
Vals
21

FIN

D.C

Gamme en
RE mineur
Escala de
RE menor

Hợp âm và
Bài tập của
RÉ thứ

Allegretto

22

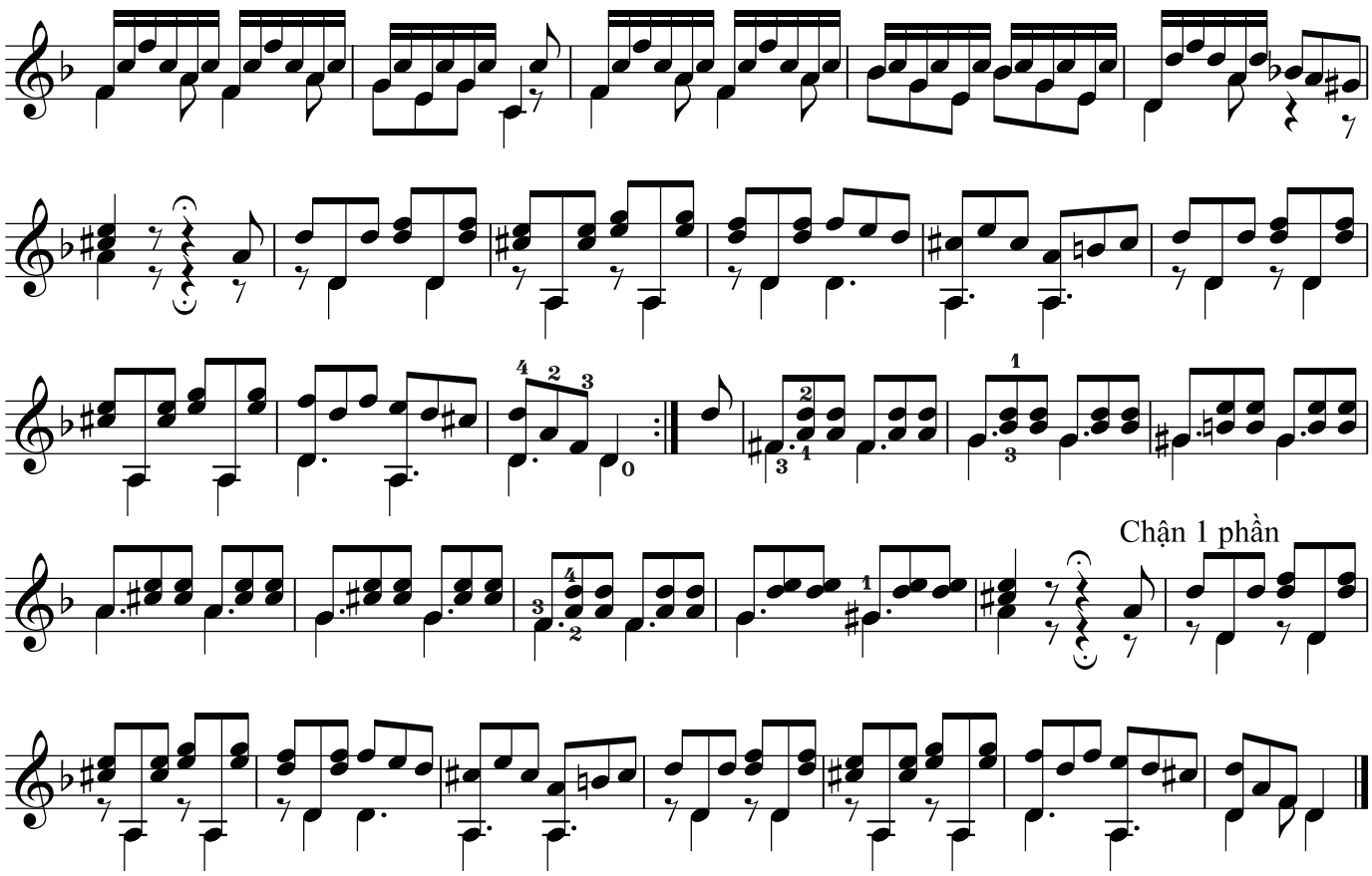

CÁC BÀI TẬP TIẾP THEO ĐỂ TẬP QUEN VỚI THẾ BẤM THỨ NHẤT

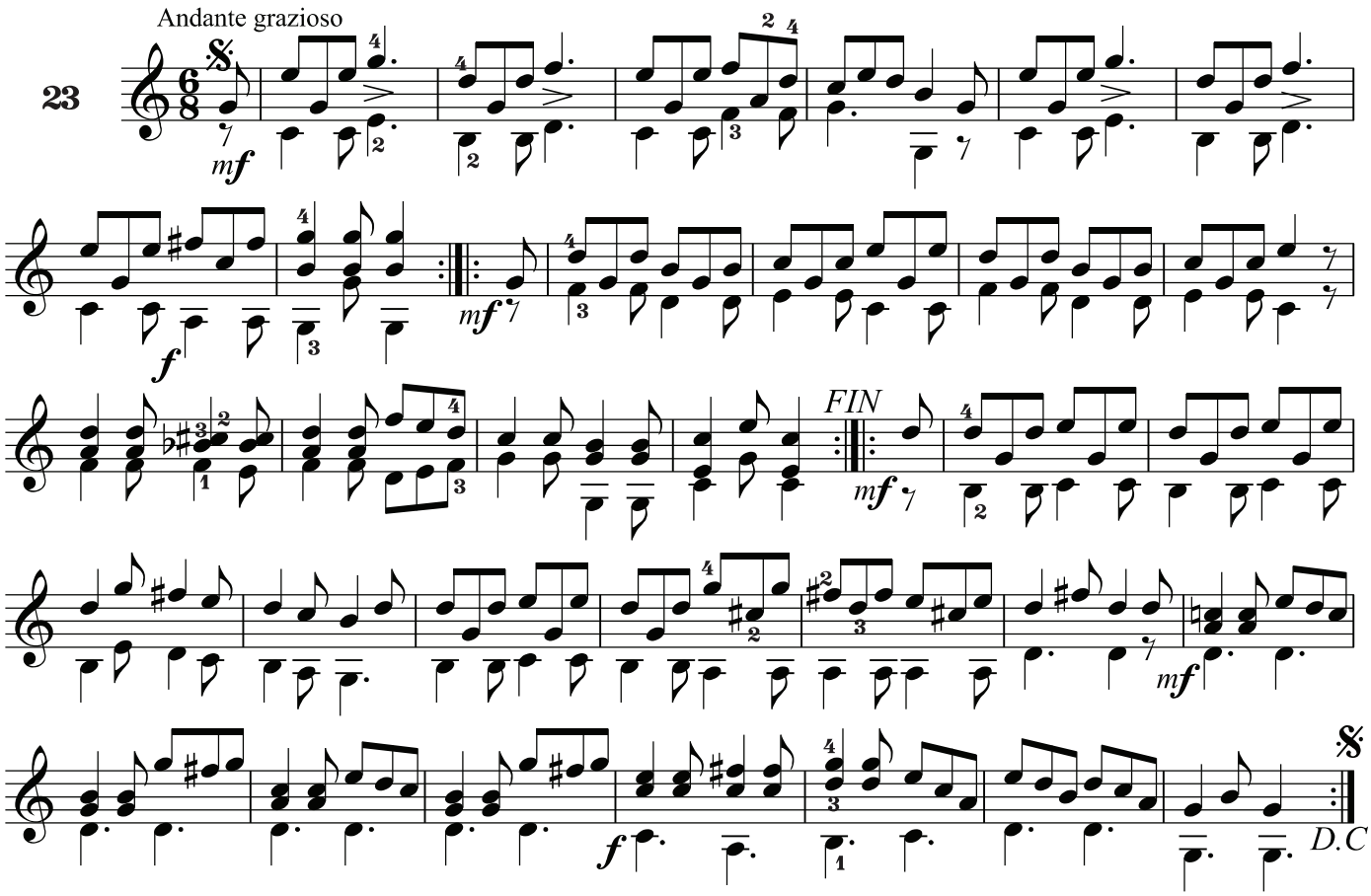

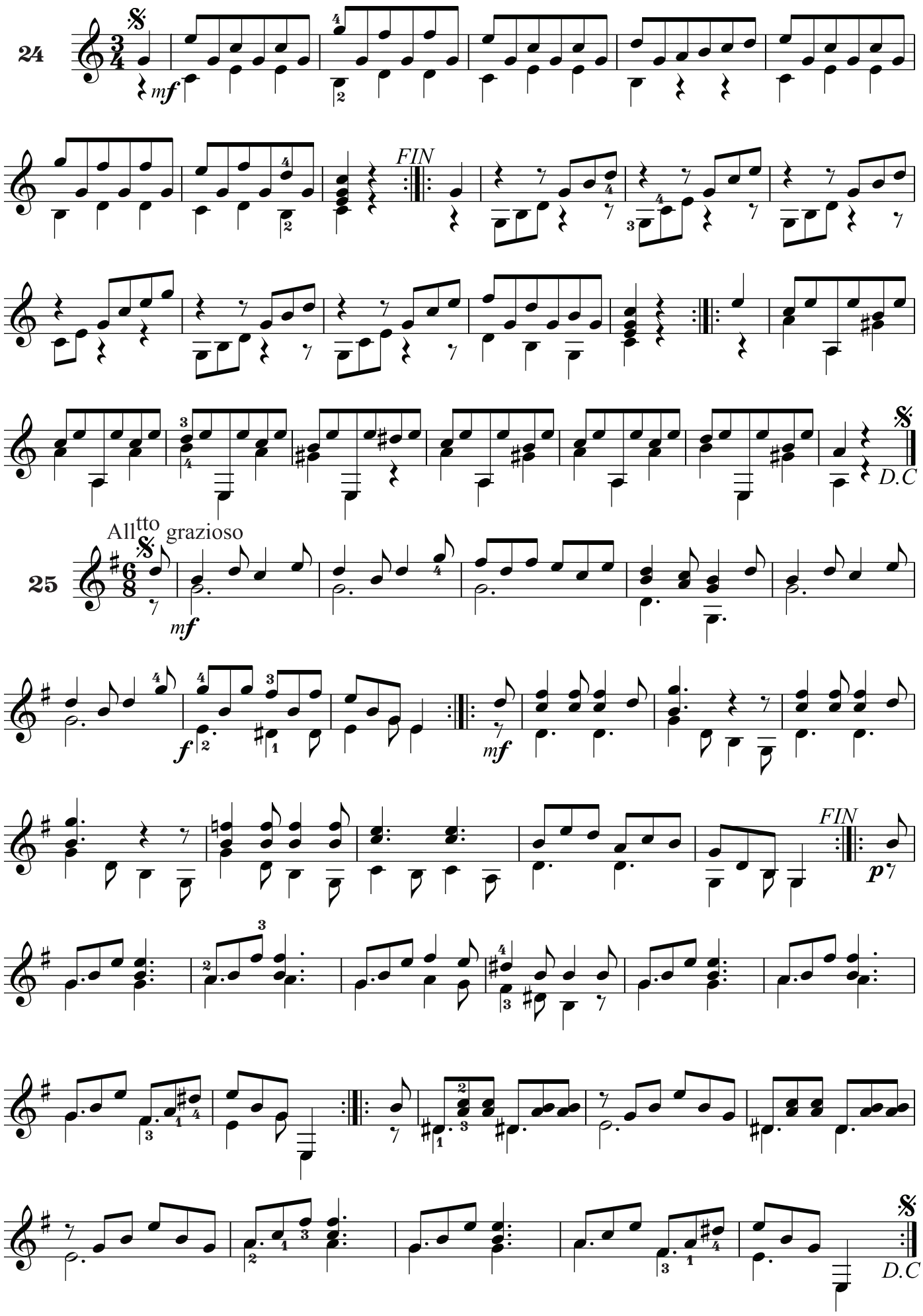
24
mf
FIN
D.C
25
Allegretto grazioso
mf
f
mf
FIN
p
D.C

Polonaise

Polonesa

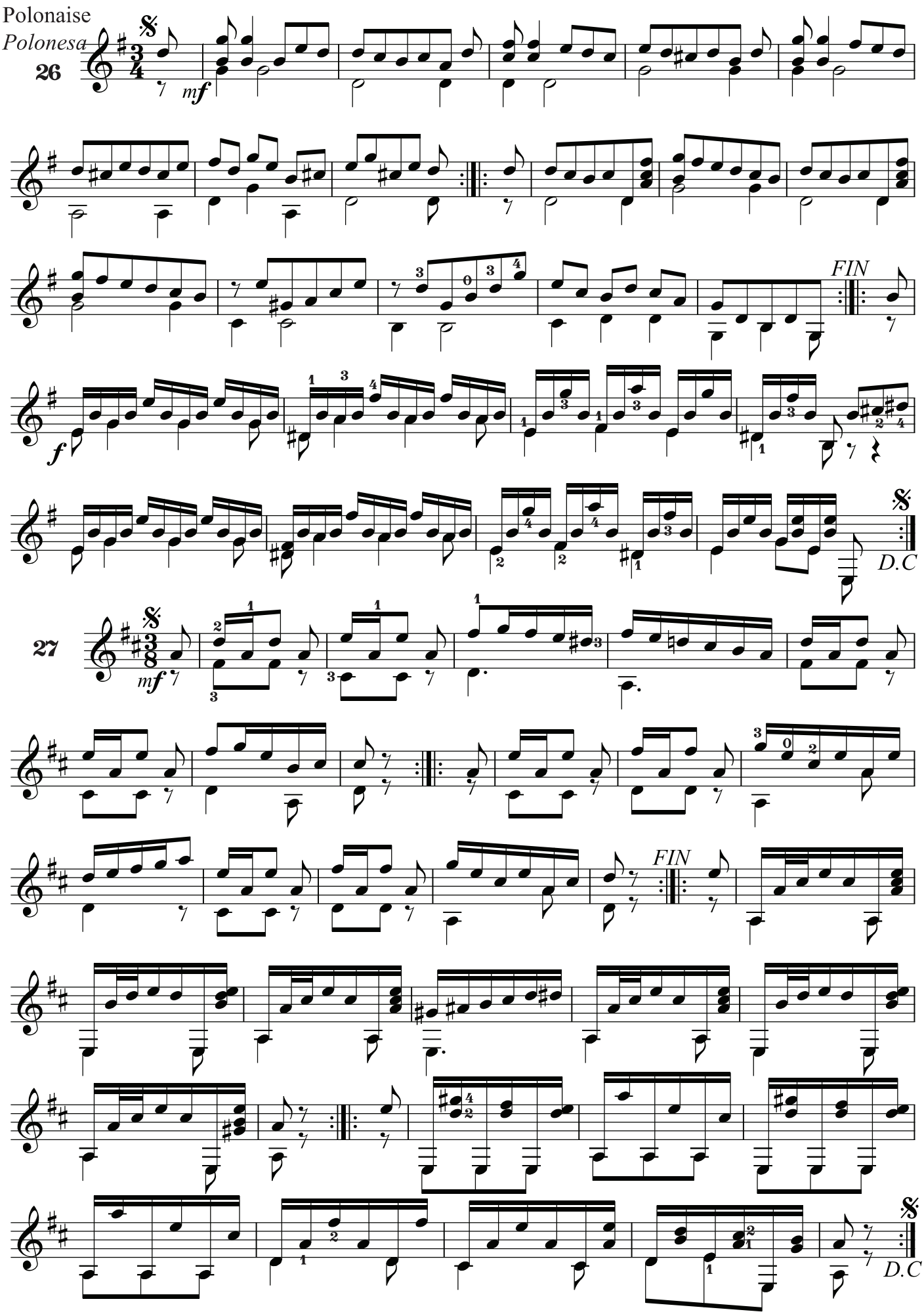

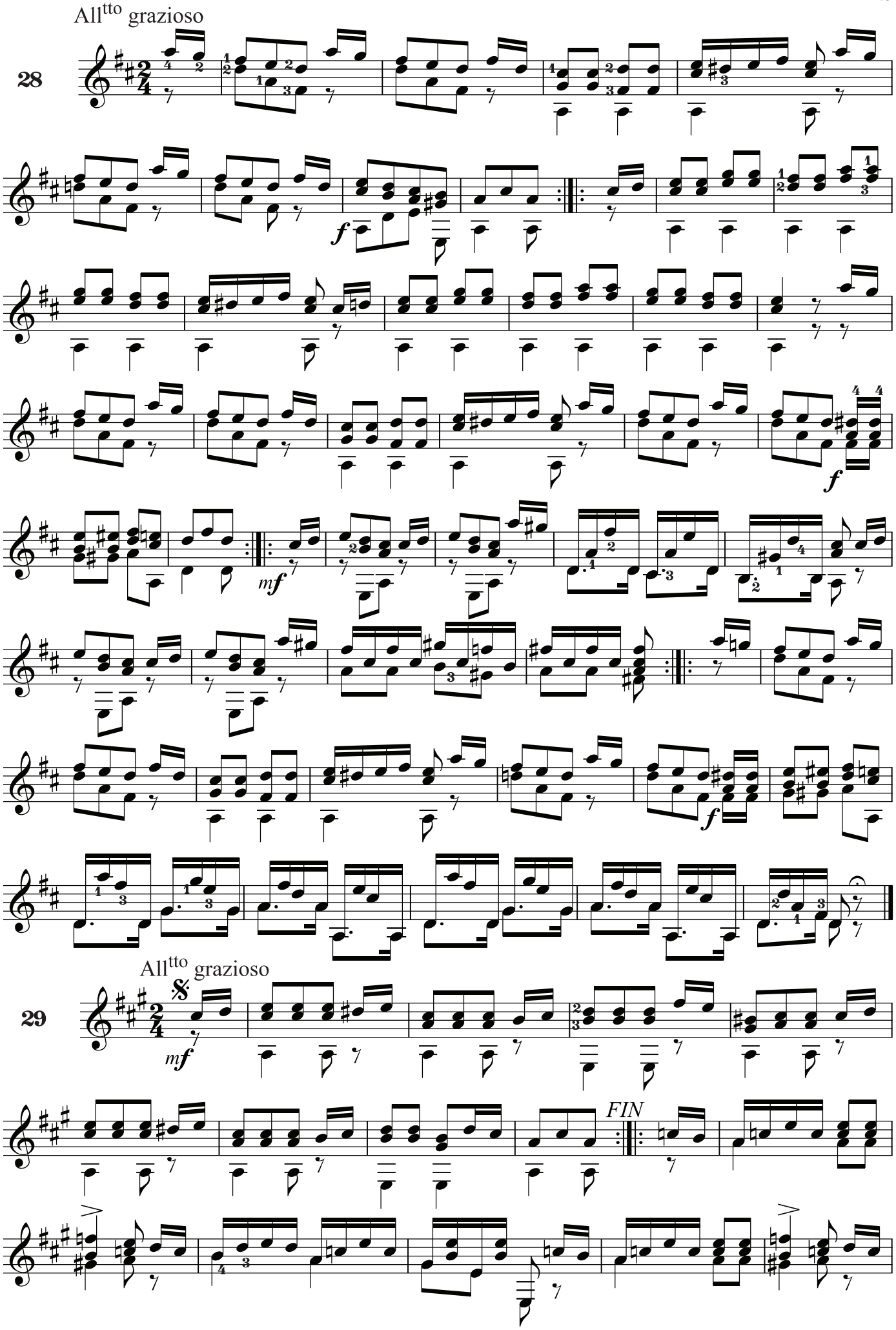
All^tto grazioso
28
f
mf
f
All^tto grazioso
29
mf
FIN

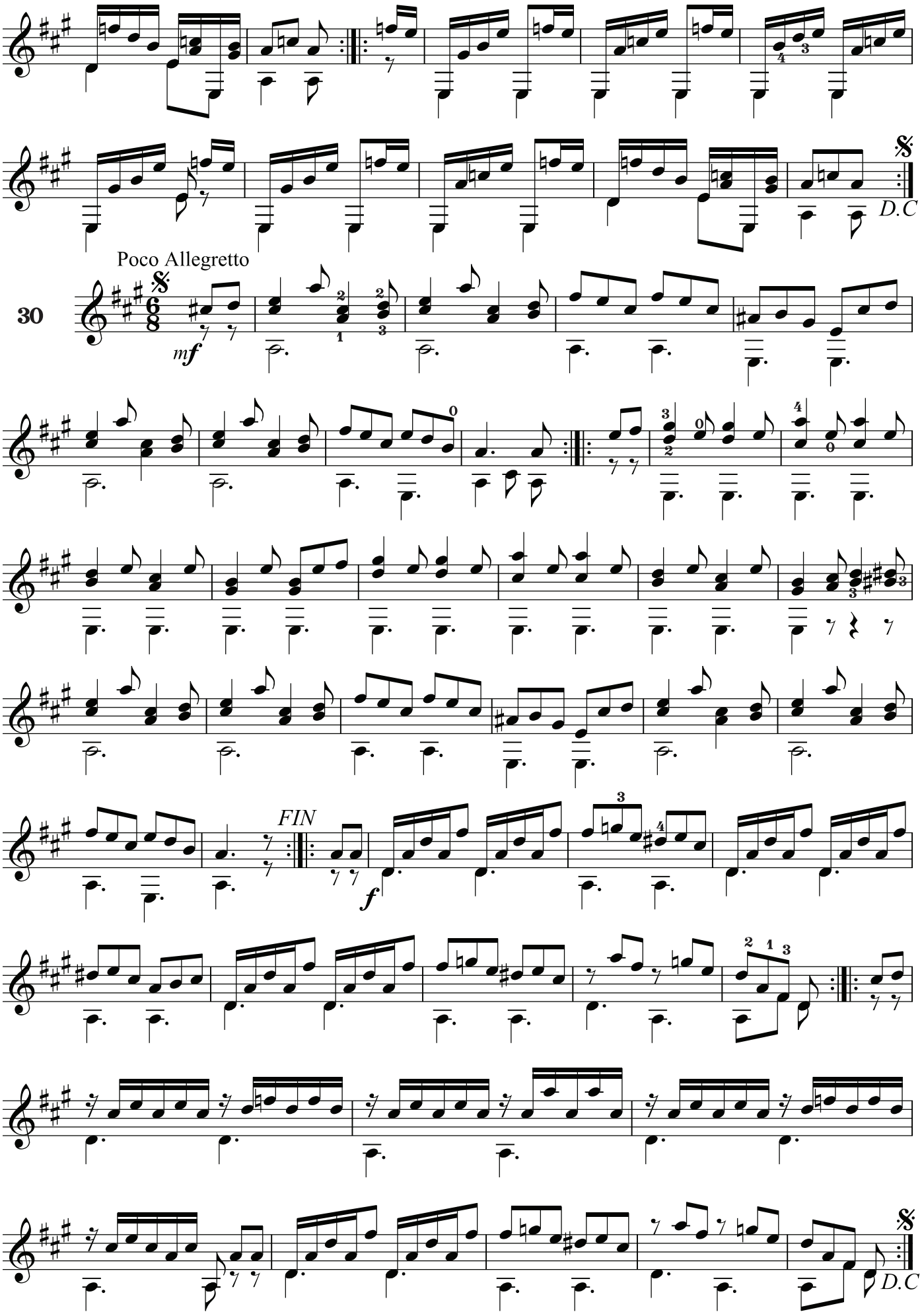
D.C
Poco Allegretto
30
mf
FIN
f
D.C

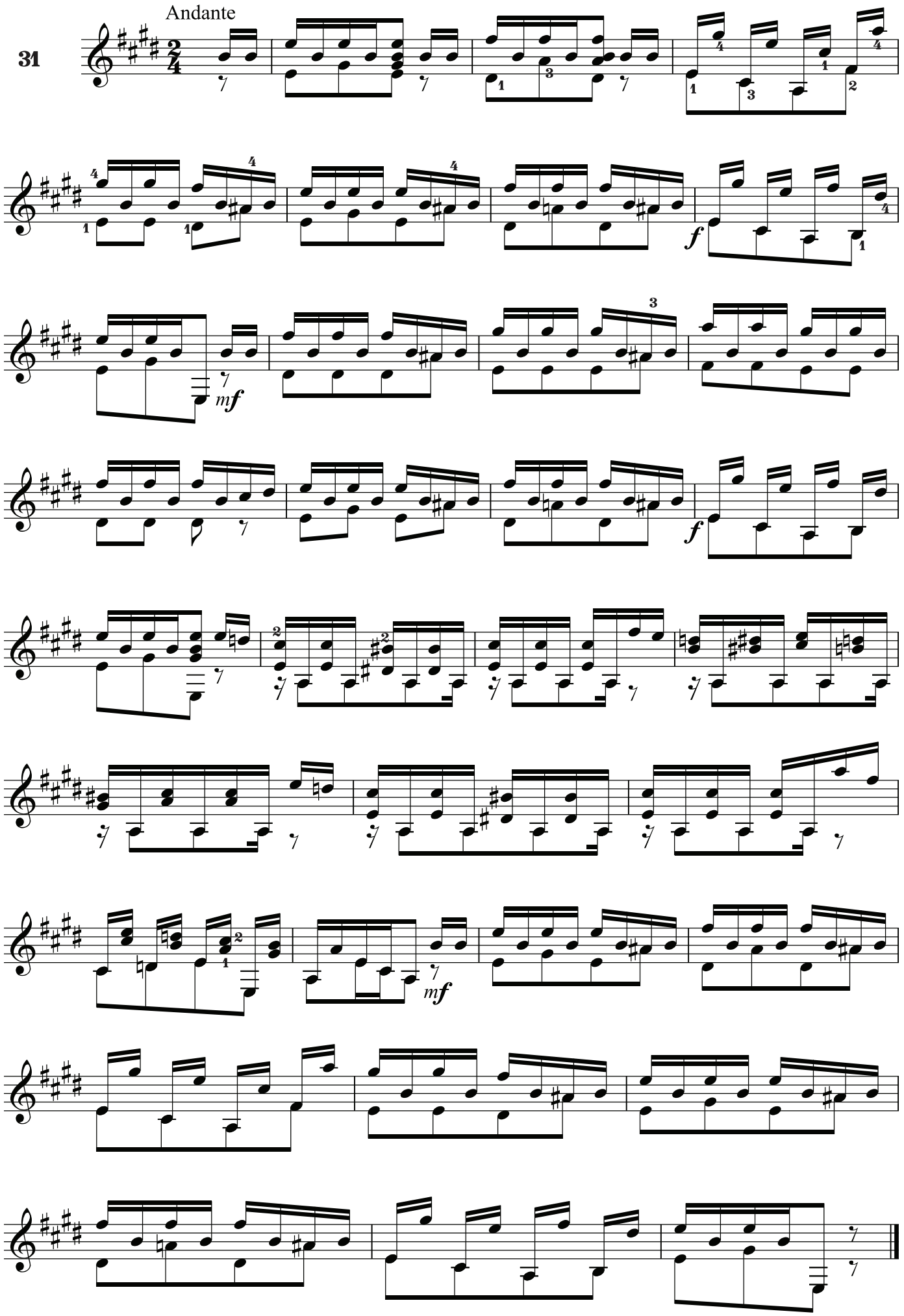
31
Andante
f
mf
f
mf

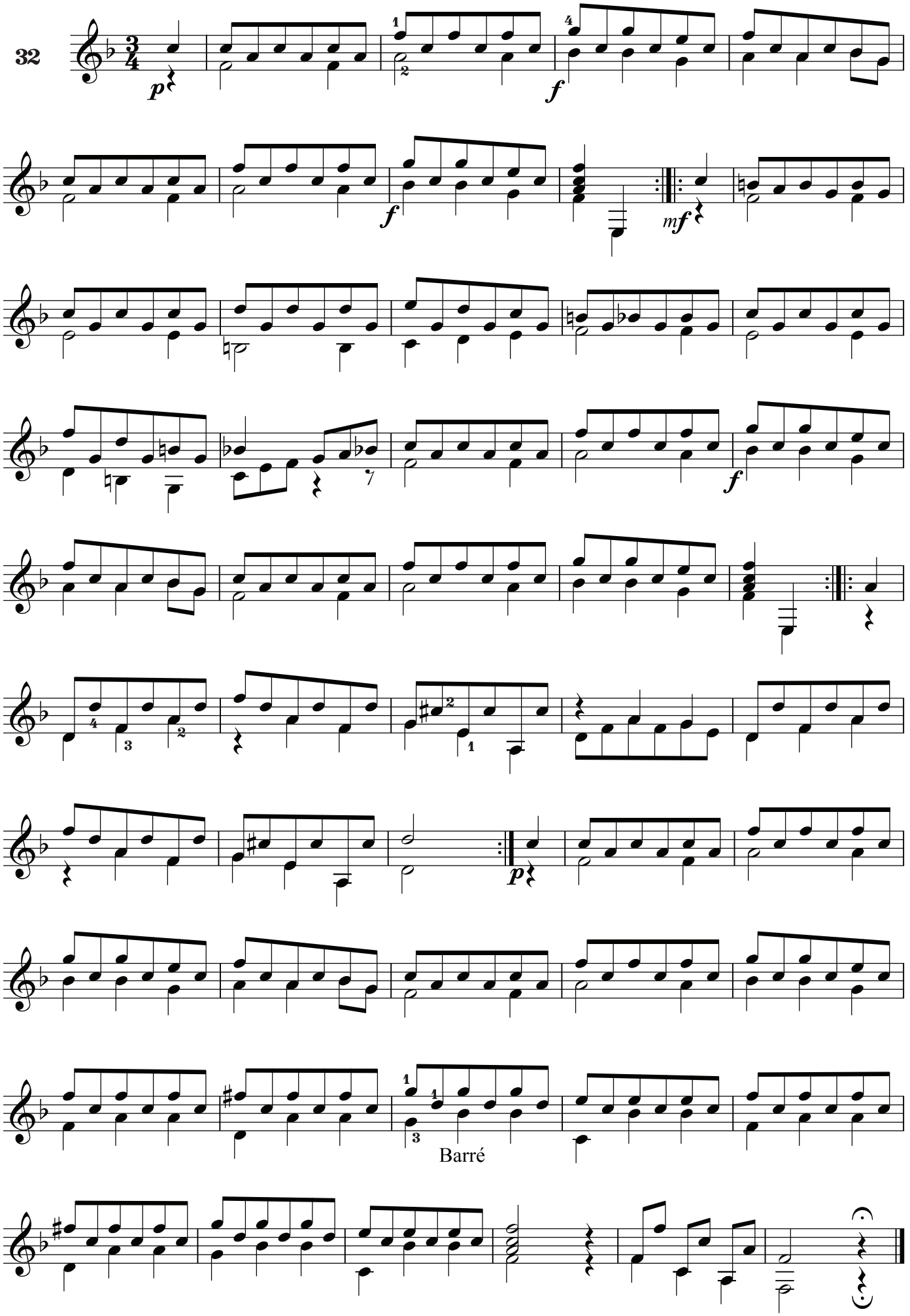
32
p
f
f
mf
f
p
Barré

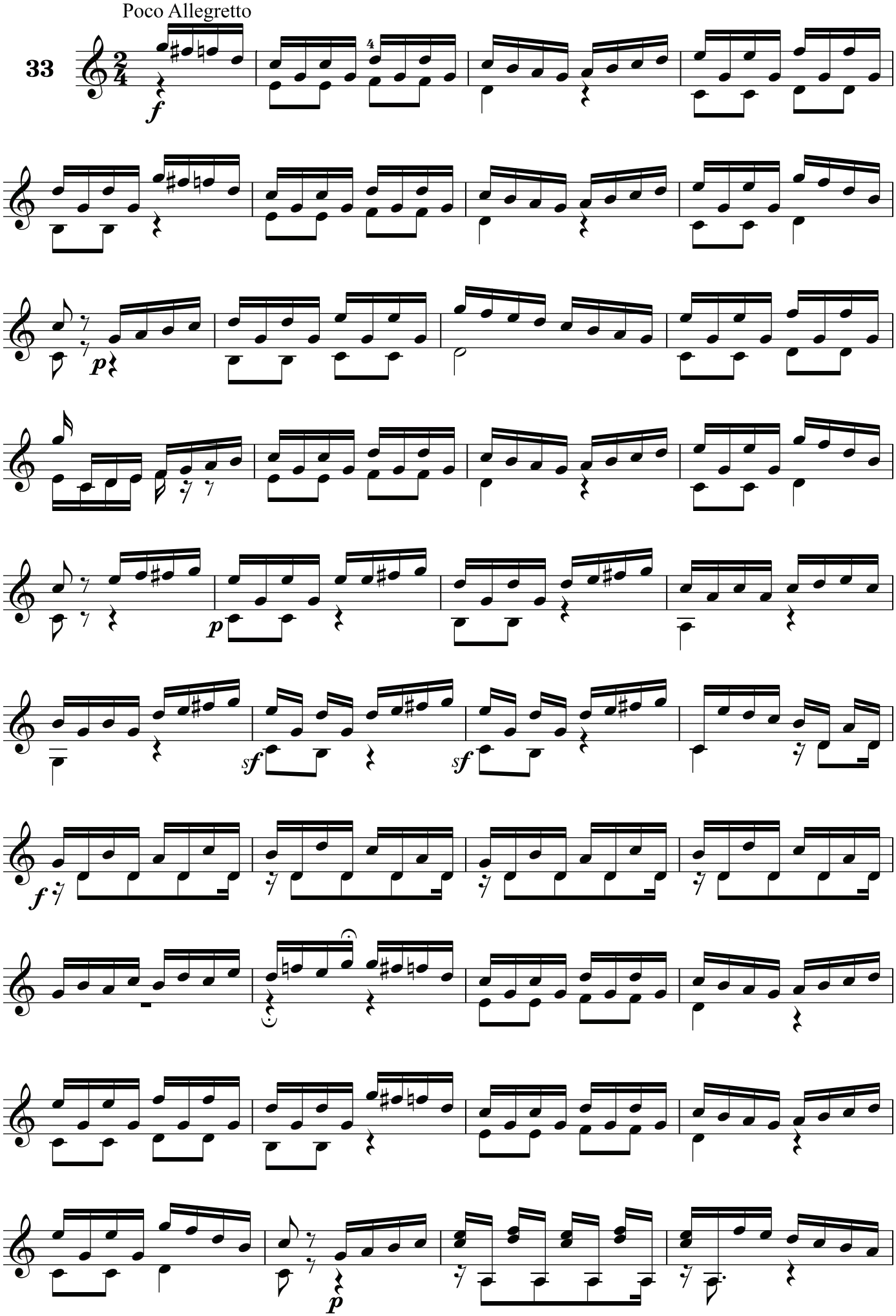
Poco Allegretto
33
f
p
p
sf
sf
f
p

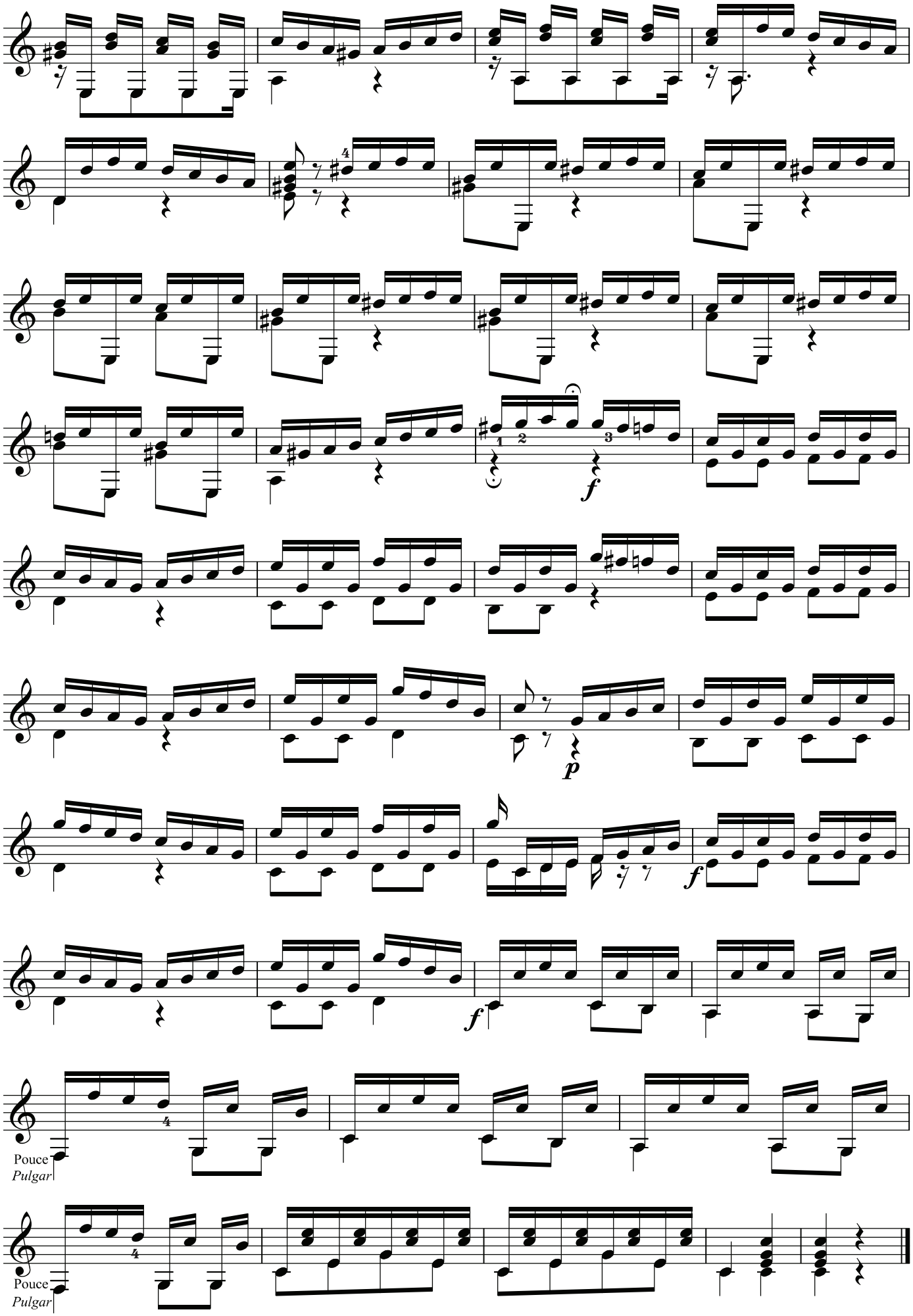
f
p
f
f
Pouce
Pulgar
Pouce
Pulgar

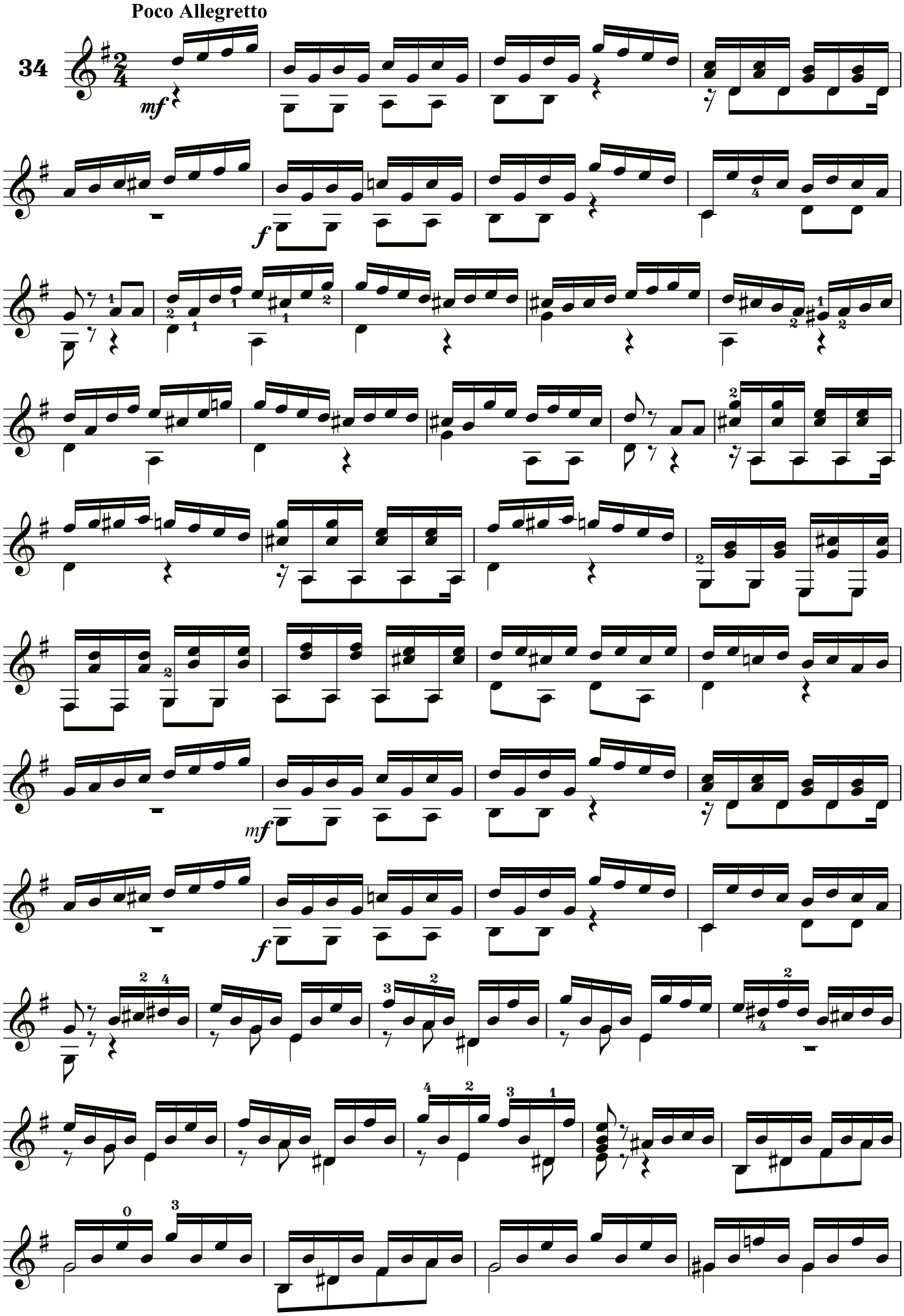
Poco Allegretto
34
mf
f
mf
f

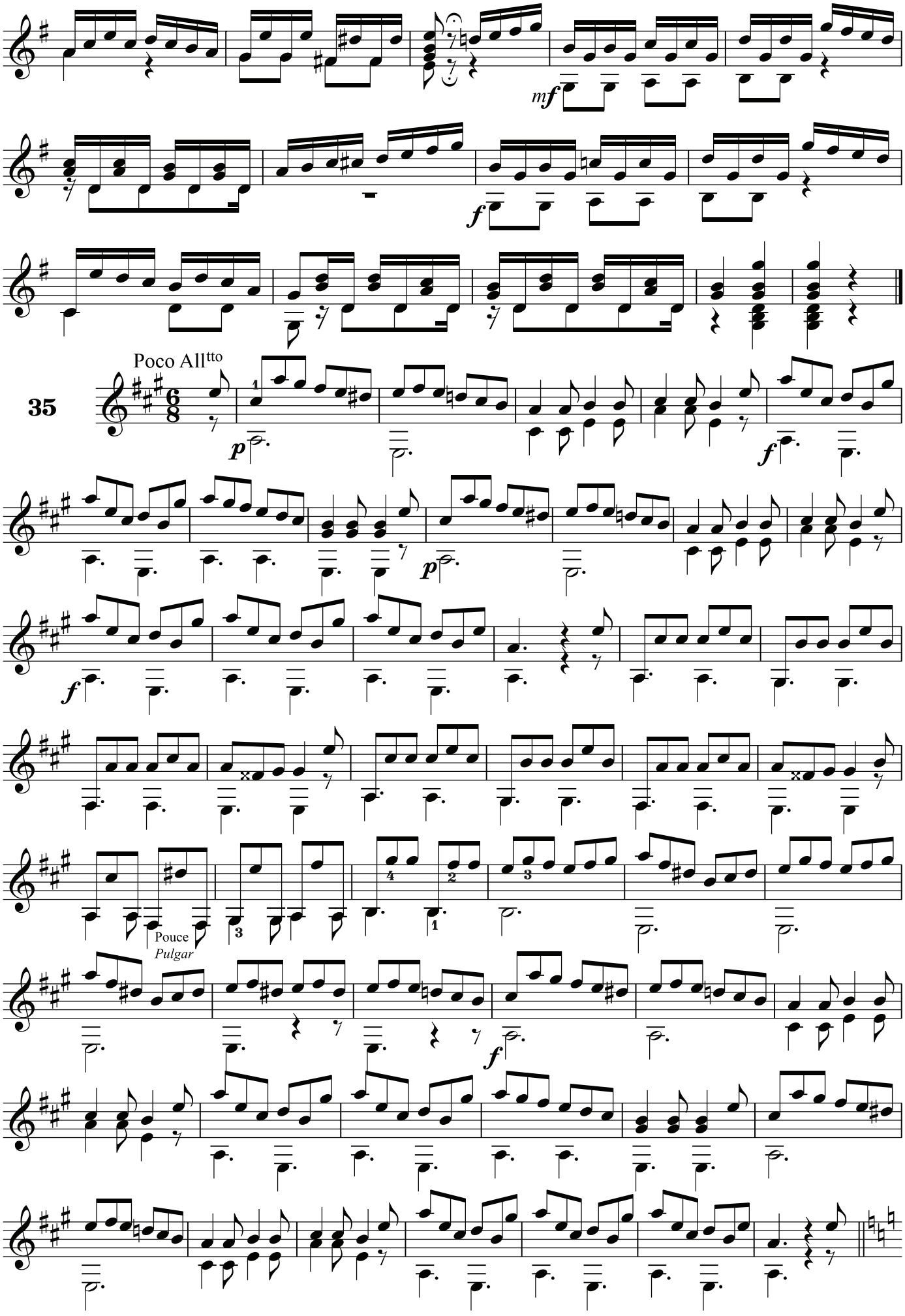
mf
f
Poco Allttto
35
p
f
p
f
Pouce
Pulgar
f

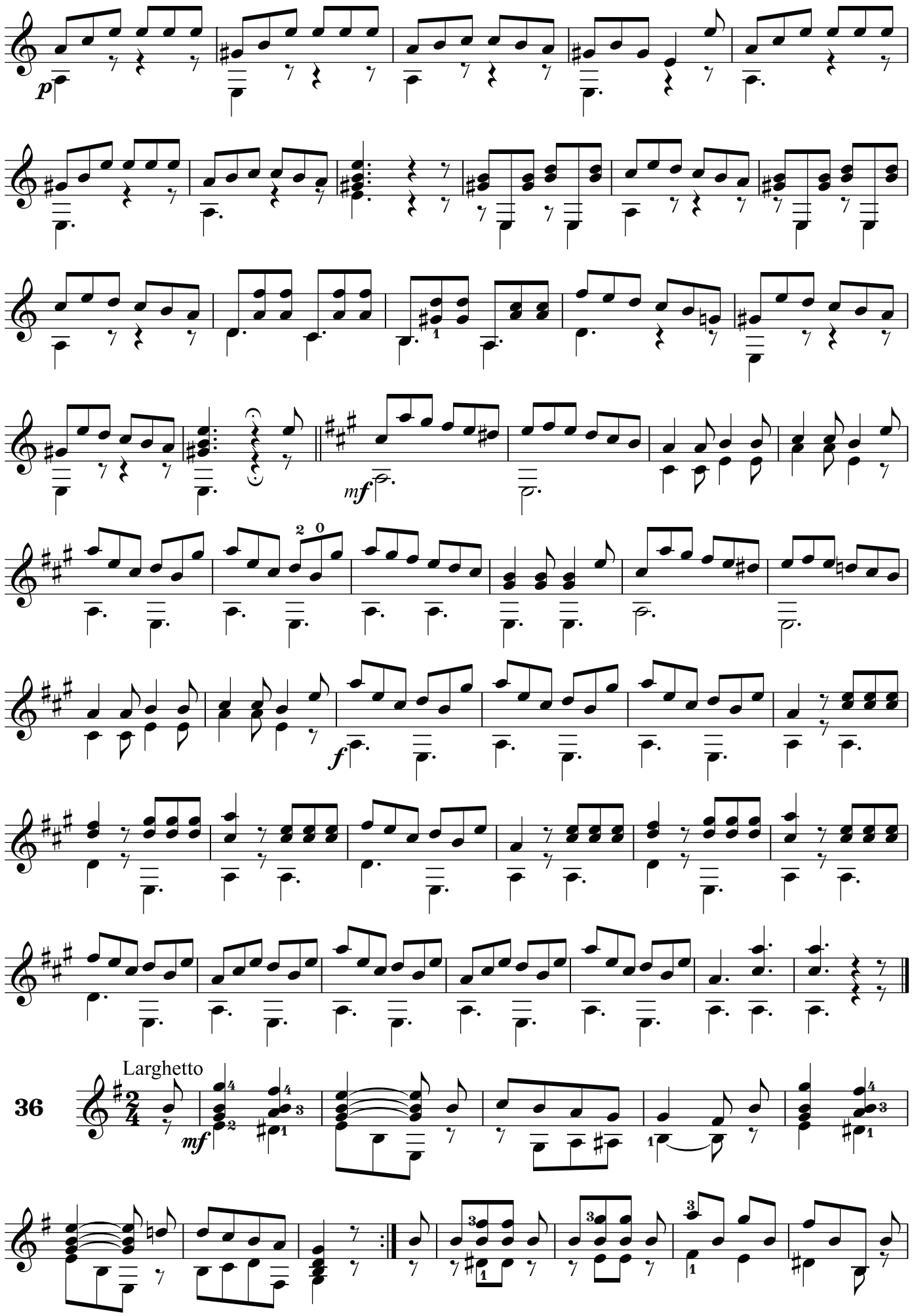
p
mf
f
36
Larghetto
mf

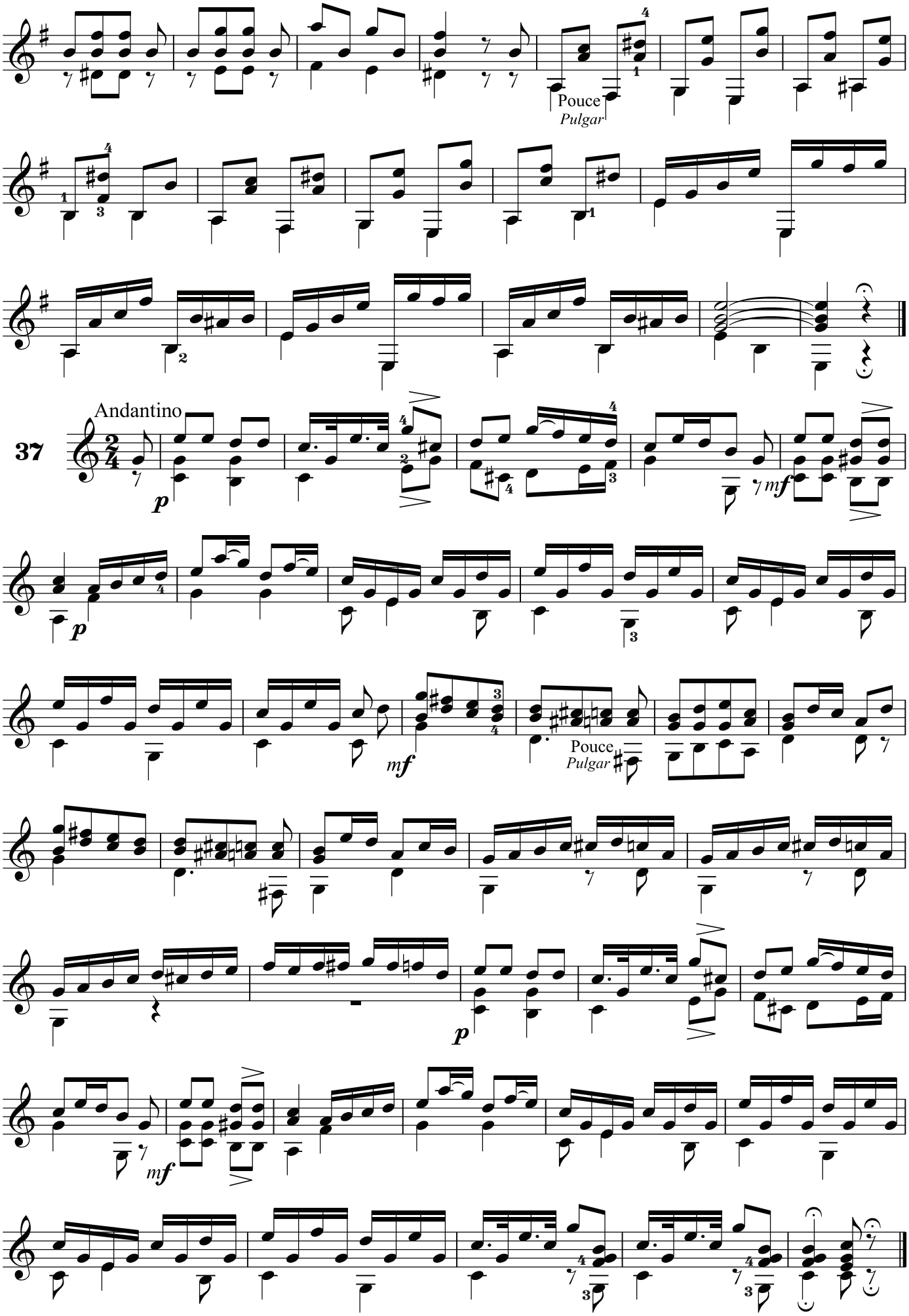
Pouce
Pulgar
Andantino
37
p
mf
Pouce
Pulgar
p
mf

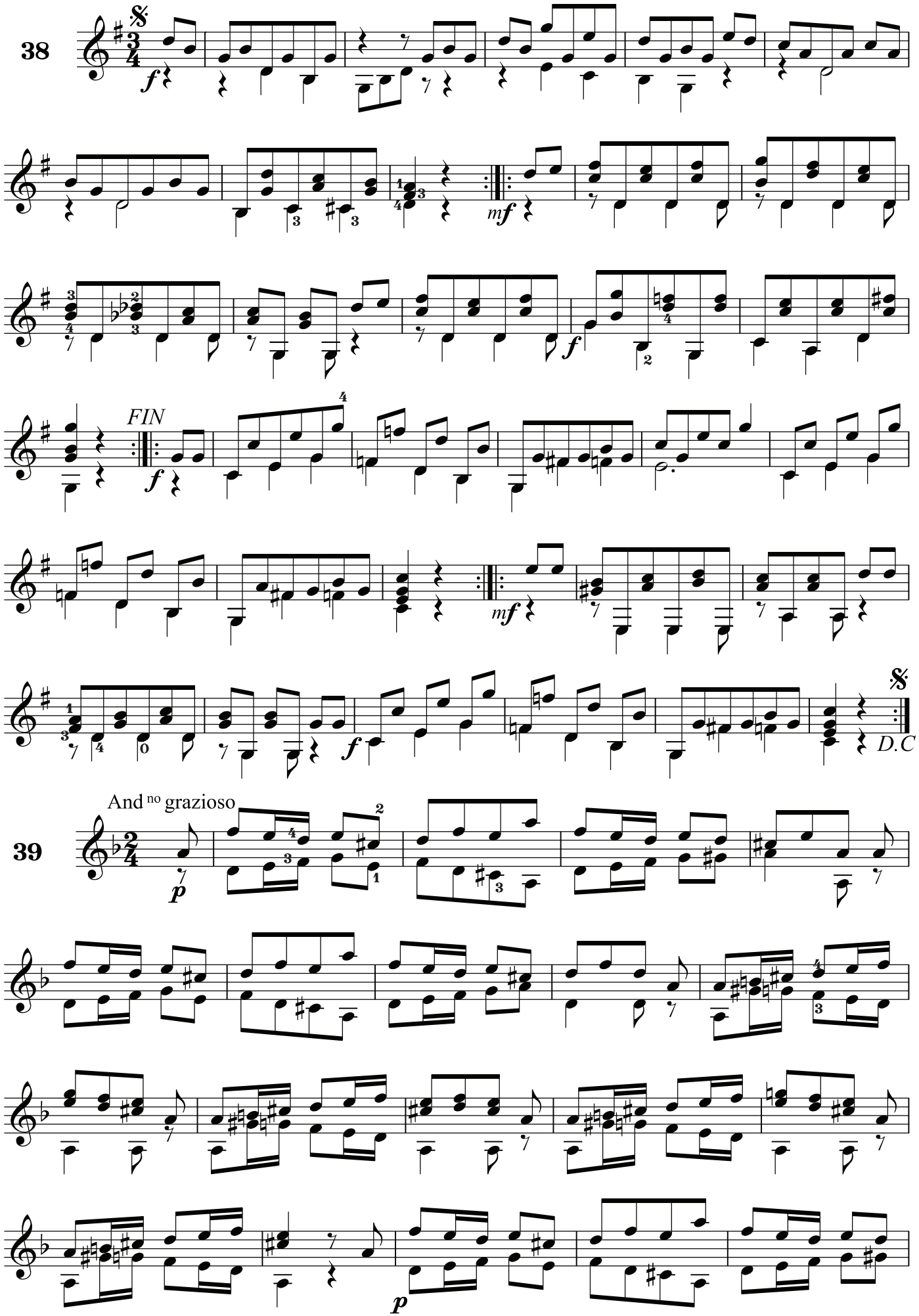
38
FIN
D.C
And no grazioso
39

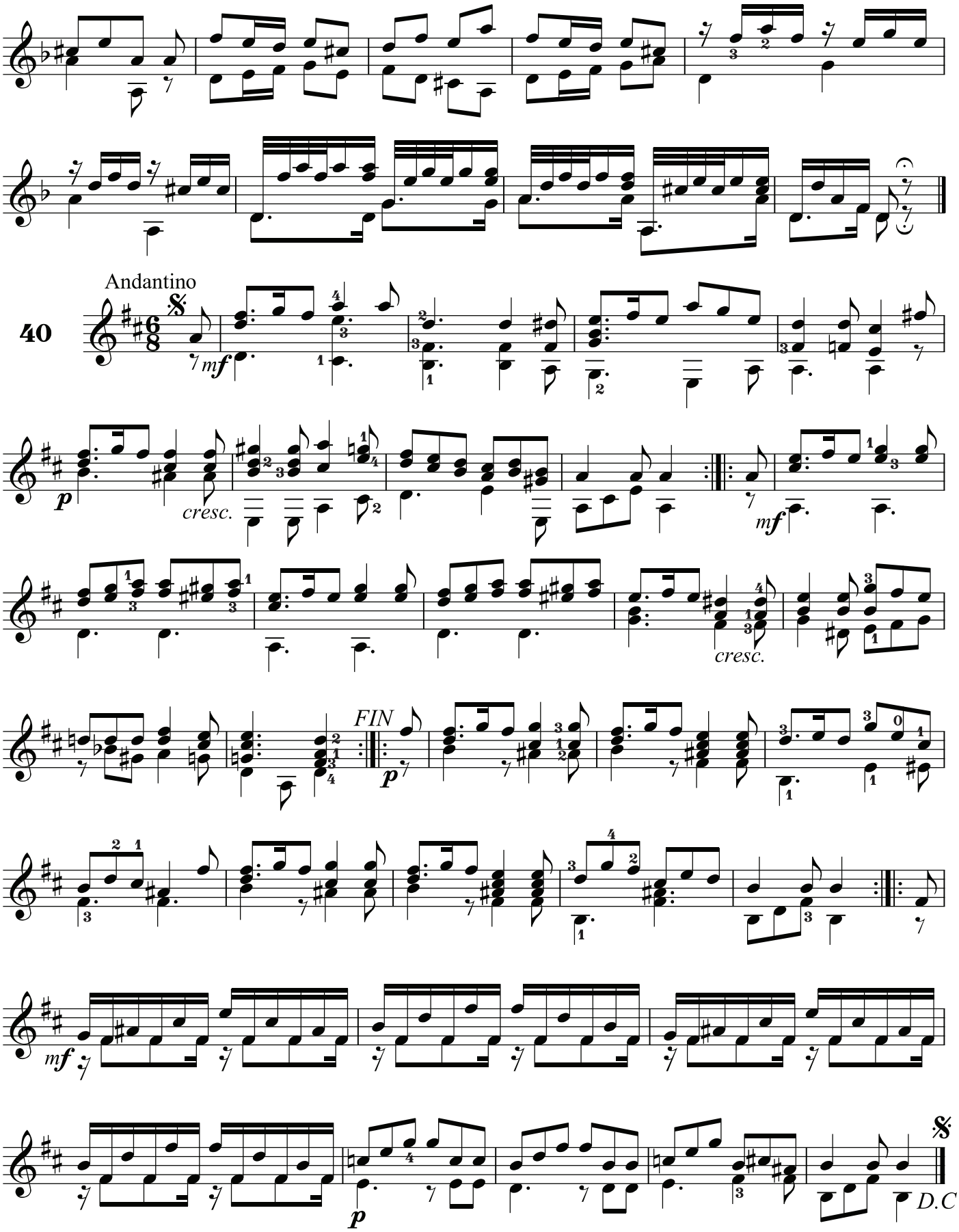

Hết phần thứ nhất

Ghi chú: Các bài tập tiếp còn trong phần thứ hai

PHẦN THỨ HAI

CHẢY TIẾNG HAY CÁC NỐT ĐƯỢC NỐI

Người ta làm chảy tiếng lên hoặc xuống.

Chảy tiếng lên, người ta đánh mạnh nốt đầu và nhấc ngón tay ở bàn tay trái ra, để ngón tay rơi trên nốt thứ hai mà không cần đánh đàn.

Chảy tiếng xuống, người ta đánh mạnh nốt đầu và nhấc ngón tay ở bàn tay trái ra, làm kêu nốt thứ hai, chuẩn bị đánh nốt tiếp, nếu không phải là dây buông. Kỹ thuật chảy tiếng được phối hợp với kỹ thuật rung dây (khi đánh nốt thứ nhất, trong khi dây đang rung, dùng ngón tay bàn tay trái nhấn tiếp nốt thứ hai mà không cần đánh đàn), kỹ thuật vuốt dây.

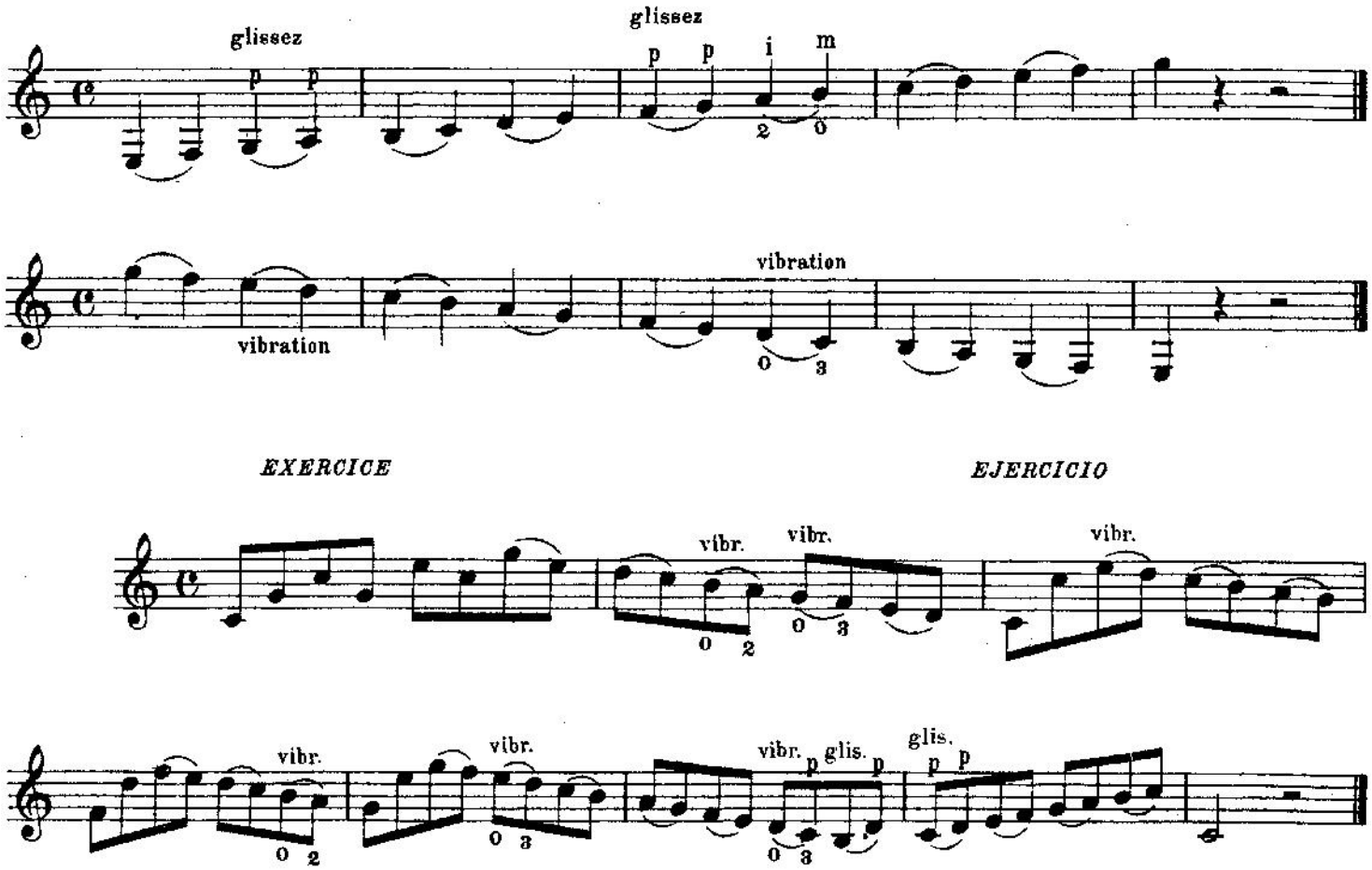

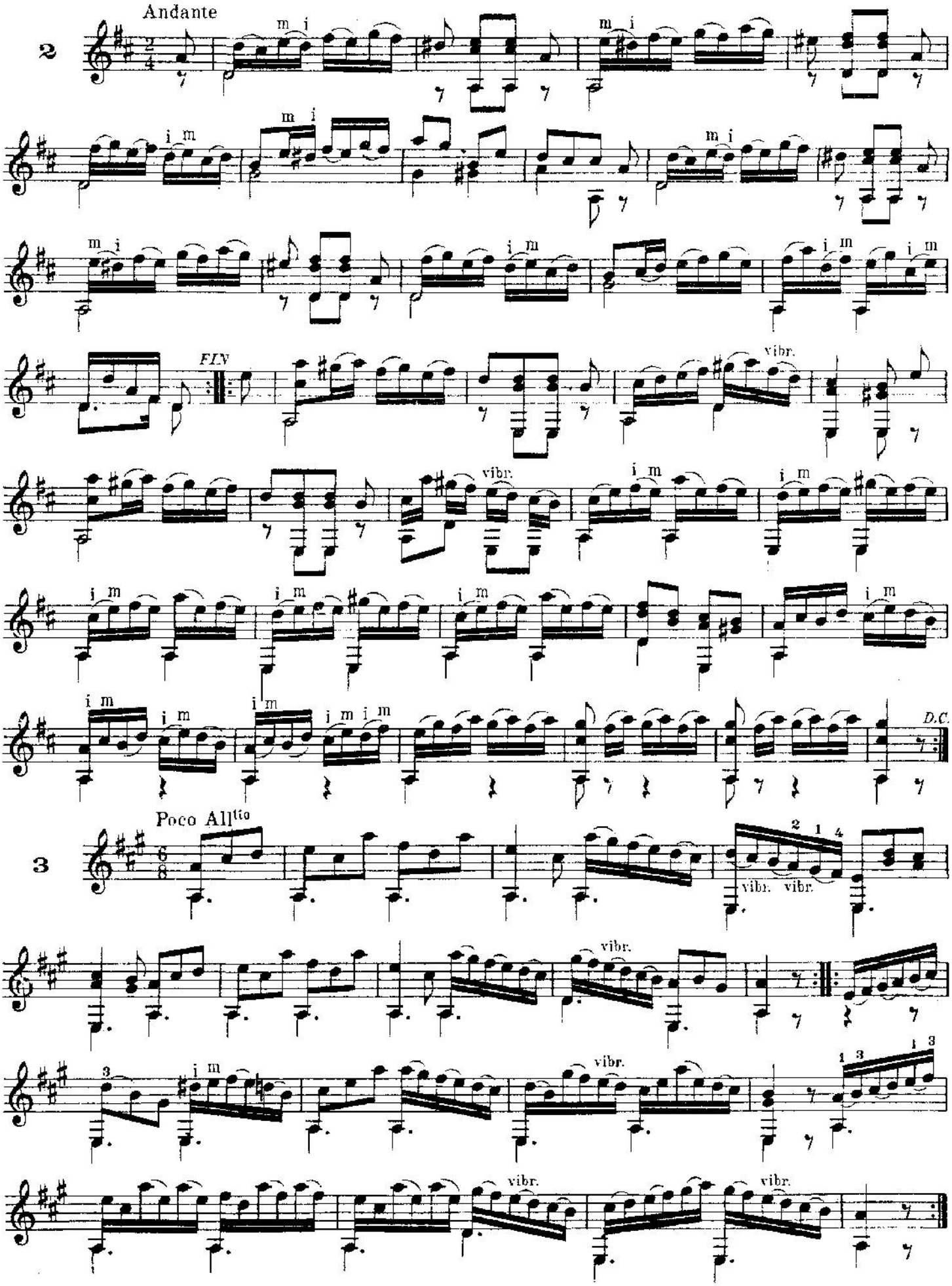
2
Andante
m i
i m
FIN
vibr.
D.C.
3
Poco Allto
vibr.

Người ta có thể làm chảy tiếng với nhiều nốt cùng một lúc theo phương pháp đã chỉ ở phần trước. Ví dụ:

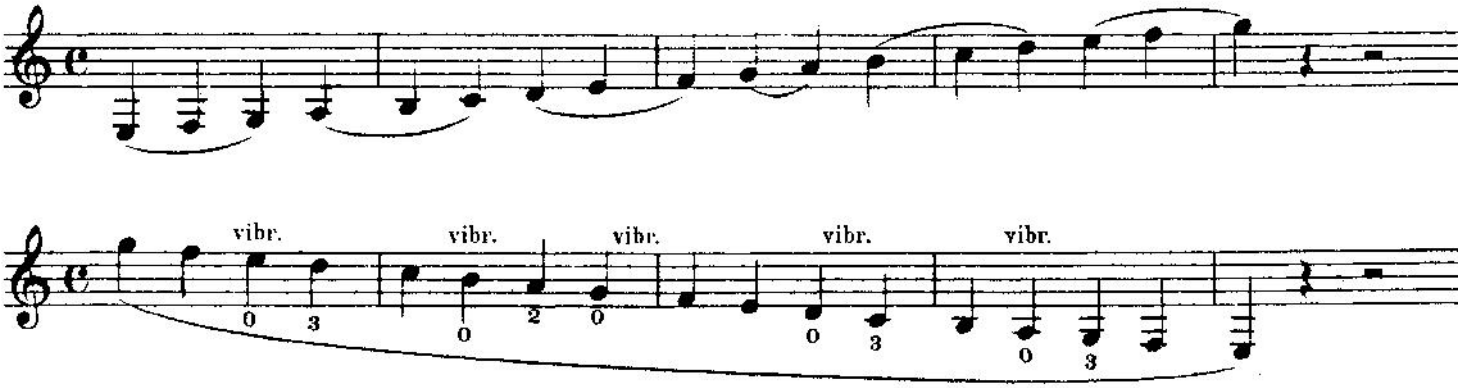

DẤU LÁY

Những dấu láy đơn và các dấu kép là dấu hoa mỹ, đó là những nốt không có giá trị về trường độ, nhưng nó làm câu nhạc phong phú hơn và giá trị trường độ của nó lúc diễn sẽ lấy bớt từ ⅓ đến ½ trường độ nốt chính đứng liền sau nó. ví dụ:

Dấu láy đơn

Cách viết

Cách diễn

Cách viết

Cách diễn

Dấu láy kép

Cách viết

Cách diễn

DẤU VÊ VÀ ÂM ĐIỆU

Dấu vê cũng là một dấu hoa mỹ, người ta cũng làm chảy tiếng các nốt đứng cạnh, thường là nốt trên nó, chảy tiếng thật nhanh để kịp với trường độ của nốt chính.

Ví dụ:

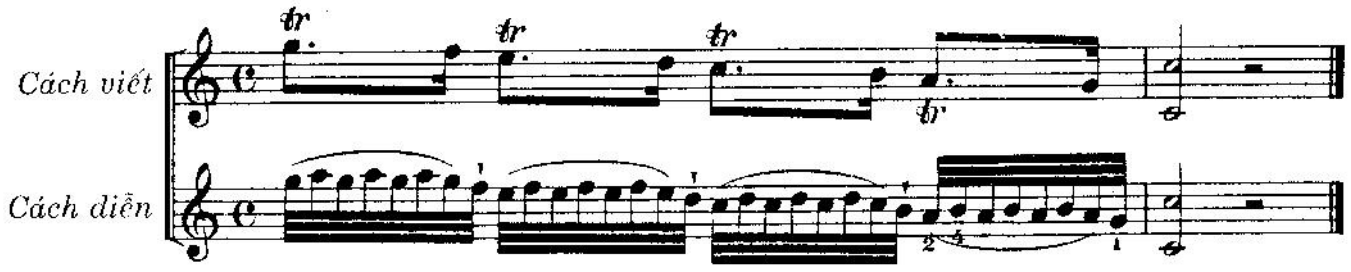

Âm điệu đôi lúc được gặp sau dấu vạch nhịp. Được tiến hành như dấu vê, nhưng luôn bắt đầu từ cao độ của nốt chính.

Người ta diễn âm điệu trên đàn guitar với cách như sau:

1. Đánh nốt chính một lần, sau đó chảy tiếng nhiều lần các nót kế tiếp.
2. Đánh nốt chính, chảy tiếng ở nốt phụ phía trên.
3. Chuẩn bị hai nốt trên hai dây khác nhau với các ngón tay trái, dùng 2 ngón tay mặt để đánh.

Ví dụ:

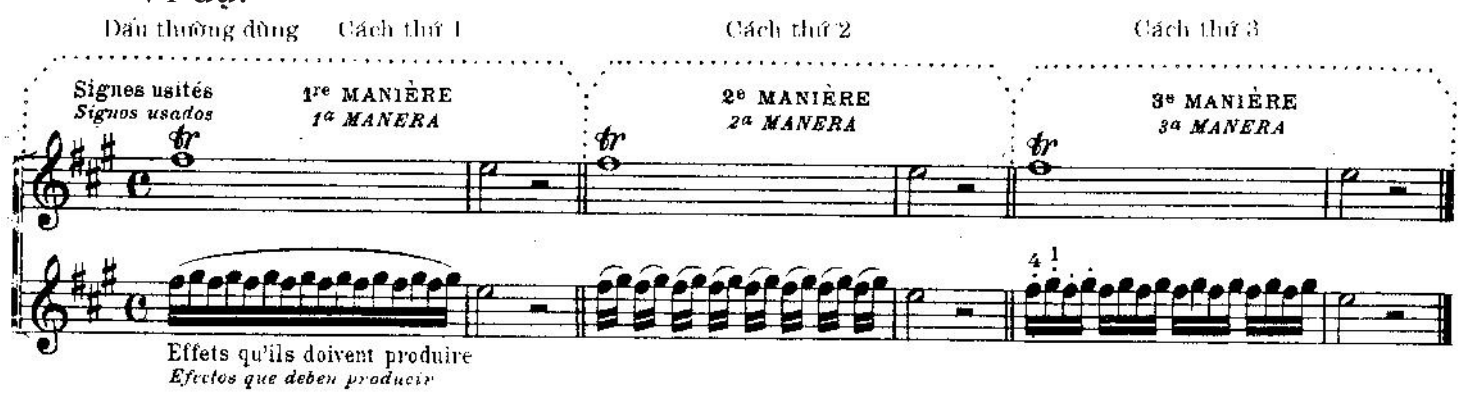

Cách thực hành

CÁC THẾ BẤM

Đàn guitar có 5 thế bấm trên cần đàn, nhưng các nhà soạn nhạc và thầy giáo ít sử dụng hợp âm trên các thế bấm đó. Các phím đàn thường dùng trong các âm giai là phím 4, phím 5, phím 7 và phím 9.

Sau đây là bản vẽ nốt trên cần đàn, sau đó sẽ có bài tập âm giai cho các phím tương ứng trên.

Các nốt tương ứng trên 6 dây của cần đàn

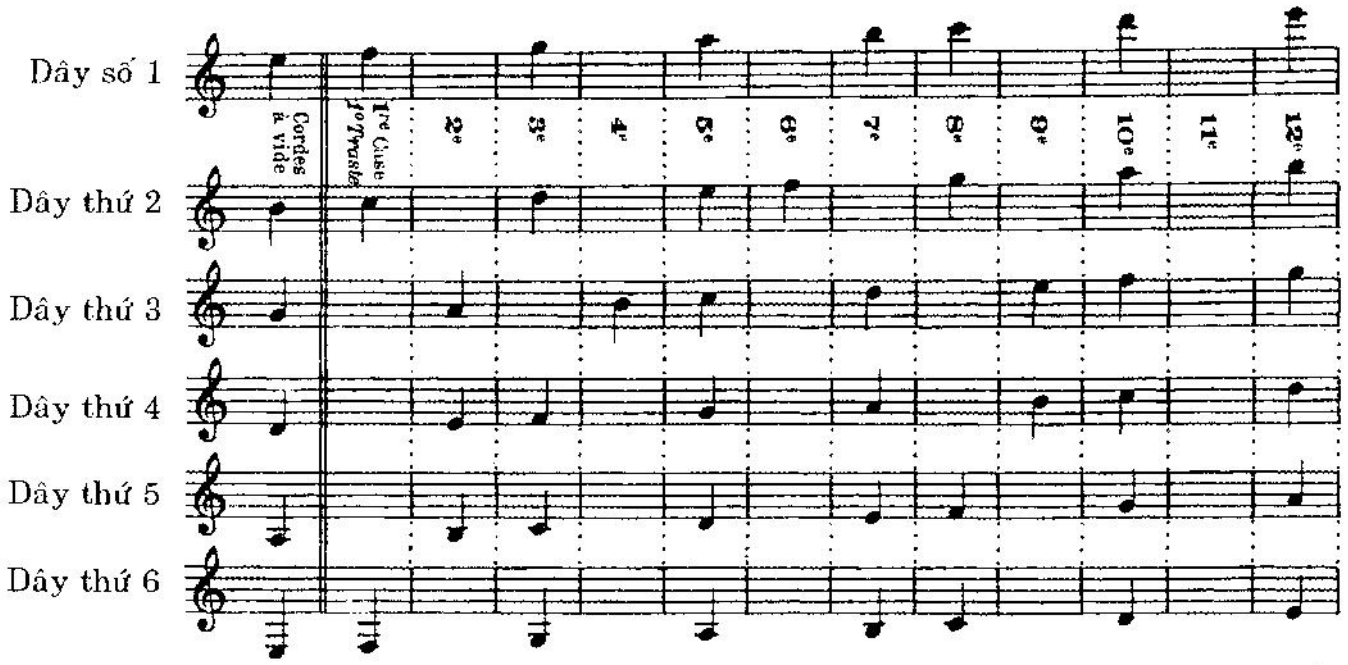

Không nên yêu cầu học viên học thuộc lòng tất cả các nốt trên cần đàn (như một cái lệ). Chúng ta có một phương pháp mới, ngắn, dễ học.

Trong khi học phần thứ nhất, chúng ta chỉ cần biết thế bấm thứ nhất (từ phím thứ nhất đến phím thứ 4). Chúng ta có thể học thuộc lòng nốt trên các phím sau:

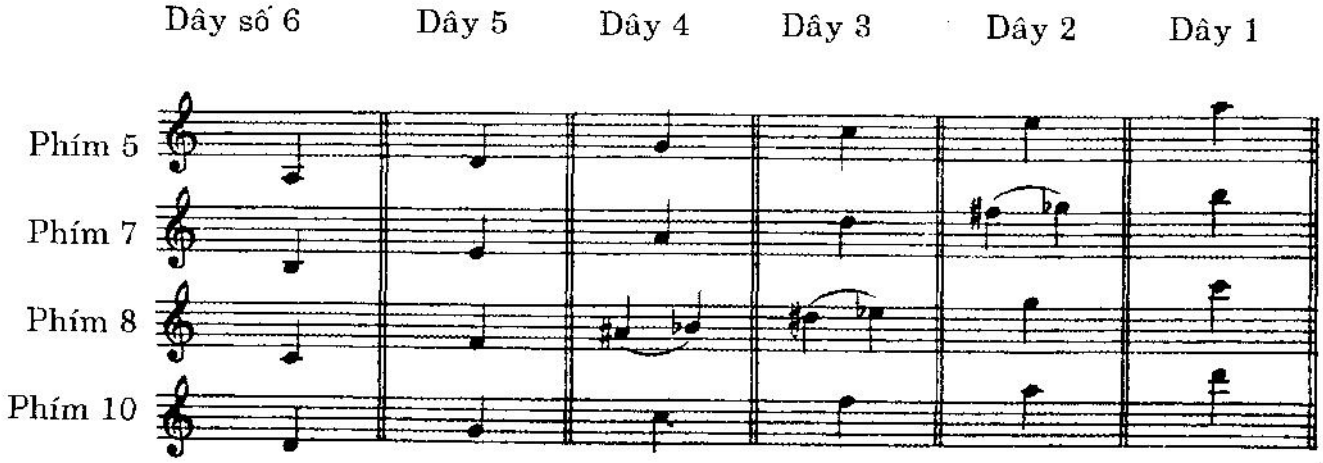

ÂM GIAI VÀ BÀI TẬP

CÁC PHÍM ĐÀN THƯỜNG DÙNG Ở CÁC CUNG THÔNG DỤNG

PHÍM ĐÀN THỨ TƯ

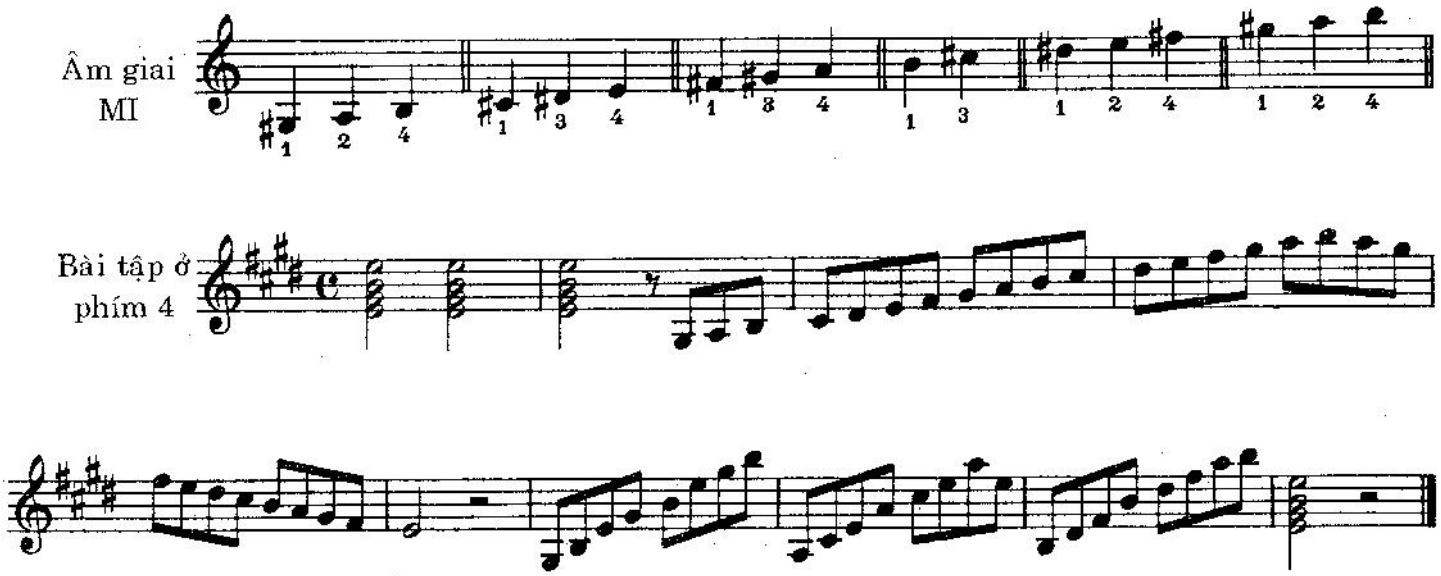

PHÍM ĐÀN THỨ NĂM

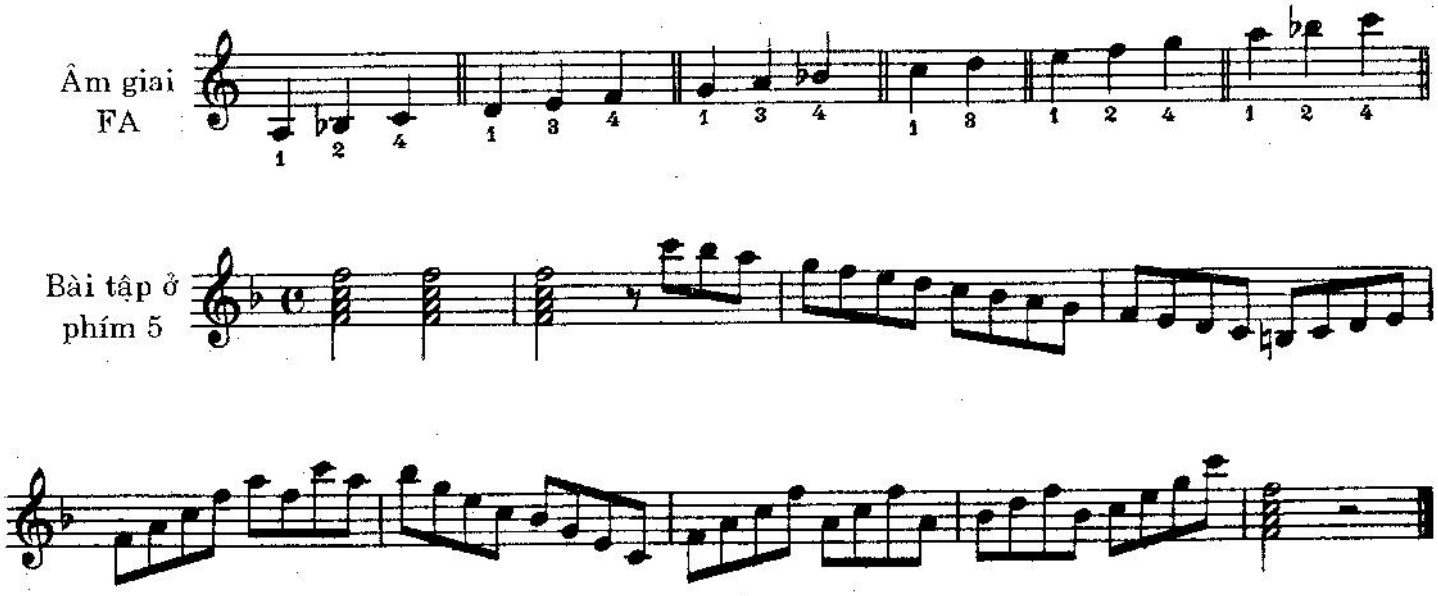

PHÍM ĐÀN THỨ BẢY

Âm giai SOL

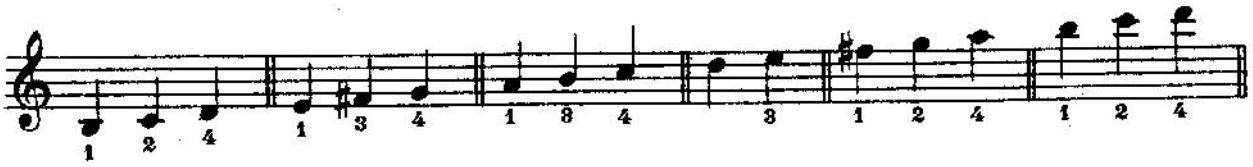

Bài tập ở phím 7

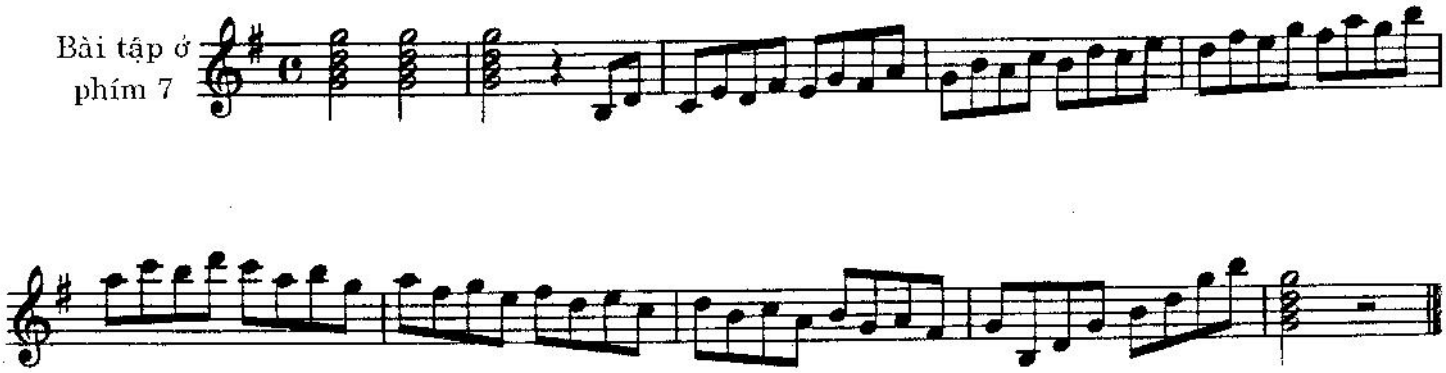

PHÍM ĐÀN THỨ CHÍN

Âm giai LA

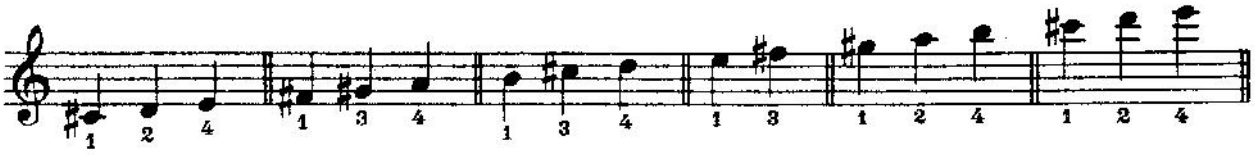

Bài tập ở phím 9

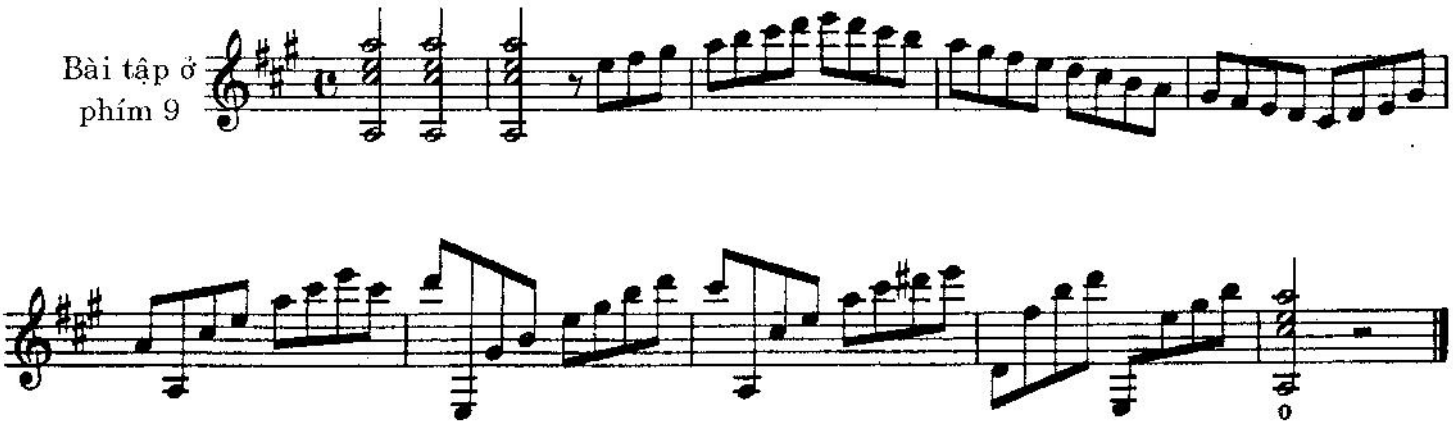

BÀI TẬP CỦA TẤT CẢ CÁC THẾ BẤM

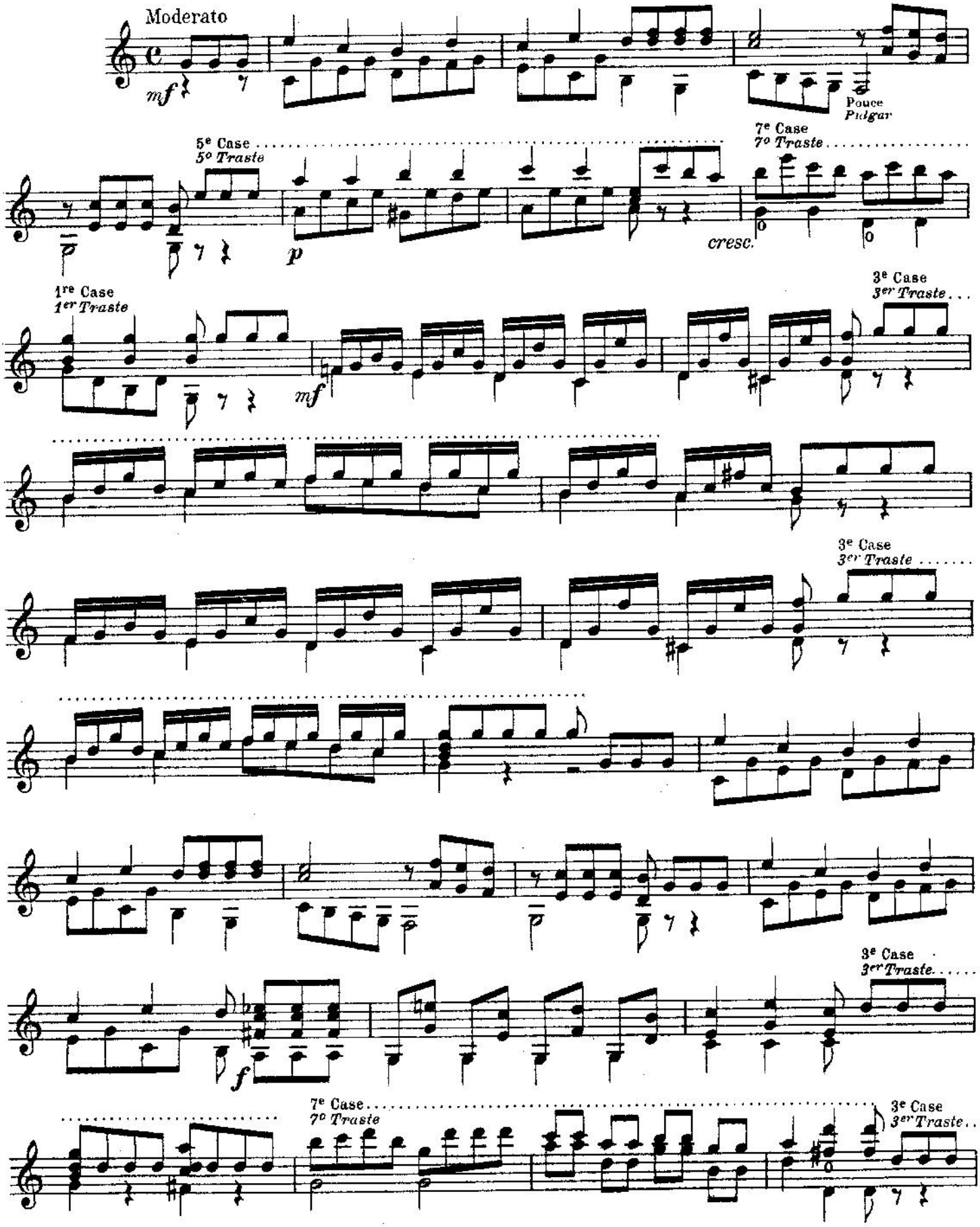

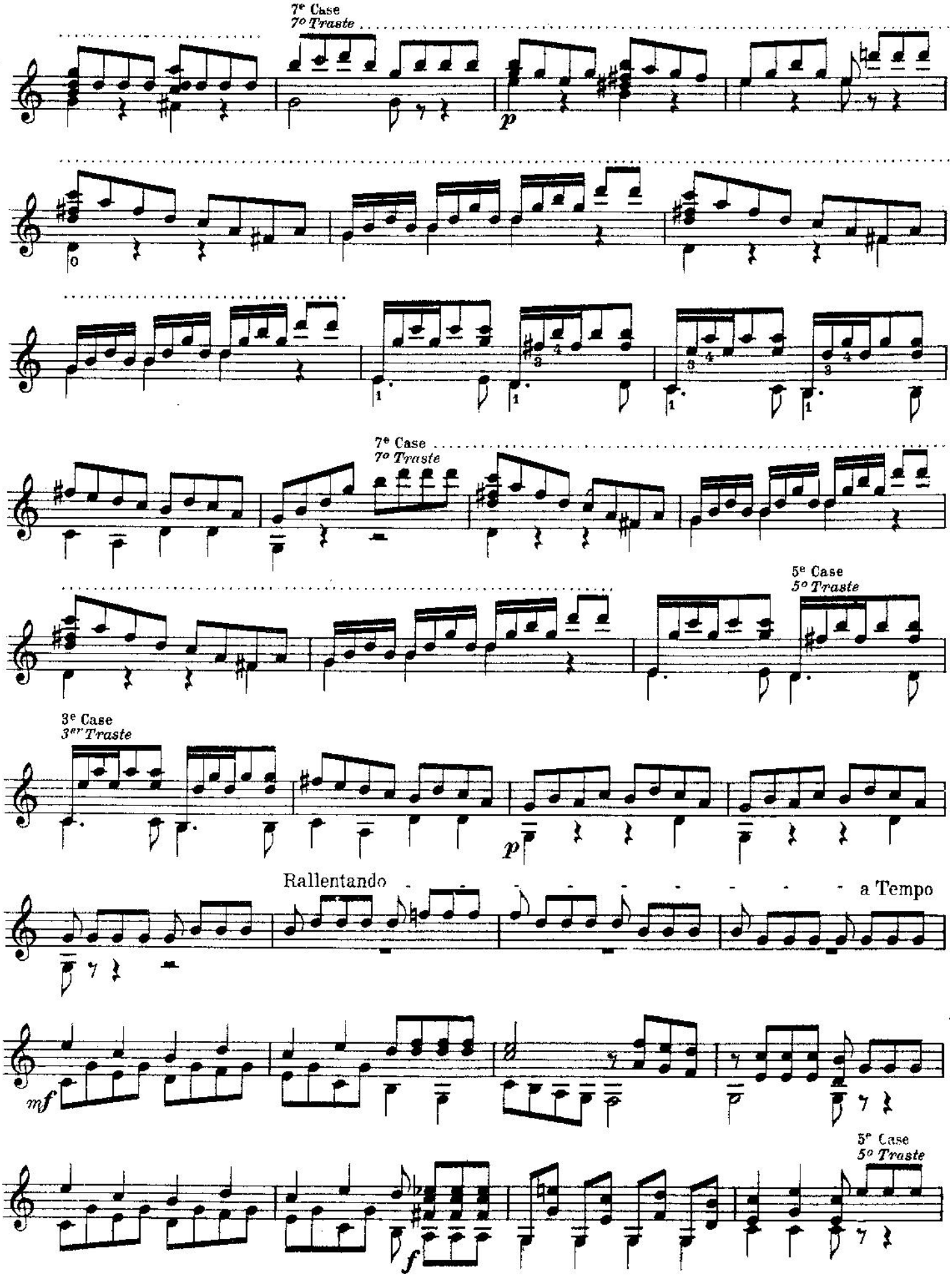
7e Case
7o Traste
p
7e Case
7o Traste
5e Case
5o Traste
3e Case
3er Traste
p
Rallentando
a Tempo
mf
5e Case
5o Traste
f

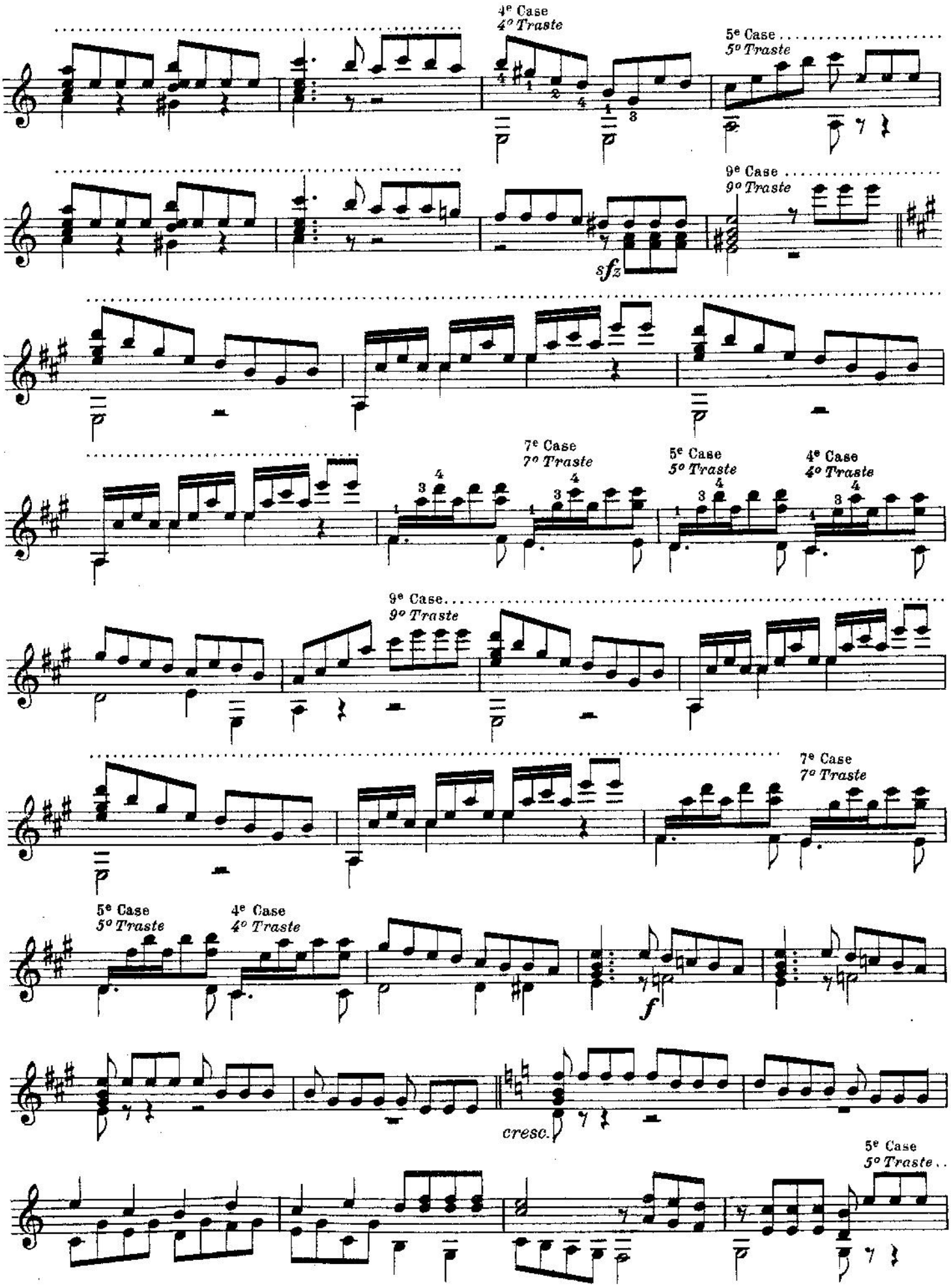
4e Case
4º Traste
5e Case
5º Traste
9e Case
9º Traste
sfz
7e Case
7º Traste
5e Case
5º Traste
4e Case
4º Traste
9e Case
9º Traste
7e Case
7º Traste
5e Case
5º Traste
4e Case
4º Traste
f
cresc.
5e Case
5º Traste

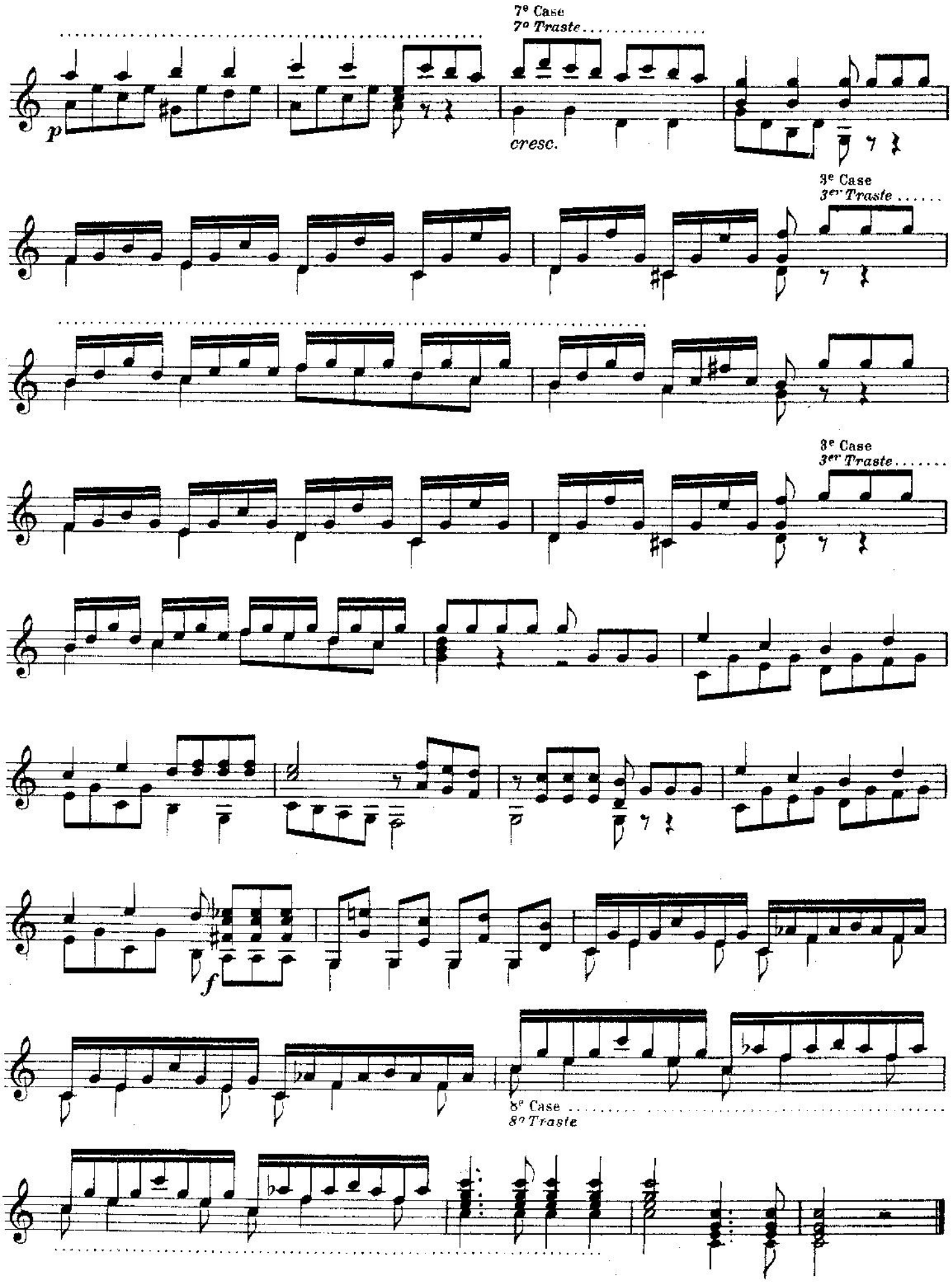
7e Case
7o Traste
p
cresc.
3e Case
3er Traste
3e Case
3er Traste
f
8e Case
8o Traste

NHỮNG NỐT ĐÔI

Có 4 cách đánh nốt đôi như sau: nốt đôi tam trình (hai nốt cách nhau quãng 3), nốt đôi lục trình (cách nhau quãng sáu), nốt đôi bát trình (cách nhau quãng tám), nốt đôi thập trình (cách nhau quãng 10). Ví dụ:

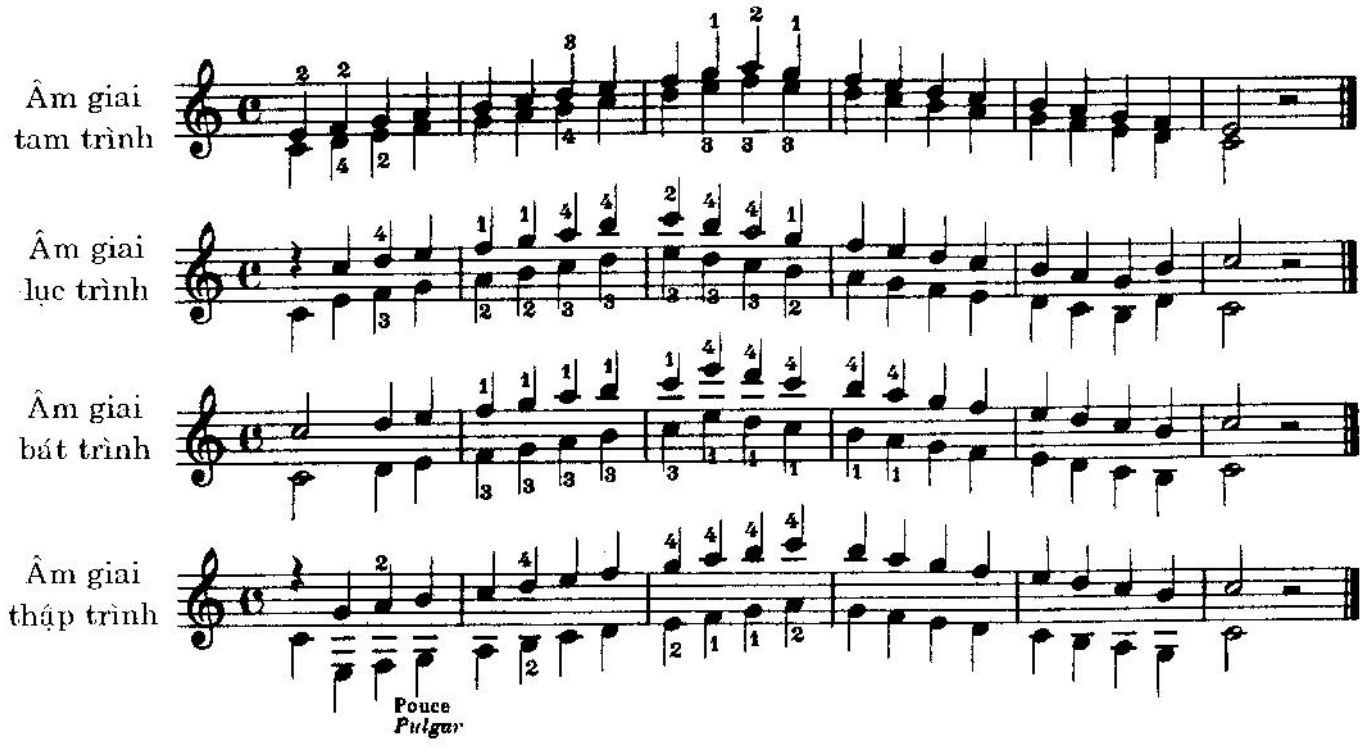

BÀI TẬP DÀNH CHO TAM TRÌNH, LỤC TRÌNH, BÁT TRÌNH VÀ THẬP TRÌNH

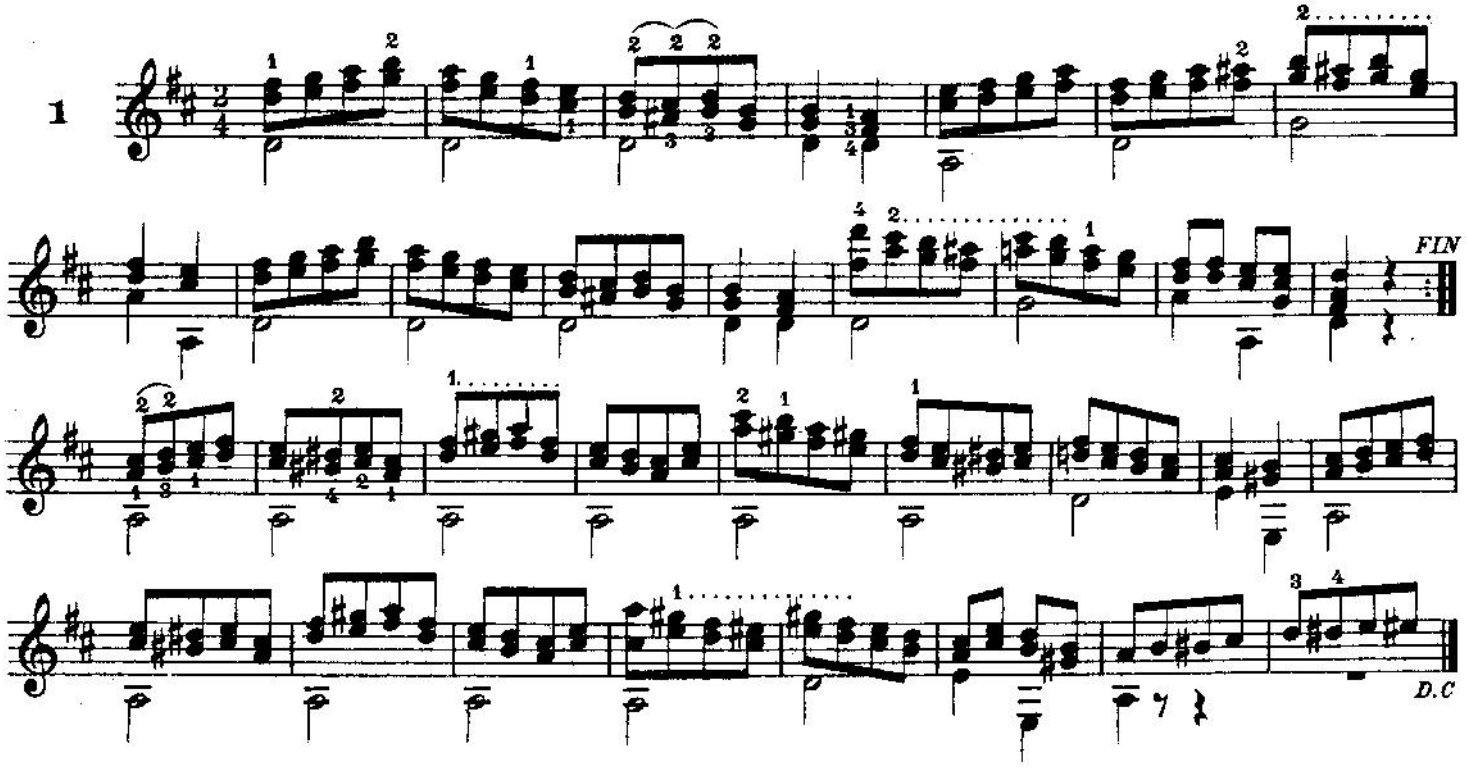

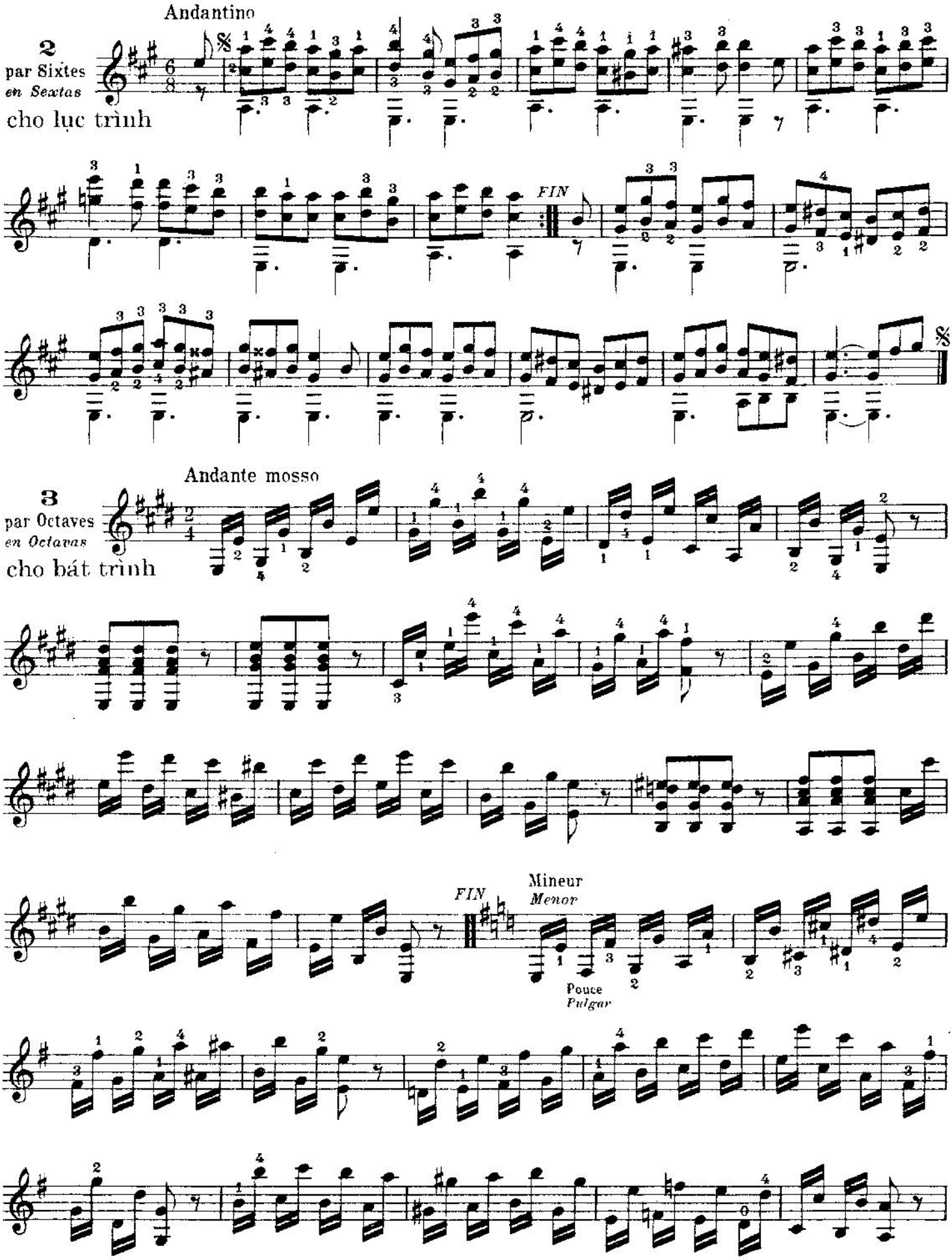
Andantino
2
par Sixtes
en Sextas
cho lục trình
FIN
Andante mosso
3
par Octaves
en Octavas
cho bát trình
FIN
Mineur
Menor
Pouce
Pulgar

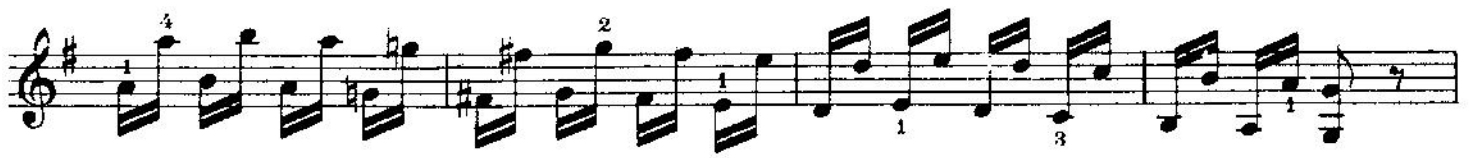

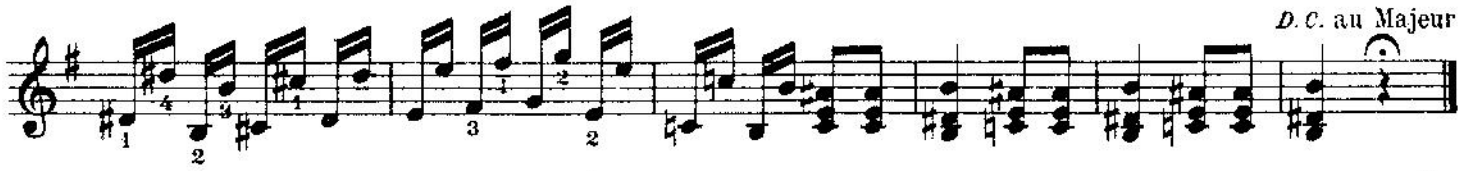

4
par Dixièmes
en Decimas
cho thập trình

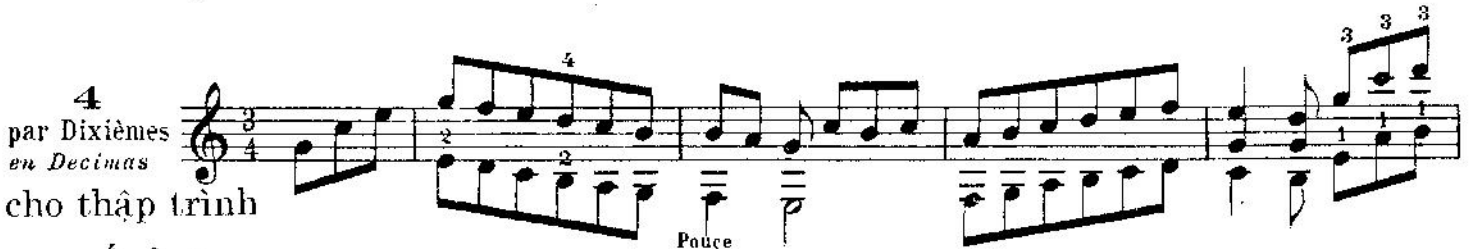

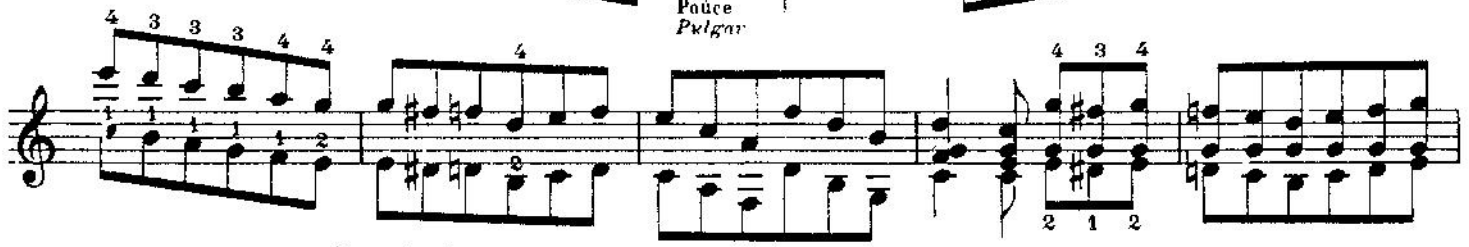

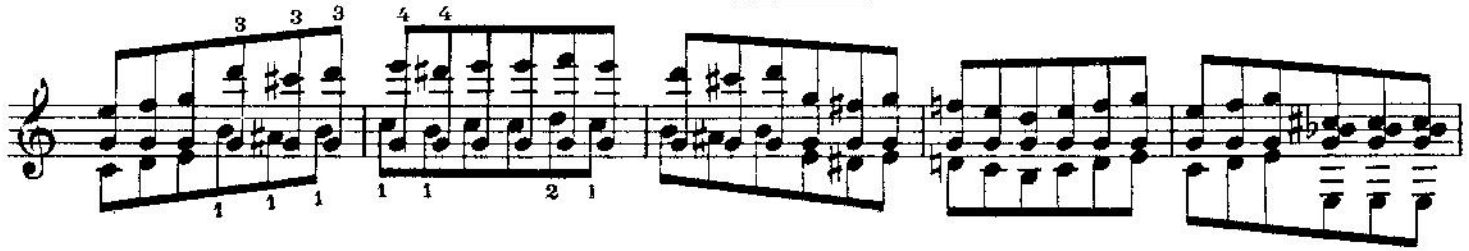

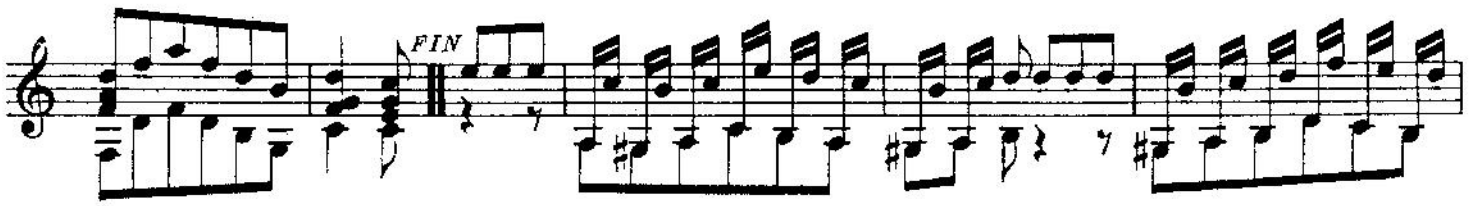

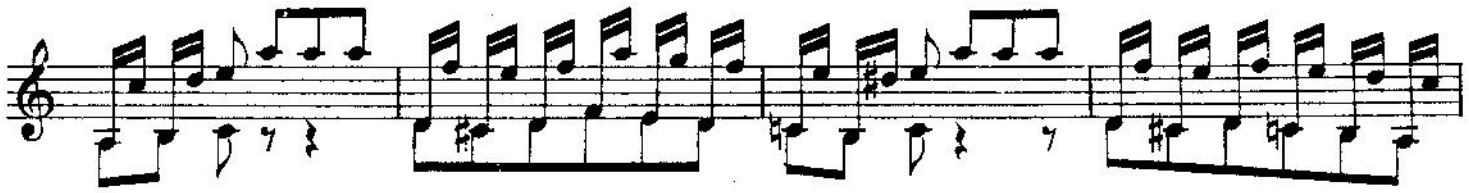

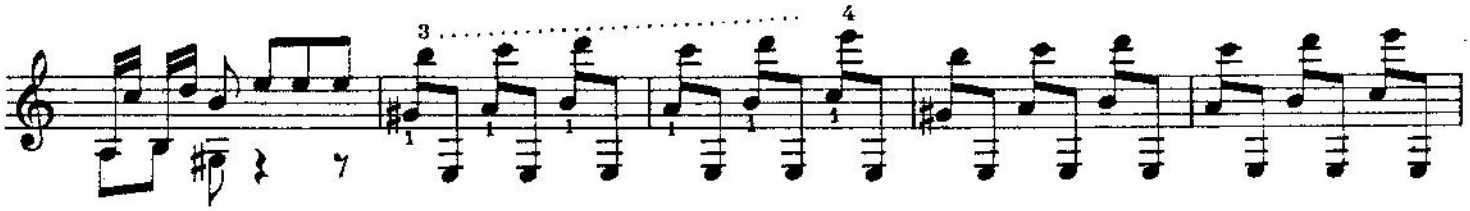

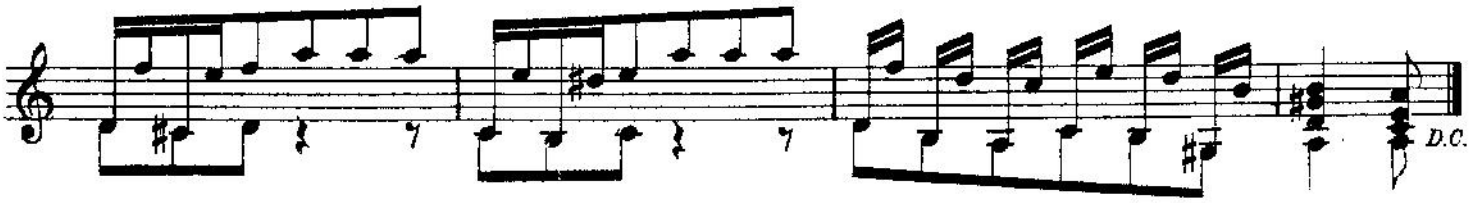

NHỮNG ÂM THANH HÀI HÒA

Âm thanh hài hòa (nghe như tiếng chuông) được tạo ra trên các phím 5, 7 và 12 và đôi lúc ở phím 4 và 3 của các dây trầm.

Để đàn được các âm thanh trên, các ngón tay trái phải để nhẹ trên phím đàn (A), không được bấm giữa ô phím đàn. Người ta đánh dây đàn mạnh bằng ngón cái của tay phải, gần nơi con ngựa chống đàn.

(A) Phím đàn là một vạch ngăn bằng đồng, nơi người ta chia ô phím thành từng nửa giọng.

Dưới đây là âm thanh hài hòa trên 6 dây đàn.

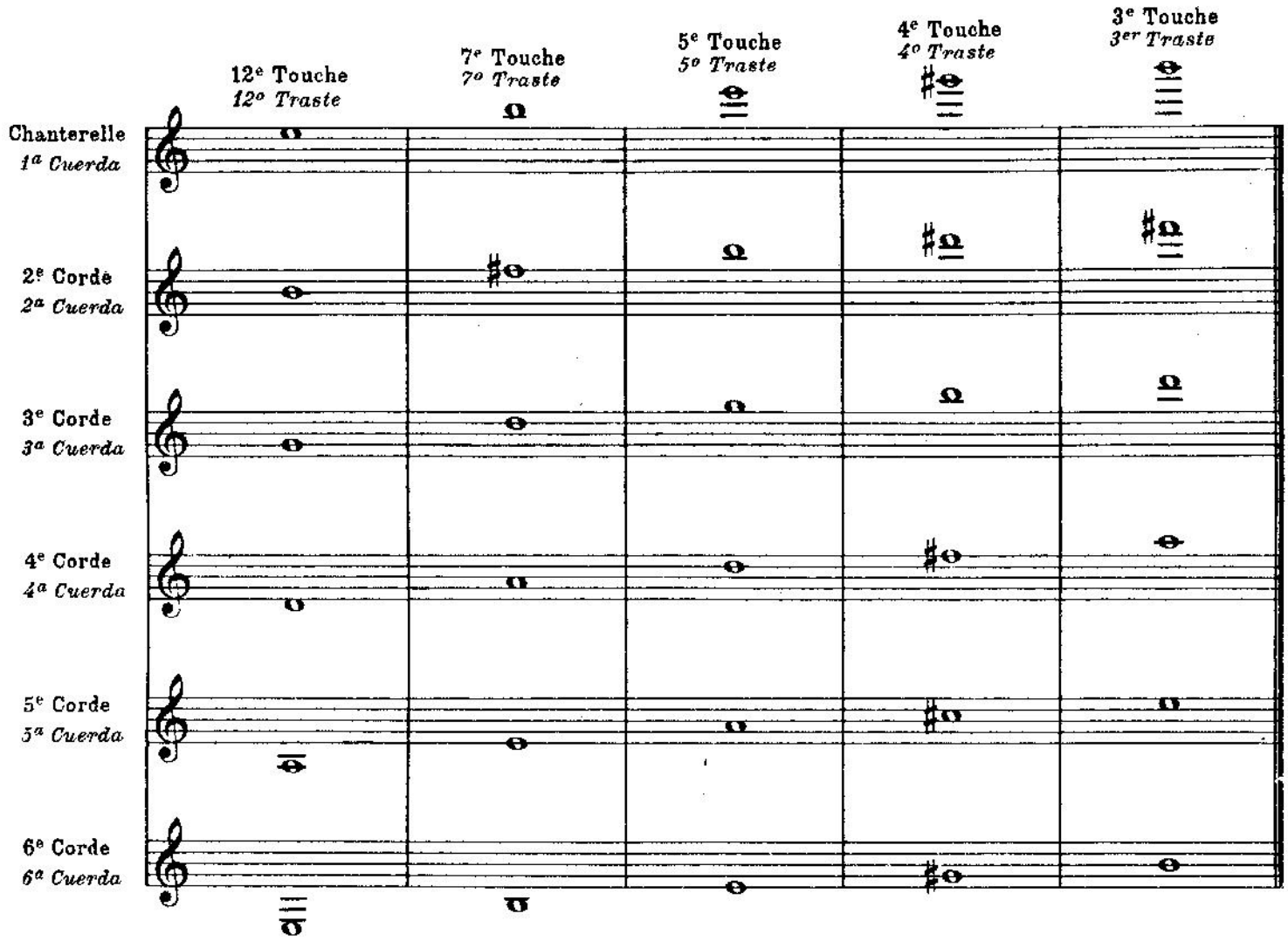

BÀI TẬP ÂM THANH HÀI HÒA

Để thực hiện bài tập dễ dàng, các nốt được đánh số ở phía trên và dưới. Các số phía trên để chỉ số phím đàn và các số ghi ở dưới để chỉ dây đàn.

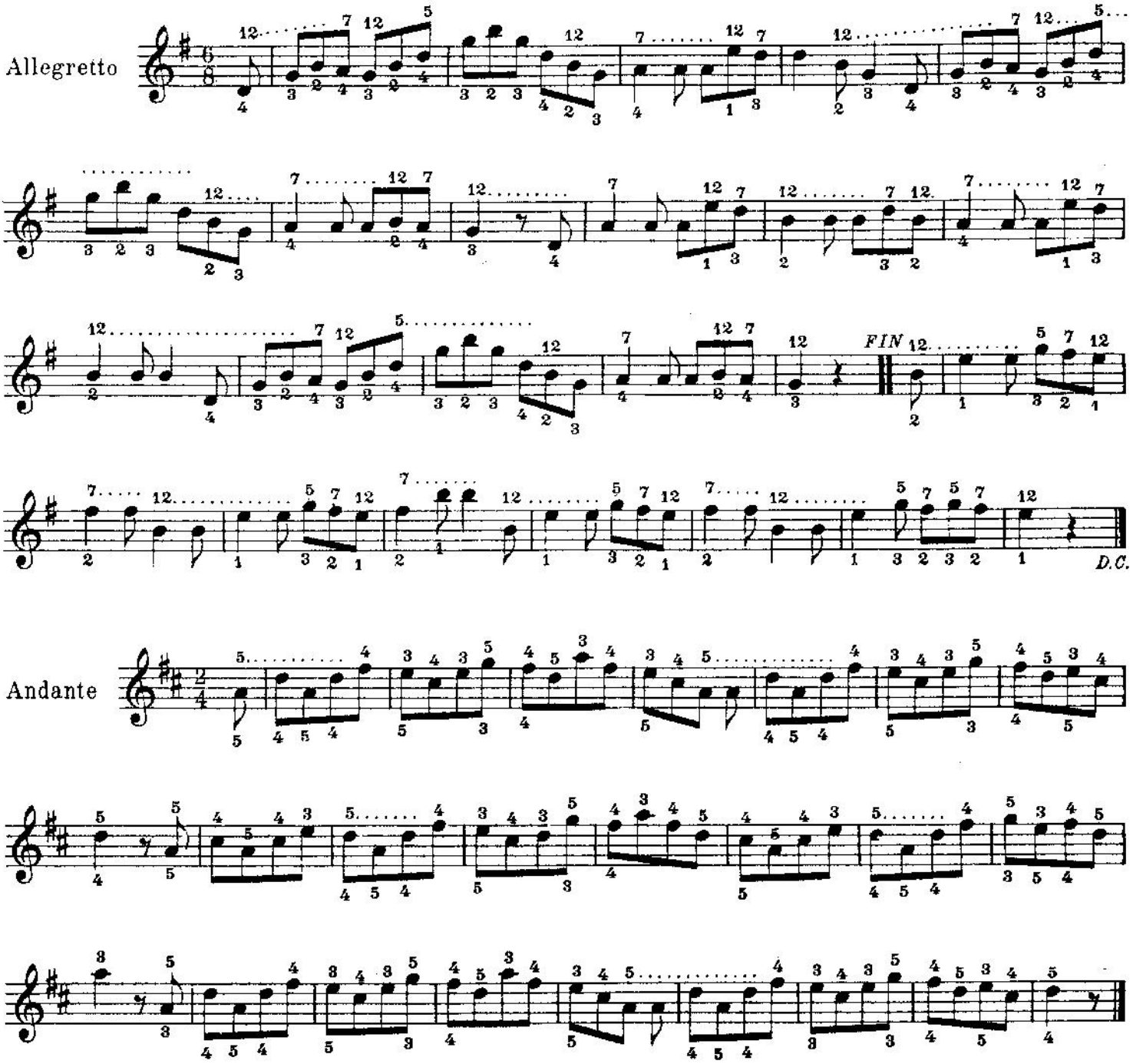

Ở phần cuối, có 6 dạo khúc hay các bài tập về chảy tiếng, dấu láy, các thế bấm và các nốt đôi.

CÁC BÀI LUYÊN TẬP TIẾP THEO

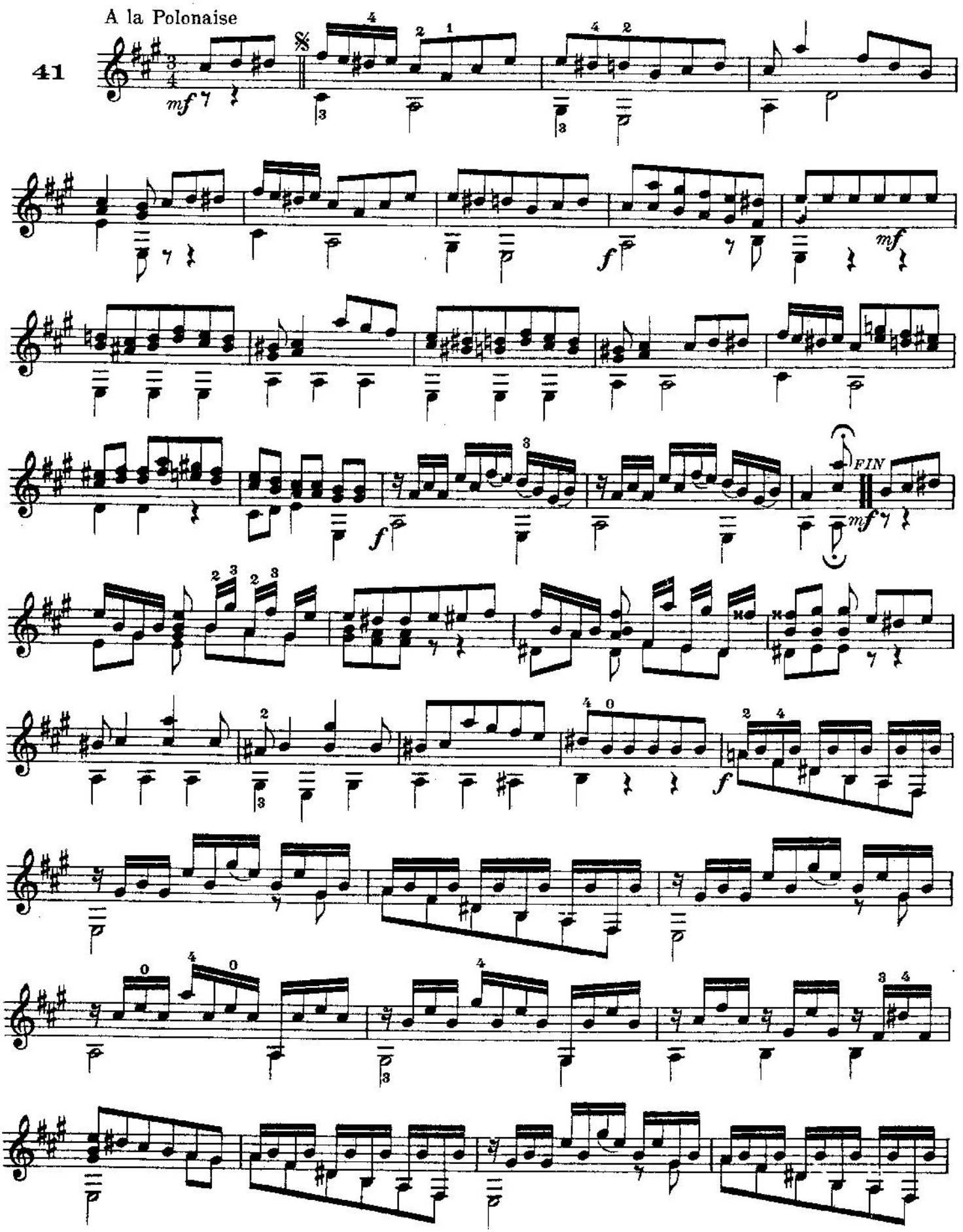

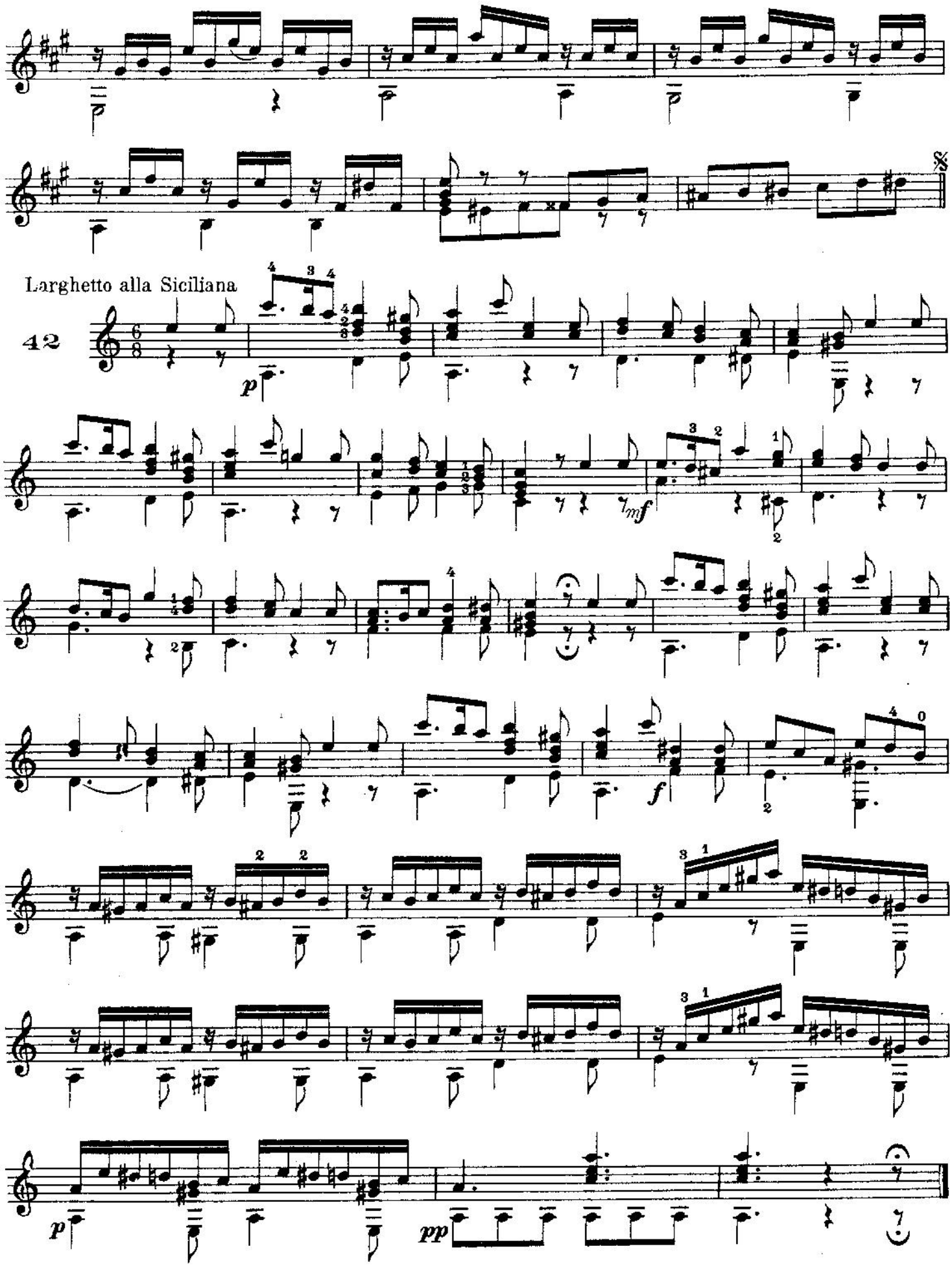
Larghetto alla Siciliana
42
p
mf
f
p
pp

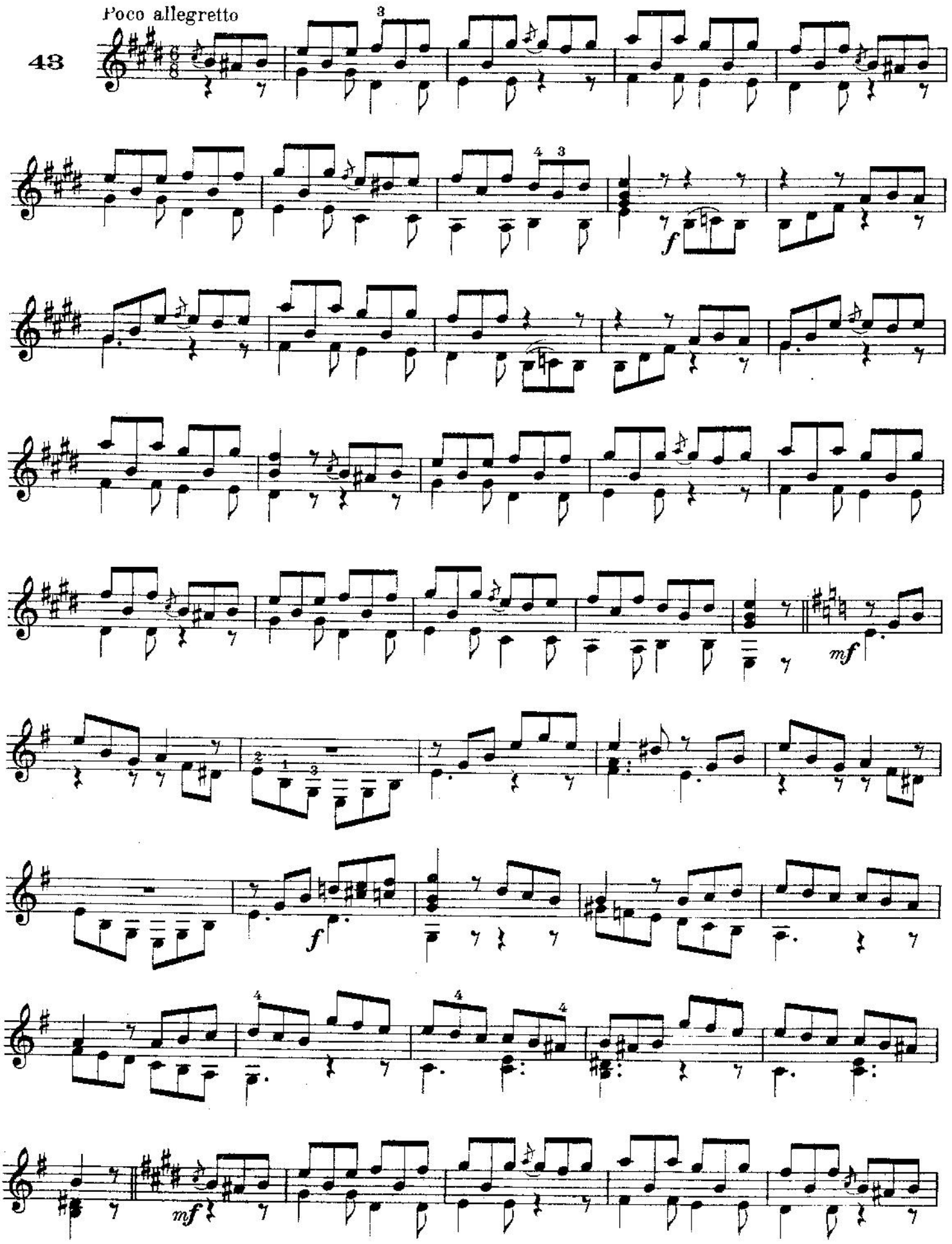
Poco allegretto
43
f
mf
f
mf

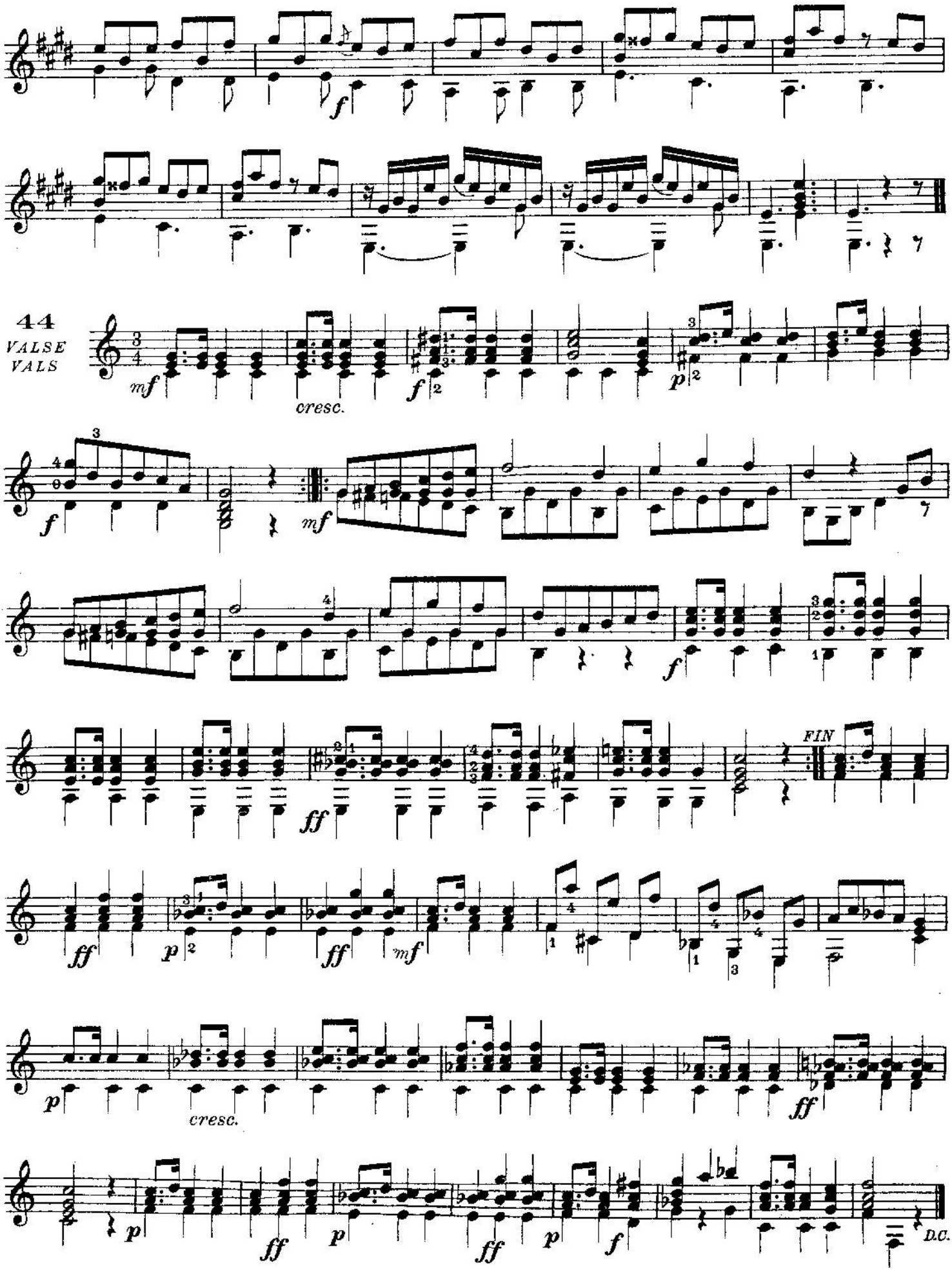
44
VALSE
VALS
mf
cresc.
f
p
mf
FIN
ff
D.C.

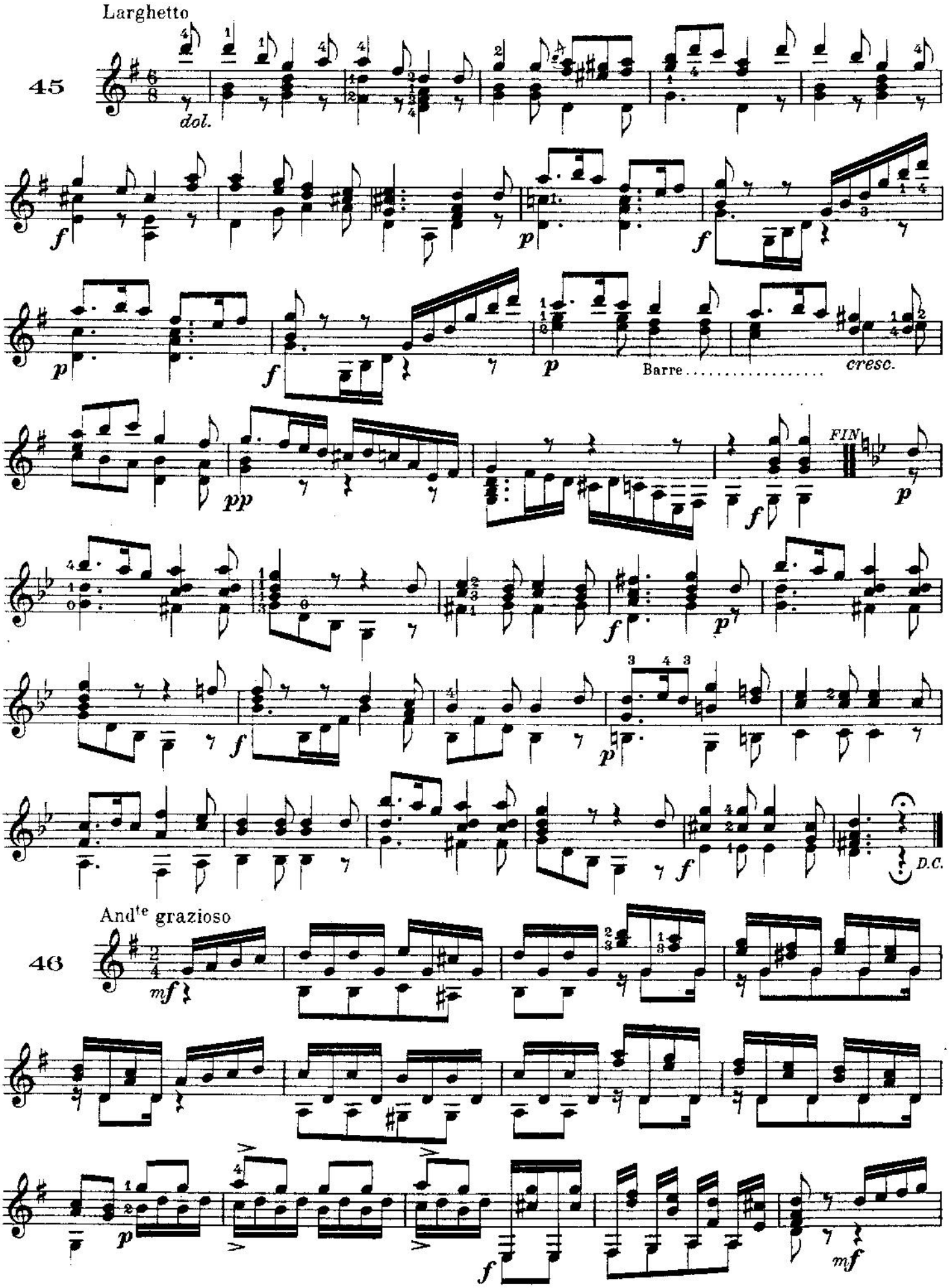
Larghetto
45
dol.
Barre
cresc.
FIN
D.C.
And^te grazioso
46

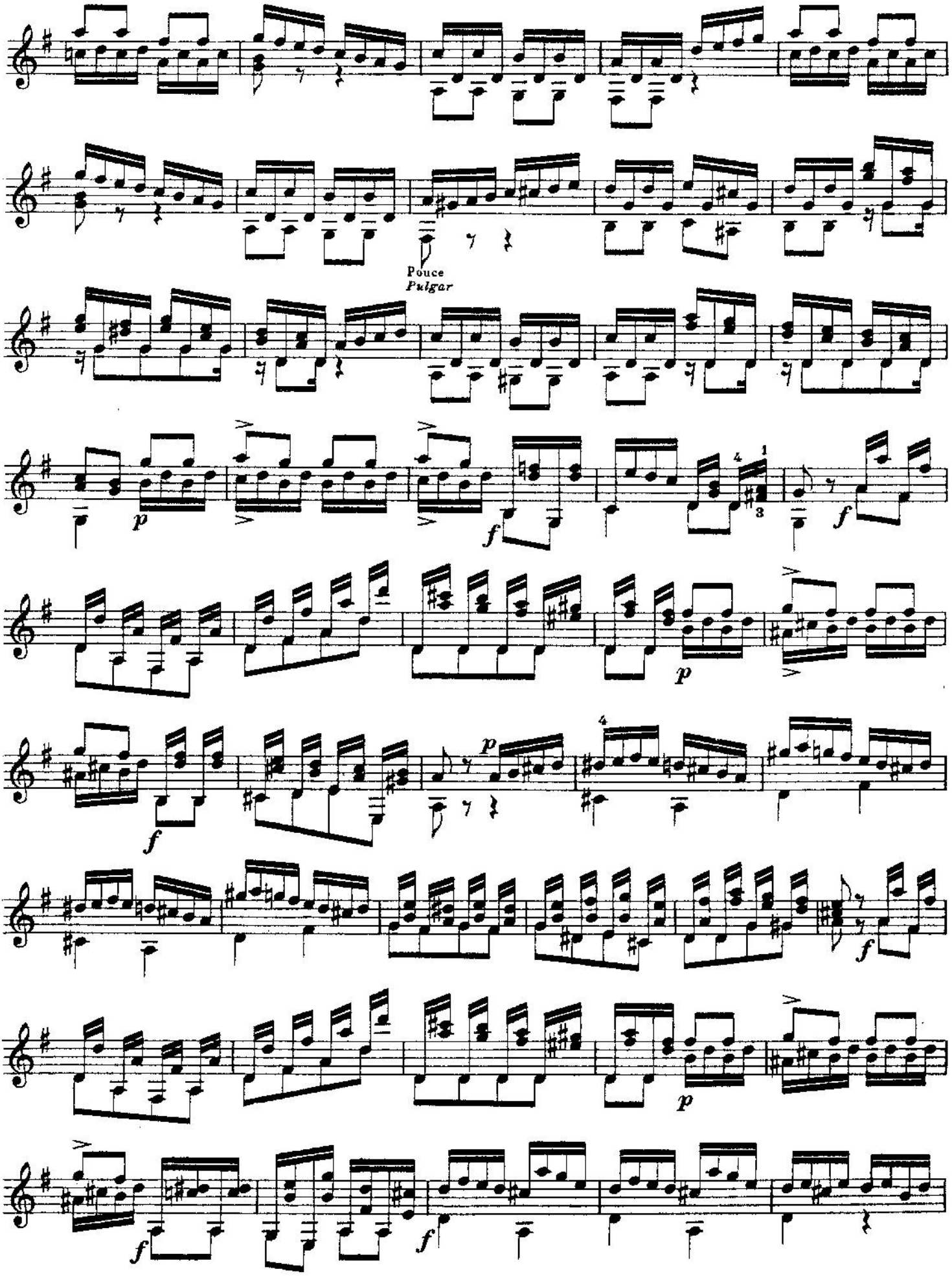
Pouce
Pulgar

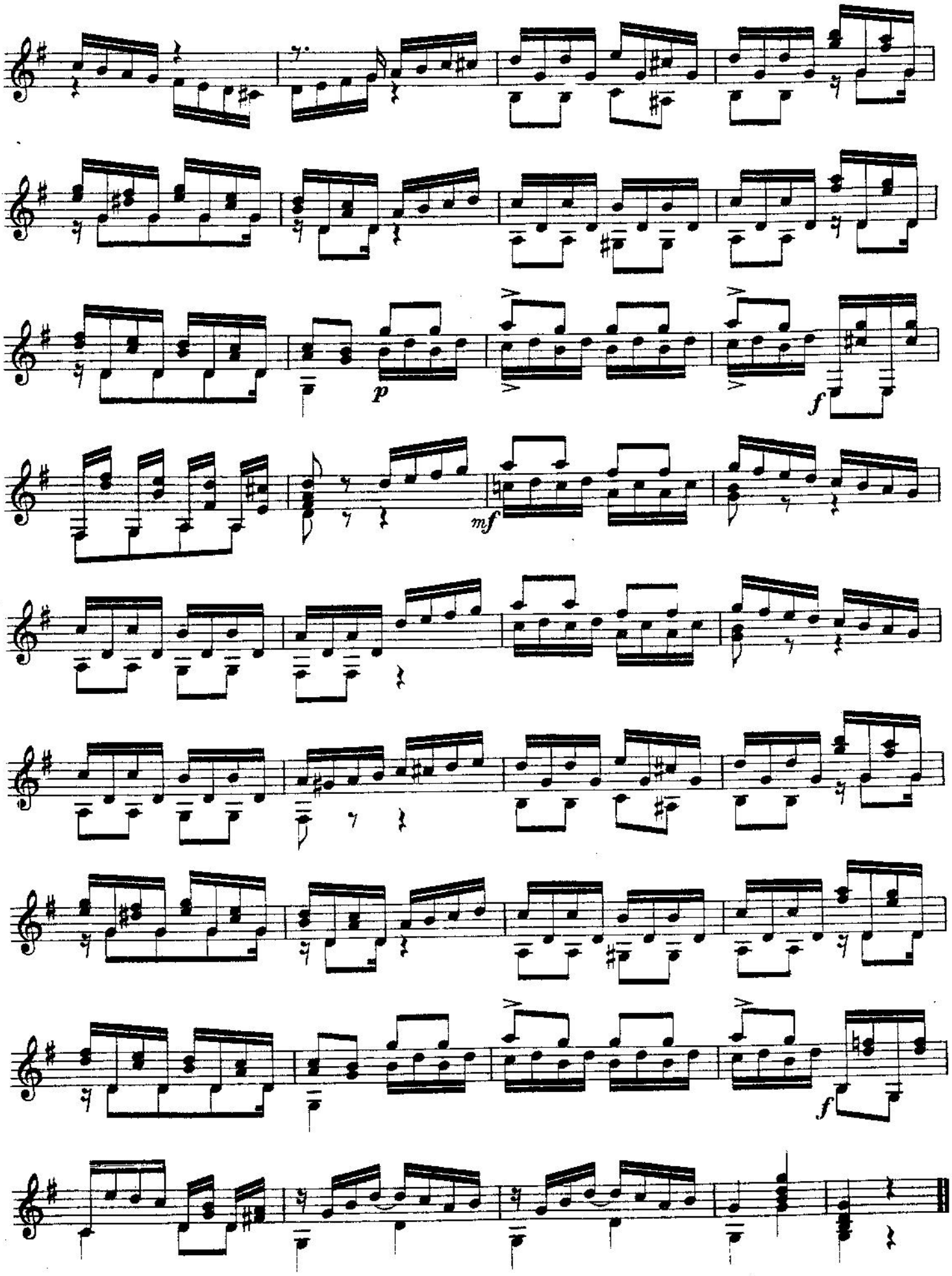
p
f
mf
f

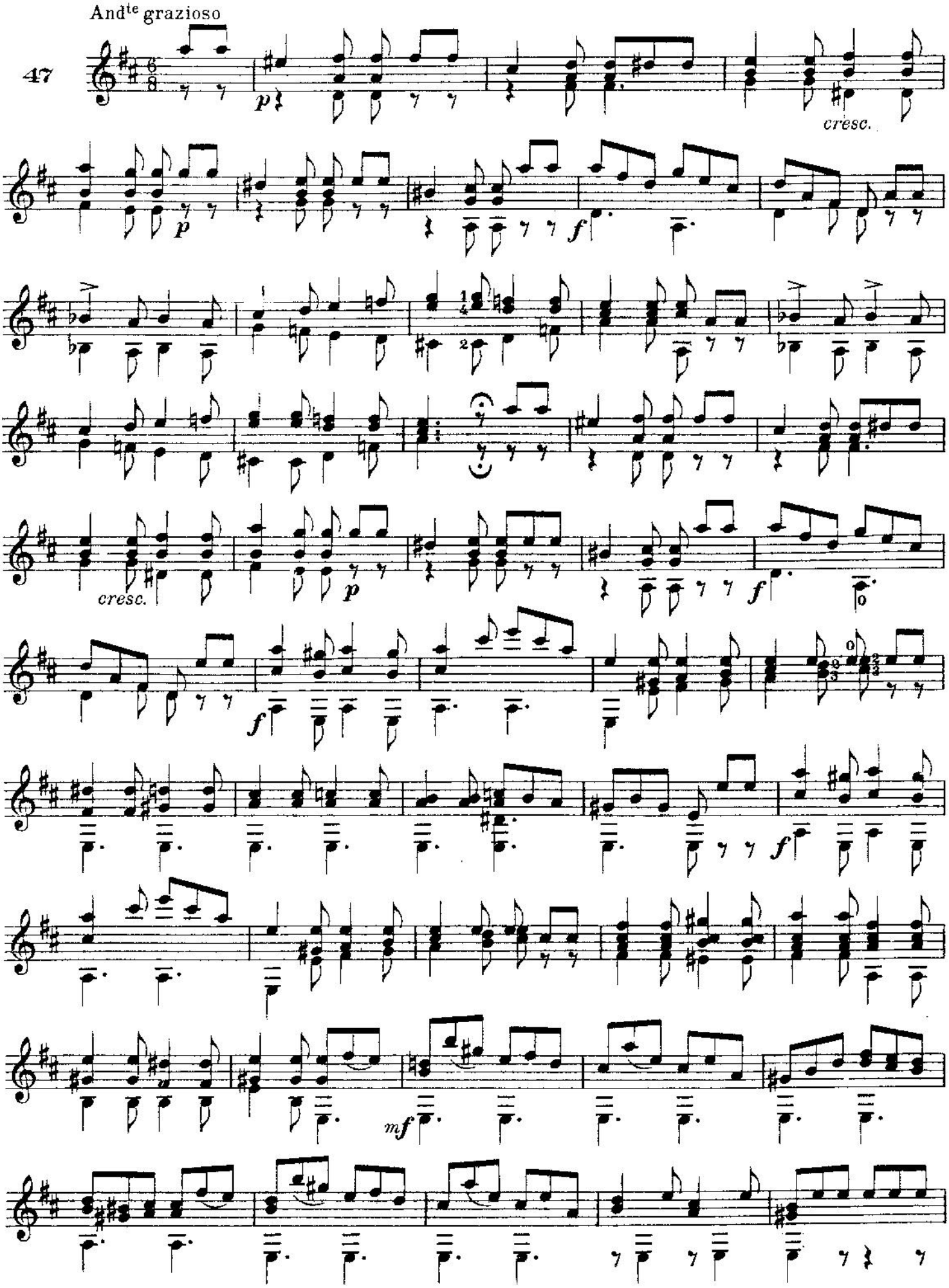
And^te grazioso
47
p
cresc.
p
f
cresc.
p
f
f
f
mf

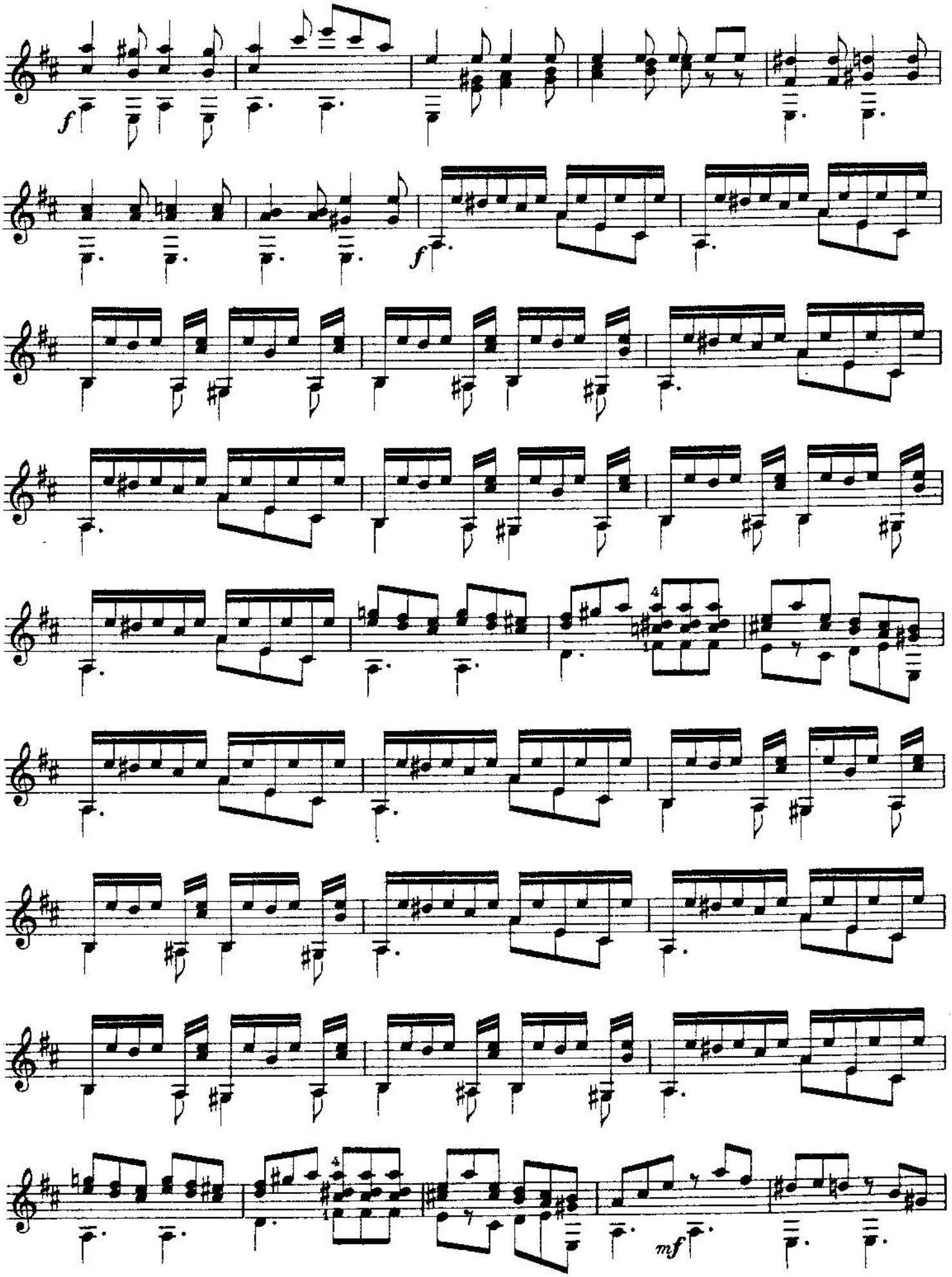
f
f
mf

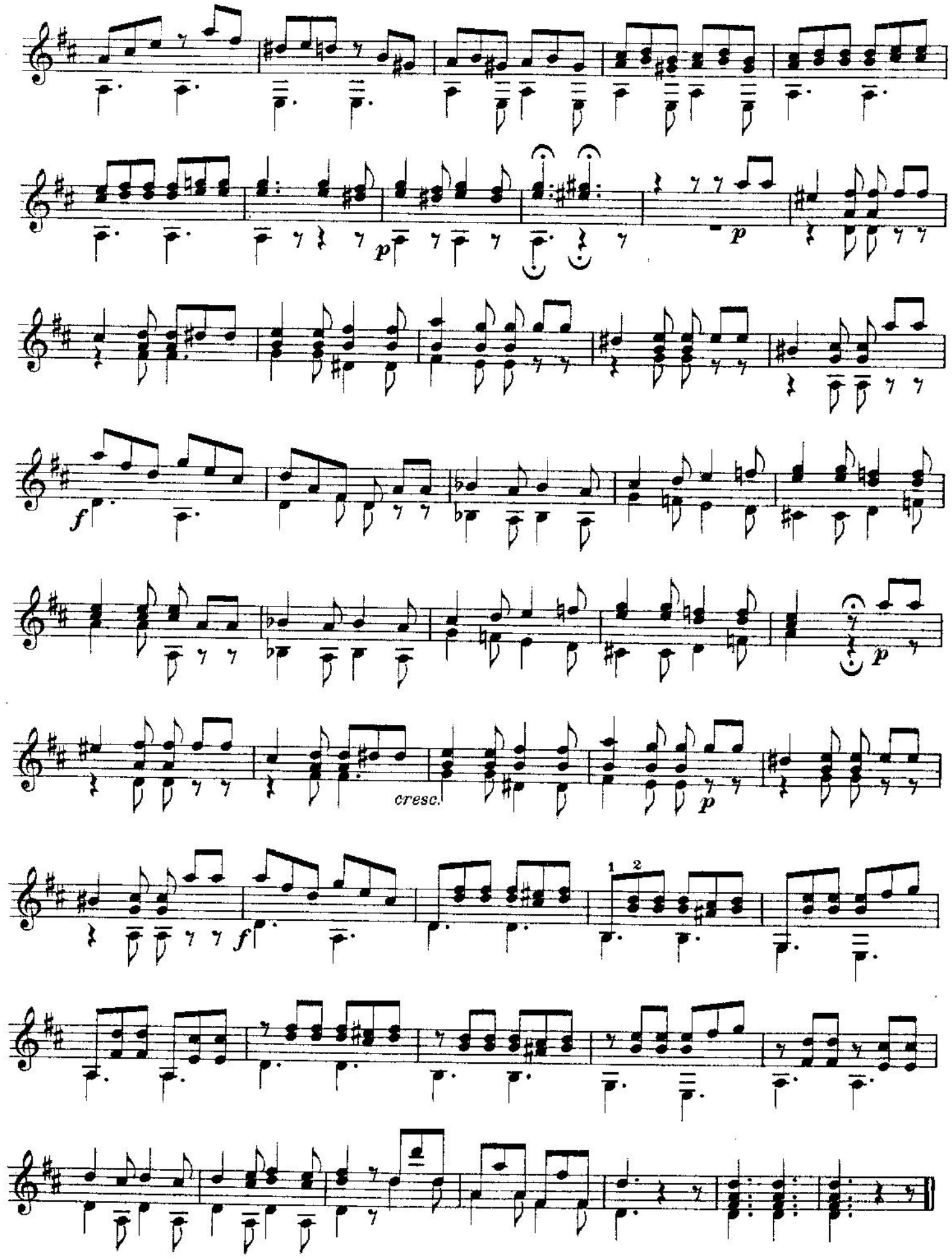
p
p
f
p
cresc.
p
f
1
2

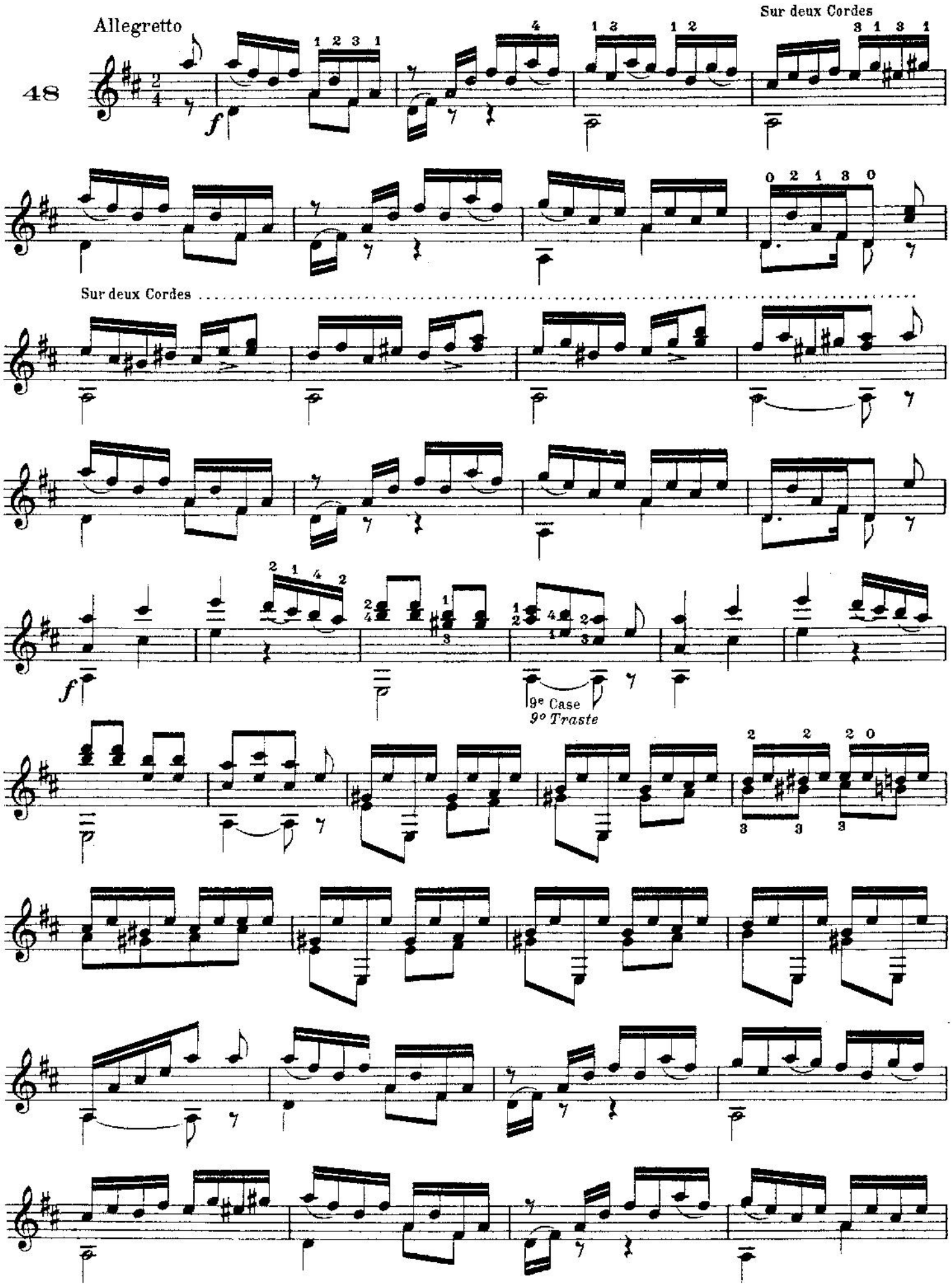
Allegretto
48
Sur deux Cordes
Sur deux Cordes
9e Case
9o Traste

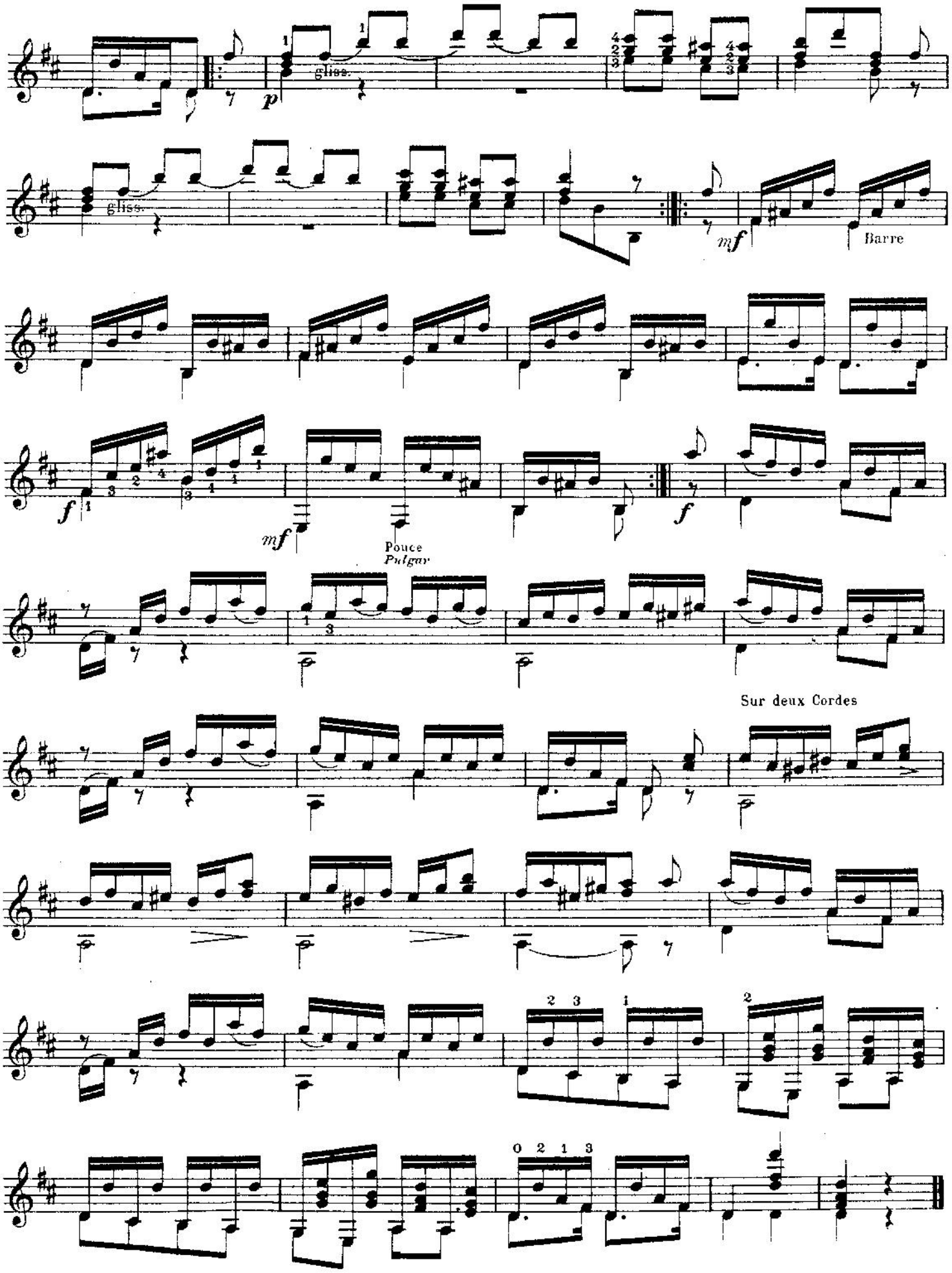
gliss.
p
gliss.
mf
Barre
f
mf
Pouce
Pulgar
f
Sur deux Cordes

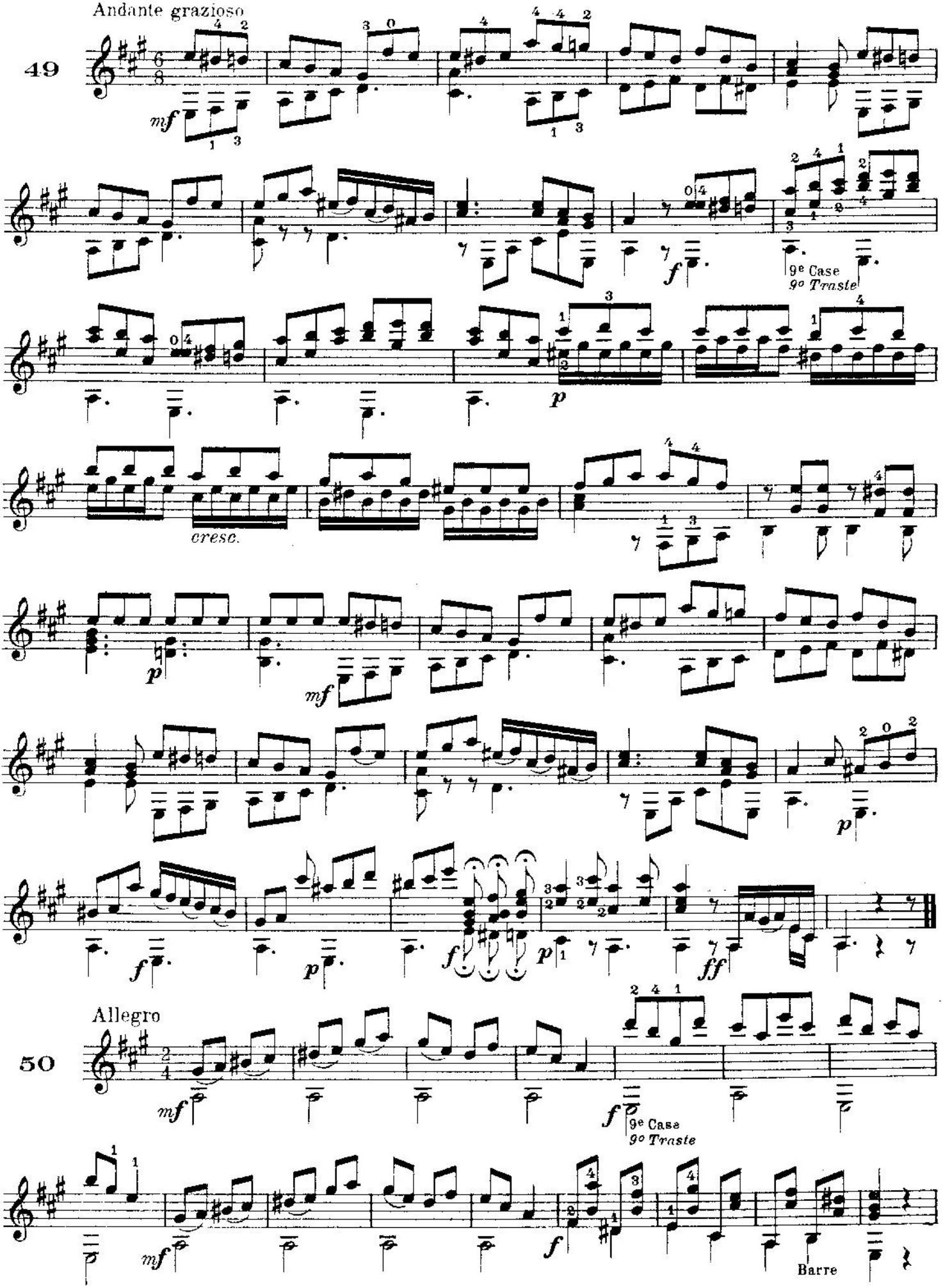
Andante grazioso
49
mf
f
9e Case
9o Traste
p
cresc.
p
mf
p
f
p
f
ff
Allegro
50
mf
f
9e Case
9o Traste
mf
f
Barre

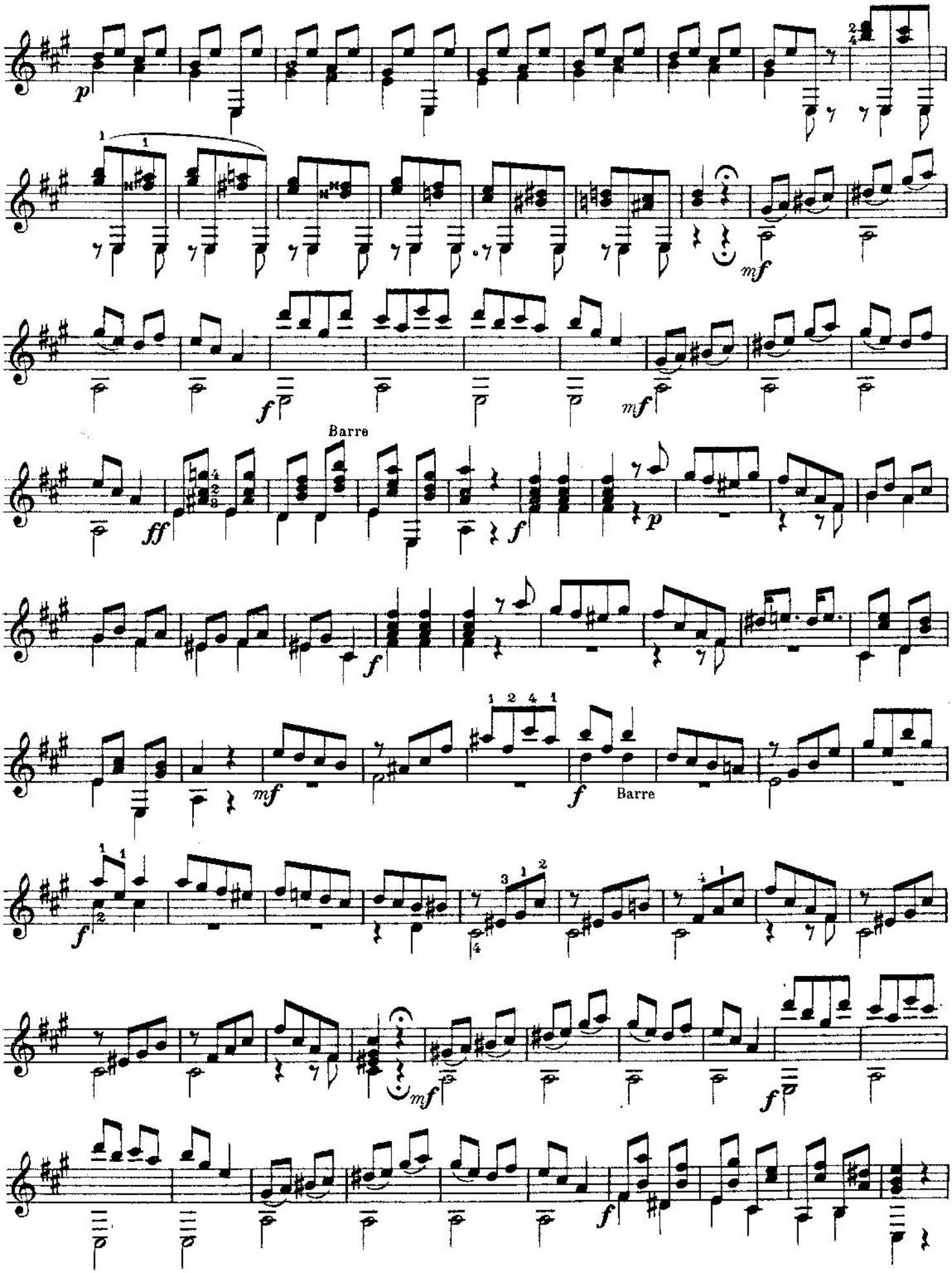
p
mf
f
mf
ff
Barre
f
p
f
mf
f
Barre
f
mf
f
f

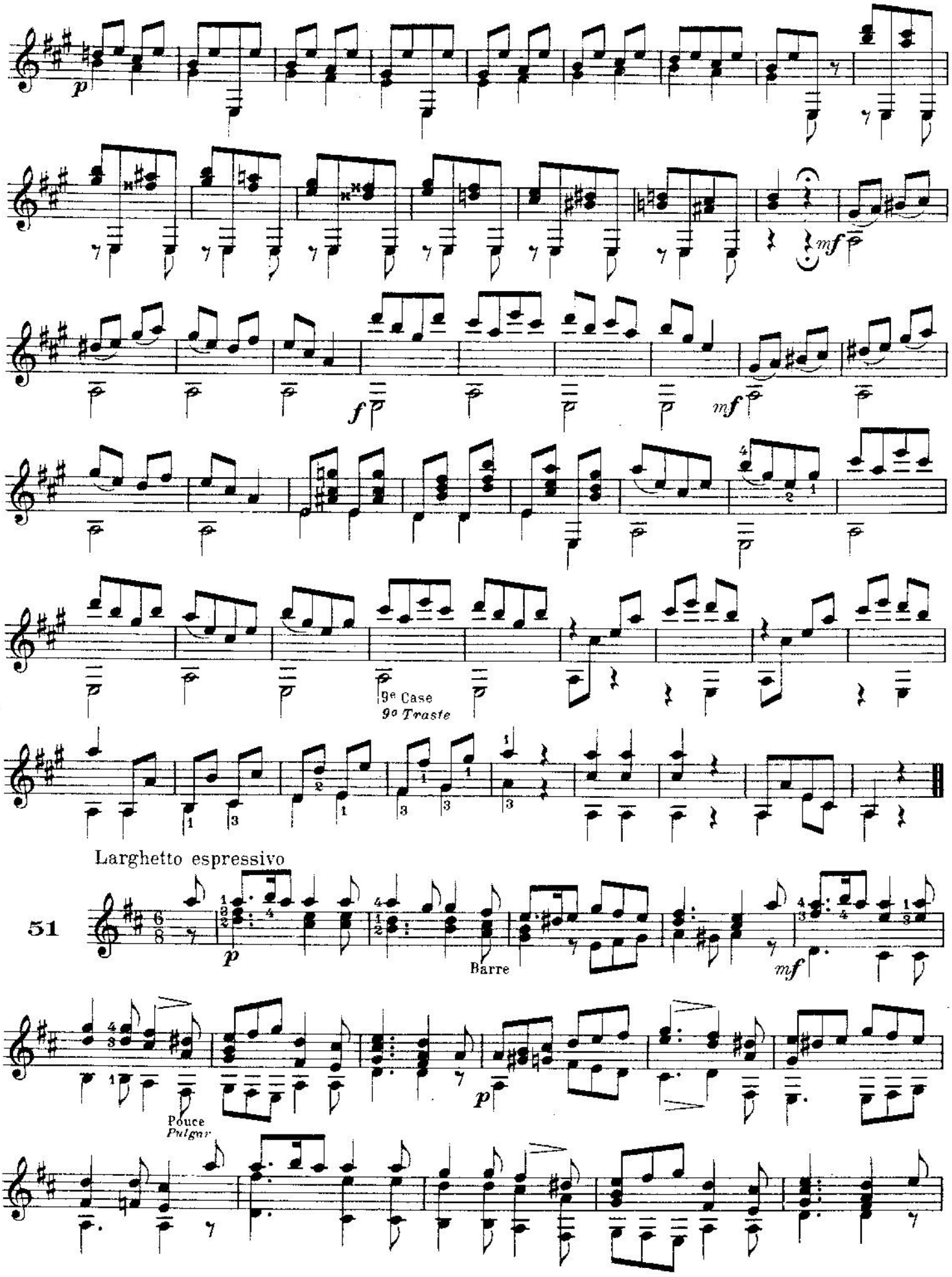
p
mf
f
mf
9e Case
9o Traste
Larghetto espressivo
51
p
Barre
mf
p
Pouce
Pulgar

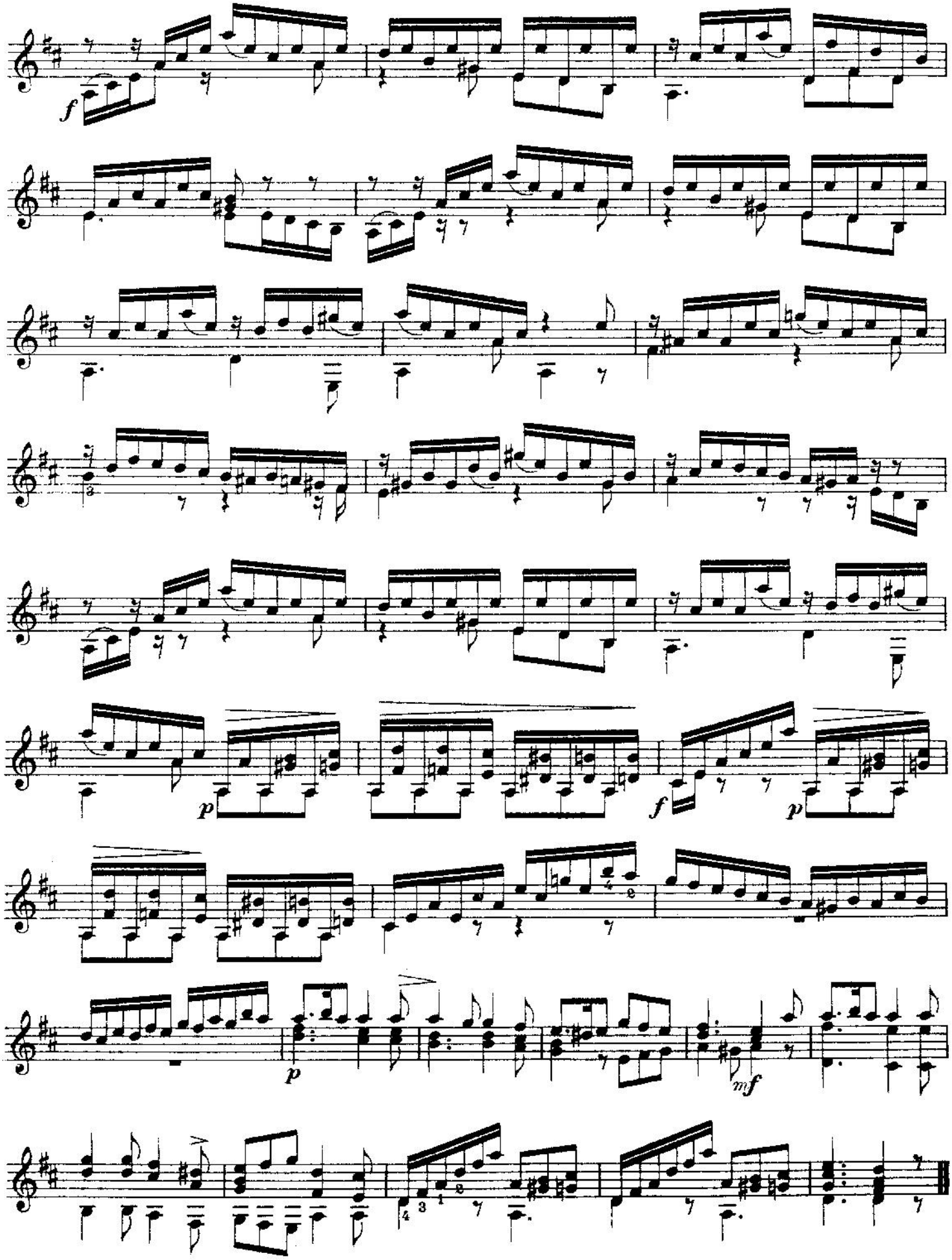
f
p
f
p
p
mf

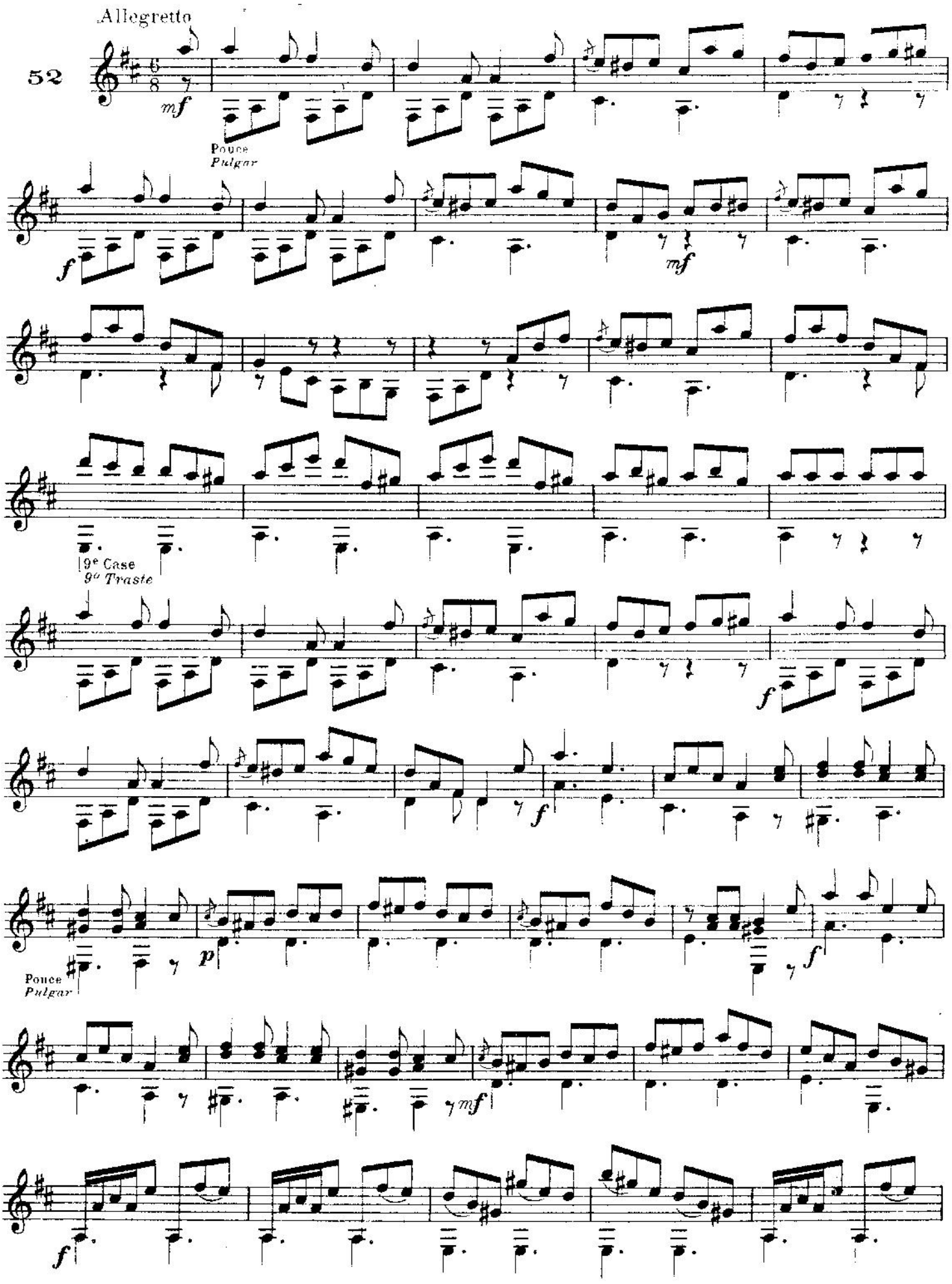
Allegretto
52
mf
Pouce
Pulgar
f
mf
9e Case
9o Traste
f
f
Pouce
Pulgar
p
f
mf
f

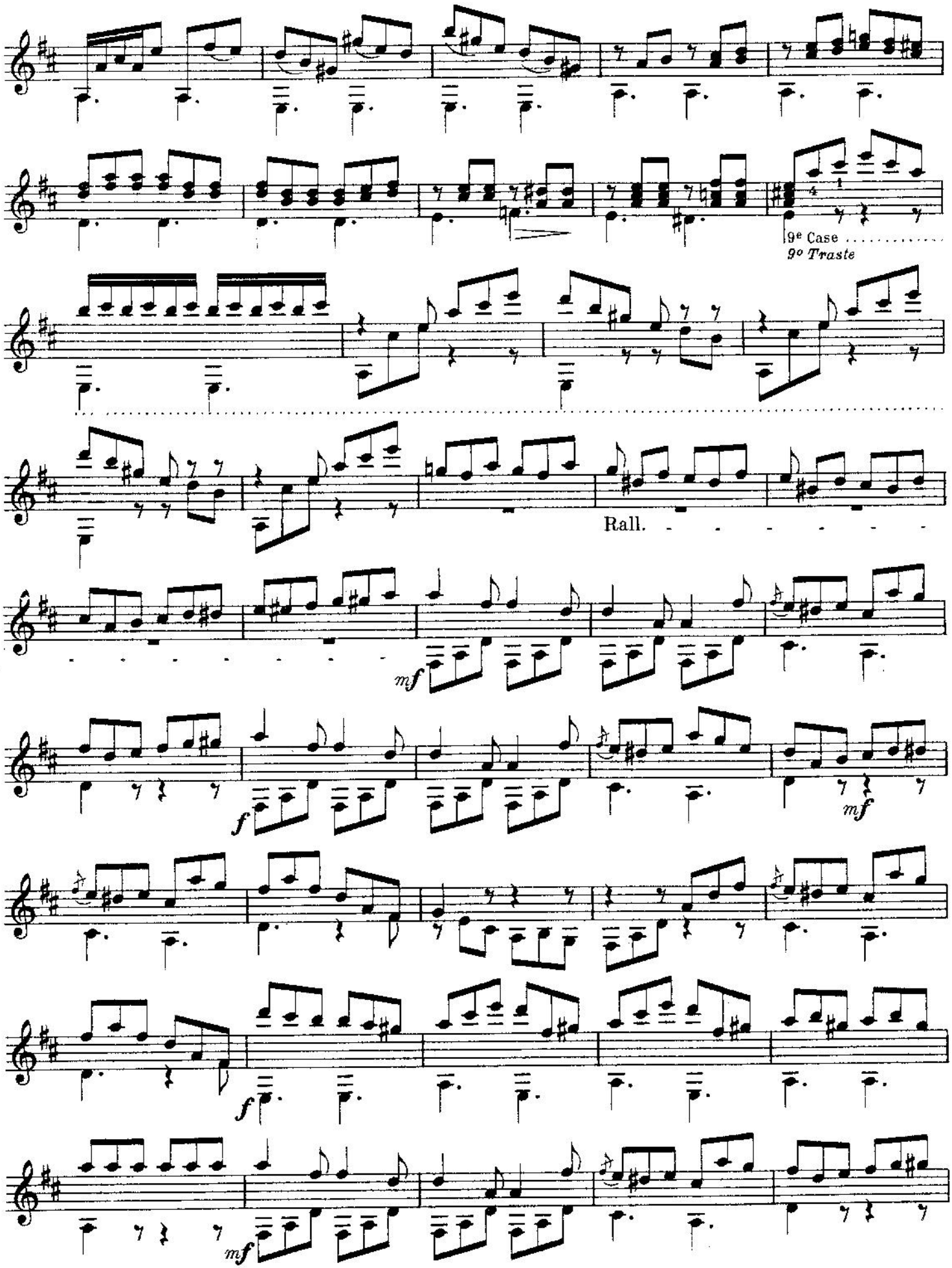
9e Case
9º Traste
Rall.
mf
f
mf
f
mf

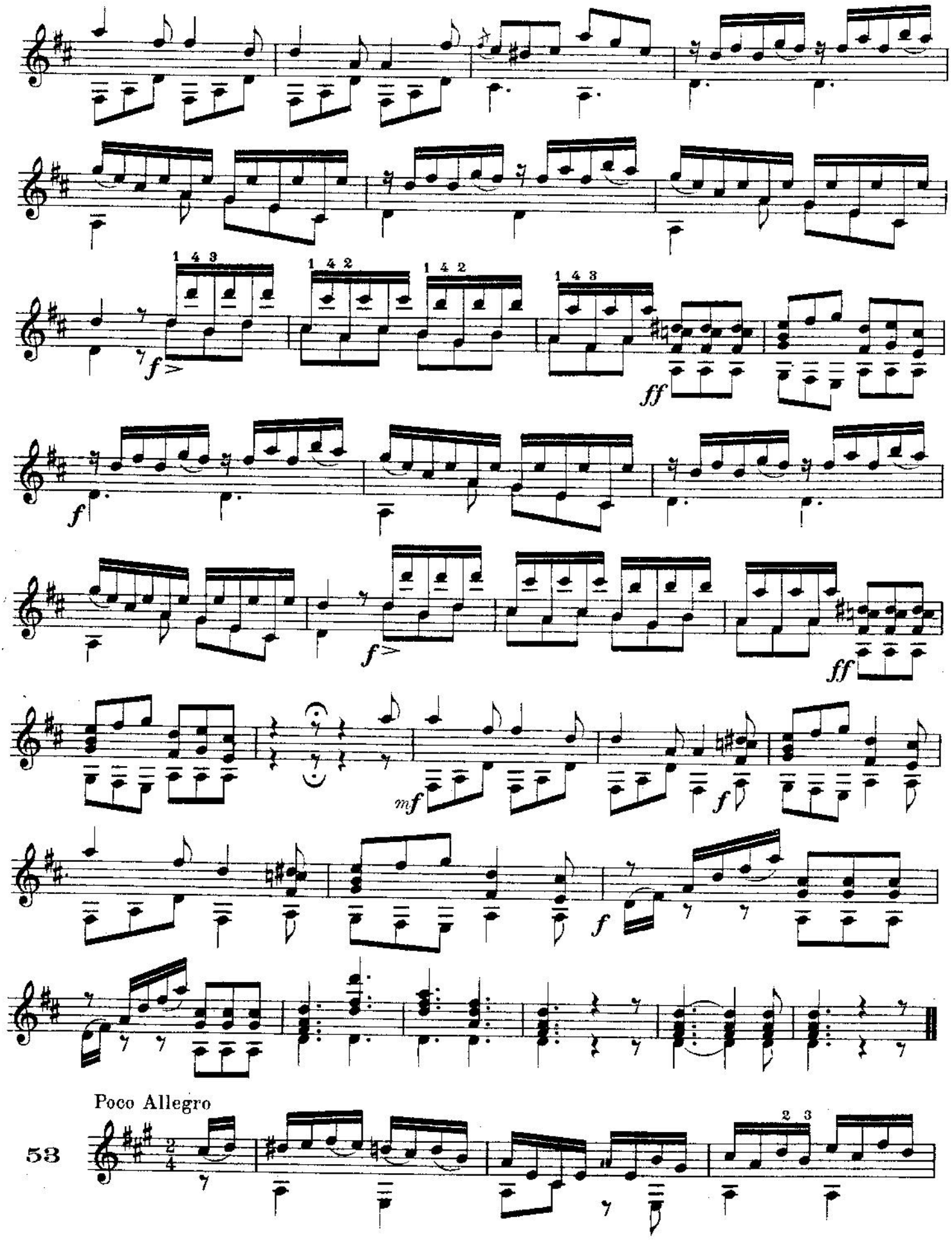
1 4 3
1 4 2
1 4 2
1 4 3
f
ff
f
f
ff
mf
f
f
Poco Allegro
53
2 3

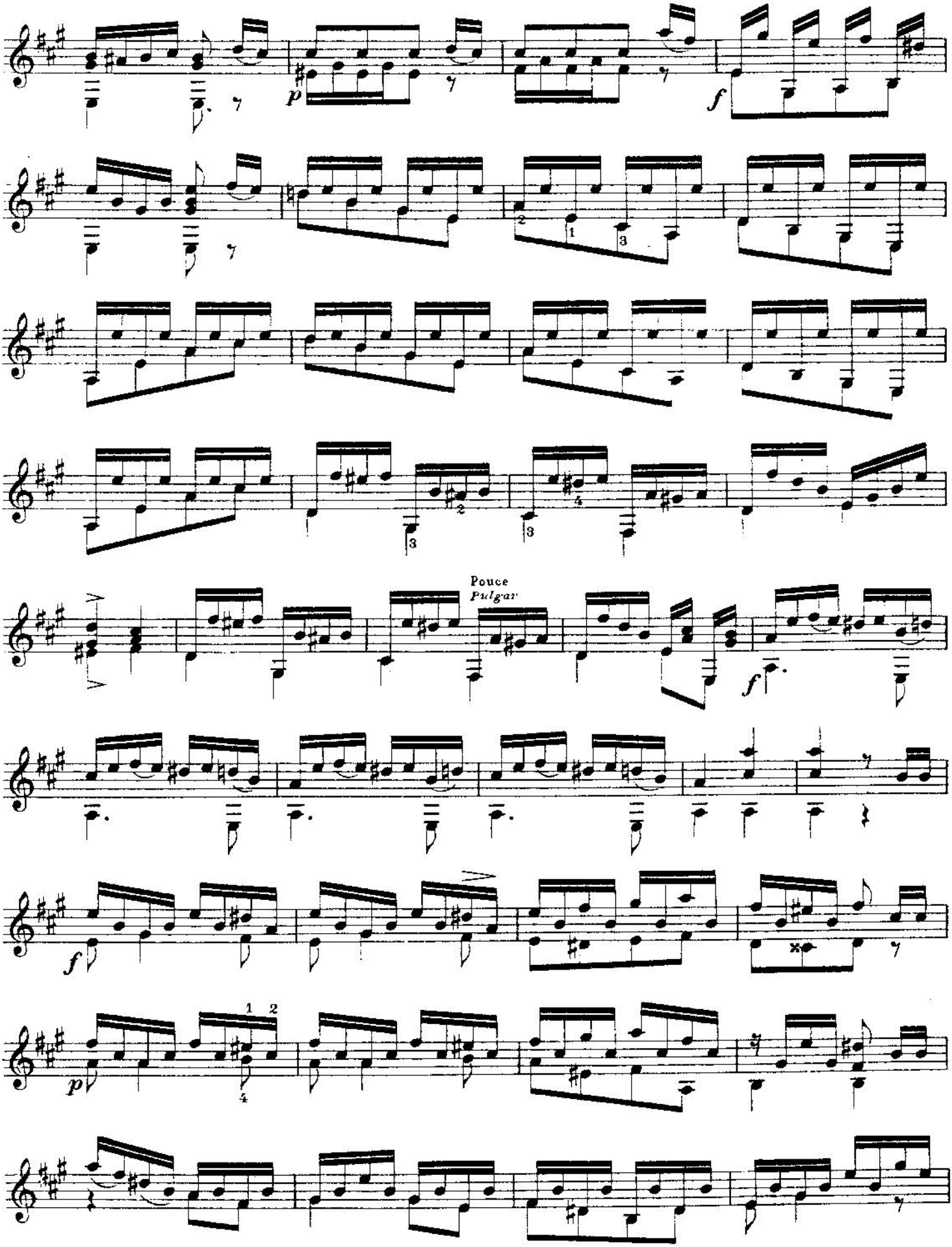
p
f
Pouce
Pulgar
f
f
p

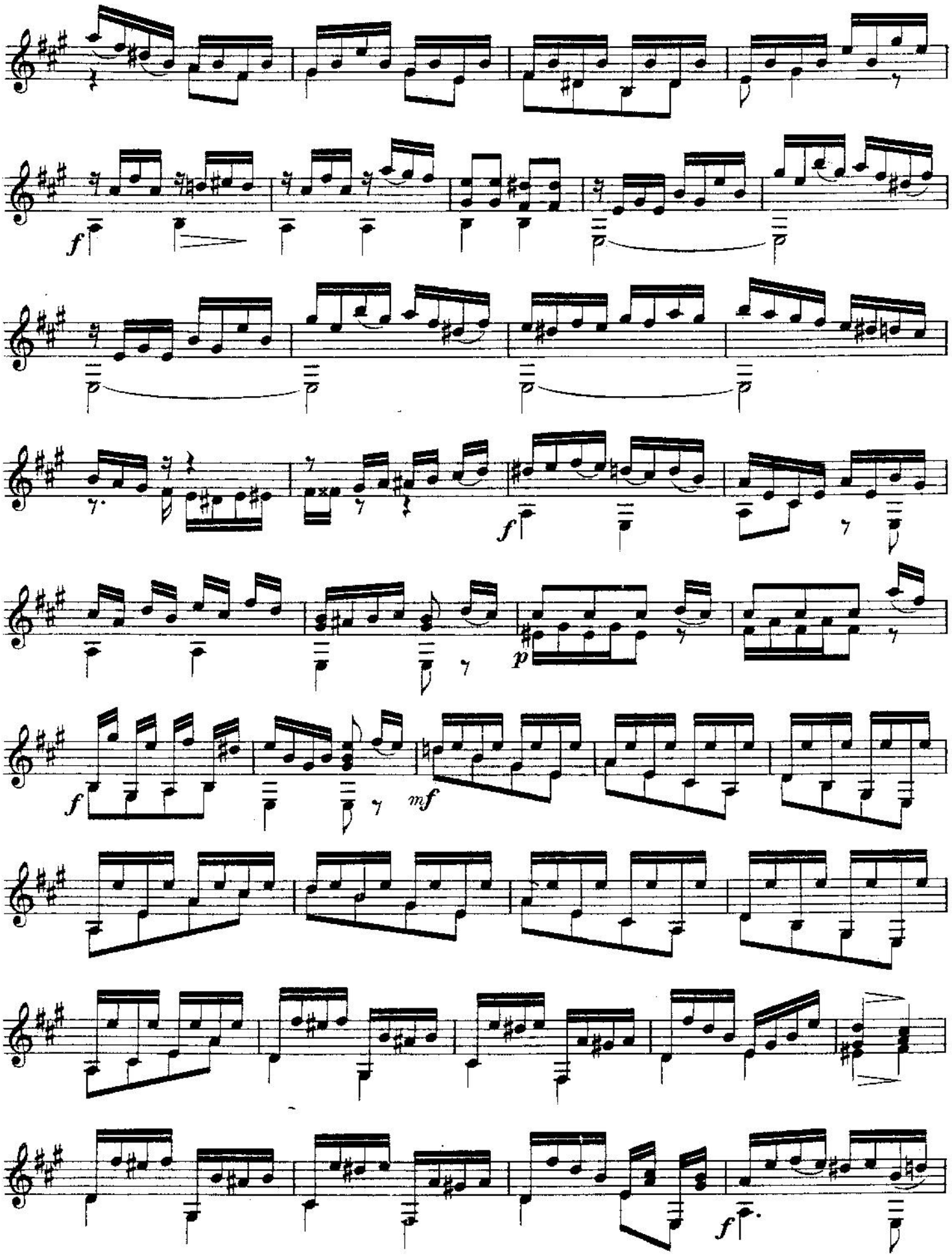
f
f
p
f
mf
f

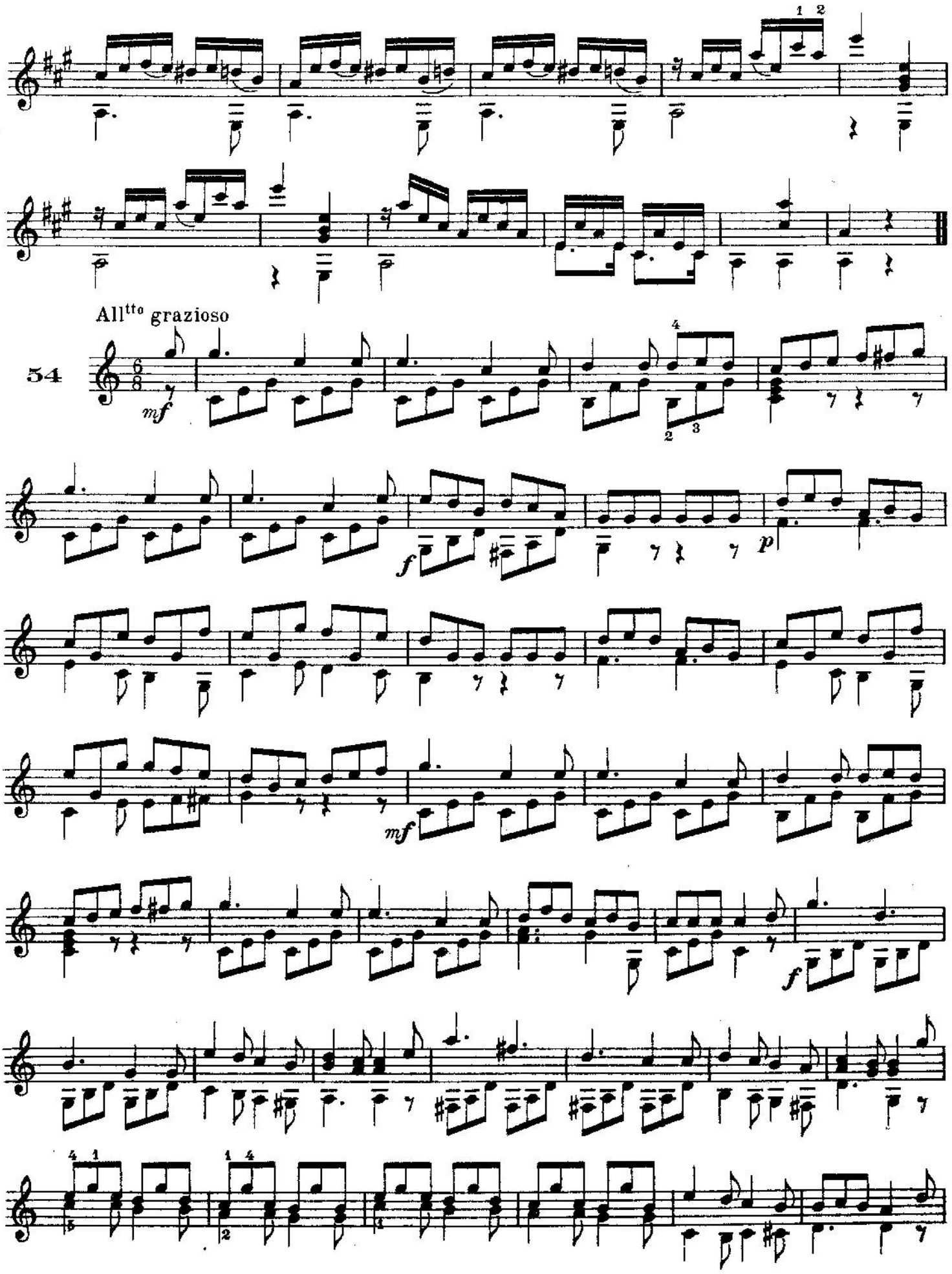
All^tto grazioso
54
mf
f
p
mf
f

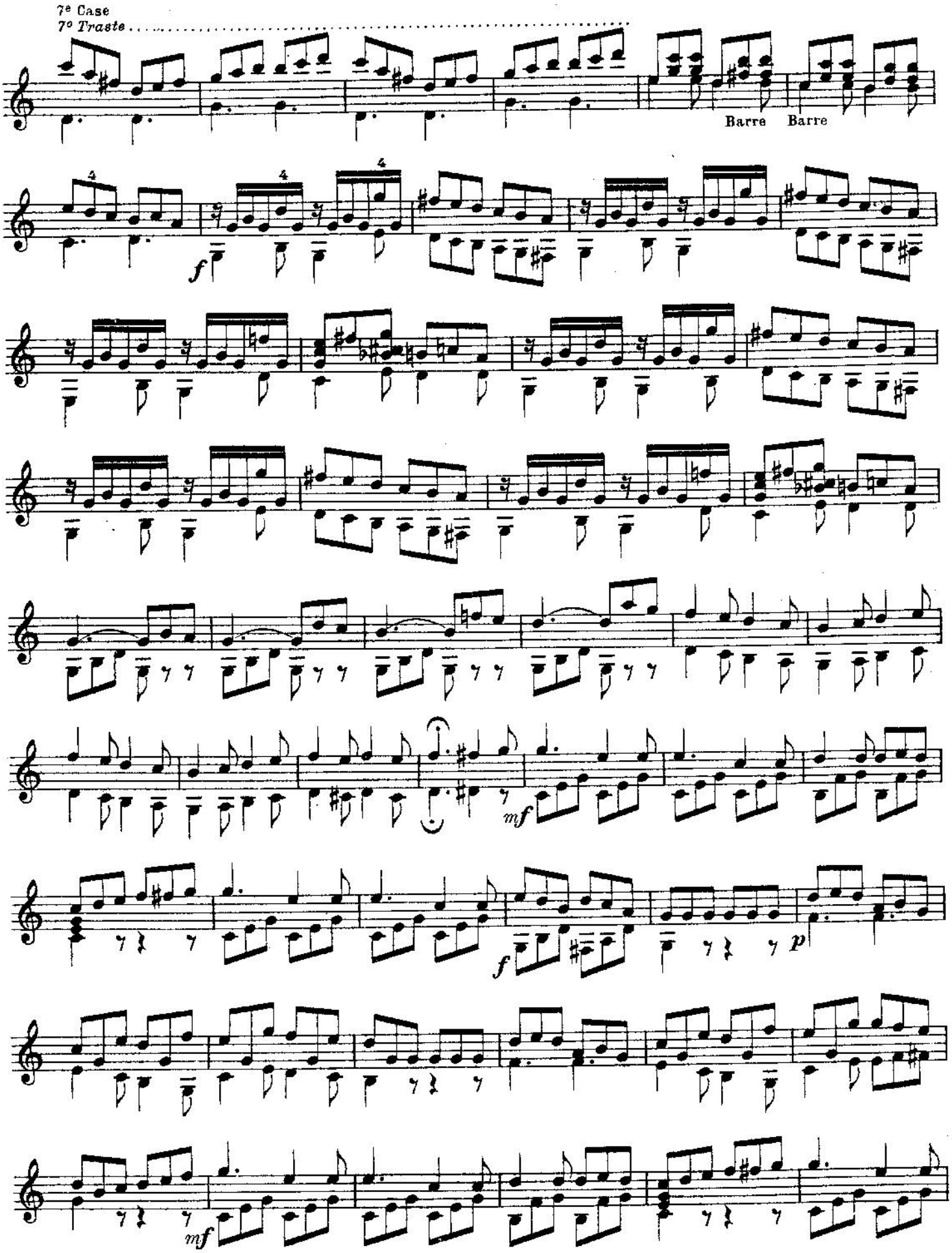
7e Case
7o Traste
Barre
Barre
f
mf
f
p
mf

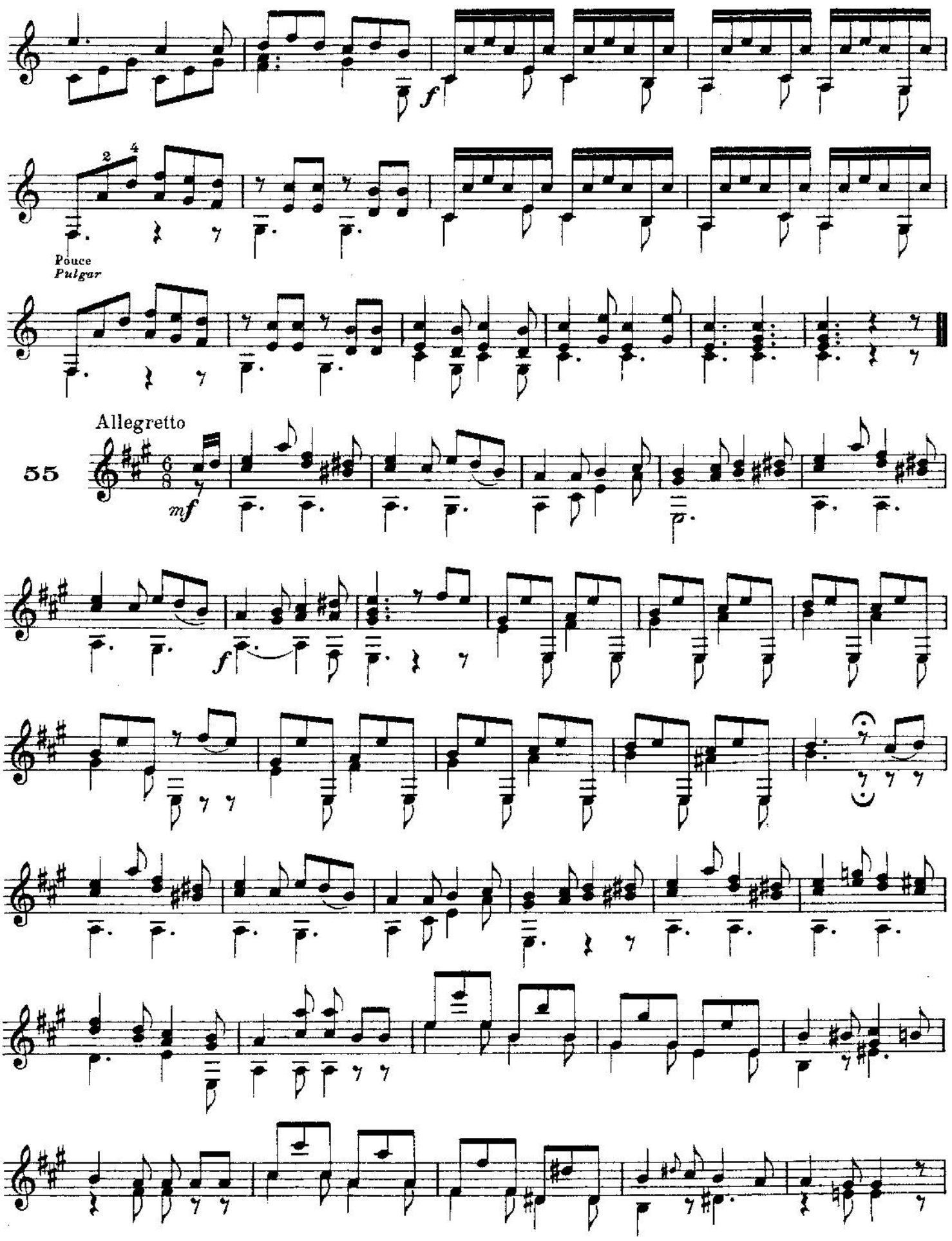
f
Pouce
Pulgar
Allegretto
55
mf
f

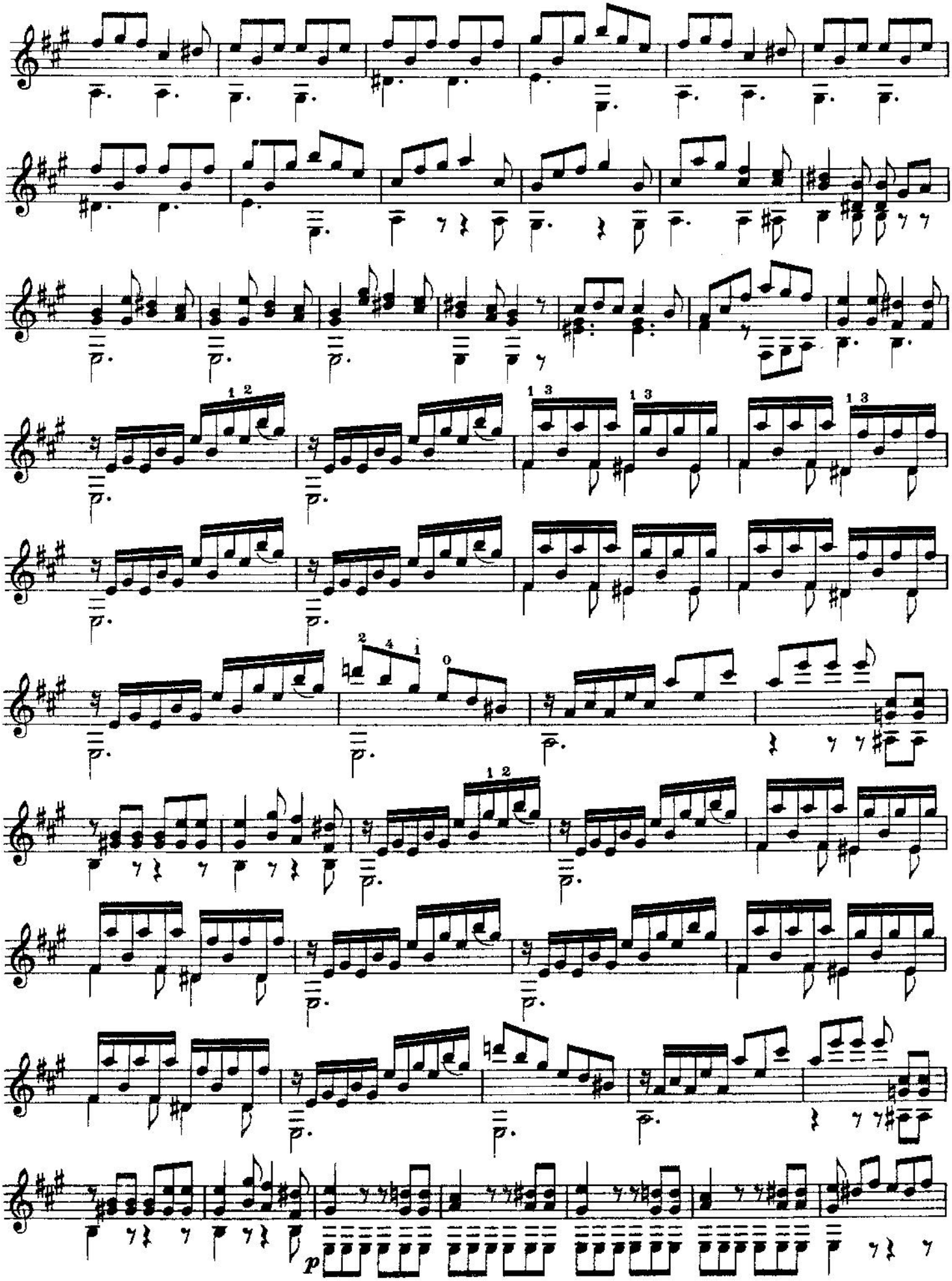
p

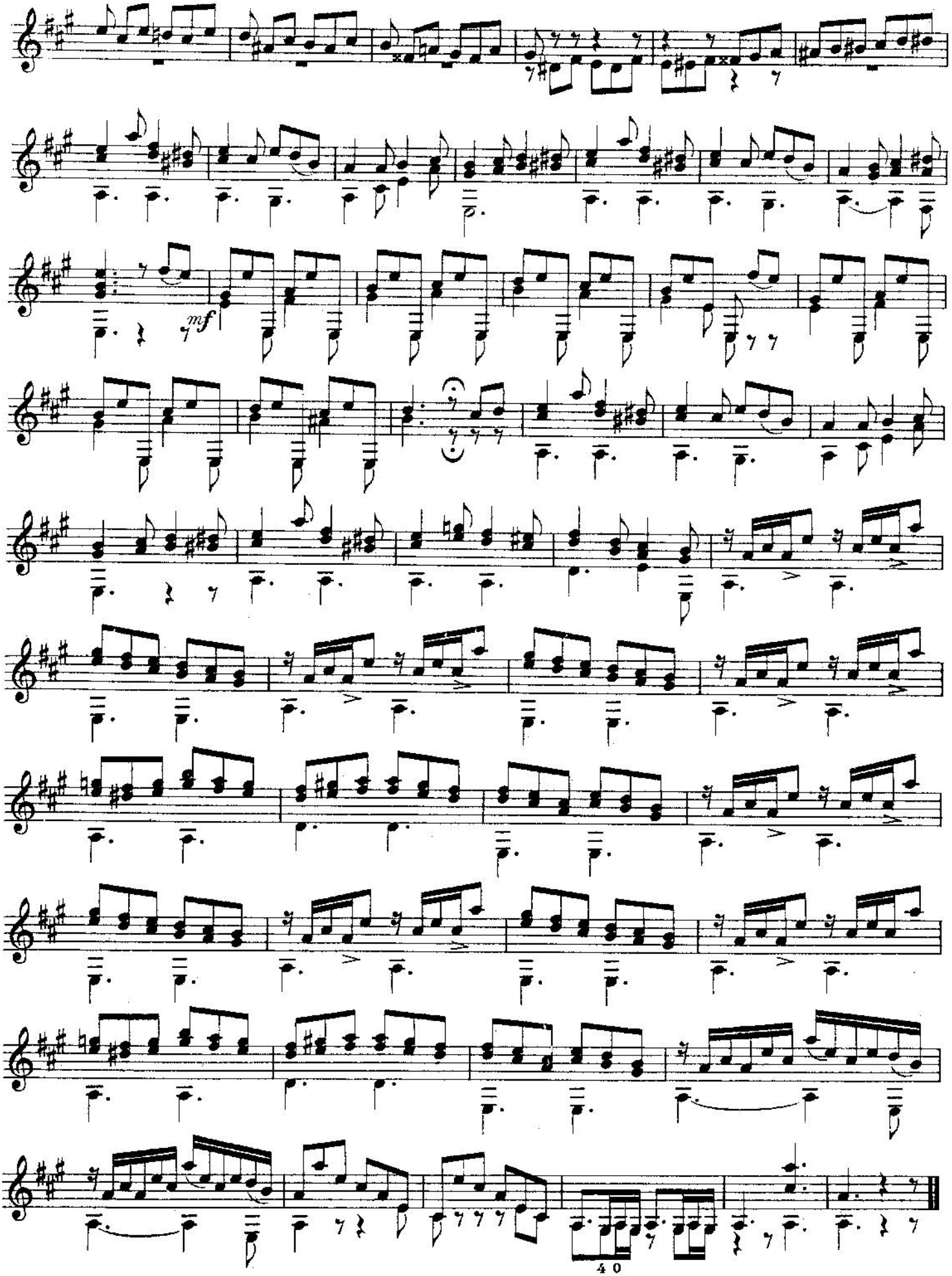
mf
40

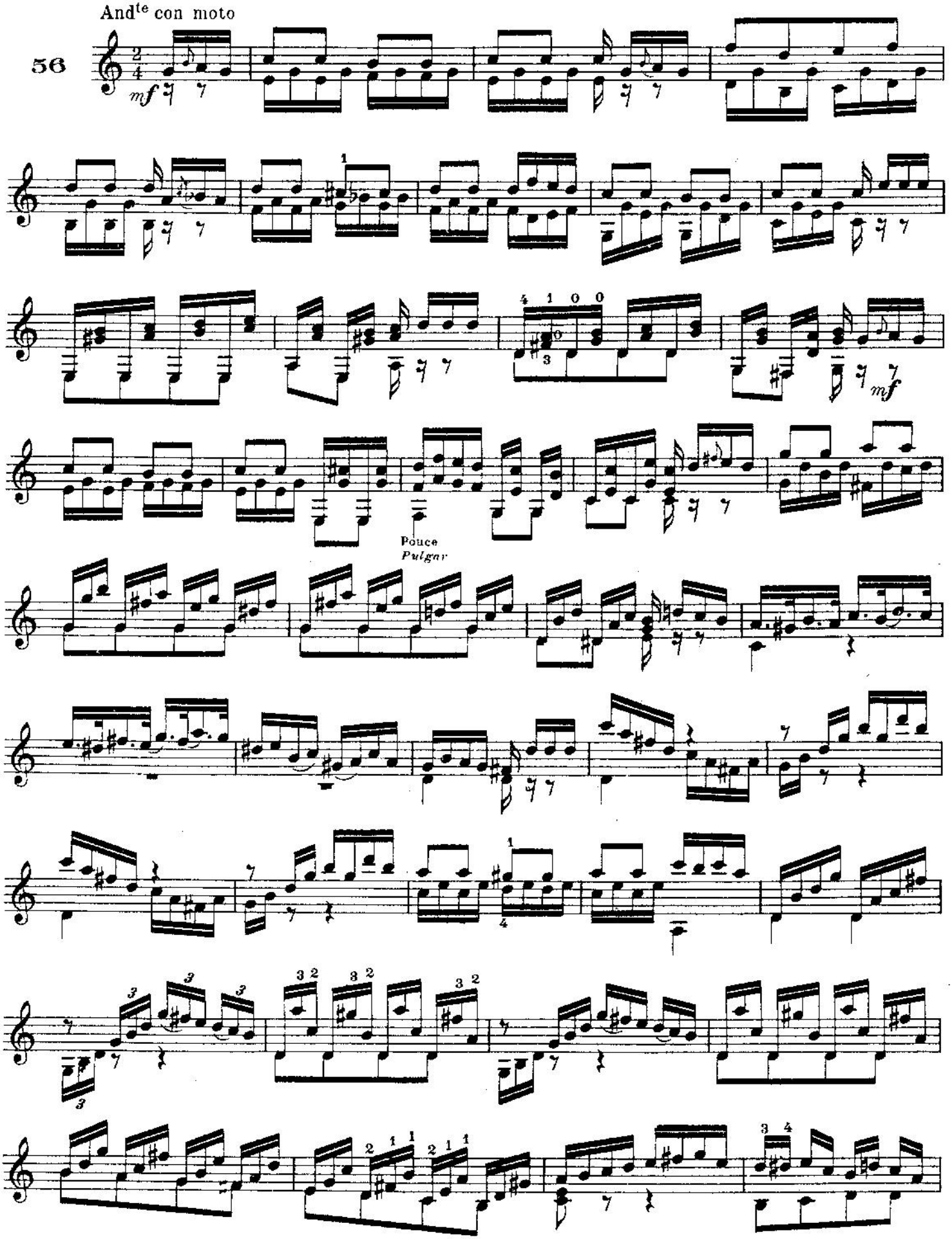
And^te con moto
56
mf
Pouce
Pulgar
mf

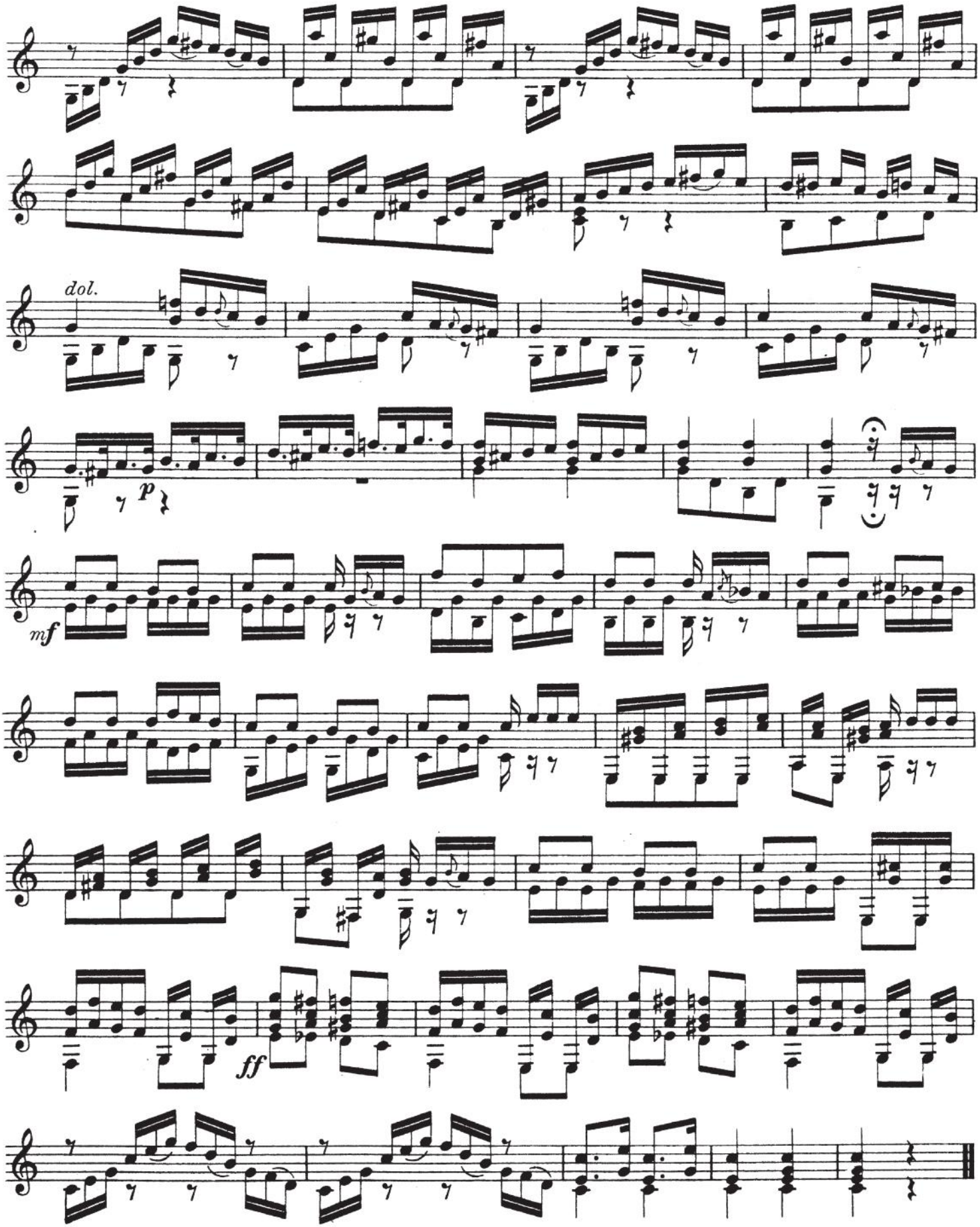

FIN de la Seconde Partie

HẾT phần hai

SÁU BÀI TẬP

DÀNH CHO VIỆC TẬP CÁC THẾ BẤM, LÀM QUEN VỚI CÁC PHÍM, CHẢY TIẾNG, TAM TRÌNH, LỤC TRÌNH, BÁT TRÌNH VÀ THẬP TRÌNH

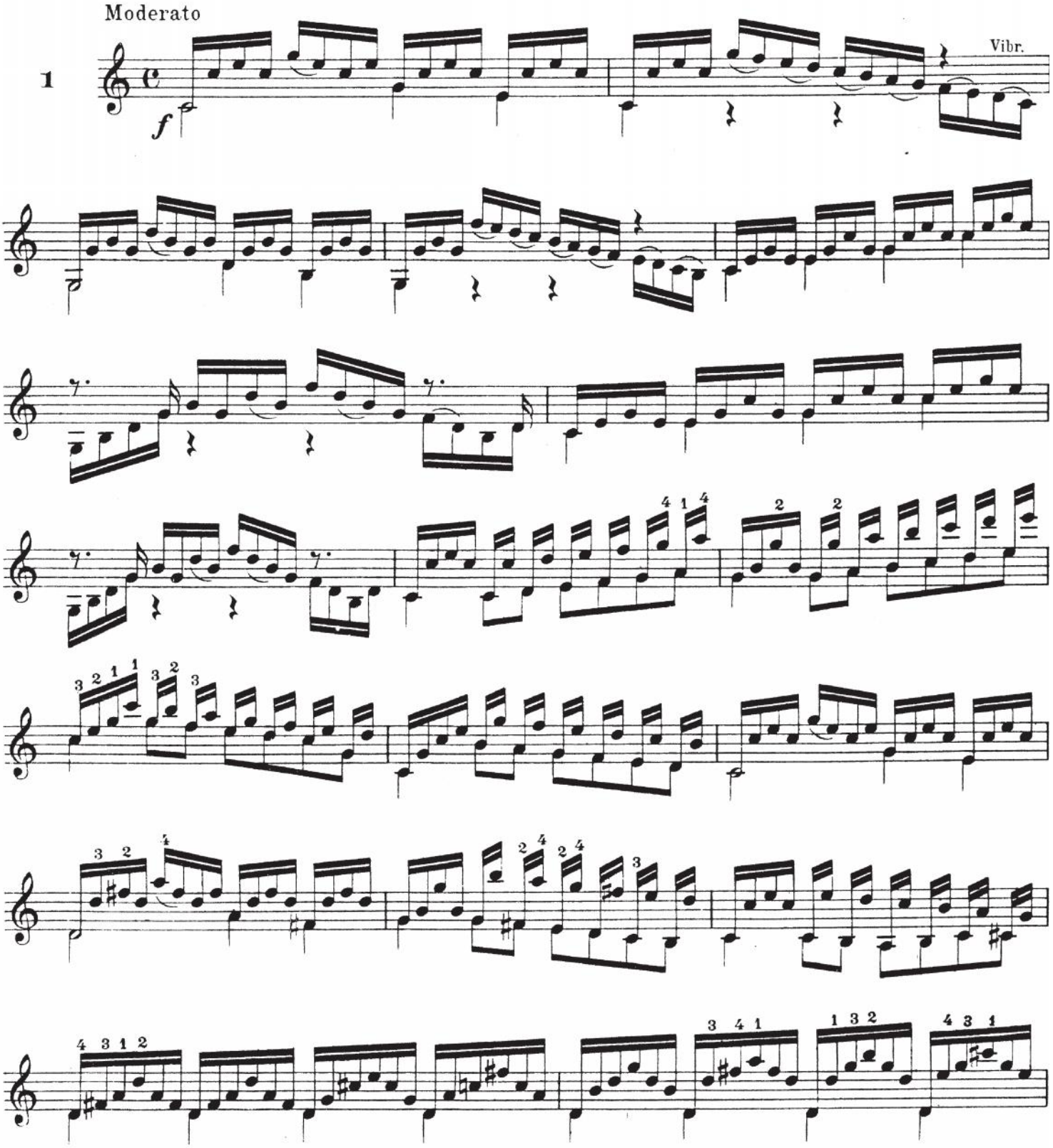

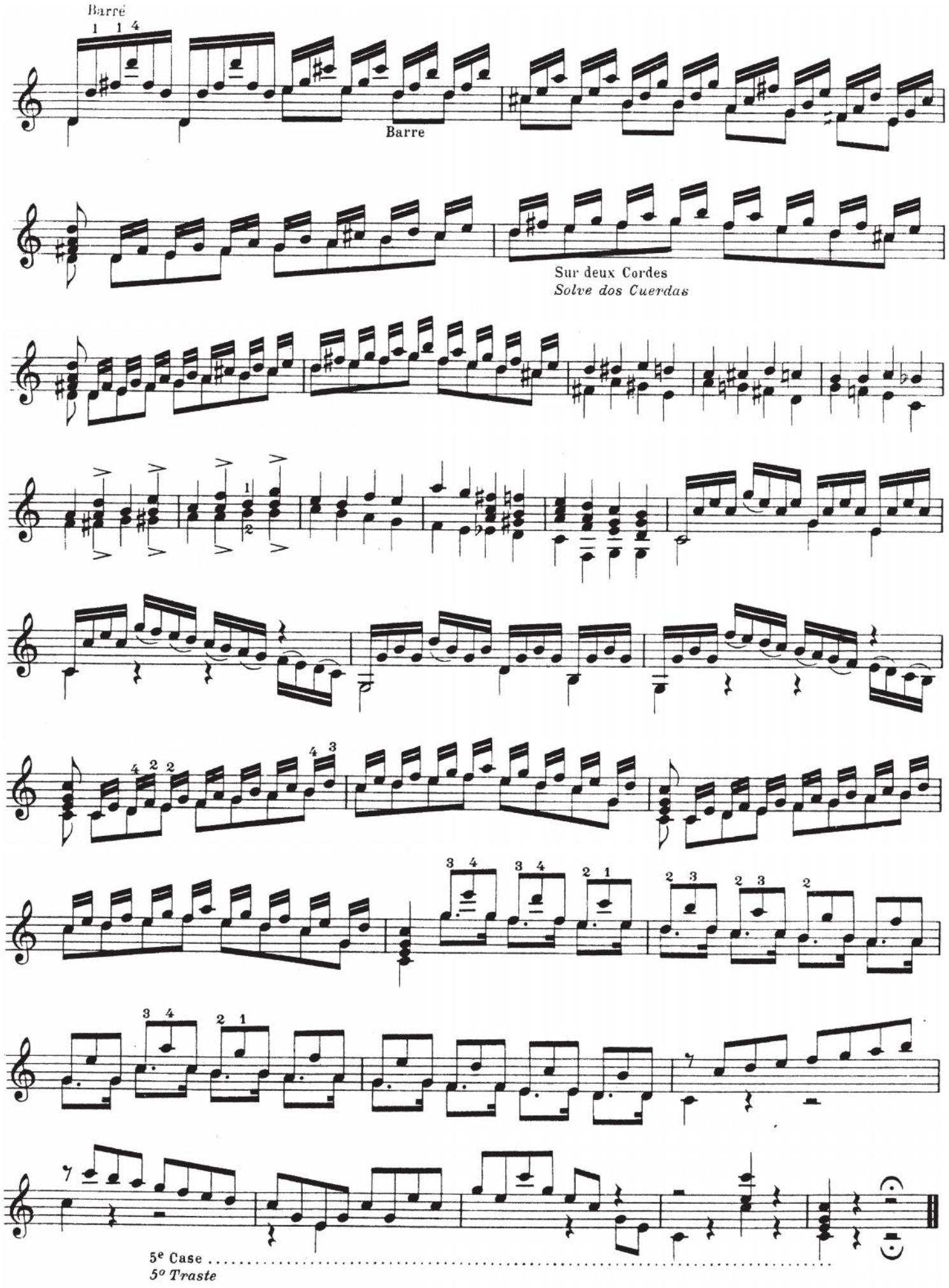
Barré
Barre
Sur deux Cordes
Solve dos Cuerdas
5e Case
5º Traste

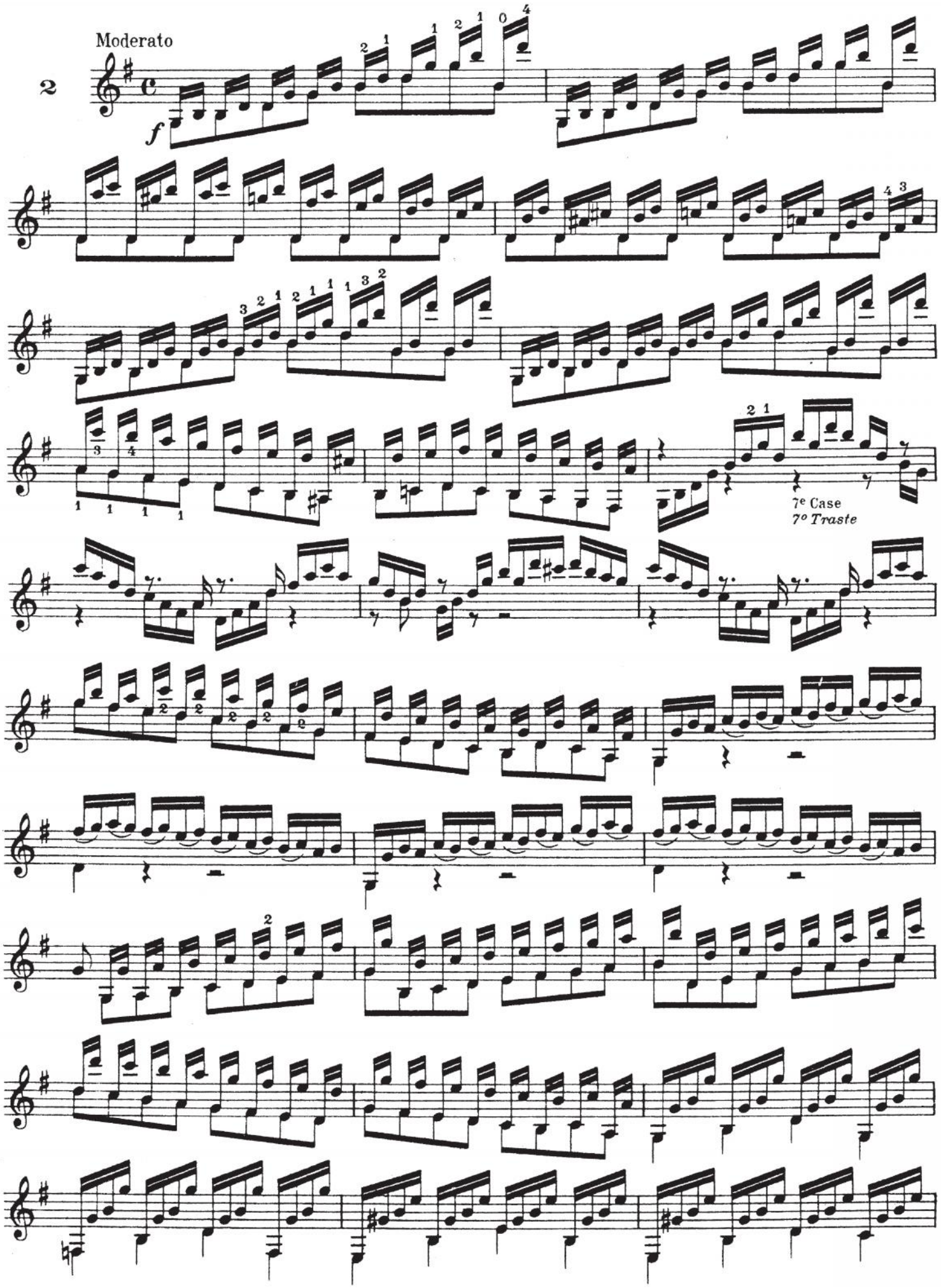
Moderato
2
f
7e Case
7º Traste

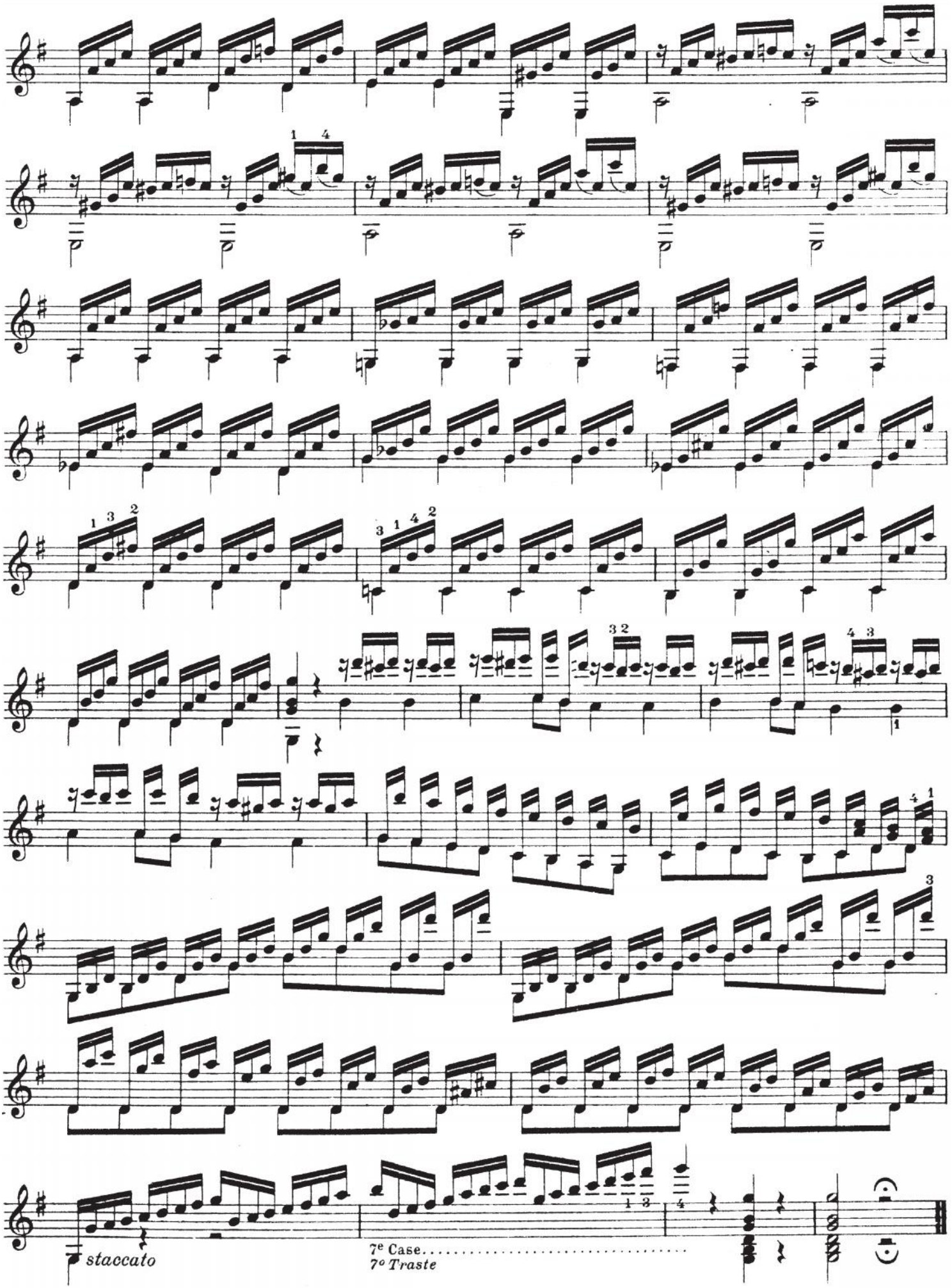
staccato
7e Case
7o Traste

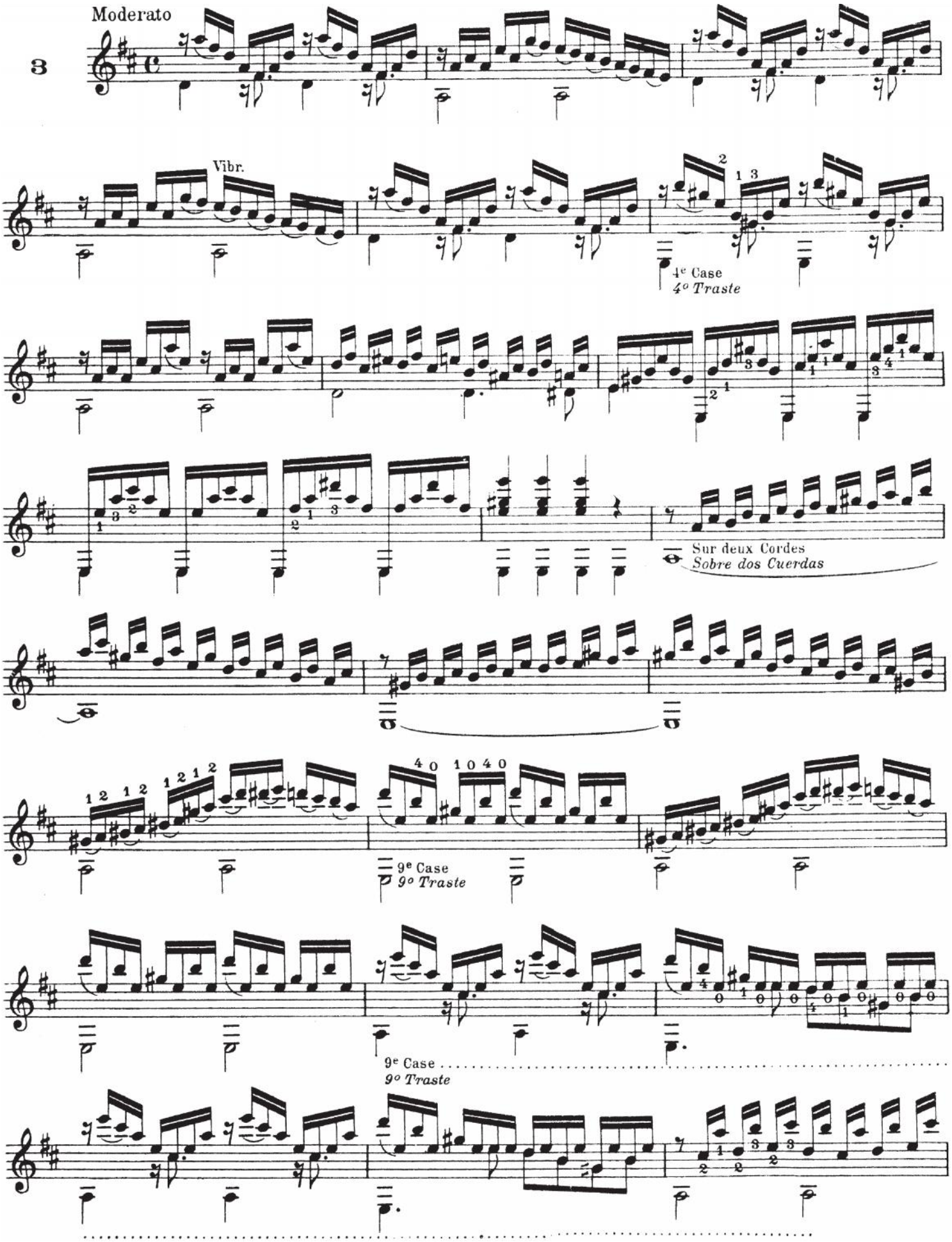
Moderato
3
Vibr.
4e Case
4º Traste
Sur deux Cordes
Sobre dos Cuerdas
9e Case
9º Traste
9e Case
9º Traste

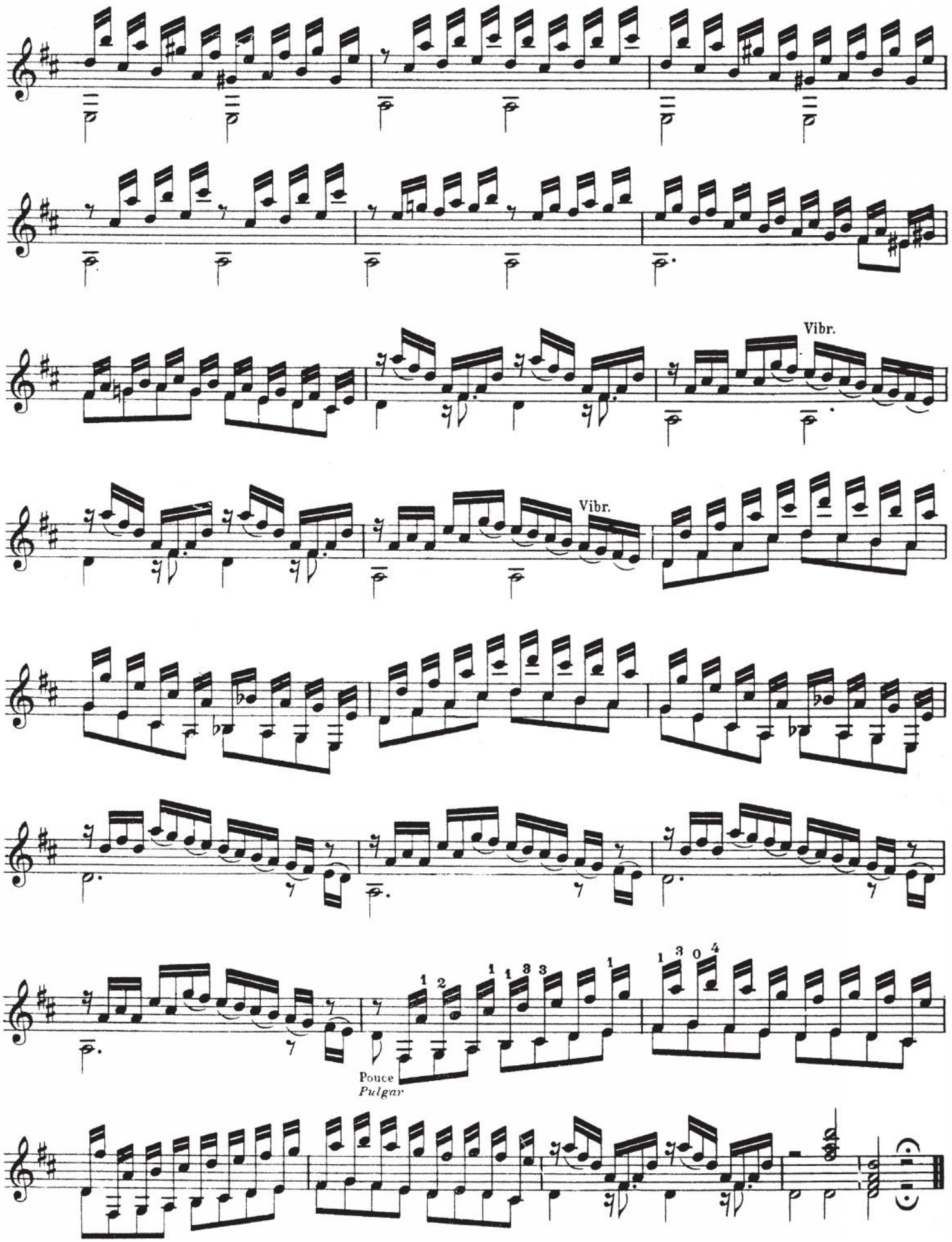
Vibr.
Vibr.
Pouce
Pulgar

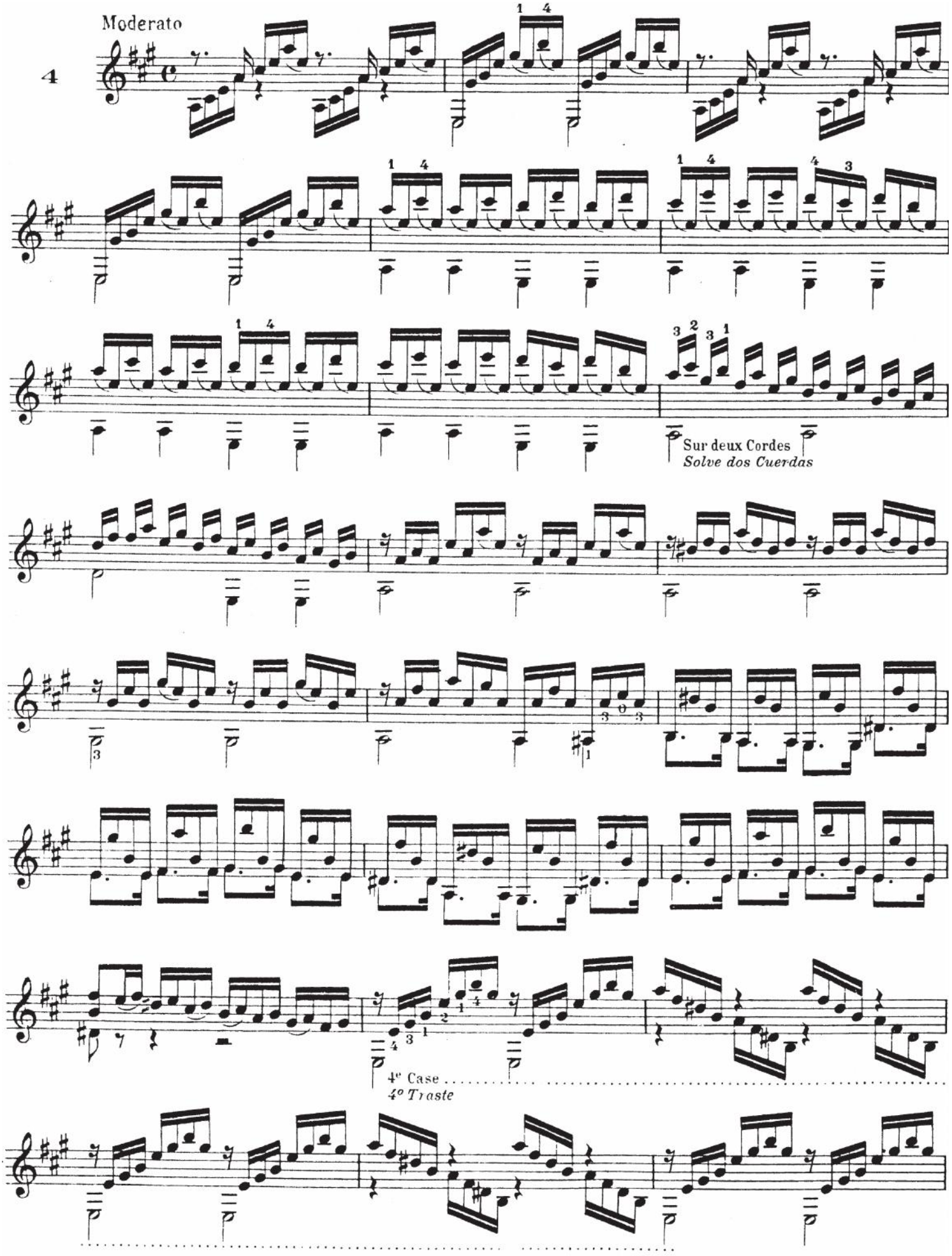
Moderato
4
Sur deux Cordes
Solve dos Cuerdas
4e Case
4º Traste

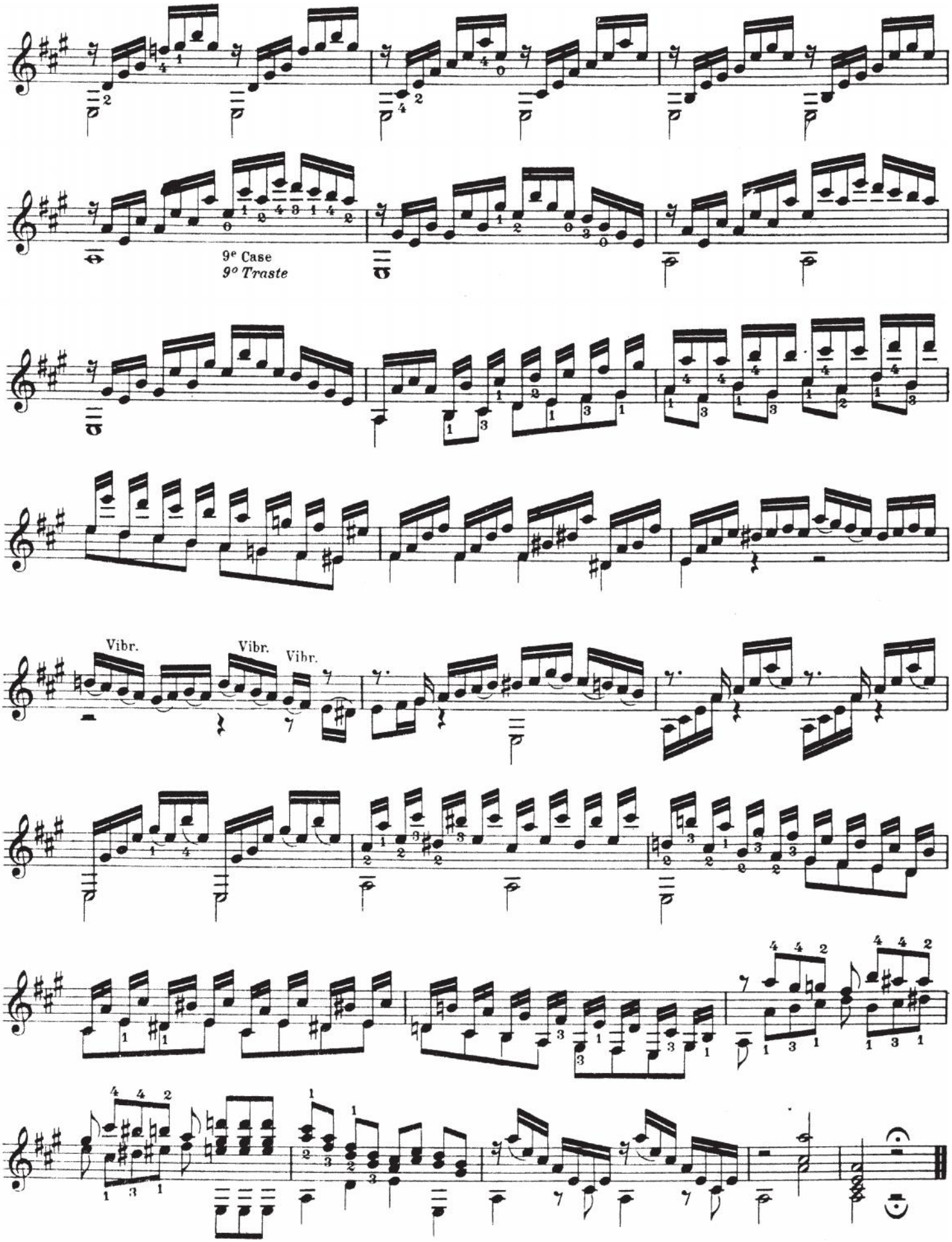
9e Case
9o Traste
Vibr.
Vibr.
Vibr.

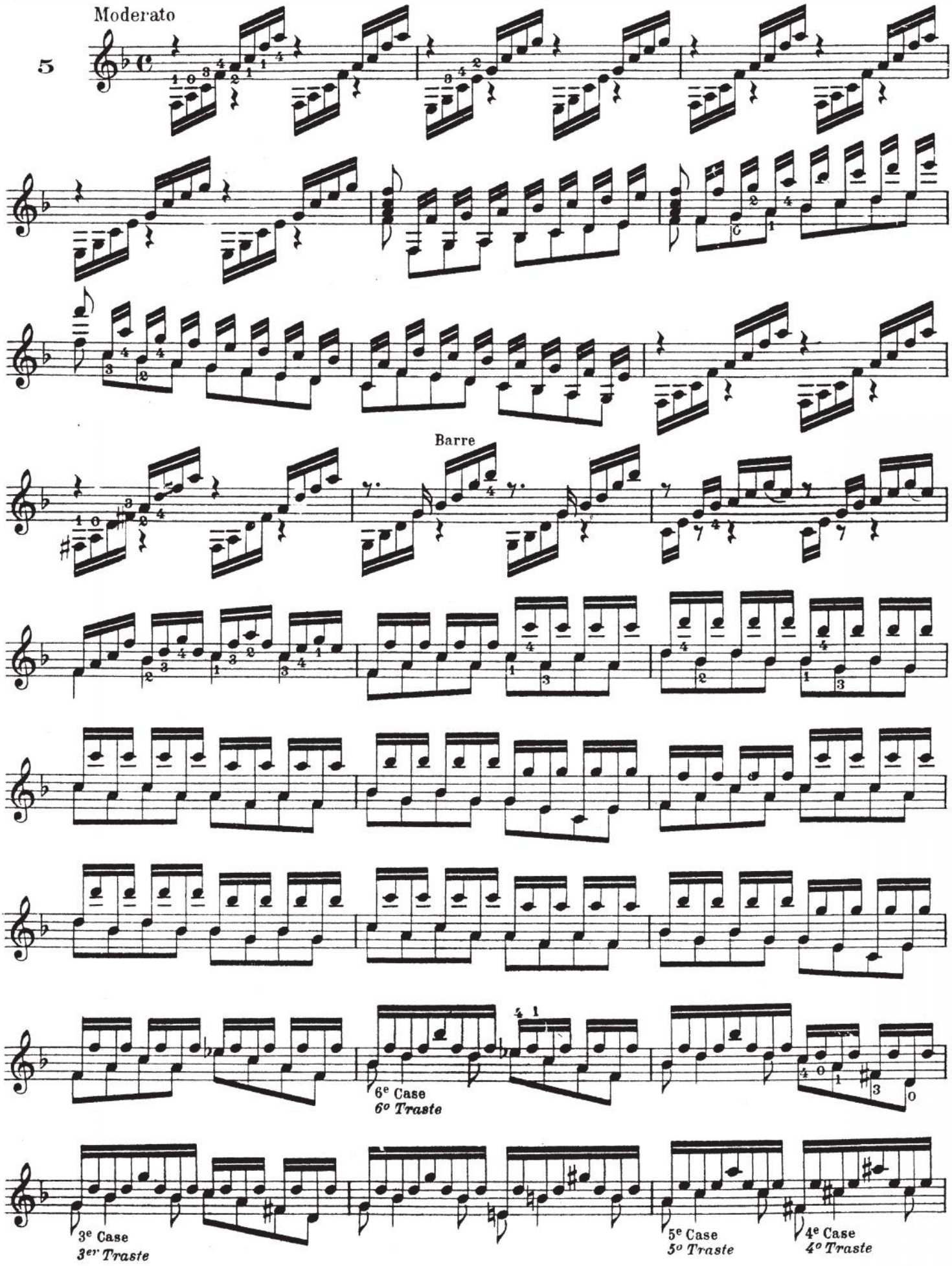
Moderato
5
Barre
6e Case
6o Traste
3e Case
3er Traste
5e Case
5o Traste
4e Case
4o Traste

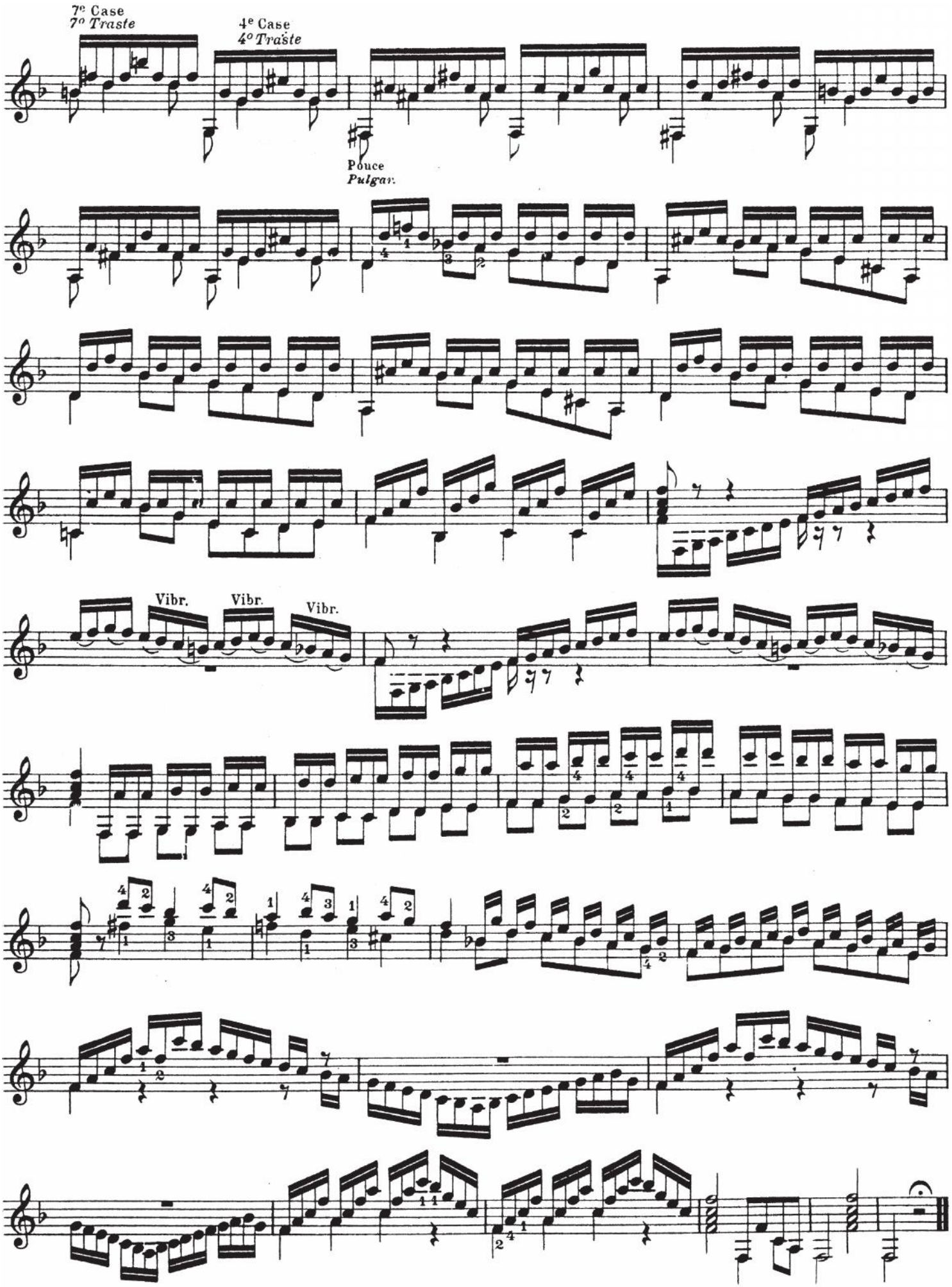
7e Case
7º Traste
4e Case
4º Traste
Pouce
Pulgar.
Vibr.
Vibr.
Vibr.

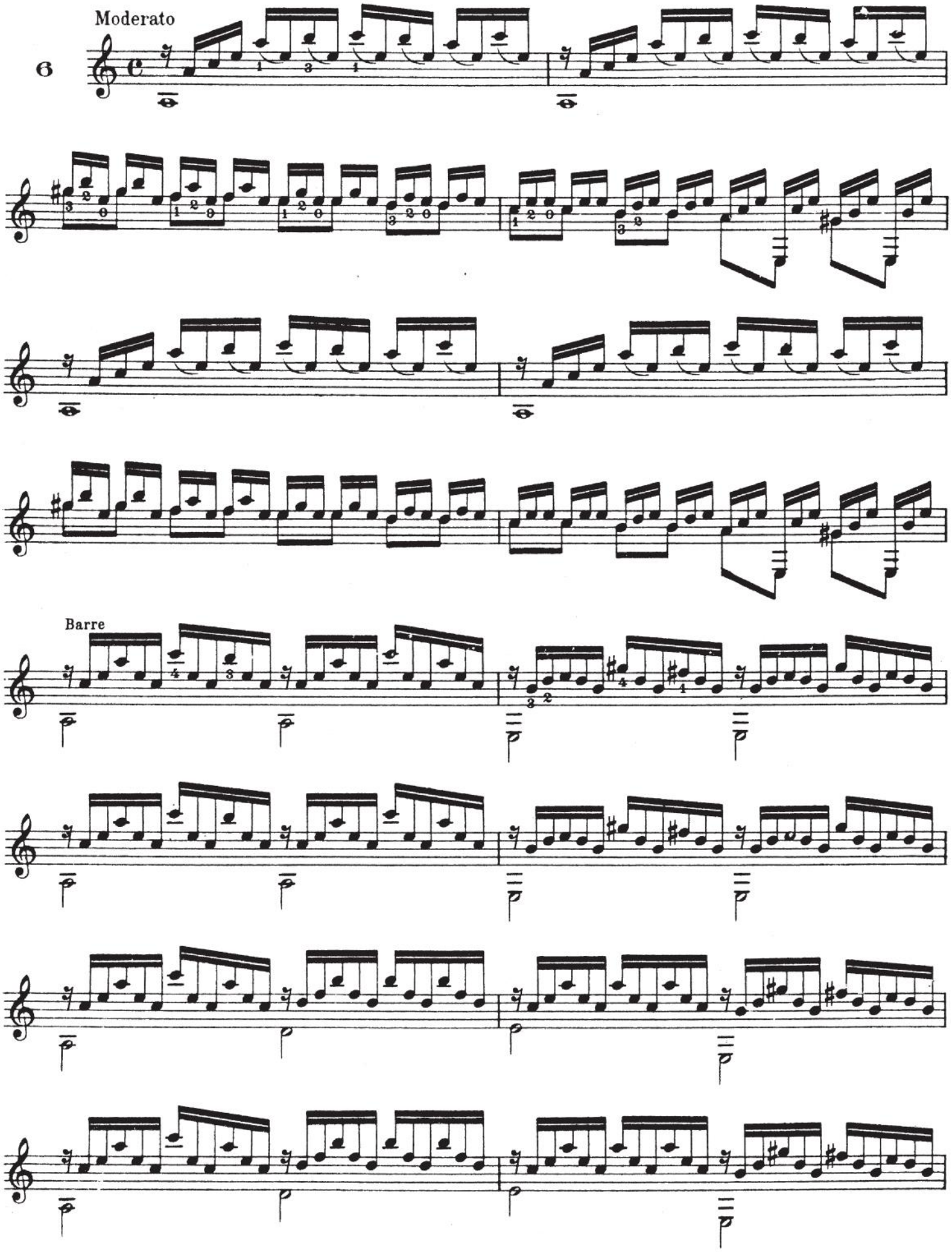
Moderato
6
Barre

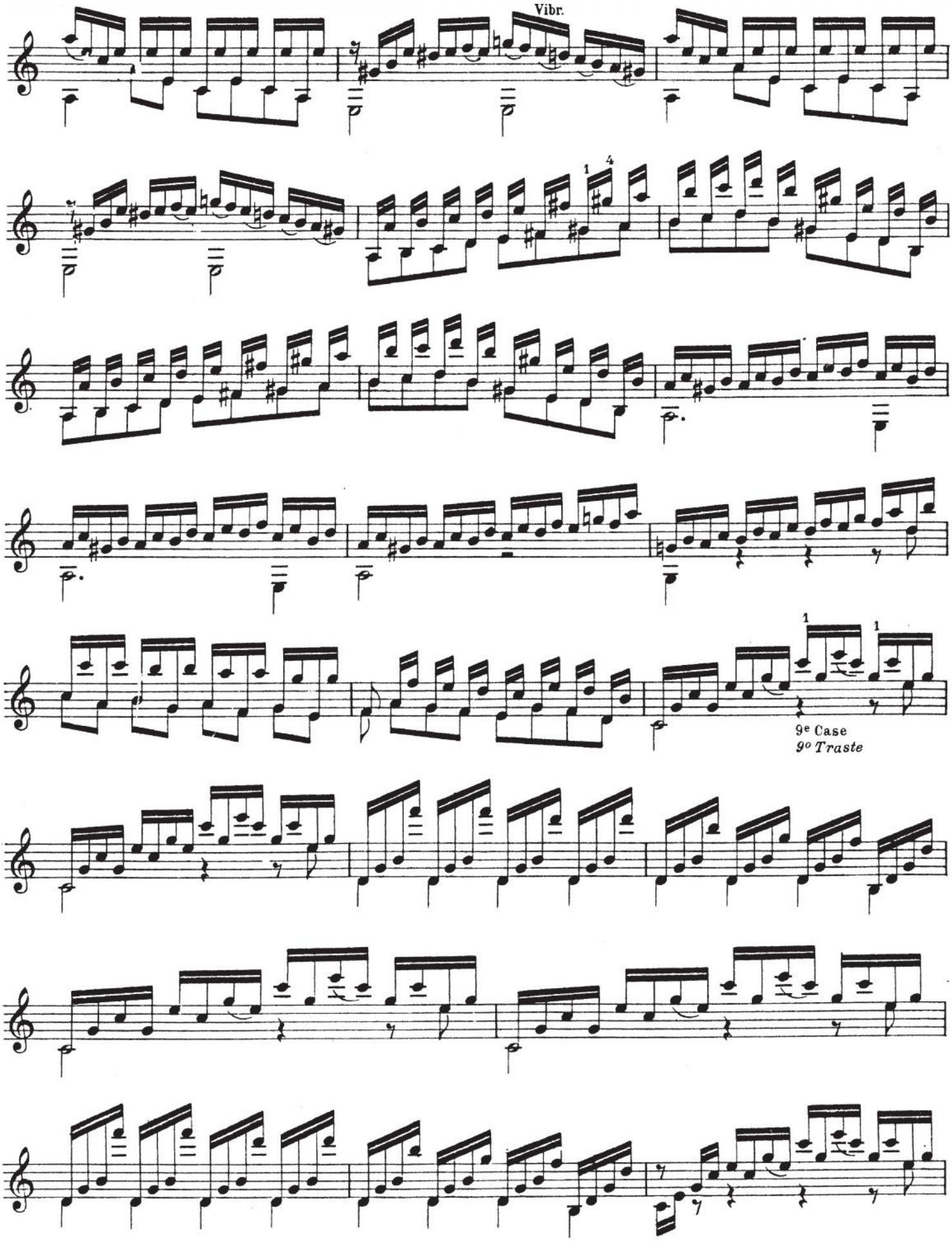
Vibr.
9e Case
9º Traste

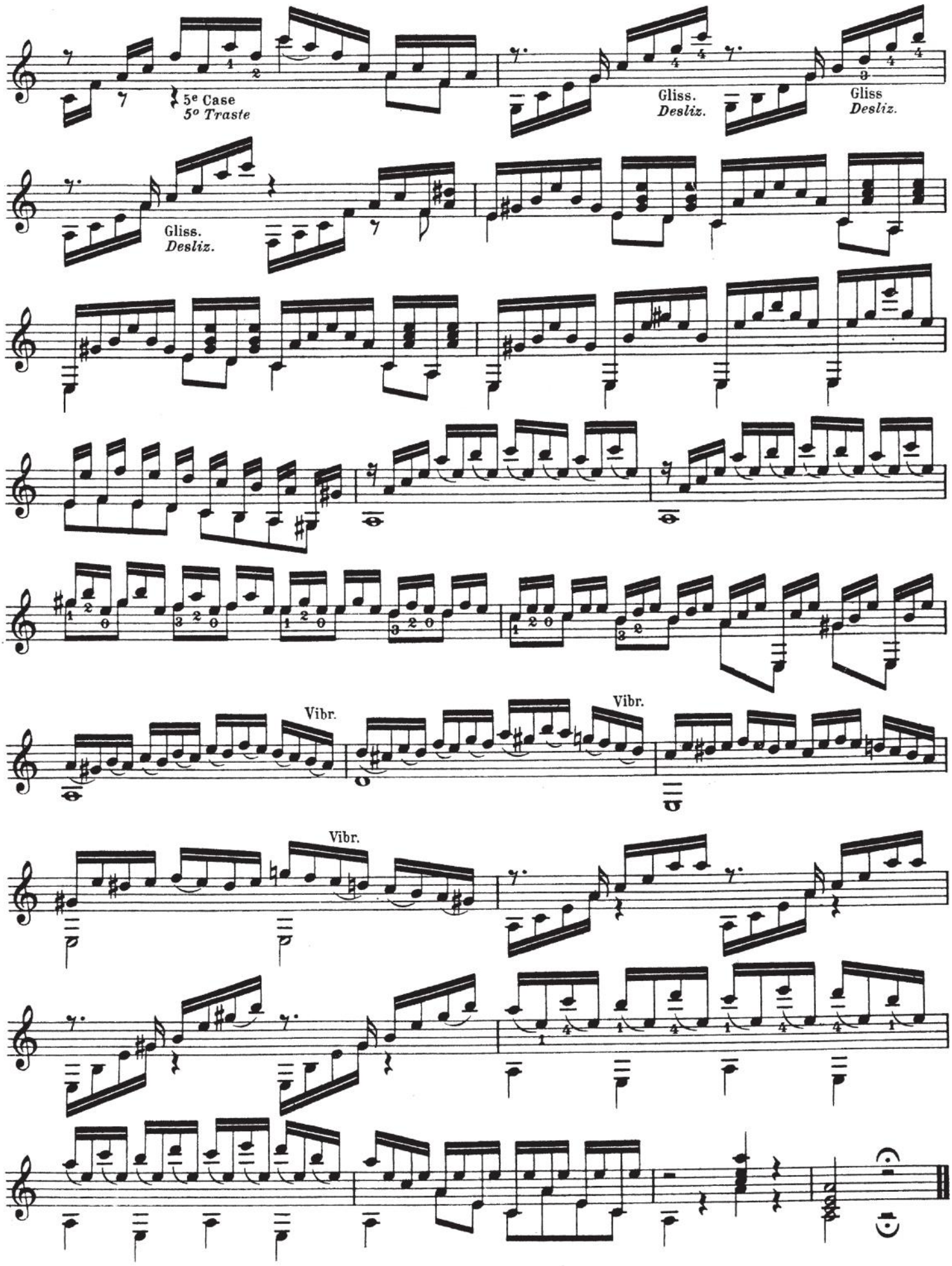
5e Case
5º Traste
Gliss.
Desliz.
Gliss.
Desliz.
Gliss
Desliz.
Vibr.
Vibr.
Vibr.